

THƯ MỤC QUỐC GIA THÁNG 12 NĂM 2025

THÔNG TIN HỌC VÀ TÁC PHẨM TỔNG QUÁT

1. Bùi Minh Thu. Cơ quan thông tấn quốc gia chủ lực đa phương tiện = The leading national multimedia news agency / B.s.: Bùi Minh Thu, Vương Mơ, Kiều Mạnh Hà. - H. : Thông tấn, 2025. - 67 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 3000b

ĐTTS ghi: Thông tấn xã Việt Nam s614889

2. Bùi Quốc Châu. Tâm ngôn Bùi Quốc Châu = Bui Quoc Chau's messages from the heart. - H. : Hồng Đức, 2025. - 463 tr. : ảnh ; 15 cm. - 210000đ. - 1000b s615728

3. Dấu ấn Tuổi trẻ trong tôi / Lê Tấn Thời, Lương Đình Khoa, Minh Nguyên... - H. : Thông tấn, 2025. - 307 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1500b s614885

4. Hà Minh Đức. Sự nghiệp báo chí của Hồ Chí Minh : Chuyên luận / Hà Minh Đức. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 191 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615294

5. Joseph Pulitzer : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Kim Seung Min ; Tranh: Kim Jun Wook ; Nguyễn Thị Lan Anh dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 181 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Who? Joseph Pulitzer s614711

6. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Quản trị dữ liệu, tài liệu lưu trữ trong bối cảnh phát triển chính phủ số ở Việt Nam / Vũ Đình Phong, Tạ Thị Nhật Lệ, Đỗ Hữu Khoa... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 573 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 200000đ. - 130b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục cuối mỗi bài s613710

7. Nguyễn Bá Khoản - Những khoảnh khắc lịch sử / Nguyễn Bá Khoản, Phạm Mai Hùng, Hoàng Kim Đáng... ; Diệu Ân b.s. - H. : Quân đội Nhân dân, 2025. - 200 tr. : ảnh ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b s614067

8. Những tác phẩm báo chí tiêu biểu đoạt giải báo chí quốc gia (2007 - 2025) : Kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21.6.1925 - 21.6.2025) / Hồ Quang Lợi, Mạnh Cường, Quang Thống... - H. : Quân đội nhân dân. - 24 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b

ĐTTS ghi: Tổng cục Chính trị. Báo Quân đội nhân dân

T.1. - 2025. - 400 tr. s614072

9. Những tác phẩm báo chí tiêu biểu đoạt giải báo chí quốc gia (2007 - 2025) : Kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21.6.1925 - 21.6.2025) / Nguyên Minh, Hồng Hải, Nguyễn Hoà... - H. : Quân đội nhân dân. - 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Tổng cục Chính trị. Báo Quân đội nhân dân

T.2. - 2025. - 400 tr. s614073

10. Phạm Hùng Hiệp. Từng bước thực hành phương pháp thư mục lượng để làm tổng quan tài liệu / Phạm Hùng Hiệp, Lương Đình Hải. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 191 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 309000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 176-182. - Phụ lục: tr. 183-189 s614087

TIN HỌC, TRI THỨC VÀ HỆ THỐNG

11. Bài tập thực hành Tin học 8 / Hà Đăng Cao Tùng, Hoàng Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 88 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 1000b s614256

12. Bài tập thực hành Tin học 9 / Hà Đăng Cao Tùng, Hoàng Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 91 tr. : hình vẽ, bảng ; 26 cm. - 48000đ. - 1000b s614257

13. Chuyên đề học tập Tin học 10 - Định hướng khoa học máy tính / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà (ch.b.), Lê Việt Thành, Trương Võ Hữu Thiên. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 9000b s613292

14. Chuyên đề học tập Tin học 10 - Định hướng tin học ứng dụng / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Đào Kiến Quốc (ch.b.), Dương Quỳnh Nga, Đặng Bích Việt. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 14000đ. - 13000b s613293

15. Chuyên đề học tập Tin học 12 - Định hướng khoa học máy tính / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà (ch.b.), Nguyễn Hoàng Hà, Lê Hữu Tôn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 16000đ. - 13000b s613294

16. Chuyên tin 11: Các chuyên đề chọn lọc với ngôn ngữ C++ : Lý thuyết, bài tập và lời giải / Nguyễn Xuân Huy. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 278 tr. ; 27 cm. - 310000đ. - 500b s613401

17. Dương Mạnh Hùng. 311 tình huống thường gặp trong Excel : Ứng dụng ngay vào thực tế của bạn / Dương Mạnh Hùng (ch.b.), Nguyễn Xuân Trường, Lại Văn Hiệp. - H. : Tài chính, 2025. - 272 tr. : bảng ; 27 cm. - 1500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Cao đẳng Công Thương Việt Nam. - Lưu hành nội bộ s613682

18. Dương Mạnh Hùng. Tự học MS Word từ cơ bản đến chuyên gia / Dương Mạnh Hùng (ch.b.), Lại Văn Hiệp. - H. : Tài chính, 2025. - 130 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 1500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Cao đẳng Công Thương Việt Nam. - Lưu hành nội bộ s613686

19. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học : Dành cho hệ đại học / Phan Văn Tâm, Lương Hải Yến (ch.b.), Trần Thị Thanh... - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 239 tr. : bảng ; 21 cm. - 48000đ. - 655b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát. - Phụ lục: tr. 201-234. - Thư mục: tr. 235 s614051

20. Hoàng Xuân Thảo. Giáo trình Tin học ứng dụng (Học phần I) : Những khái niệm cơ bản. Hệ điều hành Windows. Mạng máy tính, Internet, lưu trữ đám mây... / Hoàng Xuân Thảo. - H. : Tri thức, 2025. - 110 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 60000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Công nghệ Thông tin s614953

21. Hoàng Xuân Thảo. Giáo trình Trí tuệ nhân tạo AI (Học phần II) : Từ trí tuệ con người đến trí tuệ máy. Ứng dụng AI / Hoàng Xuân Thảo. - H. : Tri thức, 2025. - 222 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 60000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Công nghệ thông tin. - Thư mục: tr. 220-221 s614954

22. Hồ Tiến Nghị. Trí tuệ là vô tận / Hồ Tiến Nghị. - H. : Thông tấn, 2025. - 147 tr. ; 21 cm. - 200b s614857

23. IPv6 toàn tập - Làm chủ giao thức internet thế hệ mới / B.s.: Nguyễn Văn Bình (ch.b.), Nguyễn Trường Giang, Hoàng Xuân Hiếu... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 206 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Khoa học và Công nghệ. Trung tâm Internet Việt Nam. - Phụ lục: tr. 205-206. - Thư mục cuối chính văn s613400

24. Kỷ yếu Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học HUTECH 2025 : Tuyển chọn các bài viết / Trần Công Toại, Nguyễn Thanh Đăng, Nguyễn Ngọc Chiến... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 530 tr. : minh họa ; 30 cm. - 12b

ĐTTS ghi: Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s613578

25. Lương Anh Vũ. Lập trình AI cho người mới bắt đầu : Để không bỏ lỡ xu thế của thời đại / Lương Anh Vũ, Tạ Văn Dũng. - H. : Dân trí, 2025. - 303 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 800b

Phụ lục: tr. 300-302. - Thư mục: tr. 303 s615000

26. Mĩ thuật 11 - Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.), Nguyễn Hữu Phần. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 6000b s613370

27. 100 bí ẩn đáng kinh ngạc về số, máy tính & mã hóa = 100 things to know about numbers, computers & coding : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Alice James, Eddie Reynolds, Minna Lacey... ; Minh họa: Federico Mariani... ; Thu Trang dịch. - In lần thứ 6. - H. : Thế giới, 2025. - 128 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 100000đ. - 1000b s614320

28. Nguyễn Công Nhật. Giáo trình Ngôn ngữ lập trình Python : Dùng cho đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Tin học / Nguyễn Công Nhật (ch.b.), Trần Xuân Hào, Trần Thị Kim Oanh. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 238 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 180000đ. - 250b

Thư mục: tr. 238 s613448

29. Nguyễn Đức Nghĩa. Cấu trúc dữ liệu và thuật toán / Nguyễn Đức Nghĩa. - Xuất bản lần thứ 6. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 367 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 152000đ. - 400b

Thư mục: tr. 361. - Phụ lục: tr. 362-367 s614911

30. Nguyễn Thị Minh Loan. Coursebook writing about visual data / Nguyễn Thị Minh Loan. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2025. - 164 p. : ill. ; 24 cm. - 150000đ. - 30 copies Bibliogr.: p. 164 s613860

31. Nguyễn Trường Thành. Hệ thống DNS : Kiến thức, quản trị, tối ưu, đảm bảo an toàn & ứng dụng công nghệ mới / B.s.: Nguyễn Trường Thành, Nguyễn Văn Trí. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Khoa học và Công nghệ. Trung tâm Internet Việt Nam. - Thư mục: tr. 172 s613399

32. Proceedings of the scientific research competition for DAV English-majored students 2024 - 2025 = Kỷ yếu cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp khoa cho sinh viên hệ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Anh năm học 2024 - 2025 / Lê Thanh Mai, Trần Tiểu Linh, Trần Nam Hương... - H. : Lao động, 2025. - 363 p. : ill. ; 30 cm. - 100 copies

At head of title: Diplomatic Academy of Vietnam. English Faculty. - Bibliogr. at the end of the paper s613972

33. Sổ tay 250 phím tắt tin học văn phòng : x3 hiệu suất công việc / Unica. - H. : Lao động, 2025. - 23 tr. : bảng ; 21 cm. - 60000đ. - 10000b s614424

34. Tin học 7 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 260000b s613282

35. Tin học 7 / Quách Tất Kiên (tổng ch.b.), Phạm Duy Phượng Chi, Quách Tất Hoàn, Hồ Thị Hồng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 117000b s613275

36. Tin học 8 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 295000b s613283

37. Tin học 8 / Quách Tất Kiên (tổng ch.b.), Hồ Thị Hồng, Quách Tất Hoàn... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 14000đ. - 128000b s613276

38. Tin học 9 / Quách Tất Kiên (tổng ch.b.), Cổ Tôn Minh Đăng, Hồ Thị Hồng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11000đ. - 105000b s613277

39. Tin học 10 / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Đào Kiến Quốc (ch.b.), Bùi Việt Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 168 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 167017b s613284

40. Tin học 11 - Định hướng tin học ứng dụng / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 152 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 143724b s613285

41. Tin học 12 - Định hướng khoa học máy tính / Hoàng Văn Kiếm (tổng ch.b.), Đinh Thị Thu Hương, Ngô Quốc Việt (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 196 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 270000đ. - 8000b s613279

42. Tin học 12 - Định hướng khoa học máy tính / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 164 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 22000đ. - 28000b s613287

43. Tin học 12 - Định hướng tin học ứng dụng / Hoàng Văn Kiếm (tổng ch.b.), Đinh Thị Thu Hương, Ngô Quốc Việt (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 196 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 25800đ. - 43000b s613278

44. Tin học 12 - Định hướng tin học ứng dụng / Phạm Thế Long (tổng ch.b.), Bùi Việt Hà, Đào Kiến Quốc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 156 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 21000đ. - 142044b s613286

45. Tin học cơ bản : Dành cho sinh viên Công nghệ thông tin, Sư phạm Tin học / Phạm Quốc Thắng, Hoàng Thị Lam, Nguyễn Thị Thanh Hà... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 327 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 168000đ. - 30b s614094

46. Tổng Thành Thống. Giáo trình Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính / Tổng Thành Thống (ch.b.), Nguyễn Minh Quyền, Chung Thanh Hùng. - H. : Lao động, 2025. - 212 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ. - Thư mục: tr. 211 s614405

47. Tổng Thành Thống. Giáo trình Mạng máy tính / Tổng Thành Thống ch.b. - H. : Lao động, 2025. - 186 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ. - Thư mục cuối chính văn s614403

48. Tớ đến với lập trình Scratchjr - Tập vẽ và thiết kế : 6+ / Lời: Tracy Gardner, Elbrie de Kock ; Minh họa: Hannah Marks ; Nam Hoàng dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 31 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 55000đ. - 1000b s615111

49. Trần Công Hùng. Kiến trúc máy tính / Trần Công Hùng. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 195 tr. : minh họa ; 27 cm. - 120000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn. - Phụ lục: tr. 167-195. - Thư mục cuối chính văn s613402

50. Trần Đan Thu. Phương pháp lập trình hướng đối tượng : Phiên bản 2025 / Trần Đan Thu, Đinh Bá Tiến, Nguyễn Tấn Trần Minh Khang. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 401 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 97000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 399 s614235

51. Trần Minh Phụng. Data Analysis - Nghệ thuật phân tích & trình diễn biểu đồ dữ liệu / Trần Minh Phụng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 168 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Tủ sách Ra khơi). - 298000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 163-164 s614555

52. Tùng Lâm. Cẩm nang ChatGPT bí kíp "Hỏi hay, đáp đỉnh" / Tùng Lâm. - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 146 tr. : minh họa ; 19 cm. - 168000đ. - 500b s615805

53. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tin học 6 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Phạm Thị Lan, Hoàng Thị Mai, Kiều Phương Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 39000đ. - 3000b s613295

54. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tin học 7 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Phạm Thị Lan, Hoàng Thị Mai, Kiều Phương Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 39000đ. - 3000b s613296

55. Vở bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực Tin học 8 : Sử dụng cho SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo / Hà Đăng Cao Tùng (ch.b.), Phạm Thị Lan, Hoàng Thị Mai, Kiều Phương Thủy. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - 43000đ. - 3000b s613297

56. Vở thực hành Tin học 6 / Hà Đăng Cao Tùng, Nguyễn Hải Châu, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 3000b s613288

57. Vở thực hành Tin học 7 / Hà Đăng Cao Tùng, Nguyễn Hải Châu, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 30000đ. - 2000b s613289

58. Vở thực hành Tin học 8 / Hà Đăng Cao Tùng, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 38000đ. - 3000b s613290

59. Vở thực hành Tin học 9 / Hà Đăng Cao Tùng, Nguyễn Hải Châu, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 36000đ. - 3000b s613291

TRIẾT HỌC

60. Anne, Chris. The light seer's tarot : Sách hướng dẫn / Chris Anne ; Lam dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 224 tr. ; 11 cm. - 250000đ. - 3000b s615780

61. Antoninus, Marcus Aurelius. Suy tưởng / Marcus Aurelius Antoninus ; Tiết Hùng Thái dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Tri thức, 2025. - 386 tr. ; 20 cm. - (Tủ sách Tinh hoa tri thức thế giới). - 190000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Meditations s614949

62. 7 thói quen hiệu quả cho bạn trẻ - Làm chủ cuộc sống : Sách hướng dẫn / FranklinCovey Education. - H. : Hồng Đức, 2025. - 150 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 5000b s613660

63. Bình pháp ái tình : Làm chủ nghệ thuật quyến rũ / Hạnh phúc 360. - H. : Lao động, 2025. - 223 tr. : hình vẽ, ảnh ; 23 cm. - 162000đ. - 10000b s614462

64. Carnegie, Dale. Đắc nhân tâm = How to win friends & influence people / Dale Carnegie ; Lê La Lan biên dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 303 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b s614563

65. Cho lòng dũng cảm và tình yêu cuộc sống / First News tổng hợp, thực hiện. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 151 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn; T.1). - 76000đ. - 2000b s614016

66. Công ty dọn dẹp hiện trường án mạng / Cleaning Pioneer Company ; Hải Lân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 178 tr. : ảnh ; 19 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 命案現場清潔公司 s615763

67. Curran, Thomas. Bẫy hoàn hảo = The perfection trap : Sức mạnh của vừa đủ trong một thế giới đòi hỏi không ngừng / Thomas Curran ; Thục Đức dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 401 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 2000b s614839

68. Dass, Ram. Triết lý nhân sinh : Thực hành chánh niệm để buông bỏ bản ngã, thức tỉnh tâm trí và hướng tới giác ngộ / Ram Dass ; Eve La Lune dịch. - H. : Lao động, 2025. - 339 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Huyền học). - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Be here now s614370

69. David, Poppy. Cẩm nang về phép thuật : Dành cho lứa tuổi 8+ / Poppy David b.s. ; Minh họa: Jessica Roux ; Myriam dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 61 tr. : tranh màu ; 26x30 cm. - 180000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: A natural history of magick s614830

70. ĐQT. Thuật chinh phục : Chinh phục mọi cô gái / ĐQT. - H. : Tri thức, 2025. - 170 tr. ; 21 cm. - 249000đ. - 2000b s614952

71. Fung Yu Lan. Lịch sử triết học Trung Hoa = A short history of Chinese philosophy : Một biên niên sử về tư tưởng và triết học Trung Hoa từ cổ đại đến hiện đại / Fung Yu Lan ; Bùi Thanh Châu dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 468 tr. ; 22 cm. - 320000đ. - 1000b s615027

72. Gia huấn ca / Nguyễn Bình Khiêm, Chu Ngọc Chi, Trần Tuấn Khải... ; Tuyển chọn, giới thiệu: Lê Thị Thúy Quỳnh, Vũ Quang Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

Q.1. - 2024. - 487 tr. s615213

73. Gia huấn ca / Lý Văn Phức, Đào Bá Đoan, Bằng Mai Nguyễn Bá Giao... ; Tuyển chọn, giới thiệu: Lê Thị Thúy Quỳnh, Vũ Quang Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

Q.2. - 2025. - 487 tr. s615214

74. Giáo trình Logic học đại cương : Dành cho hệ đại học / Cao Minh Công, Trương Quốc Chính (ch.b.), Trương Quỳnh Hoa... - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 263 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 48000đ. - 805b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát. - Thư mục: tr. 261 s614052

75. Giáo trình Tâm lý - Đạo đức y học / Lương Minh Cừ, Vương Bảo Thy (ch.b.), Mai Nguyệt Thu Hồng... - Tái bản lần thứ 1. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - iv, 157 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 125000đ. - 200b

Thư mục: tr. 157 s615138

76. Giáo trình Tâm lý học đại cương / Huỳnh Văn Sơn, Lê Thị Hân (ch.b.), Trần Thị Thu Mai, Nguyễn Thị Uyên Thy. - Tái bản lần 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 227 tr. : minh họa ; 24 cm. - 90000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 225-227 s615713

77. Góc nhìn diệu kỳ của cuộc sống / First News tổng hợp. - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 151 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn; T.14). - 76000đ. - 1000b s614018

78. Graham, Sasha. Dark wood tarot : Sách hướng dẫn / Sasha Graham ; Minh họa: Abigail Larson ; Vân Anh dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 350 tr. ; 16 cm. - 360000đ. - 2000b s615784

79. Grant, Adam. Biện tiềm năng thành tài năng / Adam Grant ; Vũ Lập Nhật dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 333 tr. : minh họa ; 24 cm. - 180000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Hidden potential : The science of achieving greater things s615042

80. Hà Yên. Không ganh tị : 3+ / Hà Yên b.s. ; Minh họa: Ngọc Huyền. - In lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu). - 30000đ. - 3000b s615855

81. Hawkins, David R. Bản chất của ý thức : Giải mã quy luật vũ trụ, thức tỉnh tâm trí, thấu hiểu bản ngã để tìm về bình yên nội tại / David R. Hawkins ; Hoa Nguyễn Ngọc dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 352 tr. ; 19 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Daily reflections from Dr. David R. Hawkins s615736

82. Hay, Louise L. Tin vào chính mình : Sức mạnh của sự tự khẳng định = I can do it : How to use affirmations to change your life / Louise L. Hay ; Nguyễn Văn Ý dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 3000b s614024

83. Hiểu hết về tâm lý học = How psychology works : Tâm lý học ứng dụng - Giải thích trực quan / Jo Hemmings, Catherine Collin, Joannah Ginsburg Ganz... ; Trần Trương Phúc Hạnh dịch ; Phương Hoài Nga h.đ. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 255 tr. : minh họa ; 23 cm. - 355000đ. - 1500b s614876

84. Hiếu kinh = 孝经 / Cẩn Nhân dịch, chú thích. - H. : Hồng Đức, 2025. - 112 tr. ; 20 cm. - 80000đ. - 1000b s614572

85. Hiroko Mizushima. Hiểu về sự nhạy cảm / Hiroko Mizushima ; Hương Bùi dịch. - H. : Lao động, 2025. - 150 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: つい感情的になってしまおう」あなたへ」(水島「子 s614385

86. Hoàng Nhật Minh. Đọc vị đàn ông qua những điều không nói : Hiểu tâm lý đàn ông qua hành vi - thái độ - cử chỉ : Sách tâm lý / Hoàng Nhật Minh b.s. - H. : Lao động, 2025. - 219 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 23 cm. - (Hạnh phúc 360). - 162000đ. - 10000b s614151

87. Huỳnh Minh Thiện. Bức tranh cuộc đời / Huỳnh Minh Thiện. - H. : Lao động, 2025. - 387 tr. ; 21 cm. - 239000đ. - 1000b s614421

88. Immanuel Kant : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Kim Sung Hoon ; Tranh: Lee Jong Won ; Nguyễn Thị Hồng Hà dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 185 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Who? Immanuel Kant s614706

89. Jung, Carl Gustav. Hồi ức, giấc mơ, suy ngẫm / Carl Gustav Jung ; Ghi âm: Aniela Jaffé ; Chuyên ngữ sang tiếng Anh: Richard, Clara Winston ; Vũ Hoàng Linh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 527 tr. ; 24 cm. - 345000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Memories, Dreams, Reflections s614845

90. Kahneman, Daniel. Tư duy nhanh và chậm = Thinking, fast and slow : Nên hay không nên tin vào trực giác? / Daniel Kahneman ; Dịch: Hương Lan, Xuân Thanh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 578 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 179000đ. - 3000b s614865

91. Kahneman, Daniel. Tư duy nhanh và chậm : Nên hay không nên tin vào trực giác? / Daniel Kahneman ; Dịch: Hương Lan, Xuân Thanh. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Thế giới, 2025. - 611 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 379000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Thinking, fast and slow s614313

92. Kiểm chế cơn tức giận = Mad, frustrated and sad, oh no! Calm down! : Sách kỹ năng - song ngữ cho tuổi mẫu giáo lớn & đầu tiểu học / Jennifer Moore-Mallinos, Gustavo Mazali ; Khánh Nguyên biên dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 60000đ. - 1500b s614322

93. Kiên trì không bỏ cuộc = I can do it! You can do it! We can do it too! : Sách kỹ năng - song ngữ cho tuổi mẫu giáo lớn & đầu tiểu học / Jennifer Moore-Mallinos, Gustavo Mazali ; Khánh Nguyên biên dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 60000đ. - 1500b s614323

94. Kim Da Seul. Báu vật mang tên "tôi" / Kim Da Seul ; Hoa Hoa dịch. - H. : Lao động, 2025. - 231 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 열번잘해도한번실수로무너지는게관계다 s614441

95. Kiser, Karin. Sống đời tỉnh thức : 12 chiến lược thoát khỏi vòng lặp cuộc sống và kết nối với trực giác / Karin Kiser ; Eve La Line dịch. - H. : Thế Giới, 2025. - 151 tr. ; 19 cm. - 109000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Unplug your robot: The secret to lasting happiness s615764

96. Kleinman, Paul. Tâm lý học 101 : Những kiến thức cơ bản, sự thật thú vị, các bài kiểm tra tâm lý và hơn thế nữa! / Paul Kleinman ; Hoàng Đông Hoan dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 334 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 149000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Psych 101: Psychology facts, basics, statistics, tests, and more! s614289

97. Leaf, Caroline. 101 cách giảm stress : Những chiến lược tự chữa lành đơn giản, tăng cường tâm trí, tâm trạng và sức khỏe tinh thần / Caroline Leaf ; Lê Thu Thảo dịch. - H. : Lao động, 2025. - 239 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 129000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: 101 ways to be less stressed s614367

98. Lê Bình Phương. Bạn sống cho ai? : Hành trình khám phá bản thân và tìm lại cuộc sống cho chính mình / Lê Bình Phương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 254 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 24 cm. - 198000đ. - 1000b s614010

99. Lê Minh Huân. Càng hiểu càng thương / Lê Minh Huân, Lưu Đình Long. - H. : Dân trí, 2025. - 197 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 1500b s615011

100. Lê Nhật Nam. Học tỉnh trong một thế giới ồn ào / Lê Nhật Nam. - H. : Dân trí, 2025. - 193 tr. ; 21 cm. - 96000đ. - 1500b s615020

101. Lê Thị Nam An. Đạo đức học / Lê Thị Nam An (ch.b.), Trần Viết Quang. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 299 tr. ; 21 cm. - 191000đ. - 500b
Thư mục cuối chính văn s614624

102. Lily Trương. Tôi thích đáng về nỗ lực của chính mình = A diary of silent effort : Bản song ngữ Việt - Anh / Lily Trương ; Thanh Vân (MiniVan) dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 199 tr. ; 20 cm. - 99000đ. - 1500b s614023

103. Liu Yong. Học cách hoàn thiện bản thân : Dành cho lứa tuổi 10+ / Liu Yong ; Thanh Uyên dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2025. - 163 tr. ; 21 cm. - (Kĩ năng vàng cho học sinh trung học). - 40000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Make more progress everyday s614677

104. Lưu Nguyễn Đào Nguyên. Thiên lý học & thuyết lượng tử thông tin : Giải mã số mệnh và các bí ẩn tâm linh / Lưu Nguyễn Đào Nguyên. - H. : Thế giới, 2025. - 157 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 80000đ. - 2000b s614854

105. LyLy. Hồng gai nở muộn : Hành trình từ cô bé tổn thương đến người thấp lùn hạnh phúc / LyLy. - H. : Lao động, 2025. - 221 tr. ; 21 cm. - 186000đ. - 1000b s614400

106. McRaney, David. Bạn đỡ ngu ngơ rồi đấy / David McRaney ; Voldy dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 383 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: You are now less dumb. - Thư mục: tr. 360-383 s614868

107. McRaney, David. Bạn không thông minh lắm đâu : Tại sao bạn lại có nhiều bạn bè trên Facebook, hầu hết ký ức của bạn đều là giả, và 46 cách khác nhau bạn đang sử dụng để tự đánh lừa bản thân mình / David McRaney ; Voldy dịch ; Nguyễn Hằng Nga h.đ. - Tái bản lần 1. - H. : Thế giới, 2025. - 409 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: You are not so smart s614869

108. Miêu Công Tử. 999 lá thư gửi cho chính mình : Phiên bản tô chữ tiếng Trung / Miêu Công Tử ; Quỳnh Nhi dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 69000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 愿你成为最好的自己:写给自己的999封信

T.2. - 2025. - 103 tr. s614517

109. Minh Vũ. Bí mật của sự chân thật / Minh Vũ b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 99 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 79000đ. - 3000b s614594

110. Minh Vũ. Bí mật của sự hợp tác / Minh Vũ b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 106 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 79000đ. - 3000b s614596

111. Moody, Raymond A. Trở về sau cái chết = Life after life : Một nghiên cứu về trải nghiệm cận tử và ký ức linh hồn / Raymond A. Moody ; Rosie dịch. - H. : Lao động, 2025. - 199 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s614368

112. Mun Yohan. Đời của mình, phải tự vẽ cho xinh / Mun Yohan ; Hoa Hoa dịch. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 220 tr. ; 21 cm. - 115000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Hàn: 나는 왜 나를 함부로 대할까; Tên sách tiếng Anh: Why do I treat myself cruelly s614382

113. Murphy, Joseph. Luật hấp dẫn tiền bạc : Cách thu hút sự giàu có và thịnh vượng / Joseph Murphy ; Song Hạo dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 95 tr. ; 18 cm. - 99000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: How to attract money s615772

114. Ngô Thiệu Bình. Câu chuyện hiếu đạo / Ngô Thiệu Bình ; Dịch: Thích Chơn Tánh, Thích Nữ Tuệ Tâm. - H. : Dân trí, 2025. - 183 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 155000đ. - 2000b s615078

115. Nguyễn Đình Tuấn. Mật pháp động thổ, xây nhà 2026 : Sách tham khảo / Nguyễn Đình Tuấn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 421 tr. : minh họa ; 24 cm. - 450000đ. - 5000b s614587

116. Nguyễn Hiến Lê. Kinh Dịch - Đạo của người quân tử / Nguyễn Hiến Lê. - H. : Hồng Đức, 2025. - 509 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 288000đ. - 2000b
Phụ lục trong chính văn s614583

117. Nguyễn Quang Hưng. Chủ nghĩa duy tâm Đức (từ I. Kant tới G.W.F. Hegel) / Nguyễn Quang Hưng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 467 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 220000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn s614088

118. Nguyễn Tấn Hùng. Thông diễn học - Lý luận và vận dụng / Nguyễn Tấn Hùng. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 390 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 100b
Thư mục: tr. 381-390 s614189

119. Nguyễn Thanh Mỹ. Người ngoài khung - thiền giữa đời thường / Nguyễn Thanh Mỹ. - H. : Thế giới, 2025. - 290 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 5000b s614833

120. Nhân Tâm. Lịch âm - dương vạn sự như ý năm Bính Ngọ 2026 : Sách tham khảo / Nhân Tâm. - H. : Hồng Đức, 2025. - 96 tr. : bảng ; 21 cm. - 35000đ. - 5000b s614560

121. Nhân Tâm. 12 con giáp và ý nghĩa dân gian năm Bính Ngọ 2026 : Sách tham khảo / Nhân Tâm. - H. : Hồng Đức, 2025. - 144 tr. : bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s614615

122. Nhân Tâm. Ngày lành tháng tốt vạn sự cát tường năm Bính Ngọ 2026 : Sách tham khảo / Nhân Tâm. - H. : Hồng Đức, 2025. - 144 tr. : bảng ; 21 cm. - 50000đ. - 5000b s614561

123. Phạm Văn Điển. Giá trị thực sự của bản thân / Phạm Văn Điển. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 148 tr. ; 19 cm. - 85000đ. - 2000b s615734

124. Phan Hồ Điệp. Kỹ năng giải quyết vấn đề để trở thành đứa trẻ có EQ "cao" ngoài xã hội : Phiên bản đặc biệt : 5 - 11 tuổi / Phan Hồ Điệp ch.b. - H. : Lao động, 2025. - 83 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Phát triển trí thông minh cảm xúc EQ). - 215000đ. - 5000b s614153

125. Pollack, Rachel. Khu rừng linh hồn: Hành trình tỉnh thức cùng Tarot / Rachel Pollack ; Lam dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 414 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 168000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: A walk through the forest of souls: A tarot journey to spiritual awakening s614844

126. Rann. Mystical manga tarot : Sách hướng dẫn / Rann, Barbara Moore ; Vân Anh dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 193 tr. : hình vẽ ; 16 cm. - 320000đ. - 3000b
Phụ lục: tr. 171-193 s615785

127. Rovira, Alex. Bí mật của may mắn = Good luck / Alex Rovira, Fernando Trías de Bes ; Dịch: Nguyễn Văn Phước, Khánh Thủy. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 158 tr. : ảnh ; 17 cm. - 45000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Tây Ban Nha: La buena suerte - Claves de la prosperidad s614078

128. Russell, Bertrand. Những tiểu luận triết học = Philosophical essays / Bertrand Russell ; Huỳnh Duy Thanh dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 289 tr. ; 20 cm. - (Tủ sách Kinh điển). - 130000đ. - 1000b s614927

129. Sau khi ta lớn, những nỗi đau có bé lại không? : Những đứa trẻ mang vết thương lòng / Bảo Hy, Nguyễn Mỹ Linh, Phan Lê Hoàng Khả Tú... - H. : Thế giới, 2025. - 151 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 2000b s614287

130. Seishinkai Tomy. Năng lực không bận tâm : Muốn được mọi người thích - Bị ghét cũng chẳng sao / Seishinkai Tomy ; Nguyễn Phương Hoa dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 166 tr. : hình vẽ ; 18 cm. - 99000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Nhật: Seishinkai Tomy no Kinishinai Chikara: Taiteino Shinpai ha Matohazureyo s615765

131. Simler, Kevin. Trong đầu có giấu con voi : Góc khuất tâm lý đằng sau những toan tính hằng ngày / Kevin Simler, Robin Hanson ; Dịch: Trọng Nghĩa, Phương Hạ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 523 tr. ; 21 cm. - 215000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The elephant in the brain : Hidden motives in everyday life s615017

132. Tarot bỏ túi : Sổ tay từ vựng và mẹo bỏ túi học nhanh Tarot / Asbooks b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 180 tr. : hình vẽ ; 16 cm. - 68000đ. - 2000b s615788

133. Thanh Hải. Hướng dẫn giải nghĩa Cabataka Capybara Tarot Thekas / Thanh Hải, Hân Di. - H. : Thế giới, 2025. - 106 tr. : tranh màu ; 14 cm. - 249000đ. - 1000b s615757

134. The solar kingdom : Sách hướng dẫn / Modern Magic Press ; Alice dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 199 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 3800000đ. - 4000b s615755

135. Thích Nguyên Pháp. Tóm tắt phê phán lý tính thuần túy / Thích Nguyên Pháp ; Bùi Văn Nam Sơn h.đ., giới thiệu. - H. : Lao động, 2025. - 182 tr. ; 21 cm. - 185000đ. - 700b

Thư mục: tr. 182 s614452

136. Tiến Đoàn. Hành trình 365 ngày = The 5 am message a 365-day journey : Sách song ngữ Anh - Việt / Tiến Đoàn. - H. : Thế giới, 2025. - 455 tr. ; 21 cm. - 289000đ. - 1000b s614856

137. Trần Thị Giồng. "Đề gió cuốn đi" / Trần Thị Giồng. - Tái bản lần thứ 3. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 301 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Lớn lên). - 175000đ. - 1000b s614338

138. Triết học để làm gì? / DK ; Hyo dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 27 cm. - 135000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: What's the point of philosophy? s613645

139. Triết học phổ thông bằng tranh - Hạnh phúc : Dành cho lứa tuổi 10+ / Martine Gasparov, Émilie Boudet ; Hoàng Nhụy dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Toute la philo en BD : Le bonheur s614757

140. Trình Tử. Khi cuộc đời cho bạn lá bài xấu : Áp dụng tư duy trò chơi vào cuộc sống để trở thành " người thắng đời 1-0 " / Trình Tử ; Thanh Như dịch. - H. : Lao động, 2025. - 231 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 游戏思维 s614449

141. Trịnh Tiểu Tứ. Năng lực quản lý cảm xúc : Chìa khóa tạo ra sức mạnh tinh thần của người thành công... / Trịnh Tiểu Tứ ; Hà My dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 269 tr. ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 千万不要输给情绪 s614835

142. Truyện kể về lòng tự tin / Hoàng Thuý tuyển chọn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 227 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 3000b s614545

143. Truyện kể về nhân cách / Hoàng Thuý tuyển chọn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 227 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 68000đ. - 3000b

Thư mục: tr. 4 s614543

144. Truyện kể về những trái tim nhân hậu / Hoàng Thuý tuyển chọn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 247 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 72000đ. - 3000b s614544

145. Trương Manh. Từ IQ đến EQ : Nắm bắt thành công qua trí tuệ cảm xúc / Trương Manh ; Bùi Thanh Thuý dịch. - H. : Lao động, 2015. - 240 tr. ; 21 cm. - 109000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 从受欢迎到被需要 s614432

146. Tú Uyên. Bí mật của lòng dũng cảm / Tú Uyên b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 81 tr. : hình vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 69000đ. - 3000b s614598

147. Tú Uyên. Bí mật của sự lạc quan / Tú Uyên b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 83 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 69000đ. - 3000b s614597

148. Tú Uyên. Bí mật của sự may mắn / Tú Uyên b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 83 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 69000đ. - 3000b s614599

149. Tú Uyên. Bí mật của sự quan tâm / Tú Uyên b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 83 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 69000đ. - 3000b s614595

150. Tú Uyên. Bí mật của sự tinh tế / Tú Uyên b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 83 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - (Bật mí bí mật). - 69000đ. - 3000b s614600

151. Tuyển chọn những câu chuyện hay nhất - Hạt giống tâm hồn / First News, Lê Lai, Quang Kiệt... - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 336 tr. : tranh vẽ, ảnh ; 21 cm. - 118000đ. - 2000b s614026

152. Tử thư : Đại học - Trung dung - Luận ngữ - Mạnh Tử (Thượng & Hạ) / Đoàn Trung Còn dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - Trọn bộ 4 tập. - 290000đ. - 1000b s614579

153. Văn Tình. 365 lời nhắn từ Văn Tình / Ngọc Thủy b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 156 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 晚情语录精选 s615796

154. Vạn Lợi Quán Như. 365 ngày tâm an / Vạn Lợi Quán Như b.s. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Dân trí, 2025. - 365 tr. ; 15 cm. - 20000b s615708

155. Wilder, Novalee. 10 phút tự học Thần số học mỗi ngày / Novalee Wilder ; Hải Minh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 168 tr. : hình vẽ ; 18 cm. - (Bộ sách 10 phút tự học). - 89000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: A little bit of numerology : An introduction to numerical divination s615760

156. Ý nghĩa cuộc sống / First News tổng hợp, thực hiện. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 143 tr. ; 21 cm. - (Hạt giống tâm hồn; T.5). - 76000đ. - 1000b s614017

157. Yang Li Rong. Bí kíp quản lí cảm xúc : Dành cho lứa tuổi 11+ / Yang Li Rong, Sun De Ling ; Minh hoạ: Dan Gao Jia Mian X ; Thiện Minh dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 183 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - (Kĩ năng vàng cho Teen thế kỉ 21). - 85000đ. - 2000b s614750

158. Ying Shu. Cùng bạn trưởng thành : 陪你成长 : Trích dẫn song ngữ Trung - Việt có phiên âm / Ying Shu b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 214 tr. ; 15 cm. - 99000đ. - 2000b s615711

159. Yoshi Yoshitani. Tarot of the divine : Sách hướng dẫn / Yoshi Yoshitani ; Vân Anh dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 131 tr. : hình vẽ ; 13 cm. - 300000đ. - 3000b s615781

160. Zion Kabasawa. Ba tầng của hạnh phúc : Giải mã dưới góc nhìn khoa học / Zion Kabasawa ; Dịch: Nguyễn Trà My, Xuân Thu. - H. : Hồng Đức, 2025. - 463 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 258000đ. - 2000b s614550

161. 顏旭君. 自我完善秘訣 / 顏旭君 ; 译者:陈垂安. - H. : 世界出版社, 2025. - 307 页 ; 21 cm. - 188000đ. - 1000 copies s613805

162. 顏旭君. 自我超越秘訣 / 顏旭君 ; 译者:黄鳳愛, 林曉東. - H. : 世界出版社, 2025. - 254 页 ; 21 cm. - 188000đ. - 1000 copies s613804

TÔN GIÁO

163. Ajahn Jayasaro. Bên trong và bên ngoài : Những câu hỏi và câu trả lời về giáo lý của Phật giáo Nguyên thủy / Ajahn Jayasaro ; Nguyễn Thị Yên Hoa dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 251 tr. : minh họa ; 21 cm. - 1000b s615074

164. Ấn Thuận. Tịnh độ và pháp môn niệm Phật / Ấn Thuận ; Thích Đàm Huy dịch ; Đặng Ngọc Diệp h.đ. - H. : Dân trí, 2025. - 239 tr. ; 20 cm. - 125000đ. - 1000b s614019

165. Biết Thế. Tinh thức : Thơ và tập luận / Biết Thế. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 152 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 99000đ. - 1000b s615807

166. Burggraave, Roger. Một nền luân lý của lòng thương xót : Trên ngã đường kiếm tìm cuộc sống ý nghĩa và tình yêu tròn đầy / Roger Burggraave ; Trần Mai Xuân Hương dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - 105000đ. - 1000b

Nguyên tác: An ethics of mercy: On the way to meaningful living and loving. - Thư mục: tr. 312-344 s614834

167. Burke, John. Muờng tượng về thiên đường : Trải nghiệm cận tử, lời hứa của Chúa, và một tương lai đầy hy vọng / John Burke ; Keo dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 422 tr. ; 24 cm. - 245000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Imagine Heaven: Near-Death experiences, God's promises, and the exhilarating future that awaits you. - Phụ lục: tr. 377-389 s614293

168. Cerfaux, Lucien. Kho báu các dụ ngôn / Lucien Cerfaux ; Vũ Phan Long chuyển dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 210 tr. ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Pháp: Le Trésor des paraboles s614330

169. Chân Quang. Thiền = Meditation / Chân Quang. - H. : Thế giới, 2025. - 153 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 80000đ. - 1000b s614874

170. Cuộc đời Đức Phật : Truyện tranh / Ohta Hisashi ; Ito Kentaro ch.b. ; Dịch: Phạm Huyền, Tú Anh. - In lần 3. - H. : Lao động, 2025. - 235 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 99000đ. - 1500b s614514

171. Dalai Lama. Thánh ngôn của Đức Dalai Lama XIV = The sacred teaching of his holiness the 14th Dalai Lama / Huệ Không b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 115 tr. : ảnh màu ; 15 cm. - 10000b s615727

172. Đào Xuân Trục. Tình yêu Chúa tháng ngày - Năm A / Đào Xuân Trục. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 213 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 212 s614325

173. Đào Xuân Trục. Tình yêu Chúa tháng ngày - Năm B / Đào Xuân Trục. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 207 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 206 s614326

174. Đào Xuân Trục. Tình yêu Chúa tháng ngày - Năm C / Đào Xuân Trục. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 211 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 210 s614327

175. Đạt Lai Lạt Ma XIV. Nguyên lý duyên khởi : Bài giảng về 12 nhân duyên và cách vận dụng vào sự tu tập theo Phật giáo Tây Tạng / Đạt Lai Lạt Ma XIV ; Nguyễn Minh Tiến dịch, chú giải. - H. : Hồng Đức, 2025. - 135 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 105000đ. - 1000b
Nguyên tác: Dependent arising s614566

176. Đặng Phúc Minh. Tìm hiểu phong trào Cursillo / Đặng Phúc Minh. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 122 tr. : ảnh ; 19 cm. - 99000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 122 s615814

177. Đình Hồng Hải. Nhân học Tôn giáo / Đình Hồng Hải. - Tái bản lần 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 460 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 239000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 395-417 s614095

178. Đình núi tuyết = The white peak : Truyện tranh / Chân Quang b.s. ; Hoạ sĩ: Hữu Tâm. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Thế giới. - 20 cm. - (Bộ truyện tranh song ngữ Việt - Anh về cuộc đời Đức Phật). - 110000đ. - 500b
T.1: Vị vua tài giỏi = The talented king. - 2025. - 102 tr. : tranh màu s614842

179. Đình núi tuyết = The white peak : Truyện tranh / Chân Quang b.s. ; Hoạ sĩ: Hữu Tâm. - H. : Thế giới. - 20 cm. - (Bộ truyện tranh song ngữ Việt - Anh về cuộc đời Đức Phật). - 170000đ. - 1500b
T.50: Người hầu cận phi thường = The extraordinary attendant. - 2025. - 209 tr. : tranh màu s614843

180. Đời sống mới : Tài liệu chăm sóc dành cho tân tín hữu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 78 tr. : minh họa ; 21 cm. - 40000đ. - 3000b s614333

181. Hạnh Phúc Thật. Cẩm nang mục vụ trừ tà & giải thoát thiêng liêng : Dành cho các linh mục : Sách tham khảo / Hạnh Phúc Thật. - H. : Tri thức, 2025. - 167 tr. ; 24 cm. - 1000b s614972

182. Hoàng Núi. Lời mời gọi của Chúa trong đời / Hoàng Núi. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 261 tr. ; 21 cm. - 55000đ. - 500b s614339

183. Huệ Khải. Cao Đài và Công giáo: Nền tảng chung cho trách nhiệm môi sinh = Caodaism and Catholicism: Common ground for environmental responsibility / Huệ Khải. - H. : Hồng Đức, 2025. - 95 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Đối thoại liên tôn). - 1500b
ĐTTS ghi: Chương trình Chung tay ấn tống Kinh sách Đại đạo s614603

184. Huệ Khải. Chuyện đạo kể lại / Huệ Khải. - H. : Hồng Đức, 2025. - 87 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Đối thoại liên tôn). - 1500b

ĐTTS ghi: Đại đạo Tam Kỳ phổ độ. Chương trình Chung tay ấn tống Kinh sách Đại đạo
s614601

185. Khenchen Palden Sherab. Hoạt động giác ngộ của Độ mẫu Tara / Khenchen Palden Sherab, Khenpo Tsewang Dongyal ; Như Nhiên dịch ; Lama Trí Không h.đ. - H. : Dân trí, 2025. - 230 tr. ; 24 cm. - 170000đ. - 500b

Tên sách tiếng Anh: Tara's enlightened activity. - Phụ lục: tr. 227-228. - Thư mục: tr. 229
s615002

186. Khóa lễ Kinh Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 155 tr. ; 24 cm. - 1020b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam Tỉnh Thanh Hóa. Tổ đình Chùa Thanh Hà
s614241

187. Kỷ yếu 20 năm (2005 - 2025): Gia đình Sen Hồng, chùa Diệu Pháp / Thích Thanh Tri, Thích Nhuận Quang, Thích Đức Phát... ; Thích Nguyên Pháp ch.b. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 159 tr. : hình ảnh ; 25 cm. - 200b s614011

188. Lacourt, Jacques. Được Ngài thương con vui mừng hơn hờ = Ton amour me fait danser de joie / Jacques Lacourt ; Vũ Phan Long chuyển ngữ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 220 tr. ; 21 cm. - 85000đ. - 1000b s614329

189. Lâm Ngữ Đường. Hành trình tâm linh : Luận bàn về Triết học và Tôn giáo Đông Tây / Lâm Ngữ Đường ; Phan Quang Định biên dịch ; Ban Dịch thuật Viện Thánh kinh Thần học h.đ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Hồng Đức, 2025. - 293 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Thánh Tin Lành Việt Nam. Viện Thánh Kinh Thần học. - Tên sách tiếng Anh: From Pagan to Christian. - Phụ lục: tr. 287-293 s614614

190. Lhomond, Charles François. Tứ nguyên yếu lý = 肆原要理 / Charles François Lhomond. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 24 cm. - 185000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hội đồng Giám mục Việt Nam. Ủy ban Giáo lý đức tin. Phân ban Từ vựng Hán Nôm Công giáo

Q.1. - 2025. - 420 tr. s614342

191. Lowney, Chris. Tinh thần lãnh đạo của Giáo hoàng dòng tên đầu tiên = Pope Francis: Why he leads the way he leads / Chris Lowney ; J. B. Thái Hòa dịch. - Tái bản lần 2. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 279 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s614336

192. Mai Trung Kiên. Chân thiện mỹ và phiền não trong cõi siêu hình và hữu hình : Sách tham khảo / Mai Trung Kiên, Lê Tuyết Mai. - H. : Lao động, 2025. - 243 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 219000đ. - 500b s614443

193. Mai Văn Phấn. Trong ơn gọi : Tiểu luận và phê bình văn học / Mai Văn Phấn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 435 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Nước mặn. Ấn phẩm dọn mừng 400 năm văn học Công giáo (1632 - 2032); 045). - 120000đ. - 500b s614347

194. Maiorica S. J., Girolamo. Các Thánh truyện = 各聖傳 : Tháng mười một / Girolamo Maiorica S. J.. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 304 tr. ; 24 cm. - 160000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hội đồng Giám mục Việt Nam. Ủy ban Giáo lý đức tin. Phân ban Từ vựng Hán Nôm Công giáo s614350

195. Maiorica S. J., Girolamo. Các Thánh truyện = 各聖傳 : Tháng tư / Girolamo Maiorica S. J.. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 308 tr. ; 24 cm. - 160000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hội đồng Giám mục Việt Nam. Ủy ban Giáo lý đức tin. Phân ban Từ vựng Hán Nôm Công giáo s614349

196. Maria Martini, Carolo. Ở với Đức Giêsu : Lộ trình thiêng liêng của Nhóm Mười Hai theo thánh Maccô / Maria Martini Carolo ; Vũ Phan Long chuyển dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 123 tr. ; 21 cm. - 55000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Pháp: Être avec Jésus: l'itinéraire spirituel des Douze selon saint Marc s614328

197. Mcnamara, Edward. Giải đáp thắc mắc phụng vụ : Công giáo & đời sống / Edward Mcnamara ; Nguyễn Trọng Đa dịch. - Tái bản lần 2. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 21 cm. - 95000đ. - 1000b

T.1. - 2024. - 312 tr. - Phụ lục: tr. 252-308 s614341

198. Mcnamara, Edward. Giải đáp thắc mắc phụng vụ : Công giáo & đời sống / Edward Mcnamara ; Nguyễn Trọng Đa dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 21 cm. - 132000đ. - 1000b
T.7. - 2024. - 441 tr. s614332

199. Mello, Anthony De. Tiếng gọi yêu thương = Call to love (Meditations) : 30 bài suy niệm cho 30 ngày / Anthony De Mello ; Đặng Xuân Thành dịch. - Tái bản lần 2. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 171 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 65000đ. - 1000b s614337

200. Min Bahadur Shakya. Công chúa Nepal Bhrikutī Devī - Cuộc đời và hành trạng theo sử liệu Tây Tạng / Min Bahadur Shakya ; Thích Nguyên Định dịch, chú giải. - H. : Dân trí, 2025. - 339 tr. ; 24 cm. - 260000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 300-315 s615033

201. Nghi thức Đại Bi thập chú. - H. : Thế giới, 2025. - 49 tr. ; 21 cm. - 1500b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s614841

202. Ngô Đạt. Từ bi Thủy sám pháp / Trước thuật: Ngô Đạt ; Thích Huyền Dung dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 126 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 10000b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s614589

203. Nguyễn Lâm Cường. Bí mật phía sau nhục thân của các vị thiền sư / Nguyễn Lâm Cường. - H. : Thế giới, 2025. - 217 tr. : ảnh ; 20 cm. - 456000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 176-193. - Thư mục: tr. 194-197 s614852

204. Nguyễn Như Yên. Sống đời thánh hiến / Nguyễn Như Yên. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 138 tr. ; 21 cm. - 60000đ. - 1000b s614334

205. Nguyễn Như Yên. Sống lời Chúa hằng ngày : Mùa Vọng - Mùa Chay - Mùa Phục sinh / Nguyễn Như Yên. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 306 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 1000b s614335

206. Nguyễn Thế Đăng. Trần Nhân Tông, Đời - Đạo không hai / Nguyễn Thế Đăng. - Tái bản lần 1. - H. : Thế giới, 2025. - 143 tr. ; 19 cm. - 93000đ. - 1500b s614864

207. Osho. Đạo / Osho ; Lê Xuân Khoa dịch. - Tái bản lần 7. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 287 tr. : ảnh màu, tranh vẽ ; 19 cm. - 169000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Tao: The state and the art s615752

208. Phúc Tuệ. Mục Liên sám pháp / Phúc Tuệ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 167 tr. ; 24 cm. - 10000b

ĐTTS ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam s614588

209. Rondepierre, James. Luật nhân quả : Tự vấn nghiệp duyên xoay chuyển số mệnh / James Rondepierre ; Nhân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 187 tr. ; 17 cm. - 125000đ. - 2500b

Tên sách nguyên bản: Exploring Karma: Understanding the law of cause and effect s615774

210. Selbie, Joseph. Nhận thức, tiềm thức, siêu thức : Thực hành chánh niệm trẻ hoá não bộ... / Joseph Selbie ; Lê Dung dịch. - H. : Lao động, 2025. - 354 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Break through the limits of the brain s614365
211. Shaw, Sarah. Thiền trong kinh điển Pāli / Sarah Shaw ; Dự án Phật học Tinh hoa thể giới dịch ; H.đ.: Võ Nghiêm, Như Hiếu. - H. : Tri thức, 2025. - 435 tr. ; 24 cm. - 289000đ. - 2000b s614967
212. Tân Đan Sĩ. Kinh Môn Côi - Một kho tàng cần được khám phá / Tân Đan Sĩ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 156 tr. ; 21 cm. - 55000đ. - 1000b s614340
213. Thánh giáo dạy chung. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Hội Thánh Bạch Y Liên đoàn Chơn Lý. Toà Thánh Ngọc Kinh
Q.1. - 2025. - 263 tr. : ảnh s614574
214. Thánh giáo Kinh nguyện - Từ điển chữ Nôm Công giáo : Phần kinh nguyện: Những kinh đọc sớm tối ngày thường và ngày Chúa nhật / B.s.: Nguyễn Chí Thiết (ch.b.), Nguyễn Văn Đại, Nguyễn Văn Hiệp... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 670 tr. ; 24 cm. - 280000đ. - 500b
ĐTTS ghi: Phân ban Từ vụng Hán Nôm Công Giáo - Ủy ban Giáo lý Đức Tin - Hội đồng Giám mục Việt Nam s614351
215. Thánh Nghiêm. Bồ tát Quán Thế Âm / Thánh Nghiêm ; Vạn Lợi dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 127 tr. ; 15 cm. - 45000đ. - 1000b s615710
216. Thánh Nghiêm. Làm thế nào để vượt qua sóng gió / Thánh Nghiêm ; Dịch: Chơn Thủy, Như Cảnh. - H. : Dân trí, 2025. - 59 tr. ; 15 cm. - 28000đ. - 1000b s615709
217. Thế giới Phật giáo / John Powers, Karen C. Lang, Craig J. Reynolds... ; Bùi Xuân Trường dịch ; Đỗ Hoàng Tùng h.đ. - In lần 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 1093 tr. ; 27 cm. - 799000đ. - 475b
Tên sách tiếng Anh: The Buddhist world. - Thư mục cuối mỗi chương s613572
218. Thích Đức Thiên. Abstracts of the United Nations day of VESAK 2025 conference / Ed.: Thích Đức Thiên, Thích Nhật Tu. - H. : Hồng Đức, 2025. - 272 p. ; 20 cm. - 1200 copies
At head of title: Vietnam Buddhist Sangha. Executive Council. - Ind.: p. 269-272 s613822
219. Thích Đức Gia. Cuộc sống nhiệm màu : 16 câu chuyện tâm lý cuối đời / Thích Đức Gia, Thích Tông Đôn ; Dịch: Vạn Lợi, Lâm Phong. - H. : Dân trí, 2025. - 402 tr. ; 21 cm. - 145000đ. - 2000b s615024
220. Thích Huyền Quang. Đạo Phật áp dụng vào đời sống hằng ngày / Thích Huyền Quang, Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 1. - H. : Thế giới, 2025. - 198 tr. ; 19 cm. - 89000đ. - 1500b s614390
221. Thích Khải Thành. Bên con cha mẹ luôn ở đó / Thích Khải Thành. - H. : Thế giới, 2025. - 208 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 3000b s614832
222. Thích Nguyên Hạnh. Giá trị giáo dục của Kinh A hàm / Thích Nguyên Hạnh. - H. : Hồng Đức, 2025. - 174 tr. ; 21 cm. - 1000b
Thư mục: tr. 173-174 s614165
223. Thích Nhất Hạnh. Gieo trồng hạnh phúc / Thích Nhất Hạnh ; Chuyển ngữ: Chân Hội Nghiêm, Chân Duyệt Nghiêm. - Tái bản lần 33. - H. : Lao động, 2025. - 279 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 119000đ. - 3000b s614508

224. Thích Nhất Hạnh. Sợ hãi : Hóa giải sợ hãi bằng tình thương / Thích Nhất Hạnh ; Chân Đạt dịch. - Tái bản lần 10. - H. : Thế giới, 2025. - 222 tr. ; 19 cm. - 119000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Fear : Essential wisdom for getting through the storm s615795
225. Thích Nhất Hạnh. Thiền hành yếu chỉ / Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 5. - H. : Thế giới, 2025. - 91 tr. : ảnh ; 15 cm. - 89000đ. - 1500b s615786
226. Thích Nhất Hạnh. Thương yêu theo phương pháp Bụt dạy / Thích Nhất Hạnh. - Tái bản lần 6. - H. : Thế giới, 2025. - 189 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 1000b s614873
227. Thích Nhật Từ. United Nations day of VESAK 2008 in Ha Noi: Buddhist contribution to building an equitable, democratic and civilized society / Thích Nhật Từ. - H. : Hong Duc, 2025. - 115 p. : photo. ; 25 cm. - 2000 copies s613846
228. Thích Nhật Từ. United Nations day of VESAK 2014 in Ninh Binh: Buddhist in harmony with the millennium development goals / Thích Nhật Từ. - H. : Hong Duc, 2025. - 159 p. : photo. ; 25 cm. - 2000 copies s613848
229. Thích Nhật Từ. United Nations day of VESAK 2019 in Ha Nam: Buddhist and global responsibility for a sustainable society / Thích Nhật Từ. - H. : Hong Duc, 2025. - 148 p. : photo. ; 25 cm. - 2000 copies s613847
230. Thích Thái Hòa. Phương trời thanh tịnh / Thích Thái Hòa. - H. : Hồng Đức, 2025. - 243 tr. ; 21 cm. - 1000b s614578
231. Thôi Kệ. Tuyển tập thơ Bồ đề tâm nguyện / Thôi Kệ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 220 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 1000b s615731
232. Trăng Thập Tự. Trăng bẻ làm đôi : Thơ / Trăng Thập Tự. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 479 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Nước mặn. Ấn phẩm dọn mừng 400 năm văn học Công giáo (1632 - 2032); 029). - 500b s614348
233. Trăng Thập Tự. Vững bước trên đường lành : Học tinh lặng nội tâm và phân định theo kinh Lạy Cha / Trăng Thập Tự, nhóm Tủ sách Nước mặn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 271 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Tủ sách Nước mặn. Ấn phẩm dọn mừng 400 năm văn học Công giáo (1632 - 2032); 026). - 64000đ. - 1000b s614345
234. Trần Toàn. Giác ngộ dẫn lối thành công / Trần Toàn. - H. : Lao động, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 3000b s614418
235. Trần Văn Hải. Trải nghiệm nhân quả / Trần Văn Hải. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 248 tr. ; 21 cm. - 91000đ. - 500b s614324
236. Truyện tranh Đức Phật Thích Ca / Nguyễn Phước Minh Mẫn. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 85000đ. - 1000b
T.3: Từ hành đạo đến nhập niết bàn. - 2025. - 126 tr. : tranh vẽ s614562
237. Tuyết Mai. Gởi lại mai sau : Tập truyện / Tuyết Mai. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 278 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s614343
238. Unity and inclusivity for human dignity: Buddhist insights for world peace and sustainable development : United Nations day of Vesak 2025 / Thich Duc Tuan, Gallelle Sumanasiri, Tabona Shoko... ; Ed.: Thich Duc Thien... - H. : Hong Duc, 2025. - 1244 p. ; 24 cm. - 1300 copies
At cover of title: Vietnam Buddhist Sangha. Executive Council. - Bibliogr. at the end of the paper s613842
239. Văn Châu. Phật giáo nhân gian và thanh niên hiện đại / Văn Châu ; Dịch: Diệu Liên, Thiền Đức. - H. : Dân trí, 2025. - 227 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b s614994

240. Viên Liễu Phàm. Liễu Phàm tứ huấn : Bốn lời dạy để cải đổi vận mệnh con người, bởi vận mệnh không phải do Trời định, mà do con người tạo nên - vận mệnh tự ta tạo lập / Giảng Quang Dương dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 123 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 55000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 121-123 s615714

241. Vĩnh Kiu. Người công chính : Tuyển tập văn thơ Công giáo / Vĩnh Kiu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 204 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Nước mặn. Ấn phẩm dọn mừng 400 năm văn học Công giáo (1632 - 2032); 042). - 68000đ. - 1000b s614344

242. Vũ Hữu Lệ. Ký thác đường đời cho Chúa / Vũ Hữu Lệ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 357 tr. ; 21 cm. - 500b s614331

243. Xuân Cát. Nắng sau lưng chiều : Tuyển kịch / Xuân Cát. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 286 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Nước mặn. Ấn phẩm dọn mừng 400 năm văn học Công giáo (1632 - 2032); 038). - 68000đ. - 1000b s614346

244. 明德朝心影. 僧侶の青年 花を育てる人と / 明德朝心影 ; 訳者: ダオ・ズイ・ラ ップ. - H. : 文学出版社, 2025. - 296 页 ; 21 cm. - (玄空山上書庫). - 300 copies s613811

KHOA HỌC XÃ HỘI, XÃ HỘI HỌC, NHÂN LOẠI HỌC, DÂN TỘC HỌC VÀ VĂN HOÁ

245. Biến đổi văn hoá sản xuất dưới tác động của chương trình OCOP ở thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh : Sách chuyên khảo / Đinh Trọng Thu (ch.b.), Nguyễn Thị Hoà, Đinh Thị Lam, Lê Hồng Ngọc. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 297 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Địa lý Nhân văn. - Thư mục: tr. 263-272. - Phụ lục: tr. 273-297 s614126

246. Cowen, Tyler. Tầng lớp tự mãn - Hành trình tự hủy hoại giấc mơ Mỹ / Tyler Cowen ; Vũ Hoàng Linh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 253 tr. ; 24 cm. - 210000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: The complacent class. - Thư mục: tr. 235-253 s615040

247. Dương Sĩ Phương. Tân Thanh / Dương Sĩ Phương ; Nguyễn Lệ Chi dịch. - H. : Lao động, 2025. - 151 tr. ; 21 cm. - 88000đ. - 1000b s614389

248. Đào Lan Hương. Cảm nhận hạnh phúc của thanh thiếu niên trong mối quan hệ với gia đình : Sách chuyên khảo / Đào Lan Hương. - H. : Lao động, 2025. - 196 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 156000đ. - 300b

Phụ lục: tr. 151-174. - Thư mục: tr. 175-194 s614475

249. Đinh Xuân Dũng. Văn hóa Việt Nam đương đại - Cơ hội và thách thức / Đinh Xuân Dũng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 551 tr. ; 24 cm. - 700b s614630

250. Đỗ Tấn Bình. Khẩu tài đắc tâm : Cội rễ của mọi giao tiếp - Chìa khóa mở lòng người / Đỗ Tấn Bình, Trần Nam Thắng. - H. : Tài chính, 2025. - 139 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 300b s614221

251. Hà Minh Đức. Một nền văn hoá văn nghệ đậm đà bản sắc dân tộc với nhiều loại hình nghệ thuật phong phú / Hà Minh Đức. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 447 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 426-432 s615212

252. Hoàng Tân Long. Nhật ký của bố : Hành trình 19 năm trưởng thành cùng Nguru Nguru / Hoàng Tân Long ; Rainie Nguyen dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 261 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 129000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 牛妞与羊爸 s614291

253. Lâm Bá Nam. Nghiên cứu tộc người ở Việt Nam: Văn hóa và phát triển / Lâm Bá Nam. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1. - 2025. - 447 tr. s615327

254. Lupton, Deborah. Xã hội học số = Digital sociology / Deborah Lupton ; Dịch: Lê Thị Mai, Phan Tấn Khương. - H. : Tri thức, 2025. - 387 tr. ; 22 cm. - 285000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 337-372 s614958

255. Musk, Maye. Sống mạo hiểm một cách cẩn thận : Lời khuyên cho cuộc đời phiêu lưu, sắc đẹp và thành công / Maye Musk ; Minh Nhật dịch. - H. : Lao động, 2025. - 287 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 159000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: A woman makes a plan s614148

256. Nguyễn Hà Chi. Cừu đen / Nguyễn Hà Chi. - H. : Lao động, 2025. - 195 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 191-195 s614375

257. Nguyễn Ngọc Thiện. Đường lối văn nghệ của Đảng và lý luận, thực tiễn nghệ thuật / Nguyễn Ngọc Thiện. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 415 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 186-198. - Phụ lục trong chính văn s615284

258. Nông Quốc Chấn. Nông Quốc Chấn - Tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.3: Phê bình - Tiểu luận. - 2025. - 367 tr. s615181

259. Nông Quốc Chấn. Nông Quốc Chấn - Tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.4: Phê bình - Tiểu luận. - 2025. - 559 tr. s615182

260. Oxford. Giao tiếp thông minh - Đặt câu hỏi EQ cao : Hỏi đúng trọng tâm. Đánh trúng tâm lý. Ứng biến khéo léo / Oxford ; Trang Vũ dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 261 tr. ; 21 cm. - 119000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 高情商提问:不较劲的艺术,答得好不如问得好 s614837

261. Phùng Ngọc Kiên. Xã hội học điện ảnh / Phùng Ngọc Kiên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 343 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 150000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Thư mục: tr. 338-343 s614089

262. Proceedings: The 7th international conference language, society, and culture in Asian contexts (LSCAC 2024) : 22 - 24 November, 2024 / Ted Morrissey, David Pickus, Luong Thi Thu Huong... - H. : Information and Communications, 2025. - 481 p. : ill. ; 24 cm. - 300 copies
Bibliogr. at the end of the paper s613839

263. Réhahn. Precious heritage collection / Réhahn. - 5th ed. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 133 p. : ill. ; 21 cm. - 450000đ. - 2000 copies s613828

264. Schütz, Alfred. Sự kiến tạo ý nghĩa của thế giới xã hội = Der sinnhafte Aufbau der sozialen Welt : Một dẫn nhập vào xã hội học lý giải / Alfred Schütz ; Trần Hữu Quang dịch. - H. : Dân trí, 2025. - xxxiii, 500 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Kinh điển). - 355000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 431-437 s615028

265. Tâm lý học xã hội : Dành cho sinh viên ngành Công tác xã hội / Phạm Văn Tư (ch.b.), Nguyễn Xuân Long, Nguyễn Hiệp Thương, Vũ Thị Ngọc Tú. - In lần thứ 6. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 192 tr. : bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 500b

Thư mục: tr. 191-192 s614209

266. Trần Quốc Thành. Tâm lý học xã hội / Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn. - In lần thứ 4. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 143 tr. : bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

Thư mục: tr. 142-143 s614879

267. Vũ Thuý Ngọc. Giao tiếp của người cao tuổi sống tại các trung tâm dưỡng lão : Sách chuyên khảo / Vũ Thuý Ngọc. - H. : Lao động, 2025. - 195 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 120000đ. - 300b

Thư mục: tr. 171-178. - Phụ lục: tr. 179-194 s614472

CHÍNH TRỊ

268. 75 năm thành lập Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng (02/1947 - 02/2022) / Trần Thanh Sang, Trịnh Thị Nhân, Nguyễn Thị Thuý Hằng... - H. : Lao động, 2025. - 348 tr. : bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng s614433

269. Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ Công an tỉnh Bạc Liêu (1997 - 2015) / B.s: Phan Hoài Vũ, Lý Văn Liệt, Huỳnh Thị Hồng Nguyên... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 408 tr. : bảng, hình ảnh ; 21 cm. - 110b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu. Đảng ủy Công an tỉnh. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 337-384. - Thư mục: 385-387 s614045

270. Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ quận Gò Vấp giai đoạn 2010 - 2025 / B.s.: Phạm Thị Thuý Hà, Đào Thị My Thu, Lê Thị Kim Hạnh... - H. : Lao động, 2025. - 778 tr. : ảnh màu, bảng ; 24 cm. - 700b

ĐTTS ghi: Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Đảng bộ quận Gò Vấp. - Phụ lục: tr. 708-720 s614458

271. Biển Đông trong quan hệ quốc tế hiện nay và đối sách của Việt Nam : Sách chuyên khảo / Trần Thị Lan Hương (ch.b.), Hoàng Khắc Nam, Nguyễn Văn Dân... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Thư mục: tr. 306-319 s614127

272. Cụ Bùi Bằng Đoàn (1889 - 1955) : Nghiên cứu, sưu tầm / Sơn Tùng (ch.b.), Bùi Thiết (b.s.), Bùi Văn Vượng... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 327 tr. : bảng ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 241-325 s615293

273. Đảng bộ huyện Chợ Mới qua các kỳ Đại hội (1998 - 2025) / S.t.: Hà Đức Huân... - H. : Lao động, 2025. - 385 tr. : ảnh màu, bảng ; 24 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Mới khoá VI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. - Thư mục: tr. 379 s614540

274. Đảng bộ thành phố Pleiku - Từ đại hội đến đại hội (1954 - 2025) / B.s.: Bùi Tiến Dũng (ch.b.), Nguyễn Hữu Cẩn, Nguyễn Đăng Quang... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2025. - 288 tr. : ảnh ; 27 cm. - 520b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Pleiku. - Phụ lục: tr. 253-283. - Thư mục: tr. 284-285 s613792

275. Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam / B.s.: Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Duyên Thảo, Mai Văn Thắng (ch.b.)... - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 612 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 220000đ. - 1700b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 607-612 s614166

276. Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật : Dành cho hệ đại học / Nguyễn Xuân Hưởng (ch.b.), Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Văn Động... - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 335 tr. ; 24 cm. - 105000đ. - 845b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát. - Thư mục: tr. 325-326 s614057

277. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Kiến thức bổ trợ / Nguyễn Thị Thanh Nhân, Bùi Văn Huyền, Thái Văn Long... ; Ch.b.: Dương Trung Ý... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 532 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 4100b

ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s615797

278. Hoàng Hải Hà. Giáo trình Lịch sử ngoại giao Việt Nam / Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (ch.b.), Nguyễn Thu Hiền. - In lần thứ 4. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 343 tr. ; 24 cm. - 105000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 332-338 s614201

279. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở tỉnh Sóc Trăng / Nguyễn Văn Lĩnh, Lê Chí Tâm, Trần Thanh Sang... ; B.s.: Nguyễn Văn Lĩnh... - H. : Lao động, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng s614383

280. Hồng Phương. Quy định thi hành điều lệ Đảng - Quy chế làm việc mẫu của các tổ chức cơ sở Đảng / Hồng Phương b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 391 tr. ; 28 cm. - 450000đ. - 1000b s613676

281. Hứa Thanh Mai. Tỉnh uỷ ở vùng Đồng bằng sông Hồng lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo hiện nay : Sách chuyên khảo / Hứa Thanh Mai. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 210b

Thư mục: tr. 221-245 s614039

282. Hướng dẫn học tập Lý luận nhà nước và pháp luật / B.s.: Vũ Anh Đức, Nguyễn Sơn Nam (ch.b.), An Thị Ngọc Lan... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 288 tr. ; 24 cm. - 140000đ. - 210b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Khoa Luật. - Thư mục: tr. 284-287 s614047

283. Kinh tế và chính trị thế giới năm 2023: Những xu hướng và vấn đề : Sách chuyên khảo / Nguyễn Tuấn Hùng (ch.b.), Đặng Hoàng Hà, Nguyễn Thị Hồng Nga... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới. - Thư mục: tr. 229-259 s614149

284. Lâm Khánh Linh. Giáo trình Giáo dục chính trị / Lâm Khánh Linh (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Quyên, Tô Ngọc Hà. - H. : Lao động, 2025. - 363 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ. - Thư mục: tr. 361-363 s614395

285. Lâm Minh Thuý. Lịch sử Đảng bộ phường Tân Phong (2004 - 2025) / B.s.: Lâm Minh Thuý, Trần Thị Đông. - H. : Lao động, 2025. - 200 tr., 32 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Lai Châu. Đảng uỷ phường Tân Phong. - Phụ lục: tr. 185-193. - Thư mục: tr. 194-195 s614529

286. Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lạc (1930 - 2025) / B.s.: Phạm Hồng Chương (ch.b.), Nguyễn Hữu Cát, Phùng Đức Thắng... - H. : Lao động, 2025. - 415 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 150b
ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Lạc. - Phụ lục: tr. 348-409. - Thư mục: tr. 410-411 s614538

287. Lịch sử Đảng bộ huyện Cẩm Thủy (1946 - 2025) / B.s.: Trần Hồng Hải, Trần Thị Liên, Nguyễn Thị Kim Ngân, Lê Thị Hằng. - Tái bản có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 512 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 950b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cẩm Thủy. - Phụ lục: tr. 465-506. - Thư mục: tr. 508-509 s614497

288. Lịch sử Đảng bộ huyện Đàm Hà (1930 - 2025) / B.s.: Vũ Minh Thành (ch.b.), Đoàn Thị Yên, Nguyễn Thị Vân... - Kế thừa, chỉnh lý, bổ sung, biên soạn mới. - H. : Lao động, 2025. - 417 tr. : ảnh, bản đồ ; 24 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đàm Hà. - Phụ lục: tr. 344-411. - Thư mục: tr. 412-414 s614459

289. Lịch sử Đảng bộ huyện Nga Sơn (1945 - 2025) / Trịnh Nhu (ch.b.), Lương Viết Sang, Nguyễn Đình Nhon... ; Chỉnh lý, bổ sung: Nguyễn Huy Phương... - Tái bản có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 664 tr., 46 tr. ảnh : minh họa ; 24 cm. - 1500b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nga Sơn. - Phụ lục: tr. 617-657.- Thư mục: tr. 659-660 s614496

290. Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình (1943 - 2025). - Tái bản, có bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 588 tr. : ảnh màu, bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Bình. - Phụ lục: tr. 469-583. - Thư mục: tr. 584-586 s614541

291. Lịch sử Đảng bộ quân sự huyện Tòa Chùa (1956 - 2025) / B.s.: Nguyễn Xuân Việt, Mùa A Tú, Nguyễn Văn Ninh... - H. : Lao động, 2025. - 332 tr., 28 tr. ảnh màu : bảng ; 21 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Tòa Chùa. Đảng uỷ Quân sự huyện. - Phụ lục: tr. 317-326. - Thư mục: tr. 327-328 s614533

292. Lịch sử Đảng bộ thành phố Ninh Bình (2000 - 2024) : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Ngọc Hà, Trần Thị Mỹ Hương (ch.b.), Trần Tuấn Sơn... - H. : Thông tấn, 2025. - 382 tr., 23 tr. ảnh màu : bảng ; 24 cm. - 320b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hoa Lư. - Phụ lục: tr. 353-380 s614859

293. Lịch sử Đảng bộ thị trấn Lập Thạch (1930 - 2025) / B.s., s.t.: Ngô Ngọc Hải, Nguyễn Quang Mận, Nguyễn Ngọc Anh... - H. : Lao động, 2025. - 256 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc s614498

294. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau (1930 - 2015) / B.s.: Hồ Trung Việt, Dương Việt Thắng, Lê Khải Phong... ; S.t.: Nguyễn Thị Ngọc Hương, Nguyễn Thanh Đoàn. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 797 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau. - Phụ lục: tr. 745-786. - Thư mục: tr. 787-791 s614639

295. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế / B.s.: Phan Tiến Dũng (ch.b.), Nguyễn Văn Hoa, Nguyễn Thành Nhân... - Huế : Nxb. Thuận Hoá. - 24 cm. - 1500b

ĐTTS ghi: Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Huế

T.4: 2001 - 2024. - 2025. - 615 tr., 3 tr. ảnh màu : minh họa. - Phụ lục: tr. 527-606. - Thư mục: tr. 607-612 s614004

296. Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Nghĩa Hồng (1930 - 2025) / B.s.: Vũ Thị Thuỳ Linh, Nguyễn Kim Chiên ; S.t.: Trần Thị Ý Nhi... - H. : Tri thức, 2025. - 351 tr. : bìa, ảnh ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nghĩa Hồng. - Phụ lục: tr. 323-341. - Thư mục: tr. 342-343 s614956

297. Lịch sử Đảng bộ xã Đức Hạnh (1930 - 2024) / B.s.: Mai Thị Hồng Vĩnh, Hoàng Văn Lành, Nông Thị Huệ... - H. : Lao động, 2025. - 242 tr. : ảnh màu, bìa ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Bảo Lâm. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đức Hạnh. - Phụ lục: tr. 215-237. - Thư mục: tr. 238-239 s614536

298. Lịch sử Đảng bộ xã Huyền Sơn (1930 - 2020) / B.s.: Vũ Thái Dũng, Đỗ Văn Phương (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Hà, Đinh Thị Thanh ; S.t.: Trần Văn Đông... - H. : Thông tấn, 2025. - 285 tr., 20 tr. ảnh ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Lục Nam. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Huyền Sơn. - Phụ lục: tr. 263-282 s614884

299. Lịch sử Đảng bộ xã La Bằng (1936 - 2021) / Nguyễn Thị Kim Ngân chỉnh lý, bổ sung. - Tái bản có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 360 tr., 28 tr. ảnh : minh họa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Đại Từ. Ban Chấp hành Đảng bộ xã La Bằng. - Phụ chú: tr. 345-352. - Thư mục: tr. 353-354 s614495

300. Lịch sử Đảng bộ xã Minh Hải (1930 - 2025) / B.s.: Nguyễn Ngọc Hà, Trần Thị Mỹ Hường (ch.b.), Nguyễn Thị Như... ; S.t.: Nguyễn Thị Lỡn... - H. : Thông tấn, 2025. - 391 tr., 28 tr. ảnh : bìa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Văn Lâm. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Minh Hải. - Phụ lục: tr. 353-388 s614848

301. Lịch sử Đảng bộ xã Nam Quang (1930 - 2024) / B.s.: Ma Thị Hiền, Thào A Sóng, Ma Văn Cẩm... ; S.t.: Ma Văn Cẩm... - H. : Lao động, 2025. - 280 tr. : bìa ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Bảo Lâm. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Quang. - Phụ lục: tr. 237-275. - Thư mục: tr. 276-277 s614535

302. Lịch sử Đảng bộ xã Phan Thanh (1949 - 2020) / B.s.: Vi Văn Lực, Hoàng Văn Quan, Đoàn Thị Yến... ; S.t.: Hoàng Văn Quan... - H. : Lao động, 2024. - 217 tr. : minh họa ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Bảo Lộc. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phan Thanh. - Phụ lục: tr. 179-212. - Thư mục: tr. 213-214 s614532

303. Lịch sử Đảng bộ xã Thanh Sơn (1989 - 2020) / B.s.: Lê Văn Huân, Lương Văn Cấp, Lang Thế Sơn... - H. : Lao động, 2025. - 248 tr., 24 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Như Xuân. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thanh Sơn. - Phụ lục: tr. 233-242. - Thư mục: tr. 243-244 s614534

304. Lịch sử Đảng bộ xã Tùng Lộc (1930 - 2024) / Chính lý, bổ sung: Phạm Thị Hồng Duyên, Trương Thị Thu Thủy. - H. : Lao động, 2024. - 239 tr., 20 tr. ảnh : minh họa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tùng Lộc. - Phụ lục: tr. 191-235. - Thư mục cuối chính văn s614460

305. Lịch sử Đảng bộ xã Vô Tranh (1947 - 2024) / B.s.: Bùi Nhật Lai (ch.b.), Tô Sơn, Lê Thế Thành... ; S.t.: Hoàng Anh Tuấn... - Tái bản có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Lao động, 2025. - 392 tr., 28 tr. ảnh màu : bìa ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Phú Lương. Đảng bộ xã Vô Tranh. - Phụ lục: tr. 360-384. -
Thư mục: tr. 385-388 s614530

306. Martin Luther King : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Ahn Hyungmo ;
Tranh: ChungBe Studios ; Cao Thị Hải Bắc dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2025.
- 180 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 65000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: Who? Martin Luther King s614712

307. Nguyễn Lan Dung. Bộ máy chính quyền tỉnh Hà Đông từ khi thành lập (1902) đến
cuối cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1929) : Sách chuyên khảo / Nguyễn Lan Dung. - H. :
Khoa học xã hội, 2025. - 426 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 268000đ. - 280b
Thư mục: tr. 374-394. - Phụ lục: tr. 395-413 s614190

308. Nguyễn Minh Tuấn. Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới / Nguyễn Minh
Tuấn. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 443 tr. : bìa ; 24 cm. - (Tủ sách
Khoa học). - 155000đ. - 1700b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Phụ lục: tr. 375-435. - Thư
mục: tr. 436-443 s614164

309. Nguyễn Ngọc Lâm. Lịch sử Đảng bộ xã Huống Thượng (1946 - 2025) / Nguyễn
Ngọc Lâm ch.b. - H. : Lao động, 2025. - 444 tr., 2 tr. ảnh màu : ảnh, bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Thái Nguyên. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Huống Thượng.
- Phụ lục: tr. 366-439. - Thư mục: tr. 440-441 s614456

310. Nguyễn Ngọc Lâm. Lịch sử Đảng bộ xã Khe Mo (1948 - 2025) / Nguyễn Ngọc Lâm
ch.b. - H. : Lao động, 2025. - 353 tr., 1 ảnh chân dung : ảnh màu, bìa ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Đồng Hỷ. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Khe Mo. - Phụ lục: tr.
300-349. - Thư mục: tr. 350-351 s614494

311. Nguyễn Thị Kim Ngân. Lịch sử Đảng bộ phường Gia Cẩm (1984 - 2024) / B.s., chỉnh
lí: Nguyễn Thị Kim Ngân ; S.t.: Tạ Tấn... - Tái bản có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Lao động, 2025.
- 264 tr., 24 tr. ảnh màu : bìa ; 22 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ thành phố Việt Trì. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Gia Cẩm. - Phụ
lục: tr. 233-259. - Thư mục: tr. 260-261 s614537

312. Nguyễn Thị Ngọc Trinh. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đông Hưng lần thứ
I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 / B.s.: Nguyễn Thị Ngọc Trinh, Lê Bá Thịnh, Lê Thuý Hiền. - An
Giang : S.n., 2025. - 88 tr. : ảnh, bìa ; 20 cm. - 220b

ĐTTS ghi: Đảng bộ xã Đông Hưng s614491

313. Nguyễn Thị Thuần. Lịch sử Đảng bộ xã Bãi Trành (2004 - 2020) / B.s.: Nguyễn Thị
Thuần, Trần Thị Đông ; S.t.: Nguyễn Trung Tấn... - H. : Lao động, 2025. - 192 tr., 24 tr. ảnh
màu : bìa ; 21 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đảng bộ huyện Như Xuân. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Bãi Trành. - Phụ lục:
tr. 179-187. - Thư mục: tr. 189 s614531

314. Nguyễn Văn Thời. Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Tường (1930 - 2025) / B.s.: Nguyễn
Văn Thời, Vũ Văn Nam, Trần Thị Trang. - Tái bản có bổ sung lần thứ 2. - H. : Lao động, 2025.
- 560 tr., 64 tr. ảnh màu : bìa ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. - Phụ lục: tr.
465-556 s614539

315. Nguyễn Xuân Thắng. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong kỷ nguyên phát triển
mới / Nguyễn Xuân Thắng. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 515 tr. ; 24 cm. - 1000b
s614636

316. Phạm Hồng Tung. Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị : Chuyên luận / Phạm Hồng Tung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1. - 2025. - 543 tr. s615156
317. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững / Phạm Chánh Tông, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Phấn Đầu... ; B.s.: Nguyễn Văn Lĩnh... - H. : Lao động, 2025. - 370 tr. ; 21 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Trường Chính trị tỉnh Sóc Trăng s614406
318. Phương Hữu Tùng. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong chính sách công và quản lý công : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Phương Hữu Tùng, Ngô Sỹ Trung. - H. : Công Thương, 2025. - 202 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 50b
Thư mục: tr. 193-201 s615716
319. Phương Liệt: Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển : Kỷ yếu Chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Phương Liệt lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 / B.s.: Bùi Thu Trang, Trần Lan Hương, Nguyễn Công Bách... - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 40 tr. : ảnh màu ; 27 cm. - 250b
Đầu bìa sách ghi: Đảng bộ phường Phương Liệt s613542
320. Proceedings international conference: Role of India - Vietnam in developing global South cooperation = Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Vai trò của Ấn Độ và Việt Nam trong phát triển hợp tác Nam bán cầu / Sandeep Arya, Nguyen Thanh Ha, Nguyen Xuan Trung... ; Ed.: Nguyen Xuan Trung. - H. : Finance, 2025. - 482 p. : color pic. ; 28 cm. - 300 copies
At head of title: Vietnam Academy Social Sciences. Institute for South Asian, West Asian and African Studies. - Bibliogr. at the end of the paper s613886
321. Sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước / B.s.: Ngô Duy Hiếu (ch.b.), Nhạc Phan Linh, Phan Thanh Khôi... - H. : Lao động, 2024. - 299 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 1800b
Thư mục: tr. 283-293 s614446
322. Tài liệu học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam / Đỗ Thị Hiện, Trần Hữu Thắng (ch.b.), Bùi Văn Như... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 193 tr. ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 167-191. - Thư mục: tr. 192-193 s614278
323. Tình hình chính trị, đối ngoại, kinh tế, xã hội của Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2011 - 2021 : Sách chuyên khảo / Nguyễn Ngọc Lan (ch.b.), Trương Duy Hoà, Phạm Thị Mùi... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 267 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 100b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. - Thư mục: tr. 258-267 s614125
324. Trần Trọng Thơ. Đảng lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám 1945 : Sách chuyên khảo / Trần Trọng Thơ. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 280 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b
Thư mục: tr. 271-276 s614062
325. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ phường Nam Sầm Sơn lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 124 tr. : bảng ; 21 cm. - 215b
ĐTTS ghi: Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Nam Sầm Sơn s614509

326. Vietsovpetro / Văn phòng Đảng uỷ Vietsovpetro, Nguyễn Thế Kim, Hồng Thắm... - H. : Tài chính. - 29 cm
 Đầu bìa sách ghi: Đảng uỷ Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro
 T.89: Chào mừng Đại hội Đảng bộ Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025 - 2030. - 2025. - 98 tr. : ảnh màu s613612

KINH TẾ

327. A Nhữ Na. Vén khéo - Bí quyết tự do tài chính trước 30 / A Nhữ Na, Chu Kiếm Thuyền ; Phương Thảo dịch. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 197 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 139000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Trung: 上瘾式存钱:边赚边存,慢慢变富 s614487

328. Asia travel magazine : Du lịch Việt Nam bút phá trong kỷ nguyên mới / Phan Uyên, Mai Hoa, Hồng Lĩnh... - H. : Công Thương, 2025. - 95 tr. : ảnh ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b
 Đầu bìa sách ghi: Viện Phát triển Du lịch châu Á s613594

329. Aziz, Andrew. Kỹ thuật giao dịch để kiếm tiền hàng ngày trên thị trường chứng khoán = How to day trade for a living : Hướng dẫn dành cho người mới bắt đầu về công cụ giao dịch, chiến thuật, quản lý tiền, kĩ luật và tâm lý giao dịch / Andrew Aziz ; Dịch: Phạm Lê Thái, Lại Quốc Việt. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 261 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Tủ sách Đầu tư). - 298000đ. - 1000b s614314

330. Bài tập Thị trường chứng khoán / B.s.: Nguyễn Thị Bích Diệp (ch.b.), Hồ Ngọc Hà, Phạm Thị Mai Huyền, Quản Thị Thu Huyền. - H. : Lao động, 2025. - 182 tr. : bảng ; 21 cm. - 27000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh s614512

331. Bảo tồn, phát triển vốn tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở hạ lưu sông Cả : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Bích Nguyệt (ch.b.), Nguyễn Đình Đáp, Cao Thị Thanh Nga... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 271 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Địa lý Nhân văn. - Thư mục: tr. 262-271 s614130

332. Bergen, Mark. Hành trình thống trị thế giới của Youtube / Mark Bergen ; Phúc An dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 519 tr. ; 24 cm. - 248000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Like, comment, subscribe : Inside YouTube's chaotic rise to world domination s615041

333. Biên niên Lịch sử Công Thương Việt Nam / B.s.: Đặng Thị Ngọc Thu (ch.b.), Hoàng Ánh Tuyết, Lê Việt Hằng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật. - 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương

T.3: 2021 - 2024. - 2025. - 883 tr. s614629

334. Biên niên lịch sử Công Thương Việt Nam 2021 - 2023 / B.s.: Đặng Thị Ngọc Thu (ch.b.), Hoàng Ánh Tuyết, Lê Việt Hằng... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 499 tr. ; 24 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bộ Công Thương s614641

335. Bill Gates : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Ahn Hyungmo ; Tranh: ChungBe Studios ; Ngọc Anh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2025. - 177 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: Who? Bill Gates s614708

336. The biodiversity of Dong Chau - Khe Nuoc Trong nature reserve Quang Binh province, Vietnam / Bui Hung Trinh, Dang Ngoc Can, Dang Thanh Long... ; Comp.: Roger J. Safford, Le Trong Trai. - H. : Hanoi Publ. House, 2025. - 146 p. : ill. ; 30 cm. - 100 copies
Bibliogr.: p. 102-106. - App.: p. 107-146 s613970

337. Blas, Javier. Bán cả thế giới : Tiền bạc, quyền lực và những nhà thương mại trao tay tài nguyên của thế giới / Javier Blas, Jack Farchy ; Đồng Việt Dũng dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 455 tr. ; 24 cm. - 299000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: The world for sale. - Phụ lục: tr. 436-439 s614290

338. Borman, David. Nguyên tắc giao dịch trong ngày / David Borman ; Trương Tuấn dịch. - H. : Tài chính, 2025. - 339 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Day trading 101 : From understanding risk management and creating trade plans to recognizing market patterns and using automated software, an essential primer in modern day trading s614183

339. BoykoMaria. Vì sao nước rẻ hơn kim cương? : 48 câu hỏi "xóa mù" kinh tế học / Maria Boyko ; Minh họa: Nina Kuzmina ; Đỗ Ngọc Hợp dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 135 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Why water cheaper than diamond? s614771

340. Bùi Lan Hương. Kế hoạch bài dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 / Bùi Lan Hương, Nguyễn Thị Xuân (ch.b.), Nguyễn Nhật Hồng. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 429 tr. : bảng ; 24 cm. - 150000đ. - 200b s614935

341. Các dạng câu hỏi và bài tập phát triển năng lực Địa lí 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp Trung học cơ sở) / Nguyễn Đức Vũ (ch.b.), Nguyễn Hoàng Sơn, Phan Hữu Thịnh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 77 tr. : bảng ; 29 cm. - 89000đ. - 10000b s613257

342. Cagan, Michele. Cẩm nang đầu tư bất động sản / Michele Cagan ; Phạm Trúc Quỳnh dịch. - H. : Tài chính, 2025. - 330 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Real estate investing 101 : From finding properties and securing mortgage terms to REITs and flipping houses, an essential primer on how to make money with real estate s614185

343. Cagan, Michele. Nhà đầu tư thông minh / Michele Cagan ; Phạm Trúc Quỳnh dịch. - H. : Tài chính, 2025. - 395 tr. ; 21 cm. - 219000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Stock market 101 : From bull and bear markets to dividends, shares, and margins : your essential guide to the stock market s614186

344. Cao Thế Anh. Nhập môn du lịch đương đại - Từ lý thuyết đến thực tiễn / Cao Thế Anh (ch.b.), Trần Thị Thái Hoà, Trần Duy Liên. - H. : Tài chính, 2025. - 288 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 199000đ. - 500b
Thư mục: tr. 267-282. - Phụ lục: tr. 283-287 s614225

345. Chen Lei. Lược sử Kinh tế học lầy lội - Khủng hoảng dạy cho ta những gì? : Giải thích những nguyên lý kinh tế học hóc búa theo cách hài hước và dễ hiểu nhất! / Chen Lei ; Bích Thuận dịch. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 229000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 325 tr. : tranh vẽ s614568

346. Chen Lei. Lược sử Kinh tế học lầy lội - Khủng hoảng dạy cho ta những gì? : Giải thích những nguyên lý kinh tế học hóc búa theo cách hài hước và dễ hiểu nhất! / Chen Lei ; Bích Thuận dịch. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 179000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 234 tr. : tranh vẽ s614569

347. The conference on international economic cooperation and integration 2024 (CIECI 2024) - Green policies and practices: Catalyst or pressure for trade and investment / Ha Van Hoi, Bui Hong Cuong, Dao Ngoc Phuong Uyen... - H. : Hanoi National University, 2025. - 754 p. : ill. ; 24 cm. - 600000đ. - 50 copies

At head of title: Vietnam National University, Hanoi. University of Economics and Business. - Bibliogr. at the end of the paper s613855

348. Covel, Michael. Trend following : Cách thức để kiếm được vận may lớn và giàu có trong các thị trường Bò, Gấu và các sự kiện Thiên nga đen / Michael Covel ; Dịch: Thái Phạm, Đỗ Phan Thu Hà. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 834 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Đầu tư). - 599000đ. - 1000b s614317

349. Công ty Vật liệu nổ Công nghiệp - 30 năm (1995 - 2025) tạo giá trị, vững bước vươn xa / Vũ Lê Linh, Hoàng Quốc Mậu, Lê Thị Thu Thủy... - H. : Lao động, 2025. - 163 tr. : ảnh màu ; 25 cm. - 1700b

ĐTTS ghi: Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng. Công ty Vật liệu nổ Công nghiệp s614486

350. Cơ khí Hòn Gai - 65 năm truyền thống - Đối diện thách thức, hướng tới thành công / Nguyễn Thành Long, Nguyễn Văn Rực, Anh Phạm... - H. : Lao động, 2025. - 290 tr. : minh họa ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Công ty Cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin s614461

351. Dang Quang Vinh. Building economic institutions for high-income Viet Nam / Dang Quang Vinh, Nguyen Thuy Anh. - H. : National Economic University, 2025. - 147 p. ; 21 cm. - 189000đ. - 200 copies

At head of title: Vietnam National University, Hanoi. Vietnam Japan University. - Bibliogr.: p. 142-147 s613851

352. Đinh Thu Hà. Tác động của Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đối với ngành Công nghiệp điện tử Việt Nam: Thực trạng, dự báo và hàm ý chính sách / Đinh Thu Hà. - H. : Tài chính, 2025. - 189 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 200b

Thư mục: tr. 155-160. - Phụ lục: tr. 161-189 s614230

353. Đoàn Duy Khương. Quản trị kinh tế bền vững / Đoàn Duy Khương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 154 tr. : minh họa ; 26 cm. - 195000đ. - 2000đ
Thư mục: tr. 154 s614012

354. Đỗ Tấn Bình. Cha nghèo con giàu : Cuộc đối thoại xuyên thế hệ về tiền bạc / Đỗ Tấn Bình, Trần Nam Thắng. - H. : Tài chính, 2025. - 215 tr. : bảng ; 21 cm. - 199000đ. - 300b s614219

355. Đỗ Tấn Bình. Từ "bàn học" tới "bàn đời" : Giúp con khám phá bản thân - Chọn nghề theo sở trường - Sống một đời ý nghĩa / Đỗ Tấn Bình, Trần Nam Thắng. - H. : Tài chính, 2025. - 215 tr. ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s614227

356. Galgani, Matthew. Hướng dẫn thực hành CANSLIM cho người mới bắt đầu = How to make money in stocks getting started a guided to putting CANSLIM concepts into action / Matthew Galgani ; William J. O'Neil giới thiệu ; Biên dịch: Trương Minh Huy, Thái Phạm. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 330 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Đầu tư). - 250000đ. - 1000b s614315

357. Giáo trình Giáo dục vì sự phát triển bền vững / Trần Đức Tuấn, Nguyễn Kim Hồng (ch.b.), Trần Lê Bảo... - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 267 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 140000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi phần s615712

358. Giáo trình Khoáng sản Việt Nam / B.s.: Lê Thị Thu (ch.b.), Lê Xuân Trường, Nguyễn Đình Luyện, Hoàng Thị Thoa. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 251 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 397000đ. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mỏ - Địa chất. - Thư mục cuối mỗi chương s613575

359. Giáo trình Kinh tế vi mô / Nguyễn Thị Thu An, Ngô Anh Tuấn (ch.b.), Lê Thị Thanh Hiếu... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 247 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 92000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 247 s614910

360. Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ / B.s.: Bùi Thị Tiến (ch.b.), Lý Đức Dũng, Ngô Thị Thu Hà... - H. : Tài chính, 2025. - 295 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Học viện Báo chí và Tuyên truyền. - Thư mục: tr. 294-295 s614229

361. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu kinh tế và kinh doanh / Vũ Văn Hường, Lưu Quốc Đạt (ch.b.), Lê Đình Hải... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 309 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 189000đ. - 300b

Đầu bìa sách ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế. - Thư mục: tr. 305-309 s614084

362. Giáo trình Tổ chức sự kiện và du lịch MICE / Nguyễn Thị Bé Ba (ch.b.), Lê Hồng Cẩm, Lý Mỹ Tiên... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 171 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 100b
Thư mục: tr. 170-171 s615139

363. Giáo trình Tuyển dụng nhân lực / B.s.: Phùng Thế Hùng, Ngô Quang Trường (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Thị Mai Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 335 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 122000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Phụ lục: tr. 325-332. - Thư mục: tr. 333-335 s614081

364. Graham, Benjamin. Phân tích chứng khoán = Security analysis / Benjamin Graham, David L. Dodd ; Nguyễn Thụy Khánh Chương dịch ; Hoàng Minh Tân h.đ. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 823 tr. : bảng ; 24 cm. - 499000đ. - 3000b s614457

365. Hiệp hội Du lịch tỉnh Thanh Hoá - 20 năm xây dựng và phát triển (2005 - 2025) / B.s.: Lê Xuân Thảo, Nguyễn Thị Hồng Liên, Nguyễn Xuân Phi... - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 272 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 520b s613446

366. Hoàng Thanh Tuyền. Câu hỏi và bài tập Kinh tế học vi mô / Hoàng Thanh Tuyền ch.b. - H. : Dân trí, 2025. - 320 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 58000đ. - 1700b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công đoàn. - Thư mục: tr. 319-320 s615034

367. Hướng dẫn 12 cách kiếm tiền từ podcast và viết lách : Thu nhập cao không phải ai cũng biết! / Weupbooks b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 171 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (We up - Sách Kiếm tiền tài chính). - 160000đ. - 20000b s615016

368. Hướng dẫn học tập Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội / Vũ Thị Tuyết Mai (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thu, Trần Thị Thu Huyền... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 169 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 80000đ. - 3000b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh tế và Quản lý Công. Khoa Kế hoạch và Phát triển. - Thư mục: tr. 169 s613587

369. The international conference proceedings promoting sustainable and fair employment in global supply chains: Policies, laws and practices / Tran Thai Duong, Tran Thi

Thanh Mai, Ravinder Kumar... - H. : People's Public Security, 2025. - 695 p. : color pic. ; 27 cm. - 500 copies

At head of title: Binh Duong University. - Bibliogr. at the end of the paper s613885

370. Kennedy, Dan S. Triệu phú bất quy tắc : 7 bí quyết khởi nghiệp thành công, tự do tài chính, tích lũy gia sản / Dan S. Kennedy, Lee Milteer, Adam Witty ; Phạm Hạnh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 208 tr. : ảnh ; 19 cm. - 228000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Renegade millionaire: 7 secrets to extreme wealth, autonomy, and entrepreneurial success. - Phụ lục: tr. 199-206 s615762

371. Kinh nghiệm phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và hàm ý chính sách cho Việt Nam : Sách chuyên khảo / Phí Hồng Minh (ch.b.), Bùi Mỹ Trinh, Nguyễn Thị Tuyết Mai... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 567 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 210000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á. - Thư mục: tr. 543-567 s614142

372. Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp tỉnh về xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu Du lịch tỉnh Bình Thuận : PTTHDL 2023 / Nguyễn Quang Trung, Đinh Trần Thuý Vi, Trần Thị Hạnh Nguyên... - H. : Tài chính, 2023. - 574 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Thuận. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s613689

373. Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp tỉnh: Xây dựng và phát triển mô hình Làng văn hoá bốn dân tộc Kinh, Hoa, Chăm, Khmer phục vụ Du lịch An Giang: Thực tiễn và giải pháp / Nguyễn Thanh Nghị, Dương Văn Sáu, Võ Quế... - H. : Tài chính, 2023. - 488 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang; Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. Viện Công nghệ cao HUTECH. - Thư mục cuối mỗi bài s613688

374. Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Du lịch thời đại số: Sáng tạo, hội nhập & phát triển" / Nguyễn Thị Trinh, Nguyễn Quyết Thắng, Lê Thị Mỹ Hạnh... - H. : Tài chính, 2025. - 449 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s613613

375. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Kịch bản và định hướng phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long dưới tác động của hạn hán - xâm nhập mặn / Đào Thu Hà, Nguyễn Danh Nam, Uông Thị Ngọc Lan... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 229 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40b

ĐTTS ghi: Học viện Chính sách và Phát triển. - Thư mục cuối mỗi bài s613591

376. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Mô hình Trường Kinh doanh thuộc Đại học đa ngành / Tạ Văn Lợi, Nguyễn Thị Chính, Bùi Minh Quân... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 503 tr. : bảng ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường Kinh doanh. - Thư mục cuối mỗi bài. - Phụ lục trong chính văn s613590

377. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Công nghệ tài chính Việt Nam - Thực trạng và dự địa phát triển / Hoàng Thị Ngọc Thuý, Cấn Văn Lực, Phạm Thị Hạnh... - H. : Tài chính, 2025. - 231 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Tài chính. - Thư mục cuối mỗi bài s614228

378. Kỹ yếu Hội thảo quốc gia: Cơ sở lý luận và thực tiễn về hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp ngành Thủy sản / Nguyễn Thị Minh Phương (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Thơ, Phạm Phương Mai... - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 268 tr. : bảng, biểu đồ ; 30 cm. - 100b

Thư mục cuối mỗi bài s613608

379. Lập và thẩm định dự án đầu tư : Cung cấp nhiều tài liệu thực tế về dự án đầu tư / Đinh Thế Hiền (ch.b.), Nguyễn Hoàng Hiệp, Huỳnh Thị Xuân Trang, Võ Chí Tài. - H. : Tài chính, 2025. - 405 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 495000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 405 s613687

380. Lê Hoàng Linh. Sống đời rừng rinh thông dong : Quán xuyến chuyện tiền nong, hướng về an tâm tài chính / Lê Hoàng Linh. - H. : Thế giới, 2025. - 258 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 199000đ. - 5000b s614307

381. Lịch sử ngành Công nghiệp Dệt may Việt Nam 1898 - 2025 : Sách chuyên khảo / Lê Tiến Trường (ch.b.), Ngô Hoàng Nam, Hoàng Mạnh Cầm... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 599 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 520000đ. - 800b

Thư mục: tr. 533-552. - Phụ lục: tr. 553-599 s614216

382. Mill, Alfred. Tài chính cá nhân căn bản / Alfred Mill ; Trương Tuấn dịch. - H. : Tài chính, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - 195000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Personal finance 101 : From saving and investing to taxes and loans, an essential primer on personal finance s614184

383. Một số vấn đề dân số trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Nghệ An : Sách chuyên khảo / Trần Thị Minh Thi, Nguyễn Thị Minh Tú, Trịnh Thái Quang (ch.b.)... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 455 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Thư mục: tr. 440-447. - Thư mục: tr. 448-455 s614140

384. Nguyễn Duy Nhiên. Chuyển giao công nghệ cao từ nước ngoài vào một số ngành Công nghiệp trọng điểm của Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Nguyễn Duy Nhiên. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 276 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 155000đ. - 200b

Thư mục: tr. 267-275 s613604

385. Nguyễn Phú Thắng. Năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch đô thị, trường hợp thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Phú Thắng (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng, Lê Hữu Dũng. - H. : Lao động, 2025. - 174 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 120000đ. - 300b

Phụ lục: tr. 154-165. - Thư mục: tr. 166-172 s614473

386. Nguyễn Tài Tuệ. Cơ sở lý luận phát triển bền vững / Nguyễn Tài Tuệ (ch.b.), Trần Thị Dung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 216 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 120000đ. - 250b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. - Thư mục: tr. 209-214 s613702

387. Nguyễn Thanh Sang. Nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch ở tỉnh Bạc Liêu : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thanh Sang. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 249 tr. ; 24 cm. - 220000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 233-249 s614936

388. Nguyễn Thị Thanh Thảo. 2025 越南華商採購名錄 = 2025 Vietnam buyer's guide / Nguyễn Thị Thanh Thảo. - H. : Hồng Đức, 2025. - 627 页 : 照片 ; 26 cm. - 500000đ. - 1500 copies s613808

389. Nguyễn Trung Tuyền. Một cuộc đời - Một niềm tin - Một cộng đồng / Nguyễn Trung Tuyền. - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 140 tr. : ảnh ; 19 cm. - 168000đ. - 1500b s615806

390. Nguyễn Xuân Bắc. Phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số: Góc nhìn từ ba chủ thể nhà nước - doanh nghiệp - tổ chức khoa học công nghệ : Sách chuyên khảo / Nguyễn Xuân Bắc. - H. : Lao động, 2025. - 242 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 95000đ. - 200b

Thư mục: tr. 207-226. - Phụ lục: tr. 227-241 s614523

391. O'Neil, William J. Canslim hệ thống đầu tư hoàn chỉnh giúp bạn làm giàu từ chứng khoán = How to make money in stock complete investing system : Những hướng dẫn thiết thực để trở thành nhà giao dịch siêu hạng trong cả thời điểm thuận lợi lẫn khó khăn / William J. O'Neil ; Biên dịch: Trương Minh Huy, Thái Phạm. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 709 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Đầu tư). - 450000đ. - 1000b s614316

392. Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT môn Địa lí : Theo Chương trình GDPT mới... / Bùi Nghĩa Hoàng (ch.b.), Nguyễn Quỳnh Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 167 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 120000đ. - 1000b s615098

393. Park Jisu. Sổ tay Quản lý tài chính : Hướng dẫn thực hành 60 ngày tiết kiệm / Park Jisu ; Lê Thuỳ Dung dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 248 tr. : hình vẽ, bảng ; 18 cm. - 112000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 60일 완성 무조건 모이는 돈 버는 습관 s615761

394. Phan Thi Thuc Anh. Vietnam industry innovation : Measuring progress in hospitality, healthcare, and retail real estate / Ed.: Phan Thi Thuc Anh, Soumitra Dutta. - 1st ed. - H. : Science and Technology, 2025. - 145 p. : ill. ; 30 cm. - 50 copies

At head of title: VinUniversity. - Bibliogr.: p. 61-81. - App.: p. 85-145 s613918

395. Proceedings 3rd international conference for graduate education "Sustainable development in the new context: Country and firm - Level perspectives" / Sinikinesh Beyene Jimma, Tran Nguyen Chat, Nguyen Thi Ngan Ha... - H. : Lao động, 2024. - 841 p. : ill. ; 30 cm. - 100 copies

At head of title: Trường Đại học Ngoại thương; ICGE. - Bibliogr. at the end of the paper s613998

396. Proceedings of the 2nd international scientific conference on emerging industrial revolution (ICEIR 2025) / Khoa Dang Ngo, Hoa Minh Doan, Van Linh Nguyen... ; Ed.: Thanh Thuy Nguyen... - Can Tho : Can Tho University, 2025. - 479 p. : ill. ; 28 cm. - 30 copies

At head of title: Nam Can Tho University; Nkumba University s613920

397. Proceedings the third international conference on student research - International conference young researchers in economics and business 2024 (SR-ICYREB 2024) / Phan Thi Nhu Quynh, Vo Le Nhat Linh, Le Thi Quynh Trang... - Hue : Hue University, 2025. - 1887 p. : ill. ; 30 cm. - 20 copies

At head of title: Trường Đại học Kinh tế Huế... - Bibliogr. at the end of the paper s613999

398. Rainscales -15 years anniversary : Still day one - Still us / Trần Mạnh Huy, Trần Tôn Thanh Thảo, Bùi Thị Tố Trân... - H. : Thế giới, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, ảnh màu ; 30 cm. - 800b
Đầu bìa sách ghi: Tập thể nhân viên Công ty TNHH Rainscales Việt Nam s613680

399. The second international conference on economics and business in the digital era - iCEBD 2025 / Trinh Doan Tuan Linh, Nguyen Ngoc Khai, Pham Thanh Loc... ; Ed.: Ngo Minh Hai... - H. : Finance, 2025. - 1070 p. : ill. ; 29 cm. - 100 copies

At head of title: Ho Chi Minh City University of Economics and Finance... - Bibliogr. at the end of the paper s613903

400. Sectoral innovation system in renewable energy: Case of solar and wind in Vietnam / Tran Ngoc Ca, Cao Thi Thu Anh, Dang Thanh Tung, Phan Xuan Linh. - H. : Science and Technology, 2025. - 192 p. : tab. ; 24 cm. - 30 copies

Bibliogr.: p. 185-189. - App.: p. 190-192 s613857

401. Sowell, Thomas. Những sự thật và nguy hiểm trong kinh tế học / Thomas Sowell ; Biên dịch: Thái Phạm, Bùi Đức Huy. - H. : Thế giới, 2025. - 317 tr. ; 24 cm. - 399000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: Economic facts and fallacies s614303

402. Thiết kế cuộc sống : Truyện tranh / Tô Quyên ; Minh họa: AI. - H. : Lao động, 2025. - 36 tr. : ảnh màu ; 20x28 cm. - 99000đ. - 500b s614490

403. Trần Hùng Cường. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực: Trường hợp các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Thương mại - Dịch vụ tỉnh Trà Vinh / Ch.b.: Trần Hùng Cường, Trần Lợi, Lê Hoàng Thuya. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 227 tr. : minh họa ; 21 cm. - 180000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 206-227 s614928

404. Triết học phổ thông bằng tranh - Lao động : Dành cho lứa tuổi 10+ / Martine Gasparov, Émilie Boudet ; Lại Thị Thu Hiền dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 46 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Toute la philo en BD : Le travail s614755

405. 21th international conference socho-economic and environmental issues in development : 2025 proceedings / Le Quang Canh, Le Thanh Ha, Au Thanh Huyen... - H. : Finance, 2025. - xxxiv, 4238 p. : fig., tab. ; 30 cm. - 200 copies

At head of title: Đại học Kinh tế Quốc dân... - Bibliogr. at the end of the paper s613900

406. Ứng dụng thống kê sinh học trong quản lý tài nguyên rừng : Giáo trình trường Đại học Lâm nghiệp / Nguyễn Thanh Tuấn, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Văn Quý... - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 531 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 467000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Lâm nghiệp. - Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 474-531 s613601

407. Vietnam manufacturers : Your success our promise : Issue 2025. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 392 p. : ill. ; 21 cm. - 600000đ. - 1000 copies s613829

408. Vinh Phuc - Potentials and investment opportunities / Ed.: Cao Lam Ngo Van, Nguyen Hoang Nam, Nguyen Thi Thom, Phan Thi Ngoc Anh ; Ill.: Quoc Huy ; Revise: Nguyen Thi Thom, Phan Thi Ngoc Anh. - S.l. : S.n., 2025. - 28 p. : ill. ; 29 cm. - 1000 copies

At head of cover: Vinh Phuc Investment Promotion and Enterprise Support Center s613890

409. Vinhphuc 투자 기회 및 잠재력. - S.l. : S.n., 2025. - 28 p. : ill. ; 29 cm. - 1000 copies s613812

410. Wai Hoàng. Từ huyệt Crypto : Giải mã thất bại của 90% nhà đầu tư / Wai Hoàng. - H. : Công Thương, 2025. - 218 tr. : minh họa ; 19 cm. - 159000đ. - 1000b s615808

411. Yagi Yoko. Mẹ ơi, tiền là gì? : Trẻ em cũng cần quản lý tài chính / Yagi Yoko ; Nguyễn Quốc Vương dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 21 cm. - 145000đ. - 2000b
Phụ lục cuối mỗi chương s615077

412. ヴィンフック 潜在力と投資機会. - S.l. : S.n., 2025. - 28 页 : ill. ; 29 cm. - 800 copies s613813

413. 永福 投資潜力与机遇. - S.l. : S.n., 2025. - 28 页 : 插图 ; 30 cm. - 800 copies s613809

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CÁC HỆ THỐNG LIÊN QUAN

414. Bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh : Dùng cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội / Hà Thị Dáng Hương, Nguyễn Quốc Đoàn, Phạm Thị Mai Duyên, Nguyễn Thị Thu Hà. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 111 tr. ; 21 cm. - 32000đ. - 1200b
Thư mục: tr. 110-111 s614904

415. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin : Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị / B.s.: Ngô Tuấn Nghĩa, Phạm Văn Dũng, Đoàn Xuân Thủy... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 291 tr. ; 21 cm. - 48000đ. - 20000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục: tr. 287-288 s614618

416. Giáo trình Triết học Mác - Lênin : Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị / B.s.: Phạm Văn Đức, Trần Văn Phòng, Nguyễn Tài Đông... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 495 tr. ; 21 cm. - 78000đ. - 20000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thư mục: tr. 490-491 s614619

417. Hồ Chí Minh. Thư Bác Hồ gửi thanh niên / Hồ Chí Minh ; Minh họa: Lê Minh Hải. - H. : Kim Đồng, 2025. - 107 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 45000đ. - 2000b s614669

418. Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin : Dùng cho sinh viên đại học không chuyên lý luận chính trị / Ngô Thái Hà (ch.b.), Đào Thị Ngọc Minh, Hoàng Thị Thinh... - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 107 tr. : bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 106-107 s614881

419. Karl Marx : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Lee Sukja ; Tranh: ChungBe Studios ; Cao Thị Hải Bắc dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 155 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Who? Karl Marx s614705

420. Lê Thị Hạnh. Triết học Mác - Lênin với việc bồi dưỡng tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Lê Thị Hạnh ch.b., Nguyễn Thị Mai. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 134 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 100b
Thư mục: tr. 129-134 s614933

421. Nguyen Phu Trong. Algunas cuestiones teóricas y prácticas sobre el socialismo y el camino hacia el socialismo en Vietnam / Nguyen Phu Trong ; Trad.: Vu Trung My ; Revisado: Alberto Salazar. - 2a ed. - H. : Nacional Política, 2025. - 575 p. ; 24 cm. - 1000 copies s613843

422. Những lá thư đặc biệt của Bác Hồ - Bao tâm tình Người gửi lại / S.t., giới thiệu: Bích Thủy, Quốc Học. - H. : Lao động, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 90000đ. - 2000b s614372

423. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin : Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị / Trần Văn Phòng (ch.b.), Đặng Quang Định, Vũ Hồng Sơn... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Lý luận Chính trị, 2025. - 620 tr. ; 21 cm. - 130000đ. - 4500b
ĐTTS ghi: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Thư mục cuối mỗi bài s615794

424. Tài liệu học tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Bùi Thị Hảo (ch.b.), Hoàng Thị Duyên, Trương Thị Chuyên, Lê Đình Trường. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 187 tr. : bảng ; 24 cm. - 40000đ. - 5000b
Thư mục: tr. 187 s614277

425. Tài liệu học tập môn Triết học Mác - Lênin : Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị / Phạm Thị Lan, Nguyễn Thị Thuý Cường (ch.b.), Huỳnh Ngọc Bích... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 174 tr. ; 24 cm. - 45000đ. - 3000b
Thư mục: tr. 173 s614274

426. Triết học Mác - Lênin : Bài giảng dùng cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội / Trần Việt Thắng, Đinh Thanh Xuân, Hoàng Thị Hạnh... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 111 tr. ; 21 cm. - 28000đ. - 1200b
Thư mục: tr. 111 s614905

PHÁP LUẬT

427. Bùi Ai Giôn. Bình luận các án lệ tranh chấp về đất đai - Góc nhìn từ thực tiễn xét xử của thẩm phán / Bùi Ai Giôn. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 180000đ. - 515b

T.1: Các án lệ về hợp đồng dân sự: Hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng, trao đổi đặt cọc quyền sử dụng đất. - 2025. - 455 tr. - Thư mục: tr. 444-448 s614030

428. Bùi Ai Giôn. Bình luận các án lệ tranh chấp về đất đai - Góc nhìn từ thực tiễn xét xử của thẩm phán / Bùi Ai Giôn. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 160000đ. - 515b

T.2: Các án lệ về thừa kế. - 2025. - 334 tr. - Thư mục: tr. 321-328 s614031

429. Các chức năng tổ tụng hình sự cơ bản trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam : Sách chuyên khảo / Đỗ Thị Phương (ch.b.), Mai Thanh Hiếu, Trần Thị Liên, Trần Thị Thu Hiền. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 312 tr. ; 21 cm. - 136000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 304-309 s614620

430. Giáo trình Công pháp quốc tế / B.s.: Trần Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Yên (ch.b.), Trần Thắng Long... - Tái bản lần thứ 6. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 99000đ. - 600b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
Q.1. - 2025. - 549 tr. - Thư mục cuối mỗi chương s614050

431. Giáo trình Luật Dân sự 1 - Phần chung / B.s.: Ngô Huy Cương, Nguyễn Thị Phương Châm, Trần Kiên (ch.b.)... - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 299 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 115000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 283-292 s614160

432. Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam : Dành cho hệ đại học / Vũ Thị Hồng Vân (ch.b.), Lê Đình Nghi, Lê Đăng Khoa... - Tái bản. - H. : Công an nhân dân. - 21 cm. - 115000đ. - 355b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát

T.1. - 2025. - 527 tr. - Thư mục: tr. 515-518 s614054

433. Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam / Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Hà (ch.b.), Nguyễn Cửu Việt... - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 615 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 215000đ. - 1200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 611-615 s614161

434. Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam : Dành cho hệ đại học / Lê Ngọc Duy (ch.b.), Lê Thu Hà, Trần Sỹ Dương... - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 368 tr. ; 21 cm. - 12000đ. - 305b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát. - Thư mục: tr. 360-361 s614056

435. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam : Phần chung / Lê Văn Cẩm, Trịnh Tiến Việt (ch.b.), Nguyễn Thị Lan... - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 669 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 225000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 660-669 s614162

436. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam : Phần chung : Dành cho hệ đại học / Mai Đắc Biên (ch.b.), Hoàng Bích Ngọc, Nguyễn Đức Hạnh... - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 495 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 305b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. - Thư mục: tr. 477-485 s614055

437. Giáo trình Luật Thương mại : Dành cho Chương trình đào tạo bậc đại học / Phạm Thị Hạnh, Phạm Thị Thi (ch.b.), Lê Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị An. - H. : Tài chính. - 27 cm. - 180000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Kế toán

T.1. - 2025. - 309 tr. - Thư mục: tr. 305-309 s613609

438. Giáo trình Luật Thương mại : Dành cho Chương trình đào tạo bậc đại học / Phan Thị Thu Thủy, Phạm Thị Hạnh (ch.b.), Huỳnh Ngọc Nghiêm... - H. : Tài chính. - 27 cm. - 180000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Kế toán

T.2. - 2025. - 301 tr. : bảng. - Thư mục: tr. 293-301 s613610

439. Giáo trình Luật Tổ tụng hình sự Việt Nam / Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi (ch.b.), Trần Thu Hạnh... - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 650 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 230000đ. - 1200b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục: tr. 643-646. - Phụ lục: tr. 647-650 s614163

440. Giáo trình môn học Pháp luật kinh tế : Dành cho ngành, nghề: Kế toán. Trình độ: Cao đẳng / Hồ Trinh Nhất Gia (ch.b.), Trịnh Ngọc Thủy, Nguyễn Thị Hồng Vân, Vũ Diệp Thanh Thảo. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 111 tr. : bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Thư mục: tr. 111 s614916

441. Giáo trình Pháp luật kinh tế : Dành cho chương trình đào tạo bậc đại học / Phạm Thị Hạnh, Huỳnh Ngọc Nghiêm (ch.b.), Mai Nguyễn Anh Thư... - H. : Tài chính, 2025. - 308 tr. ; 29 cm. - 180000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Kế toán. - Thư mục: tr. 307-308 s613611

442. Giáo trình Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự : Dành cho hệ đại học / Mai Đắc Biên, Bùi Thị Hạnh (ch.b.), Vũ Thị Hồng Vân... - Tái bản. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - 86000đ. - 255b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kiểm sát. - Thư mục: tr. 305-313 s614053

443. Giới thiệu một số nội dung của Luật Tư pháp người chưa thành niên / Lê Thế Phúc (ch.b.), Nguyễn Văn Tùng, Hoàng Thị Song Mai... - H. : Tư pháp, 2025. - 155 tr. : bảng ; 19 cm. - 80000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Tòa án nhân dân tối cao. Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học s615726

444. Hải Lý. Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sửa đổi, bổ sung), Luật Quản lý ngoại thương (quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu) / Hải Lý b.s. - H. : Thế giới, 2025. - 523 tr. : bảng ; 28 cm. - 480000đ. - 1000b s613677

445. Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (sửa đổi, bổ sung) : Thông tư số 41/2025/TT-BTC ngày 16/06/2025 của Bộ Tài chính / Tường Vi hệ thống. - H. : Tài chính, 2025. - 395 tr. : bảng ; 28 cm. - 395000đ. - 1000b

Phục lục trong chính văn s613684

446. Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ - Các bản hiến pháp năm 1946, năm 1959, năm 1980, năm 1992, năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Thế giới, 2025. - 391 tr. : bảng ; 27 cm. - 395000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Quốc hội (Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam) s613674

447. Hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản thu nhập không thường xuyên : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Hoài Thu (ch.b.), Nguyễn Hương Ly, Lê Thị Ngân Hà... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 248 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 185000đ. - 100b

Thư mục: tr. 229-239 s614043

448. Hỏi và đáp về Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ : Dành cho đào tạo, sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 216 tr. : minh hoạ ; 19 cm. - 50000đ. - 500000b s615804

449. Hỏi và đáp về Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ : Dành cho đào tạo, sát hạch lái xe hạng A, A1. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 112 tr. : minh hoạ ; 19 cm. - 25000đ. - 90000b s615801

450. Hướng dẫn học tập môn học Luật Thương mại / B.s.: Vũ Đức Anh, Lâm Thành Danh (ch.b.), Bùi Thị Khuyên... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 551 tr. ; 21 cm. - 203000đ. - 210b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Khoa Luật. - Thư mục: tr. 547-551 s614038

451. Hướng dẫn kê khai thuế dành cho dân kế toán và nhà bán hàng / Weupbooks b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 187 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 150000đ. - 10000b s614995

452. International conference proceedings: Legal English education in Vietnam in global integration context / Dao Gia Phuc, Marian Dent, Le Vu Nam... ; Ed.: Le Vu Nam... - Ho Chi Minh City : VNU-HCM Press, 2025. - 350 p. : ill. ; 24 cm. - 200 copies

At head of cover: Vietnam National University - Ho Chi Minh City. University of Economics and Law. - Bibliogr. at the end of the paper s613856

453. Kỷ yếu diễn đàn luật học mùa thu lần thứ ba: Những phát triển mới của luật học thế giới và Việt Nam / Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Minh Tuấn, Hoàng Thị Kim Quế... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 551 tr. ; 27 cm. - 168000đ. - 210b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Luật. - Thư mục cuối mỗi bài s613586

454. Liên Đăng Phước Hải. Cẩm nang Pháp luật về hợp đồng đặt cọc : Tranh chấp - Pháp luật - Bài học / Liên Đăng Phước Hải. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 151 tr. : bảng ; 21 cm. - 121000đ. - 500b s614029

455. Luật Doanh nghiệp - Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định pháp luật mới nhất doanh nghiệp, hộ kinh doanh cần biết / Hữu Đại hệ thống. - H. : Thế giới, 2025. - 455 tr. : bảng ; 28 cm. - 450000đ. - 1000b s613675

456. Luật Đấu thầu hợp nhất và Nghị định 214/2025/NĐ-CP. - H. : Hồng Đức, 2025. - 396 tr. ; 21 cm. - 100000đ. - 5000b s614575

457. Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024 và những điểm mới. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2025. - 163 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s614233

458. Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán (sửa đổi, bổ sung) năm 2025 : Quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, công khai, giám sát ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước / Bích Phương hệ thống. - H. : Tài chính, 2025. - 399 tr. : bảng ; 28 cm. - 395000đ. - 2000b s613685

459. Minh Tân. 600 câu hỏi dùng cho sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ / Minh Tân. - H. : Hồng Đức, 2025. - 239 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 65000đ. - 3000b s614558

460. Ngô Hữu Phước. Phương pháp thực hiện luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ ngành Luật / Ngô Hữu Phước. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 267 tr. : bảng ; 21 cm. - 96000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 241-256. - Thư mục: tr. 257-264 s614621

461. Nguyễn Đức Tính. Pháp luật về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đức Tính. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 148 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 500b

Thư mục: tr. 139-147 s614032

462. Nguyễn Hồng Quân. Cẩm nang Pháp luật đời thường : 199 câu hỏi tình huống thực tế / Nguyễn Hồng Quân. - H. : Hồng Đức, 2025. - 251 tr. ; 24 cm. - 234000đ. - 2000b s614585

463. Nguyễn Phước Vẹn. Mua bán đất: Thẩm định pháp lý chiêu trò, giải pháp và hơn 111 ví dụ / Nguyễn Phước Vẹn. - H. : Lao động, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 368000đ. - 5000b s614454

464. Nguyễn Phước Vẹn. Pháp lý bất động sản: Hỏi khó có luật sư Vẹn / Nguyễn Phước Vẹn. - H. : Lao động, 2025. - 142 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 5000b s614453

465. Nguyễn Phước Vẹn. Pháp lý nhà đất: Hỏi đáp thực tiễn cùng chuyên gia / Nguyễn Phước Vẹn. - H. : Lao động, 2025. - 174 tr. : bảng ; 21 cm. - 196000đ. - 5000b s614455

466. Nguyễn Thị Huyền Trang. Hoạt động bào chữa của luật sư trong các vụ án hình sự về tham nhũng ở Việt Nam hiện nay / Nguyễn Thị Huyền Trang. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 324 tr. ; 21 cm. - 98000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 302-321 s614622

467. Nguyễn Thị Thu Hương. Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông / Ch.b.: Nguyễn Thị Thu Hương, Mai Thị Tuyết. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 123 tr. : bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 50b

Thư mục: tr. 113-123 s614083

468. Nguyễn Việt Khoa. Pháp lý cho doanh nhân : Bảo vệ tài sản giữ gìn danh tiếng phát triển bền vững / Nguyễn Việt Khoa, Nguyễn Như Ý. - H. : Tài chính, 2025. - 270 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 1000b s614217

469. Những điều cần biết về thuế và hoá đơn, chứng từ áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp / Tài Thành hệ thống. - H. : Hồng Đức, 2025. - 402 tr. ; 27 cm. - 395000đ. - 1000b s613648

470. Phạm Thanh Tú. Tài liệu học tập: Luật Hình sự Việt Nam / Phạm Thanh Tú (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 6, có chỉnh sửa bổ sung. - H. : Hồng Đức, 2025. - 295 tr. : bảng ; 24 cm. - 166000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Luật. - Thư mục: tr. 294 s614586

471. Pháp luật bảo vệ môi trường thúc đẩy việc thực hiện kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay : Sách chuyên khảo / Chu Thị Hoa (ch.b.), Đặng Thị Thu Huyền, Lưu Thị Phần... - H. : Tư pháp, 2025. - 287 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 200000đ. - 300b
Thư mục: tr. 272-282 s614920

472. Pháp luật về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án điện năng lượng mặt trời tại Việt Nam : Sách tham khảo / Phan Đình Minh, Phan Vĩnh Tuấn Anh (ch.b.), Lê Thị Thảo, Lê Thị Phúc. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. : bảng, hình vẽ ; 21 cm. - 110000đ. - 210b
Thư mục: tr. 199-219 s614042

473. Phòng, chống các tội phạm tham nhũng xảy ra trong các lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / B.s.: Trần Văn Hải (ch.b.), Nguyễn Sơn Hà, Lý Nam Hải... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 207 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 110b
Thư mục: tr. 197-207 s614040

474. Phương pháp hiệu nhanh 600 câu lý thuyết : Dựa theo tài liệu Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an Việt Nam : Dành cho các hạng B, C1, C, D1, D2, D, CE, DE / Trung tâm Đào tạo lái xe Bình Dương tổng hợp, b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 87 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 149000đ. - 20000b s614584

475. Proceedings of the International Graduate Conference on economic law and corporate governance in the context of sustainable development / Nguyễn Văn Nhung, Michael Burnbaum, Lê Anh Văn... - H. : Tài chính, 2025. - 700 tr. ; 21 cm. - 500000đ. - 50b
Thư mục cuối mỗi bài s614232

476. Schauer, Frederick. Tư duy như một luật sư : Một chỉ dẫn pháp luận quan trọng cho người hành nghề luật = Thinking like a lawyer : A new introduction to legal reasoning / Frederick Schauer ; Trần Quang Thái dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Lao động, 2025. - 351 tr. ; 24 cm. - 249000đ. - 500b s614477

477. Tài liệu học tập Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ : Dùng cho đào tạo, sát hạch lái xe cơ giới đường bộ. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 356 tr. : minh hoạ ; 19 cm. - 63000đ. - 30000b s615803

478. Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá - 80 năm xây dựng và trưởng thành (1945 - 2025) / B.s.: Đỗ Thế Bình, Nguyễn Thị Nga (ch.b.), Ngô Thị Hà... - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 215 tr. : ảnh màu ; 25 cm. - 180b s614001

479. Vietnam (Socialist Republic of Vietnam). Laws and Decrees. Law geology and minerals. - H. : Natural Resources, Environment and Cartography of Vietnam, 2025. - 126 p. : ill. ; 24 cm. - 300 copies s613833

480. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Dân sự - Bộ luật Tổ tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) : Văn bản hướng dẫn thi hành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 526 tr. ; 27 cm. - 515000đ. - 1000b s613653

481. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 539 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 500b s614922

482. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 480 tr. ; 21 cm. - 147000đ. - 5000b s614625

483. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025). - H. : Lao động, 2025. - 554 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b s614427

484. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Hồng Đức, 2025. - 544 tr. ; 27 cm. - 535000đ. - 1000b s613657

485. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Lao động, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 6000b s614408

486. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025). - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 448 tr. ; 21 cm. - 174000đ. - 5000b s614623

487. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). - H. : Tư pháp, 2025. - 419 tr. ; 24 cm. - 160000đ. - 500b s614921

488. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi, bổ sung năm 2024). - H. : Lao động, 2025. - 82 tr. ; 21 cm. - 52000đ. - 5000b s614447

489. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2023, 2024). - H. : Lao động, 2025. - 188 tr. : bảng ; 21 cm. - 70000đ. - 5000b s614445

490. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Cán bộ, công chức : Các văn bản quy định chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 306 tr. ; 27 cm. - 300000đ. - 1000b s613651

491. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá (sửa đổi, bổ sung năm 2025) : Văn bản quy định chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 414 tr. : bảng ; 27 cm. - 395000đ. - 1000b s613658

492. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Khiếu nại (sửa đổi, bổ sung năm 2013). - H. : Lao động, 2025. - 43 tr. ; 21 cm. - 34000đ. - 5000b s614448

493. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (sửa đổi, bổ sung năm 2025) : Văn bản quy định chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 446 tr. ; 27 cm. - 435000đ. - 1000b s613650

494. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn : Văn bản quy định chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 402 tr. ; 27 cm. - 395000đ. - 1000b s613652

495. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đơn vị hành chính cấp tỉnh và danh sách đơn vị hành chính cấp xã của 34 tỉnh, thành phố. - H. : Hồng Đức, 2025. - 410 tr. ; 27 cm. - 395000đ. - 1000b s613656

496. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tổ chức Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2025) : Văn bản quy định chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 350 tr. ; 27 cm. - 345000đ. - 1000b s613655

497. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Tố tụng hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025) : Văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết thi hành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 428 tr. ; 27 cm. - 420000đ. - 1000b s613654

498. Việt Nam (CHXHCN). Luật lệ và sắc lệnh. Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025) : Các văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành. - H. : Hồng Đức, 2025. - 470 tr. ; 27 cm. - 460000đ. - 1000b s613649

499. Vu Kim Hanh Dung. The applicability of jurisconsultorium on the CISG in the Vietnamese judiciary / Vu Kim Hanh Dung. - Ho Chi Minh City : VNU-HCM Press, 2025. - 322 p. ; 24 cm. - 196000đ. - 500 copies s613841

HÀNH CHÍNH CÔNG VÀ QUÂN SỰ

500. Bồi dưỡng phương pháp học tập cho học viên ở các trường đại học quân sự theo tư tưởng “lấy tự học làm cốt” của Hồ Chí Minh : Sách chuyên khảo / B.s.: Nguyễn Xuân Sinh (ch.b.), Phạm Đình Quân, Nguyễn Thị Thùy Dung... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 120 tr. ; 21 cm. - 48000đ. - 637b

Thư mục: tr. 111-118 s614077

501. Cẩm nang Hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ phân cấp, phân định thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch / B.s.: Phạm Cao Thái, Nguyễn Nguyên, Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Thị Minh Nghĩa. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 71 tr. : bảng ; 15 cm. - 5000b s615811

502. Chiến tranh nhân dân - Quốc phòng toàn dân : Tuyển chọn bài viết của các đồng chí Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam / Hoàng Văn Thái, Văn Tiến Dũng, Lê Trọng Dũng... - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 836 tr. ; 27 cm. - 1024b

ĐTTS ghi: Quân đội nhân dân Việt Nam. Bộ Tổng tham mưu. - Thư mục: tr. 824-827 s613630

503. Hải quan Việt Nam - 80 năm xây dựng và trưởng thành (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Ngọc Túc, Vũ Hồng Loan, Trần Đức Cường... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 862 tr. : minh họa ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Cục Hải quan. - Phụ lục: tr. 817-856. - Thư mục: tr. 857-859 s614638

504. Hải quan Việt Nam - Những sự kiện (1945 - 2025) / B.s.: Lưu Mạnh Tường, Nguyễn Anh Tuấn, Kim Long Biên... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 688 tr. ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Cục Hải quan s614637

505. Khái lược về thủy quân Đại Việt thời Lý / Lê Thái Dũng, Hoàng Ngọc Tuy, Hoàng Mạnh Cường, Lương Hạnh. - H. : Lao động, 2025. - 164 tr. : minh họa ; 21 cm. - 108000đ. - 1000b s614426

506. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phát huy tinh thần trách nhiệm, nói đi đôi với làm của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở hiện nay / Huỳnh Thị Thu Năm, Trương Tiến Hưng, Nguyễn Trung Kiên... ; B.s.: Huỳnh Minh Khởi... - H. : Lao động, 2025. - 456 tr. ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Tỉnh ủy Long An. Trường Chính trị tỉnh Long An s614393

507. Lịch sử công tác bảo đảm kỹ thuật của lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Cần Thơ (1945 - 2015) / B.s.: Nguyễn Thanh Mỹ, Trần Thành, Duy Thanh Niêm... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 266 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Đảng ủy, Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Cần Thơ. - Phụ lục: tr. 234-263. - Thư mục: tr. 264 s614631

508. Lịch sử Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng (1945 - 2025) / B.s.: Nguyễn Lâm Thị Tú Anh, Nguyễn Ngọc Định, Lê Chí Thanh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 463 tr., 28 tr. ảnh : bảng ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Sở Nội vụ. - Phụ lục: tr. 441-457. - Thư mục: tr. 458-459 s614634

509. Machiavelli, Niccolò. Luận về chiến tranh / Niccolò Machiavelli ; Nguyễn Thanh Xuân dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 282 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Kinh điển). - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Italia: Dell'arte della guerra s614286

510. Nguyễn Thị Bích Diệp. Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình ngân sách nhà nước ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Bích Diệp ch.b. - H. : Lao động, 2025. - 160 tr. : bìa ; 21 cm. - 24000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh. - Thư mục: tr. 151-160 s614437

511. Nội dung cơ bản về quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước Việt Nam : Sách tham khảo / B.s.: Trần Bắc Bộ (ch.b.), Phạm Quốc Đảm, Hoàng Xuân Trường... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 246 tr. ; 27 cm. - 206000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở - Địa chất. - Thư mục cuối mỗi chương s613576

512. Phân quyền, phân cấp và kiểm soát quyền lực ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đăng Quế, Lý Thị Huệ, Đoàn Văn Dũng (ch.b.)... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 271 tr. : bìa ; 21 cm. - 200b

Thư mục: tr. 262-268 s614150

513. Sở Tài chính thành phố Hà Nội - 80 năm một chặng đường phát triển (1945 - 2025). - H. : Tài chính, 2025. - 200 tr. : ảnh, bìa ; 24 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Sở Tài chính s614226

514. Tổng Phước Bảo. Cỏ xanh đời thép : Chuyện về cụm trường cụm điệp báo số 6, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Đại tá Nguyễn Thị Thảo : Truyện ký / Tổng Phước Bảo. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 336 tr. : ảnh ; 24 cm. - 260b s614048

515. Trần Thị Thuý Ngọc. Quan điểm, chính sách, luật pháp về tôn giáo ở Việt Nam : Sách chuyên khảo / Ch.b.: Trần Thị Thuý Ngọc, Lương Văn Tuấn, Nguyễn Thế Vinh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 226 tr. ; 24 cm. - 86000đ. - 500b

Thư mục: tr. 221-226 s614086

516. Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Huệ, Nguyễn Thị Lê Thu, Đào Thu Hương... ; Nguyễn Huy Hoàng ch.b. - H. : Tư pháp, 2025. - 255 tr. ; 21 cm. - 350b

ĐTTS ghi: Thanh tra Chính phủ. Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra. - Thư mục: tr. 243-248 s614187

517. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An - 80 năm xây dựng và trưởng thành (1945 - 2025) / Lê Hồng Vinh, Đặng Thanh Tùng, Trịnh Thanh Hải... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2025. - 280 tr. : ảnh, bìa ; 27 cm. - 320b s613716

518. Võ Nguyên Giáp. Vũ trang quần chúng cách mạng xây dựng quân đội nhân dân / Võ Nguyên Giáp. - Tái bản có sửa chữa. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 264 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b s614070

519. Vũ Xuân Cảnh. Phát huy vai trò nguồn lực trí thức khoa học xã hội và nhân văn trong xây dựng Học viện Kỹ thuật quân sự vững mạnh về chính trị hiện nay : Sách chuyên khảo / Vũ Xuân Cảnh. - H. : Lao động, 2025. - 156 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 300b

Phụ lục: tr. 136-143. - Thư mục: tr. 144-155 s614407

520. Vũ Xuân Cảnh. Phát triển ý thức chính trị của sinh viên dân sự các trường quân đội ở nước ta hiện nay : Sách chuyên khảo / Vũ Xuân Cảnh. - H. : Lao động, 2025. - 233 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 300b

Thư mục: tr. 194-206. - Phụ lục: tr. 207-233 s614409

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

521. Biên niên sự kiện lịch sử công an thủ đô (2008 - 2025) / B.s.: Trần Đình Nghĩa, Đoàn Đức Thắng, Hồ Lê Quân... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 600 tr. : ảnh ; 24 cm. - 800b
ĐTTS ghi: Bộ Công an. Công an thành phố Hà Nội. - Lưu hành nội bộ. - Phụ lục: tr. 513-544 s614037

522. Biên niên sự kiện lịch sử phòng Công tác Đảng và Công tác chính trị Công an tỉnh Bình Phước (1997 - 2022). - H. : Công an nhân dân, 2025. - 440 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 80b
ĐTTS ghi: Công an tỉnh Bình Phước. Phòng Công tác Đảng và Công tác chính trị. - Phụ lục: tr. 303-424 s614046

523. Công an thủ đô vì bình yên cuộc sống - Tuyển tập 80 tác phẩm : Kỷ niệm 80 năm Ngày Truyền thống lực lượng Công an nhân dân Việt Nam 19/8/1945 - 19/8/2025. Kỷ niệm 20 năm Ngày hội Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 19/8/2005 - 19/8/2025 / Bành Thị Phương Lan, Phạm Thị Hạnh, Ngô Thị Minh Nguyệt... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 255 tr. ; 30 cm. - 360b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội s613585

524. Diệp Hồng Vũ. Tâm lý học tội phạm - Phác hoạ chân dung kẻ phạm tội / Diệp Hồng Vũ ; Đỗ Ái Nhi dịch. - H. : Lao động, 2025. - 279 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 145000đ. - 10000b

Tên sách tiếng Trung: 罪犯心理学: 罪犯心理学画像实录 s614470

525. Giáo trình Chăm sóc sức khỏe cộng đồng : Dành cho học viên sau đại học / Lê Minh Hữu, Trương Thành Nam (ch.b.), Nguyễn Tấn Đạt... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 254 tr. : minh họa ; 27 cm. - 250000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm. - Thư mục: tr. 248-254 s613412

526. Giáo trình Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia : Dành cho sinh viên khối ngành Khoa học sức khỏe / B.s.: Phạm Thị Tâm, Lê Trung Hiếu, Trần Văn Đệ (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1 có chỉnh sửa, bổ sung. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 308 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 130000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế. - Thư mục: tr. 307-308 s613414

527. Hướng dẫn ôn luyện 120 tình huống giao thông mô phỏng : Dùng cho đào tạo, sát hạch lái xe ô tô. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 19 cm. - 50000đ. - 10000b s615802

528. Lúc dân cần, lúc dân khó, có công an : Công an nhân dân quán triệt và tổ chức thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam / B.s.: Trần Quốc Tỏ, Vũ Trọng Lâm, Nguyễn Quốc Toàn... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 263 tr. : ảnh ; 24 cm. - 17382b

ĐTTS ghi: Đảng ủy Công an Trung ương - Bộ Công an s614640

529. Nguyễn Hương Linh. Cẩm nang Phòng tránh xâm hại trẻ em / Nguyễn Hương Linh. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2025. - 62 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (15 bí kíp giúp trẻ an toàn). - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 2 s614746

530. Nguyễn Phi Hùng. Một thời sương gió : Kỷ niệm 50 năm Cảnh sát hình sự Đồng Nai, 80 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam / Nguyễn Phi Hùng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 143 tr. : ảnh ; 21 cm. - 85000đ. - 2015b s614028

531. Nguyễn Trọng An. Cẩm nang Phòng tránh đuối nước : Dành cho lứa tuổi 6+ / Nguyễn Trọng An. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 70 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (15 bí kíp giúp tớ an toàn). - 45000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 2 s614747

532. Nguyễn Xuân Kiên. Sổ tay Tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường / B.s.: Nguyễn Xuân Kiên, Lê Huy Dũng, Trần Thị Ninh. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 150 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 920b

ĐTTS ghi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá s614493

533. Phạm Ngọc Linh. Cẩm nang An toàn giao thông học đường / Phạm Ngọc Linh. - H. : Dân trí, 2025. - 33 tr. : minh hoạ ; 10 cm. - 50000b s615706

534. Phạm Nhân. 30 ngày cùng em học hiểu về phòng chống đuối nước : Dành cho trẻ em từ 6 - 15 tuổi / Lời: Phạm Nhân ; Minh hoạ: Phạm Lê Thu Trang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Lao động, 2025. - 67 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 79000đ. - 3000b s614489

535. Phạm Thị Thục Oanh. Thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ với việc chấp hành án phạt tù có thời hạn tại trại giam : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Thục Oanh. - H. : Lao động, 2025. - 183 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 160000đ. - 300b

Thư mục: tr. 177-183 s614464

536. Proceedings of the international conference on occupational safety, health and environment : Hanoi, Vietnam October 24-26, 2024 / Mary O'Reilly, Donald M. Weekes, Rachael M. Jones... - H. : Natural Resources Environment and Cartography of Vietnam, 2025. - 201 p. : ill. ; 25 cm. - 100 copies

At head of title: Vietnam National University, Hanoi. Central Institute for Natural Resources and Environmental Studies. - Bibliogr. at the end of the paper s613862

537. Quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng : Sách chuyên khảo / Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến (ch.b.), Phạm Hữu Nghị... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 359 tr. : bảng ; 21 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ. - Thư mục: tr. 342-359 s614128

538. Rosewood, Jack. Phán quyết đến từ địa ngục: Những tội ác kỳ lạ nhất trong lịch sử tội phạm / Jack Rosewood; Ann Ann dịch. - H. : Lao động, 2025. - 159 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 139000đ. - 3000b s614468

539. Thanh Bình. Sổ truyền thông gia đình về an toàn giao thông : Dành cho học sinh tiểu học / Thanh Bình b.s. - H. : Lao động, 2025. - 32 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 35000đ. - 8000b

Đầu bìa sách ghi: An toàn giao thông s614168

540. Thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu của người Hmông ở Đồng Văn - Hà Giang hiện nay từ cách tiếp cận phát triển con người : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Lê (ch.b.), Lê Thị Đan Dung, Lê Mạnh Hùng... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 234 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 158000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Con người. - Thư mục: tr. 221-234 s614129

541. Tín chỉ các bon trên thế giới và Việt Nam - Từ lý thuyết đến thực tiễn / Phạm Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Thủy Anh, Nguyễn Thị Vân Anh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 470 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 500000đ. - 300b

Phụ lục: tr. 321-338, 434-444. - Thư mục: tr. 447-470 s613390

542. Trần Hữu Tuyên. Những vấn đề lý luận, thực tiễn và giải pháp phòng ngừa tội phạm vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản theo chức năng của lực lượng Cảnh sát kinh tế trong tình hình mới : Sách chuyên khảo / Trần Hữu Tuyên. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 199 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 20b

Phụ lục: tr. 183-190. - Thư mục: tr. 191-197. - Lưu hành nội bộ s614041

543. Truyền thông, giáo dục phòng, chống mua bán người trong trường học : Tài liệu dành cho giáo viên / Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Lê Hoài Anh, Bùi Quang Trí... - H. : Dân trí, 2025. - 96 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 2500b

Đầu bìa sách ghi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang. - Thư mục: tr. 92. - Phụ lục: tr. 93-96 s615101

544. Truyện tranh SOS cho trẻ em: Kỹ năng an toàn thoát hiểm tức thì : Nhận diện rủi ro và thoát hiểm an toàn / Nguyễn Phúc Nhạc, Phương Thảo ; Minh họa: Rou, Quang Huy. - H. : Tri thức, 2025. - 91 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 60000đ. - 3300b s614961

545. Vu Kim Ngan. Border carbon adjustment mechanisms and impacts on Vietnam (IISD report) / Vu Kim Ngan. - H. : Hanoi National University, 2025. - 147 p. : ill ; 21 cm. - 800 copies

At head of title: International Institute for Sustainable Development; Foreign Trade University. - Bibliogr.: p. 64-72 s613823

GIAO DỤC

546. Amanda and friends 2: Pre-primary : Student's book / Andrea Turner ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 57 p. : pic. ; 21x27 cm. - 208000đ. - 3000 copies s613883

547. Amazing science 2 / Lưu Phương Thanh Bình (ch.b.), Huỳnh Tú Kinh, Lê Vĩnh Phúc, Lê Thị Ngọc Chi. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 52 p. : ill. ; 28 cm. - 50000đ. - 10040 copies s613941

548. Amazing science 3 / Lưu Phương Thanh Bình (ch.b.), Lê Thị Ngọc Chi, Lý Khánh Hoa, Lê Vĩnh Phúc. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 58 p. : ill. ; 28 cm. - 50000đ. - 9040 copies s613942

549. Amazing science 4 / Lưu Phương Thanh Bình (ch.b.), Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Lê Bá Cường... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 p. : ill. ; 28 cm. - 50000đ. - 11040 copies s613943

550. Amazing science 5 / Lưu Phương Thanh Bình (ch.b.), Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Lê Bá Cường... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 p. : ill. ; 28 cm. - 50000đ. - 12040 copies s613944

551. Âm nhạc 1 / Hồ Ngọc Khải (tổng ch.b.), Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 9600đ. - 237000b s613337

552. Âm nhạc 2 / Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (tổng ch.b.), Đặng Châu Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 270000b s613338

553. Âm nhạc 3 / Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (tổng ch.b.), Đặng Châu Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 279000b s613339

554. Âm nhạc 5 / Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Bình (ch.b.), Mai Linh Chi... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9200đ. - 305000b s613332

555. Âm nhạc 5 / Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (tổng ch.b.), Đặng Châu Anh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 327000b s613340

556. 36 đề ôn luyện Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Diên Hiền. - H. : Dân trí, 2025. - 113 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 109000đ. - 5000b s615110

557. Bài giảng & hướng dẫn học Toán lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dừng kèm SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Thị Nương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 78000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 164 tr. : hình vẽ, bảng s615087

558. Bài tập bổ trợ nâng cao Tiếng Anh lớp 3 : Theo sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success / Nhung Đỗ, Giang Vi. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 99000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 102 tr. : hình vẽ, bảng s615047

559. Bài tập bổ trợ nâng cao Tiếng Việt lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo : Theo sách giáo khoa bộ Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Thị Huyền. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 79000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 115 tr. : minh hoạ s615046

560. Bài tập bổ trợ nâng cao Toán lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Đặng Chí Kiên. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 79000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 97 tr. : hình vẽ s615031

561. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 52 tr. : minh hoạ s614100

562. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 1 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Huệ, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s614101

563. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s614135

564. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s614102

565. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s614103

566. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b

- T.2. - 2025. - 60 tr. : minh hoạ s614104
567. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Chinh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b
- T.1. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s614105
568. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 4 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Chinh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b
- T.2. - 2025. - 64 tr. : minh hoạ s614106
569. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Bích Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b
- T.1. - 2025. - 68 tr. : bảng, tranh vẽ s614107
570. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Tiếng Việt 5 / Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Bích Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b
- T.2. - 2025. - 68 tr. : bảng, tranh vẽ s614108
571. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 1 / Nguyễn Đức Phú, Đặng Thị Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b
- T.1. - 2025. - 48 tr. : minh hoạ s614154
572. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 1 / Nguyễn Đức Phú, Đặng Thị Phương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 6000b
- T.2. - 2025. - 48 tr. : minh hoạ s614155
573. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 3 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Phương, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b
- T.1. - 2025. - 55 tr. : minh hoạ s614156
574. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 3 / Nguyễn Thị Thơm, Đặng Thị Phương, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b
- T.2. - 2025. - 56 tr. : minh hoạ s614157
575. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 5 / Nguyễn Thị Dung, Trần Thị Thu Hà, Dương Mai Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b
- T.1. - 2025. - 68 tr. : minh hoạ s614158
576. Bài tập củng cố kiến thức và phát triển năng lực môn Toán 5 / Nguyễn Thị Dung, Trần Thị Thu Hà, Dương Mai Anh... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 24000đ. - 2000b
- T.2. - 2025. - 59 tr. : minh hoạ s614159
577. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.2. - 2025. - 115 tr. : minh hoạ s613541
578. Bài tập hằng ngày Tiếng Việt 4 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức. Có video bài giảng chi tiết / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 5000b
- T.1. - 2025. - 112 tr. : minh hoạ s613561

579. Bài tập hằng ngày Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức. Có video bài giảng chi tiết / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 111 tr. : hình vẽ, bảng s613558

580. Bài tập hằng ngày Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức. Có video bài giảng chi tiết / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 95 tr. : hình vẽ, bảng s613559

581. Bài tập hằng ngày Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức. Có video bài giảng chi tiết / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 60000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng s613560

582. Bài tập nâng cao và phát triển năng lực Tiếng Việt 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt 4 / Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Phan Thị Hồ Điệp, Trần Thị Thu Hà. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 127 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 95000đ. - 2000b s613637

583. Bài tập Tiếng Anh lớp 3 : Không đáp án... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Dương Thị Hồng Điệp. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 235 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh)(Global Success). - 109000đ. - 2000b s613760

584. Bài tập Toán nâng cao lớp 1 : Mở rộng kiến thức sách giáo khoa / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 146 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 60000đ. - 3000b s613552

585. Bài tập Toán nâng cao lớp 3 : Mở rộng kiến thức sách giáo khoa / Trần Thị Kim Cương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 187 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 70000đ. - 3000b s613553

586. Bài tập Toán nâng cao lớp 4 : Mở rộng kiến thức sách giáo khoa / Trần Thị Kim Cương. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 195 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 3000b s613754

587. Bài tập tuần Tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 66 tr. : bảng, tranh vẽ s613535

588. Bài tập tuần Tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 54 tr. : bảng, tranh vẽ s613536

589. Bài tập tuần Tiếng Việt 2 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 104 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s613539

590. Bài tập tuần Tiếng Việt 3 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 108 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s613323

591. Bài tập tuần Tiếng Việt 4 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s613514

592. Bài tập tuần Tiếng Việt 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s613537

593. Bài tập tuần Tiếng Việt 5 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 68 tr. : minh hoạ s613538
594. Bài tập tuần Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 68 tr. : minh hoạ s613523
595. Bài tập tuần Toán 2 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s613326
596. Bài tập tuần Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Vương Thu Hương, Vương Hà My. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 45000đ. - 10000b
T.2. - 2025. - 62 tr. : hình vẽ, bảng s615091
597. Bài tập tuần Toán 4 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 40000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s613513
598. Bé học cộng - trừ qua tranh : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.12). - 10000đ. - 10000b s613500
599. Bé học Toán : Dành cho học sinh lớp mẫu giáo : Phổ cập giáo dục mầm non / Minh Tâm. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 32 tr. : bảng, tranh vẽ ; 24 cm. - 15000đ. - 5000b s614195
600. Bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hương Giang. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 24 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 15000đ. - 10000b s614173
601. Bé luyện đọc : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.13). - 10000đ. - 10000b
Q.1: Phần chữ. - 2025. - 16 tr. : bảng, tranh vẽ s613501
602. Bé luyện đọc : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.14). - 10000đ. - 10000b
Q.2: Phần vần. - 2025. - 24 tr. : bảng, tranh vẽ s613502
603. Bé luyện viết chữ đẹp / Bùi Chiêu b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. ; 21 cm. - 3000b s614947
604. Bé luyện viết chữ số đẹp / Bùi Chiêu b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 22 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 3000b s614948
605. Bé luyện viết nét cơ bản / Bùi Chiêu b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 22 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 3000b s614946
606. Bé nhận biết hình học : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.11). - 10000đ. - 10000b s613499
607. Bé tập tô chữ / Nguyễn Thị Thanh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 10000đ. - 5000b s614518

608. Bé tập tô chữ cái : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.16). - 10000đ. - 10000b s613504

609. Bé tập tô chữ ghép : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.17). - 10000đ. - 10000b s613505

610. Bé tập tô số / Ngọc Sương. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 30000b s615146

611. Bé tập tô số và các nét cơ bản : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.15). - 10000đ. - 10000b s613503

612. Bé tập viết : Nét cơ bản, chữ cái, chữ ghép... / Nguyễn Thị Hạnh, Dương Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Hành trang cho bé tự tin vào lớp 1). - 50000đ. - 5000b T.1. - 2025. - 72 tr. : tranh vẽ s613532

613. Bé tập viết : Nét cơ bản, chữ cái, chữ ghép... / Nguyễn Thị Hạnh, Dương Thị Mai. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Hành trang cho bé tự tin vào lớp 1). - 50000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 72 tr. s613533

614. Bé vẽ cả thế giới : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.19). - 10000đ. - 10000b s613507

615. Bé viết tiếng - từ - câu : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.18). - 10000đ. - 10000b s613506

616. Bộ đề kiểm tra định kỳ Tiếng Anh 3 : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới / Thủy Dương. - H. : Đại học Quốc Gia Hà Nội. - 30 cm. - 55000đ. - 2300b T.1. - 2025. - 71 tr. : minh hoạ s613733

617. Bộ đề kiểm tra định kỳ Tiếng Anh 3 : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới / Thủy Dương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 30 cm. - 55000đ. - 2300b T.2. - 2025. - 71 tr. : minh hoạ s613734

618. Bộ đề kiểm tra định kỳ Tiếng Anh 4 : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới / Thủy Dương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 30 cm. - 55000đ. - 2300b T.1. - 2025. - 75 tr. : minh hoạ s613735

619. Bộ đề kiểm tra định kỳ Tiếng Anh 4 : Sách dùng ôn luyện cho các bộ sách giáo khoa mới / Thủy Dương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 30 cm. - 55000đ. - 2300b T.2. - 2025. - 75 tr. : hình vẽ, bảng s613736

620. Bộ đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 2 - CT : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Phạm Thị Kim Chi. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 140 tr. ; 27 cm. - 63000đ. - 1000b s613744

621. Bộ đề kiểm tra môn tiếng Việt lớp 5 : Dùng kèm SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Thị Nương. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 68000đ. - 3000b T.1. - 2025. - 112 tr. : bảng s613631

622. Bộ đề kiểm tra Tiếng Anh lớp 5 : Có đáp án : Biên soạn theo sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success / Nguyễn Thị Thu Huế. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh). - 88000đ. - 3000b

- T.1. - 2025. - 159 tr. : minh hoạ s613554
623. Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh 5 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 100 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 58000đ. - 2000b s613728
624. Cẩm nang luyện viết tròn li 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 50000đ. - 7000b
- T.2. - 2025. - 60 tr. : hình vẽ s613515
625. 90 ngày ôn hè Toán 1 : Dành cho học sinh lớp 1 lên lớp 2... / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 59 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 42000đ. - 5000b s613562
626. 90 ngày ôn hè Toán 2 : Dành cho học sinh lớp 2 lên lớp 3... / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s613563
627. 90 ngày ôn hè Toán 3 : Dành cho học sinh lớp 3 lên lớp 4... / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s613564
628. 90 ngày ôn hè Toán 4 : Dành cho học sinh lớp 4 lên lớp 5... / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 63 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 45000đ. - 5000b s613565
629. 90 ngày ôn hè Toán 5 : Dành cho học sinh lớp 5 lên lớp 6... / Mai Quỳnh (ch.b.), Thanh Lan. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 52000đ. - 5000b s613566
630. Chinh phục nâng cao Tiếng Việt 2 : Ôn tập nâng cao 35 tuần học / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 108 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức). - 50000đ. - 5000b s613540
631. Chinh phục nâng cao Tiếng Việt 5 : Ôn tập nâng cao 35 tuần học / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức). - 50000đ. - 5000b s613322
632. Chu Nam Chiếu. Học cách học tập : Kỹ năng không thể thiếu dành cho học sinh thế kỉ 21 : Dành cho lứa tuổi 9+ / Ch.b.: Chu Nam Chiếu, Tôn Văn Hiểu ; Lê Tâm dịch ; Minh họa: Đoàn Ngọc Diệp. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng, 2025. - 161 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - (Tôi tin tôi có thể làm được). - 45000đ. - 2000b s615566
633. Chuẩn bị cho bé vào lớp 1 - Bé làm quen chữ cái : Theo mẫu chữ viết của Bộ Giáo dục / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 23 tr. ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s614356
634. Chuẩn bị cho bé vào lớp 1 - Bé tập tô nét cơ bản : Theo mẫu chữ viết của Bộ Giáo dục / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s614355
635. Chuyên đề bồi dưỡng Toán 1 : Dành cho học sinh yêu thích toán. Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi... / Trần Huỳnh Thống, Lê Phú Hùng, Tô Hoài Phong. - H. : Dân trí, 2025. - 83 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 54000đ. - 5000b s615116
636. Chuyên đề bồi dưỡng Toán 3 : Dành cho học sinh yêu thích toán. Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi... / Trần Huỳnh Thống, Lê Phú Hùng, Tô Hoài Phong. - H. : Dân trí, 2025. - 122 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 66000đ. - 5000b s615117
637. Cộng trừ 3 số siêu giỏi : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.8). - 10000đ. - 10000b s613496

638. Cộng trừ siêu nhanh trong phạm vi 20 : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.7). - 10000đ. - 10000b s613495

639. Cộng trừ siêu nhanh trong phạm vi 6 : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.5). - 10000đ. - 10000b s613493

640. Cộng trừ siêu nhanh trong phạm vi 10 : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.6). - 10000đ. - 10000b s613494

641. Cộng trừ trong phạm vi 20 / Hiểu Minh, Nhóm Giáo viên ĐHS. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Làm tính nhanh - học toán giỏi). - 27000đ. - 5000b s613440

642. Cơ thể của bé / Myan ; Minh hoạ: Tôm Illus. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Bộ sách đầu tiên của bé). - 48000đ. - 3000b s615746

643. Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học / Đỗ Ngọc Thống (tổng ch.b.), Đỗ Xuân Thảo (ch.b.), Phan Thị Hồ Điệp, Lê Phương Nga. - In lần thứ 15. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 215 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

Thư mục: tr. 214-215 s614208

644. Dùng internet an toàn : Truyện tranh : Dành cho trẻ tiểu học / Lời: Hoài Thu, Hiểu Minh ; Tranh: Nguyễn Quang Toàn. - H. : Kim Đồng, 2025. - 91 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Comic kỹ năng sống). - 45000đ. - 2000b s614745

645. Đặng Vũ Hoạt. Giáo dục học tiểu học I : Giáo trình dùng cho đào tạo cử nhân Giáo dục tiểu học / Đặng Vũ Hoạt, Phó Đức Hoà. - In lần thứ 11. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 235 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 75000đ. - 500b

Thư mục: tr. 235 s614198

646. Đề kiểm tra Tiếng Việt 4 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 10000b s613545

647. Đề kiểm tra Tiếng Việt 5 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s613317

648. Đề kiểm tra Toán 1 - Cả năm : Biên soạn theo Chương trình Chân trời sáng tạo / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyên Uyên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 60000đ. - 5000b s613327

649. Đề kiểm tra Toán 4 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s613526

650. Đề kiểm tra Toán 5 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s613527

651. Đề kiểm tra Toán 5 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Thanh Thủy, Ngô Thị Thu Huyền, Dương Thị Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 62 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 69000đ. - 10000b s613729

652. Đề kiểm tra Toán 5 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 62 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s613528

653. Điền số thích hợp vào ô trống : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.9). - 10000đ. - 10000b s613497

654. Eduplay friends 1A : Dành cho trẻ mẫu giáo : Sách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định theo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số 511/QĐ-BGDĐT ngày 17/2/2022 và được phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non theo Quyết định số 2272/QĐ-BGDĐT ngày 17/8/2022 / Phạm Minh Nguyệt (ch.b.), Đinh Thuý Nhung, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : pic. ; 27 cm. - 36000đ. - 5000 copies s613921

655. Eduplay friends 1B : Dành cho trẻ mẫu giáo : Sách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định theo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số 511/QĐ-BGDĐT ngày 17/2/2022 và được phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non theo Quyết định số 2272/QĐ-BGDĐT ngày 17/8/2022 / Phạm Minh Nguyệt (ch.b.), Đinh Thuý Nhung, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : pic. ; 27 cm. - 36000đ. - 5000 copies s613922

656. Eduplay friends 2A : Dành cho trẻ mẫu giáo : Sách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định theo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số 511/QĐ-BGDĐT ngày 17/2/2022 và được phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non theo Quyết định số 2272/QĐ-BGDĐT ngày 17/8/2022 / Phạm Minh Nguyệt (ch.b.), Đinh Thuý Nhung, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : pic. ; 27 cm. - 36000đ. - 10000 copies s613923

657. Eduplay friends 2B : Dành cho trẻ mẫu giáo : Sách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định theo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số 511/QĐ-BGDĐT ngày 17/2/2022 và được phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non theo Quyết định số 2272/QĐ-BGDĐT ngày 17/8/2022 / Phạm Minh Nguyệt (ch.b.), Đinh Thuý Nhung, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : pic. ; 27 cm. - 36000đ. - 10000 copies s613924

658. Eduplay friends 3A : Dành cho trẻ mẫu giáo : Sách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định theo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số 511/QĐ-BGDĐT ngày 17/2/2022 và được phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non theo Quyết định số 2272/QĐ-BGDĐT ngày 17/8/2022 / Phạm Minh Nguyệt (ch.b.), Đinh Thuý Nhung, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : pic. ; 27 cm. - 36000đ. - 10000 copies s613925

659. Eduplay friends 3B : Dành cho trẻ mẫu giáo : Sách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định theo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định số 511/QĐ-BGDĐT ngày 17/2/2022 và được phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non theo Quyết định số 2272/QĐ-BGDĐT ngày 17/8/2022 / Phạm Minh Nguyệt (ch.b.), Đinh Thuý Nhung, Phạm Thị Thu Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : pic. ; 27 cm. - 36000đ. - 10000 copies s613926

660. Em luyện viết chữ đẹp lớp 1 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 35 tr. s614109

661. Em luyện viết chữ đẹp lớp 1 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 44 tr. s614110
662. Em luyện viết chữ đẹp lớp 2 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 32 tr. s614111
663. Em luyện viết chữ đẹp lớp 2 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 32 tr. s614112
664. Em luyện viết chữ đẹp lớp 3 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s614113
665. Em luyện viết chữ đẹp lớp 3 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 32 tr. s614114
666. Em luyện viết chữ đẹp lớp 4 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 32 tr. s614115
667. Em luyện viết chữ đẹp lớp 4 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 32 tr. s614116
668. Em luyện viết chữ đẹp lớp 5 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 32 tr. s614117
669. Em luyện viết chữ đẹp lớp 5 / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 32 tr. s614118
670. Em thật giỏi 1A = 你真棒 1A / B.s.: Chu Phương (ch.b.), Giang Thần Hạo, Từ Hiểu Sâm, Hứa Y Bình ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 92 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 148000đ. - 3000b s614013
671. Em thật giỏi 1B = 你真棒 1B / B.s.: Chu Phương (ch.b.), Giang Thần Hạo, Từ Hiểu Sâm, Hứa Y Bình ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 56 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 90000đ. - 3000b s614014
672. Em thật giỏi 1C = 你真棒 1C / B.s.: Chu Phương (ch.b.), Giang Thần Hạo, Từ Hiểu Sâm, Hứa Y Bình ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 56 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 90000đ. - 3000b s614015
673. Em vui thực hành Mĩ thuật 1 / Lê Tổng Ngọc Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Thư, Võ Thị Mỹ Tiên... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 28 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 55000đ. - 2000b s613632
674. Em vui thực hành Mĩ thuật 2 / Lê Tổng Ngọc Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Thư, Võ Thị Mỹ Tiên... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 28 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 55000đ. - 2000b s613633

675. Em vui thực hành Mĩ thuật 3 / Lê Tổng Ngọc Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Thư, Võ Thị Mỹ Tiên... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 28 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 55000đ. - 2000b s613634

676. Em vui thực hành Mĩ thuật 4 / Lê Tổng Ngọc Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Thư, Võ Thị Mỹ Tiên... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 28 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 55000đ. - 2000b s613635

677. Em vui thực hành Mĩ thuật 5 / Lê Tổng Ngọc Anh (ch.b.), Nguyễn Thị Minh Thư, Võ Thị Mỹ Tiên... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 28 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 55000đ. - 2000b s613636

678. FIHE 2024 proceedings - Forum on internationalization in higher education: International branch campuses: New approach for multinational higher education institutions in emerging countries / Ngo Thi Thanh Van, Pham Thanh Tung, Nguyen Hong Mai... - H. : Industry and Trade, 2025. - 251 p. : ill. ; 29 cm. - 30 copies

At head of title: Ministry of Education and Training. Foreign Trade University. - Bibliogr. at the end of the paper s613971

679. Gia đình của bé / Myan ; Minh hoạ: Tôm Illus. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Bộ sách đầu tiên của bé). - 48000đ. - 3000b s615745

680. Giải bài tập Toán lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Phương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng s613550

681. Giải bài tập Toán lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Phương Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 191 tr. : hình vẽ, bảng s613551

682. Giải toán có lời văn lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 92 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 10000b s613316

683. Giao tiếp hiệu quả : Giao tiếp tốt là chìa khoá của thành công / Trung tâm Nghiên cứu Tâm lí Tiểu Hoà b.s. ; Ngọc Anh dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 158 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Kĩ năng xã hội cho học sinh tiểu học; T.1). - 86000đ. - 2000b s614774

684. Giao tiếp nơi học đường : Học cách nói trước đám đông và giao thiệp ở trường lớp / Trung tâm Nghiên cứu Tâm lí trẻ em b.s. ; Minh Thu dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 160 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Kĩ năng xã hội cho học sinh tiểu học; T.8). - 86000đ. - 2000b s614776

685. Giao tiếp sư phạm / Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Huệ... - In lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 215 tr. : bảng ; 24 cm. - 75000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 214-215 s614204

686. Giáo dục An toàn trường học - Lớp 1 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 30000đ. - 5000b s614260

687. Giáo dục an toàn trường học - Lớp 2 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 30000đ. - 5000b s614261

688. Giáo dục an toàn trường học - Lớp 3 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 39 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 30000đ. - 5000b s614262

689. Giáo dục an toàn trường học - Lớp 4 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 30000đ. - 5000b s614263

690. Giáo dục an toàn trường học - Lớp 5 / Phạm Việt Cường (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Vân Hương... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 47 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 30000đ. - 5000b s614264

691. Giáo dục kỹ năng công dân số lớp 1 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 30000đ. - 6000b s613263

692. Giáo dục kỹ năng công dân số lớp 2 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 6000b s613264

693. Giáo dục kỹ năng công dân số lớp 3 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 6500b s613265

694. Giáo dục kỹ năng công dân số lớp 4 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 5000b s613266

695. Giáo dục kỹ năng công dân số lớp 5 / Lê Anh Vinh (ch.b.), Nguyễn Minh Hải, Đỗ Duy Hiếu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b s613267

696. Giáo dục thể chất 1 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Lê Anh Thơ (ch.b.), Đỗ Mạnh Hưng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 156312b s613236

697. Giáo dục thể chất 1 / Phạm Thị Lệ Hằng (ch.b.), Bùi Ngọc Bích, Trần Thanh Dũng... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13000đ. - 231000b s613229

698. Giáo dục thể chất 2 / Phạm Thị Lệ Hằng (ch.b.), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 249000b s613230

699. Giáo dục thể chất 3 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Nguyễn Hồng Dương (ch.b.), Đỗ Mạnh Hưng... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 229401b s613237

700. Giáo dục thể chất 3 / Phạm Thị Lệ Hằng (ch.b.), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 12000đ. - 264000b s613231

701. Giáo dục thể chất 5 / Phạm Thị Lệ Hằng (ch.b.), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 88 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 11900đ. - 302000b s613232

702. Giáo trình Giáo dục học / Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn... - In lần thứ 7. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 80000đ. - 500b
T.1. - 2025. - 279 tr. - Thư mục: tr. 274-275 s614203

703. Giúp bé vào lớp 1 - Tập tô chữ : Dành cho bé 4 - 5 tuổi : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 24 cm. - 12000đ. - 5000b

- T.1. - 2025. - 23 tr. : ảnh s614353
704. Giúp bé vào lớp 1 - Tập tô chữ số : Luyện viết theo mẫu chữ mới / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s614354
705. Global Maths 1 / Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Phụng (ch.b.), Vũ Như Thu Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 p. : ill. ; 27 cm. - 69000đ. - 5000 copies s613927
706. Global Maths 2 / Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Phụng (ch.b.), Vũ Như Thu Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 27 cm. - 69000đ. - 5000 copies s613928
707. Global Maths 3 / Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Phụng (ch.b.), Vũ Như Thu Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 27 cm. - 79000đ. - 5000 copies s613929
708. Global Maths 4 / Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Phụng (ch.b.), Vũ Như Thu Hương... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 27 cm. - 79000đ. - 5000 copies s613930
709. Global Science 1 / Lê Hải Mỹ Ngân, Trần Hương Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Ngân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 p. : ill. ; 27 cm. - 69000đ. - 5000 copies s613932
710. Global Science 2 / Lê Hải Mỹ Ngân, Nguyễn Thị Kim Phụng (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Ánh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 p. : ill. ; 27 cm. - 69000đ. - 5000 copies s613933
711. Global Science 3 / Lê Hải Mỹ Ngân, Nguyễn Thị Kim Phụng (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Ngân... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 27 cm. - 79000đ. - 5000 copies s613934
712. Global Science 4 / Nguyễn Thu Hiền, Lê Thị Phụng (ch.b.), Phạm Thị Phương Nam... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 27 cm. - 79000đ. - 5000 copies s613935
713. Gộp số siêu nhanh trong phạm vi 10 : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiềm tiểu học; Q.3). - 10000đ. - 10000b s613491
714. Greathead, Helen. Những cách thông minh để trở nên thông minh : Bí quyết học tốt các môn học ở trường : Dành cho lứa tuổi 7+ / Helen Greathead ; Minh họa: David Semple ; Trần Hải Hà dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng, 2025. - 187 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 50000đ. - 2000b
- Tên sách tiếng Anh: How to be clever s615575
715. 200 bài tập hình học và đo lường Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Rèn luyện kỹ năng giải, trình bày các bài toán Hình học và Đo lường lớp 5 / Ngô Tuệ Lâm (ch.b.), Hoàng Thảo. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - 80000đ. - 2000b s613547
716. 201 hoạt động phát triển tư duy não bộ : Sách tương tác : Tuổi 5+ / Thu Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh họa ; 28 cm. - 58000đ. - 2000b s613318
717. 201 hoạt động phát triển tư duy toán học : Sách tương tác : Tuổi 5+ / Thu Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh họa ; 28 cm. - 58000đ. - 2000b s613320
718. 201 hoạt động phát triển tư duy tổng hợp : Sách tương tác : Tuổi 5+ / Thu Ngọc dịch. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 48 tr. : minh họa ; 28 cm. - 58000đ. - 2000b s613328
719. Hành trang công dân số lớp 1 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 27 cm. - 35000đ. - 4000b s613268

720. Hành trang công dân số lớp 2 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 80 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 35000đ. - 4000b s613269

721. Hành trang công dân số lớp 3 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 35000đ. - 4000b s613270

722. Hành trang công dân số lớp 4 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 30000b s613271

723. Hành trang công dân số lớp 5 / Quách Tất Kiên (ch.b.), Cao Hồng Huệ, Trần Ngọc Khoa... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 35000đ. - 4000b s613272

724. Hành trang vào lớp 1 - Sẵn sàng tập viết / Nguyễn Thị Lan Anh, Lê Duyên, Phạm Thị Phương, Nguyễn Thị Hạnh Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 32500đ. - 10000b
Q.1: Nét cơ bản + Số. - 2025. - 36 tr. : hình vẽ s614266

725. Hành trang vào lớp 1 - Sẵn sàng tập viết / Nguyễn Thị Lan Anh, Lê Duyên, Phạm Thị Phương, Nguyễn Thị Hạnh Trâm. - H. : Nxb. Hà Nội. - 26 cm. - 37500đ. - 10000b
Q.2: Chữ thường + Chữ ghép. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ, ảnh s614267

726. Hành trang vào lớp 1 - Tập viết : Dành cho bé từ 5 - 6 tuổi / Hiếu Minh b.s. ; Mỹ thuật: Tịnh Lâm. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 24 cm. - 20000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s614782

727. Hành trang vào lớp 1 - Tập viết : Dành cho bé 5 - 6 tuổi / Hiếu Minh b.s. ; Mỹ thuật: Tịnh Lâm. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng. - 24 cm. - 20000đ. - 3000b
T.3. - 2025. - 36 tr. s614784

728. Hình khối và đồ vật trong nhà / Myan ; Minh họa: Tâm Illus. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 14 cm. - (Bộ sách đầu tiên của bé). - 48000đ. - 3000b s615747

729. Hoàng Thị Phương. Giáo trình Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh / Hoàng Thị Phương. - In lần thứ 21. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 195 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 172-193. - Thư mục: tr. 194-195 s614285

730. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 2 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Tưởng Duy Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 32000đ. - 9000b s614258

731. Hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường lớp 4 / Nguyễn Thị Vân Hương (ch.b.), Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Tưởng Duy Hải... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 32000đ. - 9000b s614259

732. Học qua trải nghiệm - Thiết kế bài giảng theo mô hình dạy học 5E : Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hằng, Đặng Thị Lê Na... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s613248

733. Học qua trải nghiệm - Thiết kế bài giảng theo mô hình dạy học 5E : Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hằng, Đặng Thị Lê Na... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s613249

734. Học qua trải nghiệm - Thiết kế bài giảng theo mô hình dạy học 5E : Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hằng, Đặng Thị Lê Na... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 139 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s613250

735. Học qua trải nghiệm - Thiết kế bài giảng theo mô hình dạy học 5E : Lớp nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hằng, Đặng Thị Lê Na... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 84 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s613247

736. Học toán vui cùng bé = Kindergarten math - Phát triển tư duy toán cho trẻ tiền tiểu học : 3 - 4 tuổi / Dương Tân Quang, Soroban AQVN. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 40 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Ươm mầm tri thức Việt). - 79000đ. - 2000b s613426

737. Hướng dẫn cách viết Tập làm văn lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 111 tr. : minh hoạ ; 19x27 cm. - 60000đ. - 5000b s615750

738. Hướng dẫn giải vở bài tập Toán 2 : Bám sát SGK Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Thanh Lương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 112 tr. : hình vẽ, bảng s614858

739. Hướng dẫn giải vở bài tập Toán 2 : Bám sát SGK Chân trời sáng tạo / Nguyễn Thị Thanh Lương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 112 tr. : hình vẽ, bảng s614855

740. Hướng dẫn học Tâm lí học giáo dục / Lê Minh Nguyệt, Trần Quốc Thành, Khúc Năng Toàn (ch.b.)... - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 211 tr. : hình vẽ, ảnh ; 27 cm. - 85000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 211 s613778

741. Hướng dẫn học và làm bài Tiếng Việt 3 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 112 tr. : bảng s614096

742. Hướng dẫn học và làm bài Tiếng Việt 3 : Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Ngọc Thắm. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 59000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 112 tr. : bảng, tranh vẽ s614097

743. Hướng dẫn nâng cao năng lực đọc hiểu cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số : Dành cho cán bộ quản lí và giáo viên / Nguyễn Thị Phương Thảo, Ngô Hiền Tuyên (ch.b.), Nguyễn Thị Kiều Anh... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 128 tr. : bảng ; 27 cm. - 49000đ. - 2100b s613381

744. Jackie Nguyễn. Những thói quen hằng ngày học sinh tiểu học cần biết - Tự vệ khi gặp nguy hiểm : Cuốn sách trẻ nên đọc trong quá trình trưởng thành / Jackie Nguyễn b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Rèn luyện kỹ năng sống dành cho học sinh). - 40000đ. - 3000b s614982

745. Jadoo IQ - Học mà chơi với hình học / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Hello Jadoo). - 59000đ. - 2000b s615070

746. Jadoo IQ - Học mà chơi với không gian / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Hello Jadoo). - 59000đ. - 2000b s615072

747. Jadoo IQ - Học mà chơi với logic / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Hello Jadoo). - 59000đ. - 2000b s615069

748. Jadoo IQ - Học mà chơi với phép tính / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Hello Jadoo). - 59000đ. - 2000b s615068

749. Jadoo IQ - Học mà chơi với số đếm / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Hello Jadoo). - 59000đ. - 2000b s615073
750. Jadoo IQ - Học mà chơi với thời gian / Quỳnh Hương. - H. : Dân trí, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 20 cm. - (Hello Jadoo). - 59000đ. - 2000b s615071
751. Khám phá các con số : 3 - 6 tuổi / Hiểu Minh, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - (Làm tính nhanh - học toán giỏi). - 27000đ. - 5000b s613442
752. Khám phá người lãnh đạo trong tôi - Lớp 1 : Hướng dẫn học sinh / FranklinCovey Education. - H. : Hồng Đức, 2025. - 81 tr. : minh họa ; 27 cm. - 5000b s613663
753. Khám phá người lãnh đạo trong tôi - Lớp 2 : Hướng dẫn học sinh / FranklinCovey Education. - H. : Hồng Đức, 2025. - 81 tr. : minh họa ; 27 cm. - 5000b s613664
754. Khám phá người lãnh đạo trong tôi - Lớp 3 : Hướng dẫn học sinh / FranklinCovey Education. - H. : Hồng Đức, 2025. - 81 tr. : minh họa ; 27 cm. - 5000b
Lưu hành nội bộ s613665
755. Khám phá người lãnh đạo trong tôi - Lớp 4 : Hướng dẫn học sinh / FranklinCovey Education. - H. : Hồng Đức, 2025. - 81 tr. : minh họa ; 27 cm. - 5000b
Lưu hành nội bộ s613666
756. Khám phá người lãnh đạo trong tôi - Lớp 5 : Hướng dẫn học sinh / FranklinCovey Education. - H. : Hồng Đức, 2025. - 81 tr. : minh họa ; 27 cm. - 5000b
Lưu hành nội bộ s613667
757. Khởi đầu học Tiếng Việt : Phát triển tư duy ngôn ngữ. Bí quyết giúp trẻ biết đọc sớm : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lại Nhung (ch.b.), Thảo Yến, Phương Anh. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Hành trang vào lớp 1 - Khởi đầu đúng cách). - 135000đ. - 2000b T.1. - 2025. - 71 tr. : minh họa s615114
758. Khởi đầu học Tiếng Việt : Phát triển tư duy ngôn ngữ, bí quyết giúp trẻ biết đọc sớm : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lại Nhung (ch.b.), Thảo Yến, Phương Anh. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Hành trang vào lớp 1 - Khởi đầu đúng cách). - 135000đ. - 2000b T.2. - 2025. - 69 tr. : minh họa s615096
759. Khởi đầu học Toán : Phát triển tư duy toán học cho trẻ 5 - 6 tuổi : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lại Nhung (ch.b.), Thảo Yến, Phương Anh. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Hành trang cùng bé tự tin vào lớp 1). - 135000đ. - 2000b T.2. - 2025. - 77 tr. : minh họa s615095
760. Khởi đầu tập viết : Vở ô li có mẫu chữ dành cho trẻ 5 - 6 tuổi : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lại Nhung (ch.b.), Thảo Yến, Phương Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 54 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Hành trang cùng bé tự tin vào lớp 1). - 95000đ. - 2000b s615097
761. Kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh lớp 1 môn Tiếng Việt - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / Phạm Văn Công. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 98 tr. ; 27 cm. - 45000đ. - 1500b s613748
762. Kindergarten math - Nhà thám hiểm toán học : Phát triển tư duy toán cho trẻ tiền tiểu học : 4 - 5 tuổi / Dương Tấn Quang, Soroban AQVN. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 40 tr. : minh họa ; 27 cm. - 79000đ. - 2000b s613427

763. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các trường đào tạo văn hoá - nghệ thuật / Đoàn Ngọc Xuân, Nguyễn Trung Kiệt, Hồ Hải Thuận... ; B.s.: Lê Thanh Hà (ch.b.)... - H. : Thế giới. - 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam. CLB Khối trường đào tạo Văn hoá - Nghệ thuật; Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch

T.1: Chính sách, định hướng phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các trường đào tạo văn hoá - nghệ thuật. - 2025. - 519 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s613699

764. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các trường đào tạo văn hoá - nghệ thuật / Phạm Minh Phong, Đinh Thị Mơ, Trịnh Thị Thuý Khuyên... ; B.s.: Lê Thanh Hà (ch.b.)... - H. : Thế giới. - 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam. CLB Khối trường đào tạo Văn hoá - Nghệ thuật; Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá. Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch

T.2: Ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực đào tạo chuyên ngành. - 2025. - 608 tr. : minh hoạ. - Thư mục cuối mỗi bài s613700

765. Kỹ năng làm quen với Toán - The magic kids : Phát triển năng lực... / Phương Linh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 52 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 29 cm. - 79000đ. - 3000b s613425

766. Làm quen với các số trong phạm vi 10 : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.1). - 10000đ. - 10000b s613489

767. Landsberger, Joe. Học tập cũng cần chiến lược = Study guides and strategies / Joe Landsberger ; Dịch: Nguyễn Thanh Hương... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Lao động, 2025. - 275 tr. : bảng, sơ đồ ; 21 cm. - (Tủ sách Tư duy & Sáng tạo). - 119000đ. - 1000b s614439

768. Learn with Ollie 3: Pre-primary : Activity book / Rebecca Williams Salvador ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 56 p. : ill. ; 23x30 cm. - 3000 copies s613881

769. Learn with Ollie 3: Pre-primary : Student's book / Rebecca Williams Salvador ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 96 p. : fig., phot. ; 23x30 cm. - 206000đ. - 3000 copies s613882

770. Lê Phương Nga. Dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Lê Phương Nga. - In lần thứ 7. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 139 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

Thư mục: tr. 139 s614207

771. Luyện đọc : Hành trang giúp bé tự tin vào lớp 1 / Nguyễn Thị Hương. - H. : Công Thương, 2025. - 55 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 80000đ. - 3000b s613593

772. Luyện Tập làm văn lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thu Hà. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 107 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 105000đ. - 2500b s613410

773. Luyện Tập làm văn lớp 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Bám sát SGK Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Phương Nga. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 134 tr. : bảng ; 27 cm. - 129000đ. - 2500b s613464

774. Luyện tập Tin học 1 : Theo định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 44 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 46000đ. - 30050b s613273

775. Luyện tập Tin học 2 : Theo định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 49000đ. - 30050b s613274

776. Luyện tập Toán 1 : Sách Kết nối tri thức với cuộc sống / B.s.: Nguyễn Thị Hiền (ch.b.), Nhóm Giáo viên Tiểu học. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 27 cm. - 50000đ. - 5000b T.1. - 2025. - 96 tr. : minh hoạ s613444

777. Luyện tập Toán 1 : Sách Kết nối tri thức với cuộc sống / B.s.: Nguyễn Thị Hiền (ch.b.), Nhóm Giáo viên Tiểu học. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 27 cm. - 50000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng s613445

778. Luyện thi đánh giá năng lực vào các trường công an nhân dân : Dùng chung cho cả 4 mã bài thi CA1, CA2, CA3, và CA4 theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Tạ Quang Quyết, Nguyễn Văn Đức, Dương Thị Việt Hà... - H. : Tri thức, 2025. - 843 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 299000đ. - 2000b s614969

779. Luyện viết 1 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới - Kết nối tri thức với cuộc sống / Phạm Thị Thanh b.s. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 29000đ. - 5000b Q.1. - 2025. - 51 tr. s613543

780. Luyện viết 1 / Nguyễn Thị Thom, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 6000b T.1. - 2025. - 40 tr. s614131

781. Luyện viết 1 / Nguyễn Thị Thom, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 6000b T.2. - 2025. - 36 tr. s614132

782. Luyện viết chữ đẹp 5 / Trịnh Đình Dũng, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 5000b T.1. - 2025. - 31 tr. s614138

783. Luyện viết chữ đẹp 5 / Trịnh Đình Dũng, Nguyễn Đức Hùng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 5000b T.2. - 2025. - 31 tr. s614139

784. Luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Dành cho học sinh tiểu học tỉnh Lạng Sơn / Hồ Công Liêm (ch.b.), Dương Hồng Minh, Nguyễn Các Tâm. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 10500đ. - 4900b T.1. - 2025. - 39 tr. s615052

785. Luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Dành cho học sinh tiểu học tỉnh Lạng Sơn / Hồ Công Liêm (ch.b.), Dương Hồng Minh, Nguyễn Các Tâm. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 10500đ. - 4800b T.2. - 2025. - 39 tr. s615053

786. Luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Dành cho học sinh tiểu học tỉnh Lạng Sơn / Hồ Công Liêm (ch.b.), Dương Hồng Minh, Nguyễn Các Tâm. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 10500đ. - 4700b T.1. - 2025. - 39 tr. s615054

787. Luyện viết chữ đẹp lớp 3 : Dành cho học sinh tiểu học tỉnh Lạng Sơn / Hồ Công Liêm (ch.b.), Dương Hồng Minh, Nguyễn Các Tâm. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 10500đ. - 4700b

T.2. - 2025. - 39 tr. s615055

788. Luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Dành cho học sinh tiểu học tỉnh Lạng Sơn / Hồ Công Liêm (ch.b.), Dương Hồng Minh, Dương Thúy Hồng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 10500đ. - 4800b

T.1. - 2025. - 39 tr. s615056

789. Luyện viết chữ đẹp lớp 4 : Dành cho học sinh tiểu học tỉnh Lạng Sơn / Hồ Công Liêm (ch.b.), Dương Hồng Minh, Dương Thúy Hồng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 10500đ. - 4700b

T.2. - 2025. - 39 tr. s615057

790. Luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Dành cho học sinh tiểu học tỉnh Lạng Sơn / Hồ Công Liêm (ch.b.), Dương Hồng Minh, Dương Thúy Hồng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 10500đ. - 5200b

T.1. - 2025. - 39 tr. s615058

791. Luyện viết chữ đẹp lớp 5 : Dành cho học sinh tiểu học tỉnh Lạng Sơn / Hồ Công Liêm (ch.b.), Dương Hồng Minh, Dương Thúy Hồng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 10500đ. - 5100b

T.2. - 2025. - 39 tr. s615059

792. Luyện viết và học từ vựng Tiếng Anh lớp 1 : Theo Giáo trình Family and friends : National edition / Lighthouse Writers. - H. : Thế giới, 2025. - 60 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 42000đ. - 3000b s613696

793. Luyện viết và học từ vựng Tiếng Anh lớp 3 : Theo Giáo trình Family and friends : Special edition / Lighthouse Writers. - H. : Thế giới, 2025. - 124 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (American English). - 57000đ. - 3000b s613697

794. Mã Ngọc Thê. Thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập : Lý luận và thực tiễn : Sách chuyên khảo / Mã Ngọc Thê. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 196 tr. : bảng, biểu đồ ; 21 cm. - 126000đ. - 500b

Thư mục: tr. 188-193 s614033

795. Major math 4 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Trương Văn Ánh, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Lê Bá Cường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s613947

796. Major math 5 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Trương Văn Ánh, Lê Bá Cường, Nguyễn Thị Ngọc Bích. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s613948

797. Major science 4 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Trương Văn Ánh, Huỳnh Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s613949

798. Major science 5 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Trương Văn Ánh, Lê Bá Cường, Huỳnh Thị Vân Anh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 p. : ill. ; 30 cm. - 92000đ. - 5030 copies s613950

799. Major stars 4 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Trương Văn Ánh, Nguyễn Trung Hiếu... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 p. : ill. ; 30 cm. - 89000đ. - 5030 copies s613945

800. Major stars 5 / Lê Quý Mai Huyền (ch.b.), Huỳnh Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Ngọc Bích. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 p. : ill. ; 30 cm. - 89000đ. - 5030 copies s613946

801. Math in my world 2 / Huỳnh Thị Kim Trang (ch.b.), Lê Nga, Chu Ánh Vân. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 p. : ill. ; 28 cm. - 40000đ. - 14040 copies s613937

802. Math in my world 3 / Huỳnh Thị Kim Trang (ch.b.), Đậu Thị Huế, Lê Nga. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 p. : ill. ; 28 cm. - 40000đ. - 13040 copies s613938

803. Math in my world 4 / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Nguyễn Trường Giang, Nguyễn Phúc Ngọc Trâm. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 p. : ill. ; 28 cm. - 45000đ. - 10040 copies s613939

804. Math in my world 5 / Nguyễn Minh Thiên Hoàng (ch.b.), Nguyễn Trường Giang, Nguyễn Phúc Ngọc Trâm. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 p. : ill. ; 28 cm. - 46000đ. - 10040 copies s613940

805. Màu sắc và trái cây / Myan ; Minh họa: Tôm Illus. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 14 cm. - (Bộ sách đầu tiên của bé). - 48000đ. - 3000b s615748

806. Mĩ thuật 1 / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Trần Thị Biển (ch.b.), Phạm Duy Anh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 149614b s613363

807. Mĩ thuật 2 / Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Trần Thị Biển (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9000đ. - 134773b s613364

808. Mĩ thuật 2 / Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (tổng ch.b.), Nguyễn Tuấn Cường (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10700đ. - 379000b s613350

809. Mĩ thuật 3 / Hoàng Minh Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị May (ch.b.), Đỗ Viết Hoàng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 9800đ. - 85000b s613352

810. Mĩ thuật 3 / Nguyễn Thị Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 9800đ. - 323000b s613351

811. Mĩ thuật 4 / Hoàng Minh Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị May (ch.b.), Đỗ Viết Hoàng... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 9900đ. - 98000b s613354

812. Mĩ thuật 4 / Nguyễn Thị Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Tuấn Cường (ch.b.), Lương Thanh Khiết... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 9900đ. - 328000b s613353

813. Mĩ thuật 5 / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 63 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8000đ. - 207663b s613365

814. Mĩ thuật 5 / Hoàng Minh Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị May (ch.b.), Vũ Đức Long... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 9800đ. - 119000b s613355

815. Move up 2 / Hồng Thái, Kim Hoàng, Bảo Ngọc, Hồng Viên. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 p. : ill. ; 28 cm. - 50000đ. - 15040 copies s613914

816. Move up 3 / Hồng Thái, Kim Hoàng, Bảo Ngọc, Hồng Viên. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 p. : ill. ; 28 cm. - 58000đ. - 16030 copies s613915

817. 162 bài làm văn 2 chọn lọc : Biên soạn theo Chương trình GDPT mới. Dành cho các bộ SGK hiện hành / Trần Minh Khang, Nguyễn Bảo Khang. - H. : Dân trí, 2025. - 99 tr. ; 27 cm. - 56000đ. - 5000b s615102

818. 162 bài làm văn 5 chọn lọc : Biên soạn theo Chương trình GDPT mới. Dành cho các bộ SGK hiện hành / Trần Minh Khang, Nguyễn Bảo Khang. - H. : Dân trí, 2025. - 167 tr. ; 27 cm. - 85000đ. - 5000b s615103

819. 12 lí do vì sao phải học : Dành cho lứa tuổi nhi đồng / Lời: Kim Mi Hee ; Minh họa: Noh Eun Joo ; Sun Tzô dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 22x26 cm. - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The 12 reasons why we have to study; Tên sách tiếng Hàn: 공부를 해야 하는 12가지 이유 s614824

820. My little fun : Class book : Dành cho trẻ mẫu giáo / Nguyễn Thu Hiền (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Phụng, Trần Thị Hiếu Thuỷ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21x29 cm. - 45000đ. - 5000 copies

Book 2. - 2025. - 69 p. : pic. s613875

821. My little fun : Class book : Dành cho trẻ mẫu giáo / Trần Thị Hiếu Thuỷ (ch.b.), Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Thị Kim Phụng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 21x29 cm. - 45000đ. - 7000 copies

Book 3. - 2025. - 73 tr. : pic. s613876

822. 500 bài toán chọn lọc 4 : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Tài Đức, Nguyễn Ngọc Huân, Ngô Thái Sơn. - Tái bản lần thứ 2, có sửa chữa. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 180 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 79000đ. - 1000b s614194

823. 500 bài toán cơ bản và nâng cao lớp 3 : Đánh giá năng lực phát triển tư duy / Nguyễn Đức Tấn, Tạ Hồ Thị Dung. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 184 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 89000đ. - 2000b s613753

824. Nguyễn Bá Học. Nguyễn Bá Học với giáo dục / Tuyển chọn: Khải... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 199 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615309

825. Nguyễn Minh Giang. Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học : Sách dùng cho giáo viên và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học / Nguyễn Minh Giang. - Tái bản lần 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 155 tr. : bảng ; 24 cm. - (Tủ sách ĐHSPTPHCM). - 70000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 148-155 s615718

826. Nguyễn Minh Giang. Khoa học về sự sống ở tiểu học : Sách dành cho giáo viên và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học / Nguyễn Minh Giang. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 259 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách ĐHSPTPHCM). - 130000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. - Thư mục: tr. 258-259 s615717

827. Nguyễn Nhật Quang. Dogme 2.0 - Dạy học: À...Ra thế! : Hành trình "buông... để dạy" trong kỷ nguyên mạng lưới AI / Nguyễn Nhật Quang. - H. : Thế giới, 2025. - 151 tr. : bảng ; 21 cm. - 163000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 145-151 s614838

828. Nguyễn Thị Quỳnh Anh. Quản lý hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp một : Sách chuyên khảo / Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Chế Thị Hải Linh (ch.b.), Dương Thị Linh. - H. : Lao động, 2025. - 122 tr. : bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 300b s614474

829. Nguyễn Văn Huyền - Cây đại thụ về văn hóa Việt : Dành cho lứa tuổi 7+ / Lời: Nguyễn Huy Thắng ; Tranh: Nguyễn Hoàng Tấn. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Danh nhân khoa học Việt Nam). - 30000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s614657

830. Nhận biết số và làm quen với các phép tính : Bài tập toán học khai sáng / Hiều Minh, Nhóm giáo viên ĐHSP. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 32 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - (Làm tính nhanh - Học Toán giỏi). - 27000đ. - 5000b s613441

831. Những câu chuyện hay mẹ kể con nghe : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.20). - 10000đ. - 10000b s613508

832. Ôn tập - kiểm tra nâng cao và phát triển năng lực Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Tạ Hồ Thị Dung, Nguyễn Đức Phát. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 158 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 72000đ. - 2000b s613751

833. Phạm Quang Huy. Trường Cao đẳng vì cộng đồng - Mô hình phát triển bền vững = Serving the community - A model for sustainable college development / Phạm Quang Huy. - H. : Thế giới, 2025. - 200 tr. : hình vẽ ; 17 cm. - 150000đ. - 100b s615778

834. Phan Thị Hạnh Mai. Tâm lý học sinh tiểu học / Phan Thị Hạnh Mai (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh. - In lần thứ 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 160 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 500b

Thư mục: tr. 160 s614199

835. Phép trừ trong phạm vi 20 : Bộ Toán tư duy : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Thủy Tiên b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 77 tr. : hình vẽ ; 21x15 cm. - (Hành trang giúp bé lên Tiểu học dễ dàng). - 39000đ. - 5000b s615719

836. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Anh lớp 1 : Ôn luyện kiến thức, kỹ năng đã học theo tuần lễ... / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Trương Thị Ngọc Minh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 3000b s613330

837. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Anh lớp 2 : Ôn luyện kiến thức, kỹ năng đã học theo tuần lễ... / Đỗ Thị Ngọc Hiền (ch.b.), Trương Thị Ngọc Minh. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 39000đ. - 3000b s613331

838. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thanh Hà, Trần Hồng Hoa. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 70 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 3000b s613781

839. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 2 / Lê Phương Nga, Phạm Văn Hiên. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 70 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 2000b s613782

840. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Phương Nga (ch.b.), Nguyễn Thị Trang. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 70 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 38000đ. - 2000b s613765

841. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Phương Nga (ch.b.), Lê Thị Mai An. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 70 tr. : bảng, tranh vẽ ; 30 cm. - (Cánh Diều). - 38000đ. - 2000b s613766

842. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Phương Nga (ch.b.), Lê Thị Mai An, Nguyễn Thị Nga. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 70 tr. : bảng, tranh vẽ ; 30 cm. - 38000đ. - 2000b s613767

843. Phiếu bài tập cuối tuần Tiếng Việt 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Lê Phương Nga (ch.b.), Lê Thị Mai An, Võ Thị Bảy. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 70 tr. : bảng, tranh vẽ ; 30 cm. - (Cánh Diều). - 38000đ. - 2000b s613768

844. Phiếu bài tập cuối tuần Toán 1 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Ngọc Lan. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 38000đ. - 3000b s613779

845. Phiếu bài tập cuối tuần Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Ngọc Lan. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 76 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 38000đ. - 1500b s613780

846. Phiếu bài tập cuối tuần Toán 2 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hương. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 76 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - (Cánh Diều). - 38000đ. - 2000b s613762

847. Phiếu bài tập cuối tuần Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hương, Lê Thu Phương. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 78 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - (Cánh Diều). - 38000đ. - 2000b s613763

848. Phiếu bài tập cuối tuần Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hương, Lê Thu Phương. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 78 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - (Kết nối). - 38000đ. - 2000b s613764

849. Phiếu bài tập thực hành môn Tiếng Việt lớp 1 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thuỷ. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 92 tr. : hình vẽ, bảng s614254

850. Phiếu bài tập thực hành môn Tiếng Việt lớp 5 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thuỷ. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 26 cm. - 40000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 79 tr. : hình vẽ s614255

851. Phiếu luyện Toán tư duy cùng gấu Kiki : Bộ phiếu học tập sẵn sàng cho bé vào lớp 1 / Trần Thị Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con thích học Toán). - 35000đ. - 3500b

T.1: Nhận biết nhóm số lượng. - 2025. - 44 tr. : minh hoạ s613314

852. Phiếu luyện Toán tư duy cùng gấu Kiki : Bộ phiếu học tập sẵn sàng cho bé vào lớp 1 / Trần Thị Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con thích học Toán). - 32000đ. - 2800b

T.2: Làm quen với hình khối. - 2025. - 36 tr. : hình vẽ s613315

853. Phiếu luyện viết cùng Gấu Kiki : Bộ phiếu học tập sẵn sàng cho bé vào lớp 1 / Trần Thị Hương. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 27 cm. - (Bộ sách Giúp con thành thạo và thích viết). - 29000đ. - 2800b

T.2: Luyện viết bảng chữ cái. - 2025. - 36 tr. s613671

854. Phiếu ôn hè Tiếng Anh lớp 1 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Hà Thị Thủy Dương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 76 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - (Hành trang vững kiến thức lên lớp 2). - 59000đ. - 2800b s613258

855. Phiếu ôn hè Tiếng Anh lớp 4 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 5 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Hà Thị Thủy Dương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 80 tr. : tranh vẽ ; 30 cm. - 59000đ. - 2800b s613259

856. Phiếu ôn hè Toán lớp 4 : Hành trang vững kiến thức lên lớp 5 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Trần Thị Hương. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 59 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 59000đ. - 3700b s613260

857. Phiếu ôn tập cuối tuần Tiếng Việt - Lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thanh Thủy, Trịnh Thu Giang. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 175 tr. : minh họa ; 27 cm. - 75000đ. - 3000b s613750

858. Phiếu ôn tập cuối tuần Tiếng Việt lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Thanh Thủy, Trịnh Thu Giang. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 127 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 58000đ. - 3000b s613749

859. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 1 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Thạch Thị Lan Anh, Lương Thị Hiền. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : tranh vẽ s613223

860. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 2 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Đỗ Hồng Dương... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s613224

861. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 3 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng s613225

862. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 3 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : hình vẽ, bảng s613226

863. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 5 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Lương Thị Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : bảng s613227

864. Phiếu thực hành Tiếng Việt lớp 5 / Nguyễn Văn Tùng, Lý Minh Đức (ch.b.), Lương Thị Hiền... - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : bảng s613228

865. Phiếu thực hành Toán lớp 4 / Lý Minh Đức, Trần Quang Vinh (ch.b.), Nguyễn Ngọc Luân. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 29 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 35000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng s613222

866. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 2 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : bảng, tranh vẽ ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s614252

867. Phiếu tự đánh giá cuối tuần và kiểm tra định kì môn Tiếng Việt 3 : Phù hợp với kế hoạch dạy học bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Trần Thị Mai (ch.b.), Trần Hải Toàn, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Huyền Trang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : bảng, tranh vẽ ; 26 cm. - 48000đ. - 3000b s614253

868. Rèn kĩ năng học tốt Toán 2 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải toán... / Trần Thị Kim Cương, Tạ Hoàng Đồng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 80000đ. - 3000b s613548

869. Rèn kĩ năng học tốt Toán 4 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải toán... / Trần Thị Kim Cương, Tạ Hoàng Đồng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 223 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 95000đ. - 3000b s613549

870. Rèn luyện & thực hành kĩ năng sống lớp 1 : Dành cho học sinh tiểu học / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 54 tr. : bảng, tranh màu ; 24 cm. - 23000đ. - 2000b s614119

871. Rèn luyện & thực hành kĩ năng sống lớp 2 : Dành cho học sinh tiểu học / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 54 tr. : minh họa ; 24 cm. - 23000đ. - 2000b s614120

872. Rèn luyện & thực hành kĩ năng sống lớp 3 : Dành cho học sinh tiểu học / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 54 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 23000đ. - 2000b s614121

873. Rèn luyện & thực hành kĩ năng sống lớp 4 : Dành cho học sinh tiểu học / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 54 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 23000đ. - 2000b s614122

874. Rèn luyện & thực hành kĩ năng sống lớp 5 : Dành cho học sinh tiểu học / Nguyễn Thị Hương Lan. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 54 tr. : ảnh, tranh màu ; 24 cm. - 23000đ. - 2000b s614123

875. Sách hoạt động - Columbus 4 / Võ Hoàng Biên (ch.b.), Nguyễn Thị Thương. - H. : Dân trí. - 20x30 cm. - 300b

Q.1. - 2025. - 30 tr. : minh họa s615134

876. Sách hoạt động - Columbus 5 / Võ Hoàng Biên (ch.b.), Nguyễn Thị Thương. - H. : Dân trí. - 20x30 cm. - 700b

Q.1. - 2025. - 30 tr. : minh họa s615135

877. So sánh các số trong phạm vi 10 : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.2). - 10000đ. - 10000b s613490

878. Số đếm và động vật / Myan ; Minh họa: Tôm Illus. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 14 cm. - (Bộ sách đầu tiên của bé). - 48000đ. - 3000b s615749

879. Stephenson, Susan Mayclin. Em bé hạnh phúc : Nuôi dạy con tại nhà theo phương pháp Montessori : Giai đoạn 0 - 3 tuổi / Susan Mayclin Stephenson ; Trần Thy Lâm dịch ;

Nghiêm Phương Mai h.đ. - In lần 5. - H. : Lao động, 2025. - 330 tr. : ảnh ; 21 cm. - 159000đ. - 1500b

Nguyên tác: The joyful child. - Phụ lục: tr. 245-319 s614513

880. Tách số siêu nhanh trong phạm vi 10 : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.4). - 10000đ. - 10000b s613492

881. Tài liệu Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 1 / Trịnh Hoài Thu, Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 18000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613251

882. Tài liệu Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 2 / Trịnh Hoài Thu, Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 18000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613252

883. Tài liệu Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 3 / Trịnh Hoài Thu, Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 15000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613253

884. Tài liệu Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 4 / Trịnh Hoài Thu, Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613254

885. Tài liệu Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh lớp 5 / Trịnh Hoài Thu, Phạm Thị Lan Anh, Nguyễn Văn Quyết... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : bảng, tranh màu ; 27 cm. - 15000đ. - 20000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613255

886. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Hậu Giang lớp 5 / Nguyễn Hoài Thuý Hằng, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Hồ Văn Bé Hai (ch.b.)... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 44 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 16230b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Sở Giáo dục và Đào tạo s613405

887. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Khánh Hòa lớp 5 : Sách giáo viên / Nguyễn Thị Kim Thoa, Hà Văn Thông (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Hằng... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 80 tr. : bảng ; 27 cm. - 2030b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Sở Giáo dục và Đào tạo s613409

888. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Khánh Hòa lớp 5 / Nguyễn Thị Kim Hoa (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Hằng, Hà Văn Thông... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 26756b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Sở Giáo dục và Đào tạo s613408

889. Take note! Tiếng Anh lớp 3 / Bùi Văn Vinh, Thái Văn Anh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 50 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 55000đ. - 500b s614968

890. Tập đánh vần Tiếng Việt theo sơ đồ tư duy : Sách giúp con học thành thạo tiếng Việt sớm : 4 - 6 tuổi / Nguyễn Nga. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 127 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - (Sách phát triển tư duy ngôn ngữ). - 90000đ. - 3700b s613256

891. Tập tô chữ : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi / Hiếu Minh b.s. ; Mĩ thuật: Vũ Thị Thuỳ. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Khởi đầu học viết). - 22000đ. - 3000b s614785

892. Tập viết / Nguyễn Thị Thanh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 16 tr. ; 21 cm. - (Hành trang cho bé vào Lớp 1). - 10000đ. - 5000b s614521

893. Tập viết 1 / Nguyễn Thị Thom, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 36 tr. s613783

894. Tập viết 1 / Nguyễn Thị Thom, Đặng Thị Huệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 48 tr. s613784

895. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 40 tr. s614133

896. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 40 tr. s613785

897. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 36 tr. s614124

898. Tập viết 2 / Nguyễn Lan Anh (ch.b.), Lê Minh Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 36 tr. s613786

899. Tập viết 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 36 tr. s614134

900. Tập viết 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 36 tr. s613787

901. Tập viết 3 / Đặng Như Quỳnh (ch.b.), Nguyễn Thuý Hoài, Nguyễn Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 36 tr. s613788

902. Tập viết Tiếng Anh 4 : Biên soạn theo bộ sách Family and Friends 4 : National edition / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Hồ Tấn Mẫn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 49000đ. - 1000b s613772

903. Tập viết và học từ vựng Tiếng Anh 2 - Family and friends : National edition : Notebook / Trang Anh, Ngọc Diệp, Nhóm giáo viên ĐHS. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 60 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 52000đ. - 5000b s613434

904. Tập viết và học từ vựng tiếng Anh 3 - Family and friends : National edition : Notebook / Trang Anh, Ngọc Diệp, Nhóm giáo viên ĐHS. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 60 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 52000đ. - 5000b s613433

905. Tập viết và học từ vựng tiếng Anh 3 - Family and friends : National edition : Notebook / Trang Anh, Ngọc Diệp, Nhóm giáo viên ĐHS. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 60 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 52000đ. - 5000b s613435

906. Thế giới kỳ diệu của toán học - Kindergarten math : Phát triển tư duy toán cho trẻ tiền tiểu học : 5 - 6 tuổi / Dương Tấn Quang, Soroban AQVN. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 40 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 79000đ. - 2000b s613428

907. Thoát hiểm an toàn : Truyện tranh : Dành cho trẻ tiểu học / Lời: Hoài Thu, Hiếu Minh ; Tranh: Nguyễn Quang Toàn. - H. : Kim Đồng, 2025. - 91 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Comic kỹ năng sống). - 45000đ. - 2000b s614744

908. Thử sức trạng nguyên nhỏ tuổi Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Đỗ Trung Hiệu (ch.b.), Đỗ Trung Kiên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 55000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 116 tr. : hình vẽ s614174

909. Thực hành Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Tạ Toàn, Nguyễn Thị Thu Thủy, Lê Thị Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 44000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 60 tr. s613420

910. Thực hành Toán 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Tạ Toàn, Nguyễn Thị Thu Thủy, Lê Thị Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 44000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : minh họa s613421

911. Thực hành Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Tạ Toàn, Nguyễn Thị Thu Thủy, Lê Thị Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 44000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 60 tr. : minh họa s613422

912. Thực hành Toán 5 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Tạ Toàn, Nguyễn Thị Thu Thủy, Lê Thị Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 44000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : minh họa s613423

913. Thực hành viết đúng viết đẹp lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đoàn Thị Thuý Hạnh, Võ Thanh Hà, Nguyễn Hà Thanh, Bùi Thanh Thủy. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 53 tr. : ảnh, tranh vẽ s613261

914. Thực hành viết đúng viết đẹp lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Đoàn Thị Thuý Hạnh, Võ Thanh Hà, Nguyễn Hà Thanh, Bùi Thanh Thủy. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 25000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 60 tr. : ảnh, tranh vẽ s613262

915. Tiếng Anh 3 : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Phan Hà (ch.b.). Nguyễn Thị Hải Hà... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 28 cm. - (Global Success). - 40000đ. - 60000b

T.1. - 2025. - 80 tr. : minh họa s613321

916. Tiếng Anh 3 - Family and friends : National edition : Workbook / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Trương Văn Ánh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 28 cm. - 86000đ. - 40000b s613307

917. Tiếng Anh 4 : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Nguyễn Quốc Tuấn (ch.b.), Phan Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 28 cm. - (Global Success). - 35000đ. - 60000b

T.2. - 2025. - 75 tr. : minh họa s613324

918. Tiếng Anh 4 - Family and friends : National edition : Student book / Trần Cao Bội Ngọc (ch.b.), Trương Văn Ánh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 71000đ. - 100000b s613308

919. Tiếng Anh 5 : Sách học sinh / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Trần Hương Quỳnh (ch.b.), Phan Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 28 cm. - (Global Success). - 32100đ. - 70000b

T.1. - 2025. - 80 tr. : minh hoạ s613325

920. Tiếng Trung Quốc 3 / Nguyễn Hoàng Anh (tổng ch.b.), Nguyễn Phước Lộc (ch.b.), Trần Thị Kim Loan... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 46000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 91 tr. : minh hoạ s613298

921. Tiếng Trung Quốc 4 / Nguyễn Hoàng Anh (tổng ch.b.), Nguyễn Phước Lộc (ch.b.), Trần Thị Kim Loan... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 47000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 91 tr. : minh hoạ s613299

922. Tiếng Trung Quốc 4 / Nguyễn Hoàng Anh (tổng ch.b.), Nguyễn Phước Lộc (ch.b.), Trần Thị Kim Loan... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 46000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 87 tr. : minh hoạ s613300

923. Tiêu Vẽ. Học cho ai? Học để làm gì? : Cuốn sách gối đầu giường dành cho học sinh : Dành cho lứa tuổi 11 đến 16 / Tiêu Vẽ ; Lê Tâm dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 40000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ. - Phụ lục: tr. 163-175 s614667

924. Tin học 3 / Lê Khắc Thành (ch.b.), Nguyễn Tân Ân, Ngô Thị Tú Quyên... - Tái bản lần thứ 4. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 79 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 11900đ. - 80000b s613462

925. Tin học 3 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hoàng Thị Mai (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 270190b s613280

926. Tin học 4 / Lê Khắc Thành (tổng ch.b.), Trịnh Đình Thắng (ch.b.), Ngô Thị Tú Quyên... - Tái bản lần thứ 3. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 96 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Robot thông minh). - 11900đ. - 80000b s613463

927. Tin học 4 / Nguyễn Chí Công (tổng ch.b.), Hoàng Thị Mai (ch.b.), Phan Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 267114b s613281

928. Toán 3 / Trần Diên Hiên (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 3. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - 15000đ. - 9000b

T.1. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s613450

929. Toán 3 / Trần Diên Hiên (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 3. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - 15000đ. - 9000b

T.2. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s613451

930. Toán 4 / Trần Diên Hiên (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 2. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - 14000đ. - 6000b

T.1. - 2025. - 104 tr. : minh hoạ s613452

931. Toán 4 / Trần Diên Hiên (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 2. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - (Bình Minh). - 13000đ. - 6000b

T.2. - 2025. - 100 tr. : minh hoạ s613453

932. Toán 5 / Trần Diên Hiên (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - 18000đ. - 15000b
T.1. - 2025. - 116 tr. : minh hoạ s613454
933. Toán 5 / Trần Diên Hiên (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - 18000đ. - 15000b
T.2. - 2025. - 104 tr. : minh hoạ s613455
934. Toán bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 4 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trần Diên Hiên. - H. : Dân trí, 2025. - 100 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 89000đ. - 10000b s615104
935. Toán chuyên đề đại lượng và đo đại lượng lớp 4 - 5 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Phạm Đình Thực. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 120 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 58000đ. - 1000b s614196
936. Toán nâng cao lớp 1 : Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa hiện hành / Trần Thị Kim Cương, Đặng Phương Hoa. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 106 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 108000đ. - 3000b s613771
937. Toán nâng cao lớp 2 : Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa hiện hành / Trần Thị Kim Cương, Ngô Văn Nghi. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 104 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 108000đ. - 3000b s613638
938. Toán nâng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 3 : Nâng cao kiến thức ngoài chương trình trên lớp / Nguyễn Bảo Minh, Lê Yến Ngọc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 134 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 57000đ. - 3000b s613567
939. Toán phát triển tư duy : Bám sát Chương trình Sách giáo khoa Toán lớp 1 mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Nguyệt. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 74 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - (Hành trang vào lớp 1). - 65000đ. - 10000b s614265
940. Toán tư duy rèn suy nghĩ : Dành cho trẻ 4 - 6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Trọn bộ Tiền tiểu học; Q.10). - 10000đ. - 10000b s613498
941. Trần Văn Giáp. Lược khảo về khoa cử Việt Nam : Từ khởi thủy đến khoa Mậu Ngọ 1918 / Trần Văn Giáp ; Khảo chú: Nguyễn Phúc An. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 123 tr. : ảnh ; 20 cm. - 95000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 113-116. - Phụ chú: tr. 117-123 s614005
942. Trịnh Xuân Khanh. Bí quyết học tập siêu đẳng = 3S super smart study : Siêu trí tuệ con người trong kỷ nguyên AI : Bí kíp chinh phục đỉnh cao học tập cho học sinh THPT từ lớp 10 đến lớp 12 / Trịnh Xuân Khanh. - H. : Thế giới, 2025. - 335 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 500b
Thư mục: tr. 324-335 s614297
943. Trịnh Xuân Khanh. Bí quyết học tập siêu đẳng = 3S super smart study : Siêu trí tuệ con người trong kỷ nguyên AI : Bí kíp học tập siêu đẳng từ lớp 1 đến lớp 5 / Trịnh Xuân Khanh. - H. : Thế giới, 2025. - 359 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 500b
Thư mục: tr. 355-359 s614295
944. Trịnh Xuân Khanh. Bí quyết học tập siêu đẳng = 3S super smart study : Siêu trí tuệ con người trong kỷ nguyên AI : Bí kíp học tập siêu đẳng từ lớp 6 đến lớp 9 / Trịnh Xuân Khanh. - H. : Thế giới, 2025. - 342 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 500b
Thư mục: tr. 336-342 s614296
945. Trọn bộ Tiếng Việt - Chính tả 5 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613485

946. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện từ và câu 2 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613472
947. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện từ và câu 3 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613478
948. Trọn bộ Tiếng Việt - Luyện từ và câu 5 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 24 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613484
949. Trọn bộ Tiếng Việt - Mở rộng vốn từ 2 : Tổng hợp, giải nghĩa ca dao, tục ngữ, thành ngữ Việt Nam / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613476
950. Trọn bộ Tiếng Việt - Mở rộng vốn từ 3 : Tổng hợp, giải nghĩa ca dao, tục ngữ, thành ngữ Việt Nam / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613482
951. Trọn bộ Tiếng Việt - Mở rộng vốn từ 5 : Tổng hợp, giải nghĩa ca dao, tục ngữ, thành ngữ Việt Nam / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613487
952. Trọn bộ Tiếng Việt - Tập làm văn 2 : 78 bài văn mẫu trọn bộ cả năm / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613477
953. Trọn bộ Tiếng Việt - Tập làm văn 3 : 72 bài văn mẫu trọn bộ cả năm / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613483
954. Trọn bộ Tiếng Việt - Tập làm văn 5 : 41 bài văn mẫu trọn bộ cả năm / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613488
955. Trọn bộ Tiếng Việt - Truyện đọc, đọc mở rộng 2 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613474
956. Trọn bộ Tiếng Việt - Truyện đọc, đọc mở rộng 3 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613480
957. Trọn bộ Tiếng Việt - Truyện đọc, đọc mở rộng 5 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613486
958. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở bài tập Chính tả 2 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 12 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613475
959. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở bài tập Chính tả 3 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613481
960. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở luyện viết Chính tả 3 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613479
961. Trọn bộ Tiếng Việt - Vở tập viết chữ hoa 2 / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 16 tr. ; 27 cm. - 10000đ. - 10000b s613473

962. Tuyển chọn 400 bài tập Toán 2 : Dành cho học sinh yêu thích Toán... / Huỳnh Bảo Châu. - H. : Dân trí, 2025. - 112 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 62000đ. - 2000b s615099

963. Tuyển chọn đề kiểm tra Toán 2 các trường : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường... / Nguyễn Văn Quyền, Nguyễn Văn Quân, Uyển Uyển. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 64 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 40000đ. - 5000b s613530

964. Tư duy ngôn ngữ - Đánh vần tiếng Anh : Dành cho học sinh tiểu học... / Alice Beatrice. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 91 tr. : hình vẽ ; 30 cm. - 120000đ. - 10000b s613570

965. Tư duy tích cực : Học hỏi càng nhiều, càng dễ thành công / Trung tâm Nghiên cứu Tâm lí Tiểu Hoà b.s. ; Chíp Chíp dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Kĩ năng xã hội cho học sinh tiểu học; T.5). - 86000đ. - 2000b s614775

966. Tự tin bước vào lớp 1 - Toán phát triển tư duy : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi / Vũ Ngọc Hân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 80000đ. - 10000b s613571

967. Ứng dụng thiết kế phổ quát cho việc học (UDL) trong giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật cấp tiểu học / Nguyễn Thị Cẩm Hương, Nguyễn Hà My, Nguyễn Thị Hoa... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 176 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150b

Thư mục: tr. 167. - Phụ lục: tr. 168-175 s613705

968. Ứng dụng thiết kế phổ quát cho việc học (UDL) trong giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật cấp mầm non / Trần Thị Minh Thành, Đào Thị Phương Liên, Hoàng Thị Nho... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 211 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 150b

Phụ lục: tr. 192-207. - Thư mục: tr. 209-210 s613704

969. Võ Hoàng Biên. Rino English - Junie level 1 : Workbook / Võ Hoàng Biên (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Giang. - H. : Dân trí, 2025. - 101 p. : ill. ; 30 cm. - 1000 copies

Lưu hành nội bộ s613973

970. Võ Hoàng Biên. Rino English - Junie level 2 : Workbook / Võ Hoàng Biên (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Giang. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 103 p. : ill. ; 30 cm. - 1000 copies

Lưu hành nội bộ s613974

971. Võ Hoàng Biên. Rino English - Junie level 3 : Workbook / Võ Hoàng Biên (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Giang. - H. : Dân trí, 2025. - 103 p. : ill. ; 30 cm. - 2000 copies

Lưu hành nội bộ s613975

972. Võ Hoàng Biên. Rino English - Junie level 5 : Workbook / Võ Hoàng Biên (ch.b.), Nguyễn Thị Hương Giang. - H. : Dân trí, 2025. - 151 p. : ill. ; 30 cm. - 2000 copies

Lưu hành nội bộ s613976

973. Vở bài tập nâng cao Tiếng Việt 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới; định hướng phát triển năng lực : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Lê Hữu Tĩnh (ch.b.), Nguyễn Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Ngọc Tâm. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 69000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 128 tr. : minh hoạ s613557

974. Vở bài tập Toán tư duy lớp 1 : Biên soạn theo Chương trình SGK mới / B.s.: Kim Hương, Toán Hoà. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 100000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 163 tr. : hình vẽ, bảng s615090

975. Vở bé chuẩn bị học đọc và học viết : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi và chuẩn bị vào lớp 1 / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Ánh. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 56 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Hành trang cho Bé vào lớp 1). - 15000đ. - 10000b s614205

976. Vở bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Lê Hồng Đăng, Lê Thị Ngọc Anh. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 15000đ. - 10000b s614206

977. Vở luyện viết chữ đẹp lớp 2 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Phạm Văn Công. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 20000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s614177

978. Vở luyện viết lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 32 tr. s613718

979. Vở luyện viết lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 32 tr. s613719

980. Vở luyện viết lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3500b
Q.1. - 2025. - 32 tr. s613720

981. Vở luyện viết lớp 2 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3500b
Q.2. - 2025. - 32 tr. s613721

982. Vở luyện viết lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3500b
Q.1. - 2025. - 32 tr. s613722

983. Vở luyện viết lớp 3 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3500b
Q.2. - 2025. - 32 tr. s613723

984. Vở luyện viết lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 32 tr. s613724

985. Vở luyện viết lớp 4 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 32 tr. s613725

986. Vở luyện viết lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3000b
Q.1. - 2025. - 32 tr. s613726

987. Vở luyện viết lớp 5 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Trần Thị Hồng Hoa, Trần Thọ Xương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 17000đ. - 3000b
Q.2. - 2025. - 32 tr. s613727

988. Vở ô li bài tập Tiếng Việt tăng cường lớp 1 / Vũ Ngọc Hân, Vũ Thị Thu. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống). - 60000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 84 tr. : minh hoạ s613544
989. Vở ô li bài tập Toán lớp 3 - CH-T / Phạm Văn Công. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 56000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 123 tr. : hình vẽ, bảng s614178
990. Vở ô li luyện viết tăng cường 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới - Kết nối tri thức với cuộc sống / Hương Giang, Trung Anh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Bộ vở Tinh hoa tiền tiểu học). - 60000đ. - 7000b
T.1. - 2025. - 80 tr. : hình vẽ s613516
991. Vở thực hành luyện viết 4 / Đặng Khánh Chi, Trương Như Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 32 tr. s614136
992. Vở thực hành luyện viết 4 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Trần Kim Anh, Khuất Khánh Ly... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 36 tr. : bảng s613789
993. Vở thực hành luyện viết 4 / Đặng Khánh Chi, Trương Như Trang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 12000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 32 tr. s614137
994. Vở thực hành luyện viết 4 / Nguyễn Thị Thu Thủy (ch.b.), Trần Kim Anh, Khuất Khánh Ly... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 32 tr. : hình vẽ, bảng s613790
995. Vở thực hành luyện viết 5 / Đặng Khánh Chi, Lê Tùng Lâm, Nguyễn Việt Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 36 tr. s613509
996. Vở thực hành luyện viết 5 / Đặng Khánh Chi, Lê Tùng Lâm, Nguyễn Việt Dũng. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 16000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 36 tr. s613510
997. Vở thực hành luyện viết chữ cỡ nhỏ: Nét thanh - nét đậm : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới : Khối tiểu học lớp 1, 2, 3 / Nguyễn Thị Bảo Hoài. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 36 tr. ; 27 cm. - 30000đ. - 10000b s613534
998. Vở thực hành Toán 3 / Trần Diên Hiền (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 3. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - 25000đ. - 15000b
T.1. - 2025. - 88 tr. : minh hoạ s613456
999. Vở thực hành Toán 3 / Trần Diên Hiền (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 3. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - 25000đ. - 15000b
T.2. - 2025. - 84 tr. : minh hoạ s613457
1000. Vở thực hành Toán 4 / Trần Diên Hiền (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 2. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - (Bình Minh). - 25000đ. - 8000b
T.1. - 2025. - 84 tr. : minh hoạ s613458
1001. Vở thực hành Toán 4 / Trần Diên Hiền (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai... - Tái bản lần thứ 2. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - (Bình Minh). - 25000đ. - 8000b
T.2. - 2025. - 84 tr. : minh hoạ s613459

1002. Vở thực hành Toán 5 / Trần Diên Hiền (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai...
- Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - 25000đ. - 9000b
T.1. - 2025. - 96 tr. : minh họa s613460
1003. Vở thực hành Toán 5 / Trần Diên Hiền (ch.b.), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai...
- Tái bản lần thứ 1. - Nghệ An : Đại học Vinh. - 27 cm. - 25000đ. - 9000b
T.2. - 2025. - 96 tr. : minh họa s613461
1004. Vui học Tiếng Việt lớp 2 / Nguyễn Thị Cẩm Hương, Lê Phương Nga (ch.b.), Lê Kim Anh. - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 50000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 72 tr. : minh họa s613773
1005. Wolfoo tập tô chữ cái / 1980 Edu, Phương Thư. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 49000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s615062
1006. Wolfoo tập tô chữ số / 1980 Edu, Phương Thư. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 49000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 16 tr. : tranh vẽ s615060
1007. Wolfoo tập tô chữ số / 1980 Edu, Phương Thư. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 49000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 16 tr. s615061
1008. Writing - Vở tập viết Tiếng Anh 2 / An Thị Thu Hà, Trần Nguyễn Phương Thuý. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - (Global Success). - 30000đ. - 3000b s613301

THƯƠNG MẠI, CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1009. Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2024. - H. : Công Thương, 2025. - 246 tr. : minh họa ; 27 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Bộ Công Thương. Cục Xuất nhập khẩu; Báo Công Thương. - Phụ lục: tr. 210-241 s613592
1010. Cảng Hải Phòng - 95 năm: Đoàn kết, Kiên cường, Sáng tạo (24/11/1929 - 24/11/2024) : Kỷ yếu năm 2024. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2024. - 223 tr. : ảnh, sơ đồ ; 28 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Ban Thường vụ Đảng uỷ tỉnh Hải Phòng. - Thư mục: tr. 222 s613443
1011. Đài Tiếng nói Việt Nam - 80 năm đồng hành cùng đất nước / B.s.: Đỗ Tiến Sỹ, Phạm Mạnh Hùng, Vũ Hải Quang... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 506 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 720b
ĐTTS ghi: Đài Tiếng nói Việt Nam. - Phụ lục: tr. 410-501. - Thư mục: tr. 502-503 s614635
1012. Electrifying journeys e-mobility transition in Viet Nam : Taking stock March 2025 / The World Bank. - H. : Thông tấn, 2025. - 50 p. : ill. ; 28 cm. - 60 copies s613889
1013. Hoàng Anh Minh. Bí quyết kinh doanh thuê và cho thuê nhà : Cách tạo thu nhập thụ động hiệu quả dành cho người khởi đầu ít vốn / Hoàng Anh Minh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Lao động, 2025. - 423 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 317-423 s614467

1014. Hướng dẫn học tập nghiên cứu marketing / Phạm Thị Huyền (ch.b.), Nguyễn Viết Lâm, Vũ Minh Đức... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 291 tr. : bảng, sơ đồ ; 30 cm. - 89000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Đại học Kinh tế Quốc dân. Khoa marketing. - Phụ lục: tr. 200-291 s613589

1015. Lê Xuân Biều. Giao thông vận tải Đắc Lắc - 120 năm xây dựng và phát triển (1904 - 2024) / Lê Xuân Biều. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 531 tr. : ảnh ; 21 cm. - 200b

Phụ lục: tr. 436-527. - Thư mục: tr. 528-531 s614188

1016. Lịch sử giao thông vận tải Việt Nam cộng hoà (1955 - 1975) : Sách chuyên khảo / Lê Đình Trọng (ch.b.), Lê Thị Đào, Trần Thị Hiền, Đinh Hồng Khoa. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 212 tr. ; 21 cm. - 160000đ. - 300b

Thư mục: tr. 198-212 s614932

1017. Lịch sử giao thông vận tải Việt Nam từ năm 1884 đến năm 1945 : Sách chuyên khảo / Nguyễn Lan Dung (ch.b.), Bùi Thị Hà, Trương Thị Phương, Trương Thị Hải. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 690 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 300000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Sử học. - Thư mục: tr. 663-678. - Phụ lục: tr. 679-690 s614143

1018. Nguyễn Thị Kim Quyên. Giáo trình Vận tải đa phương thức / Nguyễn Thị Kim Quyên (ch.b.), Trần Thị Thuý Hồng, Lâm Khánh Linh. - H. : Lao động, 2025. - 315 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 168000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ. - Thư mục: tr. 312-315 s614404

1019. Rethinking international trade in response to emerging challenges / Trinh Thi Thu Huong, Pham Thi Cam Anh, Vu Kim Ngan... - H. : Hanoi National University, 2025. - 254 p. : tab. ; 24 cm. - 300 copies

At head of title: Foreign Trade University. - Bibliogr. at the end of the paper s613836

1020. Soaring together with Vietnam / Ed.: Nguyen Sy Hung (chief ed.), Pham Ngoc Minh, Duong Tri Thanh... - H. : Industry and Trade, 2025. - 206 p. : ill. ; 25 cm. - 1000 copies

At head of title: Vietnam Airlines s613865

1021. Viết thương mại = 商务汉语写作教程 / Vương Huệ Nghi, Phạm Thị Duyên Hồng (ch.b.), Nguyễn Phước Lộc... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 24 cm. - 120000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

T.1. - 2025. - 176 tr. : bảng, tranh vẽ. - Phụ lục: tr. 156-175 s615779

PHONG TỤC, NGHI LỄ VÀ VĂN HOÁ DÂN GIAN

1022. Ba chú heo con = The three little pigs : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Arianna Candell ; Tranh: Daniel Howarth ; Trần Ngọc Diệp dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Truyện cổ tích nổi tiếng). - 35000đ. - 2000b s614802

1023. Bùi Quốc Linh. Hoạt động kinh tế và tâm linh: Khảo cứu từ văn bia Hậu tỉnh Thái Bình = Les activités économiques et spirituelles dans les inscriptions épigonales dans la province de Thái Bình = Economic and spiritual Activities: A study of epigones inscriptions in Thái Bình province / Bùi Quốc Linh. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 463 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 280000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Hán Nôm. - Thư mục: tr. 269-285. - Phụ lục: tr. 286-446 s614193

1024. Ca dao Việt / B.s.: Nguyễn Xuân Kính (ch.b.), Phan Lan Hương, Cao Thị Hải... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.3. - 2024. - 519 tr. s615157
1025. Ca dao Việt / B.s.: Nguyễn Xuân Kính (ch.b.), Phan Lan Hương, Cao Thị Hải... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.4. - 2025. - 543 tr. s615190
1026. Ca dao, tục ngữ, phương ngôn Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Quang Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1. - 2024. - 351 tr. - Phụ lục: tr. 328-350 s615164
1027. Ca dao, tục ngữ, phương ngôn Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Quang Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2025. - 479 tr. s615228
1028. Cây tre trăm đốt : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Ngô Mạnh Lân ; Thảo Hương b.s. - Tái bản lần thứ 22. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s614649
1029. Chàng Rit được quạt thần : Truyện cổ Jrai : Dành cho lứa tuổi 6+ / Kể: Ơi Tứ... ; S.t.: Ninh Văn Dậu... ; Kpă Pual chuyển ngữ. - H. : Kim Đồng, 2025. - 117 tr. ; 21 cm. - 40000đ. - 1500b s614681
1030. Con chó biết nói : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Lê Minh Hải ; Hiếu Minh b.s. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s614644
1031. Con gái nàng tiên núi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Nguyễn Công Hoan ; Minh Quốc b.s. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s614650
1032. Dân ca giao duyên các dân tộc thiểu số Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Dũng, Hoàng Anh Tuấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1: Dân ca. - 2025. - 415 tr. s615256
1033. Dân ca giao duyên các dân tộc thiểu số Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Dũng, Hoàng Anh Tuấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2: Dân ca. - 2025. - 527 tr. s615206
1034. Dân ca giao duyên các dân tộc thiểu số Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Dũng, Hoàng Anh Tuấn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.3: Dân ca. - 2025. - 503 tr. s615207
1035. Đặng Hoàng Loan. Sử liệu cổ nhạc Việt Nam : Nghiên cứu / Đặng Hoàng Loan b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1, Q.2. - 2025. - 551 tr. s615154

1036. Đặng Hoàng Loan. Sử liệu cổ nhạc Việt Nam : Nghiên cứu / Đặng Hoàng Loan b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2, Q.1. - 2025. - 199 tr. s615153
1037. Đỗ Hồng Kỳ. Di sản sử thi Êđê, M'Nông : Nghiên cứu / Đỗ Hồng Kỳ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 479 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 459-479 s615149
1038. Đỗ Hồng Kỳ. Vai trò của luật tục Êđê, M'Nông trong phát triển bền vững ở Tây Nguyên : Nghiên cứu / Đỗ Hồng Kỳ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 391 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục cuối mỗi phần s615270
1039. Đỗ Quang Tuấn Hoàng. Ngàn năm trà Việt / Đỗ Quang Tuấn Hoàng. - H. : Lao động, 2025. - 571 tr. : ảnh ; 21 cm. - 290000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 567-571 s614419
1040. Grimm, Jacob. Truyện cổ Grimm / Jacob Grimm, Wilhelm Grimm ; Lương Văn Hồng dịch ; Minh họa: Otto Ubbelohde. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - (Văn học Đức. Tác phẩm chọn lọc). - 65000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 324 tr. : tranh vẽ s615573
1041. Hawkins, Emily. Cẩm nang về sinh vật huyền bí : Theo ghi chép của Tiên sĩ Dimitros Pagonis : Dành cho lứa tuổi 8+ / Emily Hawkins b.s. ; Minh họa: Jessica Roux ; Myriam dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 65 tr. : tranh màu ; 26x30 cm. - 180000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: A natural history of magical beasts s614829
1042. Hawkins, Emily. Cẩm nang về tiên : Theo ghi chép của Giáo sư Elsie Arbour : Dành cho lứa tuổi 8+ / Emily Hawkins b.s. ; Minh họa: Jessica Roux ; Myriam dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 65 tr. : tranh màu ; 26x30 cm. - 180000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: A natural history of fairies s614831
1043. Hồ vàng hồ bạc : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Vũ Duy Nghĩa ; Hồng Hà b.s. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s614655
1044. Kê Sừ. A - Chất : Sử thi của dân tộc Ta - Ôi / Kê Sừ. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2005. - 855 tr. ; 24 cm. - 350000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Sừ. - Thư mục: tr. 850-855 s614003
1045. Khúc đồng dao của bé - Ngôi làng kì thú : Các bài đồng dao nhạc sĩ Phạm Tuyên phổ nhạc / Phạm Tuyên, Phạm Hồng Tuyên ; Minh họa: M. Pear, Phương Hoa. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 21x25 cm. - 145000đ. - 1500b s614283
1046. Kiều Thu Hoạch. Nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật diễn xướng trong văn hoá dân gian người Việt thời trung đại / Kiều Thu Hoạch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 411 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 369000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 397-400. - Thư mục: tr. 403-411 s613469
1047. Kiều Thu Hoạch. Truyền thuyết dân gian người Việt / B.s.: Kiều Thu Hoạch (ch.b.), Trần Thị An, Mai Ngọc Hồng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.1. - 2024. - 503 tr. s615185

1048. Kiều Thu Hoạch. Truyền thuyết dân gian người Việt / B.s.: Kiều Thu Hoạch (ch.b.), Trần Thị An, Mai Ngọc Hồng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.2. - 2025. - 511 tr. s615186
1049. Kiều Thu Hoạch. Truyền thuyết dân gian người Việt / Kiều Thu Hoạch ch.b. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.3: Truyền thuyết dân gian. - 2025. - 487 tr. s615329
1050. Kiều Thu Hoạch. Truyện Nôm - Lịch sử phát triển và thi pháp thể loại : Nghiên cứu / Kiều Thu Hoạch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 607 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 395-591. - Thư mục: tr. 592-603 s615148
1051. Kinh Dương Vương mở nước kỷ Hồng Bàng / Tuyển chọn, giới thiệu: Thúy Quỳnh, Vũ Dũng, Thúy Ngọc, Thế Anh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.3: Tập truyện kể dân gian Việt Nam. - 2025. - 559 tr. - Thư mục: tr. 550-554 s615147
1052. Lê Thị Thúy Quỳnh. Truyền thuyết dân gian Việt Nam về các vị thủy thần / Lê Thị Thúy Quỳnh tuyển chọn, b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.1: Truyền thuyết dân gian. - 2025. - 399 tr. s615275
1053. Lê Thị Thúy Quỳnh. Truyền thuyết dân gian Việt Nam về các vị thủy thần / Lê Thị Thúy Quỳnh tuyển chọn, b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.2: Truyền thuyết dân gian. - 2025. - 431 tr. s615193
1054. Lê Thị Thúy Quỳnh. Truyền thuyết dân gian Việt Nam về các vị thủy thần / Lê Thị Thúy Quỳnh tuyển chọn, b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.3: Truyền thuyết dân gian. - 2025. - 415 tr. - Thư mục: tr. 403-408 s615194
1055. 10 phút mỗi ngày - Kể chuyện cho bé : Truyện cổ tích thế giới nổi tiếng nhất / Thủy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 120 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 119000đ. - 5000b s613466
1056. 10 phút mỗi ngày - Kể chuyện cho bé : Truyện cổ tích Việt Nam được yêu thích nhất / Thủy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 120 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 119000đ. - 5000b s613467
1057. 10 phút mỗi ngày - Kể chuyện cho bé: Truyện ngụ ngôn hay nhất / Thủy Trang b.s. ; Minh họa: Đoàn Minh Nghĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 120 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 119000đ. - 5000b s613468
1058. Nàng công chúa nhìn xa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Tạ Huy Long ; Hồng Hà b.s. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s614654
1059. Nàng tiên cua : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Phạm Ngọc Tuấn ; Hồng Hà b.s. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s614656

1060. Ngô Thị Hồng Giang. Sức sống của một truyền thuyết người Việt (Qua truyền thuyết Thánh Gióng) : Nghiên cứu / Ngô Thị Hồng Giang. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 391 tr. : bìa ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 350-375. - Phụ lục: tr. 376-388 s615268

1061. Nguyễn Hữu Mùi. Phong tục bầu Hậu Hiền ở vùng đồng bằng Bắc bộ = Les procédés d'institution des Épigones des Sages dans le delta du fleuve rouge = The procedures for instituting Epigones of sages in the red river delta / Nguyễn Hữu Mùi. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 403 tr. : bìa, ảnh ; 24 cm. - 260000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Hán Nôm... - Thư mục: tr. 266-279. - Phụ lục: tr. 280-391 s614192

1062. Papin, Philippe. Sinh thể văn bia : Khảo cứu lịch sử về hoạt động cung tiến và phương thức bầu hậu ở Việt Nam từ khởi nguyên đến cuối thế kỷ xvii = La chair des stèles : Enquête sur les donateurs et les Épigones du Bouddha et des divinités, au Vietnam, des origines à la fin du xvii^e siècle = The flesh of the steles: An investigation into the donors and Epigones of the Buddha and the deities, in Vietnam, from the origins to the end of the 17th century / Philippe Papin ; Dịch, h.đ.: Doãn Mỹ Linh... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 755 tr. : minh họa ; 24 cm. - 390000đ. - 400b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Hán Nôm... - Phụ lục: tr. 681-727. - Thư mục: tr. 728-740 s614191

1063. Phan Kế Bính. Việt Nam phong tục : Trích trong Đông Dương tạp chí - Từ số 24 đến 49 (1915) / Phan Kế Bính. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng, 2025. - 378 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 135000đ. - 2000b s614773

1064. Sự tích bánh chưng, bánh giầy : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Khánh Vân ; Minh họa: Thiên Thảo. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 18000đ. - 2000b s614986

1065. Sự tích cây nêu ngày Tết : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Nguyễn Bích ; Hồng Hà b.s. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s614651

1066. Sự tích chú Cuội cung trăng : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Tạ Huy Long ; Hồng Hà b.s. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s614652

1067. Sự tích dưa hấu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Nguyễn Công Hoan ; Hồng Hà b.s. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện dân gian Việt Nam). - 20000đ. - 2000b s614653

1068. Sự tích Hồ Gươm : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Khánh Vân ; Minh họa: Tuyết Hoàng. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 18000đ. - 2000b s614984

1069. Sự tích mưa, gió, mặt trời và mặt trăng : Truyện cổ dân tộc Khơ-me : Truyện tranh : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 10000đ. - 1000b s613375

1070. Sự tích quả dưa hấu : Truyện tranh : Song ngữ Việt - Anh / Lời: Khánh Vân ; Minh họa: Bích Phượng. - H. : Tri thức, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Người kể chuyện)(Truyện cổ tích Việt Nam). - 18000đ. - 2000b s614985

1071. Thái Bình quảng ký / Nguyễn Phúc An dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 143 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 120-140 s615295
1072. Thủy Tiên. Huyền tích dân gian - Dân gian kỳ truyện / Vẽ kể chuyện: Thủy Tiên. - H. : Lao động, 2025. - 123 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 195000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 122-123 s614484
1073. Thủy Tiên. Huyền tích dân gian - Huyền sử Việt / Vẽ kể chuyện: Thủy Tiên. - H. : Lao động, 2025. - 146 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 205000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 123-143. - Thư mục: tr. 144-146 s614485
1074. Trò chơi dân gian các dân tộc Việt Nam / B.s.: Võ Quang Trọng (ch.b.), Vi Văn An, Vũ Hồng Nhi... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.1. - 2024. - 479 tr. : ảnh. - Thư mục: tr. 461-479 s615150
1075. Trò chơi dân gian các dân tộc Việt Nam / B.s.: Võ Quang Trọng (ch.b.), Vi Văn An, Vũ Hồng Nhi... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.2. - 2024. - 455 tr. : ảnh. - Thư mục: tr. 441-445 s615151
1076. Truyện cổ Nga : Những cuộc phiêu lưu và những phép màu / Thanh Mai dịch ; Minh họa: Dinara Mirtalipova. - H. : Dân trí, 2025. - 219 tr. : tranh vẽ ; 23 cm. - 219000đ. - 1500b s615076
1077. Tục ngữ phong dao / Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc s.t. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1. - 2025. - 471 tr. s615202
1078. Tục ngữ phong dao / Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc s.t. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2025. - 279 tr. s615291
1079. Tuệ Đức. Tổng hợp văn khấn gia tiên (trọn bộ) / Tuệ Đức b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 152 tr. ; 27 cm. - 1000b s613672
1080. Tuyển tập truyện thơ Nôm Việt Nam / B.s., giới thiệu: Vũ Quang Liễn, Trần Trọng Nghĩa, Lê Thị Thúy Quỳnh, Vũ Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2: Truyện thơ Nôm. - 2025. - 495 tr. s615272
1081. Tuyển tập truyện thơ Nôm Việt Nam / B.s., giới thiệu: Vũ Quang Liễn, Trần Trọng Nghĩa, Lê Thị Thúy Quỳnh, Vũ Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.3: Truyện thơ Nôm. - 2025. - 447 tr. s615273
1082. Tuyển tập truyện thơ Nôm Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Quang Liễn, Trần Trọng Nghĩa, Lê Thị Thúy Quỳnh, Vũ Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.5: Truyện thơ Nôm. - 2025. - 431 tr. s615274
1083. Tứ bất tử trong văn học dân gian Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Quang Liễn, Vũ Quang Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.1. - 2024. - 415 tr. s615319

1084. Tứ bất tử trong văn học dân gian Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Quang Liễn, Vũ Quang Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.2. - 2025. - 383 tr. s615320

1085. Tứ bất tử trong văn học dân gian Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Quang Liễn, Vũ Quang Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.3. - 2024. - 383 tr. s615321

1086. Vĩnh Thông. Tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở Châu Đốc, tỉnh An Giang / Vĩnh Thông. - H. : Lao động, 2025. - 255 tr. ; 21 cm. - 1300b

ĐTTS ghi: Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. - Phụ lục: tr. 198-244. - Thư mục: tr. 245-252 s614387

NGÔN NGỮ

1087. Achan Phuong. Tổng hợp từ vựng cơ bản và nâng cao song ngữ Việt - Lào = ສັງລວມຄຳສັບສອງພາສາຫວຽດນາມ-ລາວ ພື້ນຖານ ແລະ ກ້ວໜ້າ / Achan Phuong. - H. : Lao động, 2025. - 146 tr. : bảng ; 21 cm. - 119000đ. - 500b s614436

1088. Ahn Jean Myung. Ngữ pháp tiếng Hàn thông dụng - Sơ cấp = 중급 한국어 문법 / Ahn Jean Myung, Lee Kyung Ah, Han Hoo Young ; Trang Thom biên dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 379 tr. : minh họa ; 24 cm. - 250000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Korean grammar in use - Beginning s614593

1089. Aoun, Colette. Hooray! Let's play! A2 : Activity book : Science & math and fine motor skills & phonological awareness / Colette Aoun, Nicole Sarraf Boukidjian ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 68 p. : ill. ; 22x28 cm. - (Helbling languages). - 83000đ. - 2000 copies s613878

1090. Aoun, Colette. Hooray! Let's play! B1 : Activity book : Science & math and fine motor skills & phonological awareness / Colette Aoun, Nicole Sarraf Boukidjian ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 70 p. : ill. ; 22x28 cm. - (Helbling languages). - 83000đ. - 2000 copies s613880

1091. Bạch Bảo Hoàn Châu. All in one Korean - Sổ tay Mind map ngữ pháp tiếng Hàn cơ bản : Dành cho người mới bắt đầu / Bạch Bảo Hoàn Châu. - H. : Hồng Đức, 2025. - 250 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 158000đ. - 2000b s614571

1092. Bài giảng và lời giải chi tiết Tiếng Anh 11 - Friends Global : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Hoàng Thái Dương (ch.b.), Lê Thị Mỹ Hà, Nguyễn Thị Nga, Phan Thị Tuyết Trang. - Tái bản lần thứ 2, có sửa chữa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 255 tr. : bảng ; 24 cm. - 135000đ. - 1000b s614098

1093. Bài tập bổ trợ & nâng cao Tiếng Anh lớp 6 : Có đáp án / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Vân Anh, Nguyễn Thị Phương Anh. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh)(Global Success). - 108000đ. - 2500b

T.1. - 2025. - 194 tr. : bảng, tranh vẽ s613761

1094. Bài tập cuối tuần Tiếng Anh lớp 7 : Có đáp án... / Đại Lợi (ch.b.), Hằng Nguyễn, Phương Thủy. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh)(Global Success). - 85000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 167 tr. : bảng s613555

1095. Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Nguyễn Hữu Cường. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 87 tr. : minh hoạ s613309

1096. Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Nguyễn Hữu Cường. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 35000đ. - 4000b

T.2. - 2025. - 87 tr. : minh hoạ s613310

1097. Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 7 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Nguyễn Thị Hoàng Lan. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 146 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 49000đ. - 5000b s613311

1098. Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 8 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan... - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lí bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 150 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 54000đ. - 3000b s613312

1099. Bài tập phát triển năng lực Tiếng Anh 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan... - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh lí bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 163 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 58000đ. - 5000b s613313

1100. Bài tập tiếng Anh 8 : Dùng kèm SGK Tiếng Anh 8... / Minh Luận, Nguyễn Hoàng Thanh Ly. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 126 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 78000đ. - 2000b s613774

1101. Bài tập tiếng Anh 8: Cơ bản và chuyên sâu : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới - Global Success / Louis Phan, Lan Hương, Kim Huế, Hoàng Trí. - H. : Thế giới. - 29 cm. - 89000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 123 tr. : bảng s613692

1102. Bài tập Tiếng Anh lớp 7 : Có đáp án... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Vân Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Dương Thị Hồng Diệp. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh)(Global Success). - 80000đ. - 2500b

T.2. - 2025. - 151 tr. : hình vẽ, bảng s613758

1103. Bài tập Tiếng Anh lớp 9 : Không đáp án... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Vân Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Như Quỳnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 287 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Tủ sách Học tốt tiếng Anh)(Global Success). - 149000đ. - 3000b s613569

1104. Bài tập Tiếng Anh lớp 9 : Có đáp án... / Bùi Văn Vinh (ch.b.), Thái Vân Anh, Nguyễn Thị Phương Anh, Như Quỳnh. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - (Tủ sách Học tốt Tiếng Anh)(Global Success). - 105000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 191 tr. : hình vẽ, bảng s613556

1105. Bài tập tìm sửa lỗi sai tiếng Anh : Ôn thi vào lớp 10 & 10 chuyên / Khánh Hà. - H. : Tri thức, 2025. - 115 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 52000đ. - 900b s614959

1106. Bài tập từ đồng nghĩa, trái nghĩa Tiếng Anh : Ôn thi vào lớp 10 & 10 chuyên / Thiên Hương. - H. : Trí thức, 2025. - 135 tr. ; 24 cm. - (Tủ sách Tự học đột phá). - 58000đ. - 600b s614960

1107. Betsis, Andrew. Succeed in Cambridge English: Movers : 8 complete practice tests. For the revised exam from 2018 / Andrew Betsis, Lawrence Mamas. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 212 p. : ill. + 1 Audio scripts & answer key ; 30 cm. - 298000đ. - 3000 copies s613802

1108. Bull, Victoria. Oxford learner's pocket dictionary / Victoria Bull. - 4th ed. - H. : Dân trí, 2025. - 524 p. : ill. ; 15 cm. - 110000đ. - 2000 copies s613952

1109. Burton, Graham. Personal Best B1+ - Intermediate : Student's book and workbook : Combined edition B / Graham Burton, Elizabeth Walter, Kate Woodford ; Ed.: Jim Scrivener. - Hue : Hue University, 2025. - 79 p. : ill. ; 28 cm. - (American English). - 5000 copies s613910

1110. Chắp bút 1000 câu writing - Bậc A2 : 30 ngày gieo trồng tư duy writing, rèn từ vựng - chuẩn ngữ pháp, nâng tầm phong cách viết. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 27 cm. - 179000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 292 tr. : hình vẽ, bảng s613438

1111. Conferência científica internacional: Ensino e pesquisa de Português - Teoria e prática = Hội thảo khoa học quốc tế: Giảng dạy và nghiên cứu tiếng Bồ Đào Nha - Lý luận và thực tiễn / Eric Chen, Melo Wadison, Khuat Thị Chinh... - H. : Thế giới, 2025. - 338 p. : ill. ; 24 cm. - 100 copies

Cabeçalho da página de rosto: Trường Đại học Hà Nội. - Bibliogr. no final do artigo s613859

1112. Diễm Hương. Tự học tiếng Trung cấp tốc trong công xưởng nhà máy / Diễm Hương ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 211 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 145000đ. - 5000b s614570

1113. DOL IELTS Aim 5.0+ with Linear® / Lê Đình Lực, Hà Đặng Như Quỳnh, Trần Giang Thanh... ; Ill: Huyền Đỗ... - H. : Dân trí, 2025. - 306 p. : ill. ; 25 cm. - 2000 copies s613863

1114. DOL IELTS Aim 6.0+ with Linear / Lê Đình Lực, Hà Đặng Như Quỳnh, Trần Giang Thanh... ; Ill: Hoàng Mai Duyên... - H. : Dân trí, 2025. - 370 p. : ill. ; 25 cm. - 2000 copies s613864

1115. Dooley, Jenny. My phonics 1 - The alphabet : Pupil's book / Jenny Dooley, Virginia Evans. - Huế : Đại học Huế, 2025. - 88 p. : ill. ; 29 cm. - 135000đ. - 8000 copies s613969

1116. Dương Phương Khánh. 30 ngày trôi chảy tiếng Lào = 30 ມື້ເວົ້າພາສາ ຫວຽດນາມ ອ່ອງເຈດ້ວ / Dương Phương Khánh, Achan Phuong. - H. : Lao động, 2025. - 164 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 125000đ. - 500b s614451

1117. Đặng Nguyệt Hà. Tiếng Trung dễ nhớ : 5456 từ vựng và ví dụ thực tế / Đặng Nguyệt Hà. - H. : Thế giới. - 15 cm. - 120000đ. - 10000b

Q.1: HSK1, HSK2, HSK3. - 2025. - 298 tr. s615758

1118. Đặng Nguyệt Hà. Tiếng Trung dễ nhớ : 5456 từ vựng và ví dụ thực tế / Đặng Nguyệt Hà. - H. : Thế giới. - 15 cm. - 120000đ. - 10000b

Q.2: Từ vựng HSK4, HSK5, HSK6. - 2025. - 446 tr. s615759

1119. Đặng Thị Huệ. Nâng cấp từ vựng tiếng Hàn = 한국 어휘 마스터 : 2500+ từ và cách diễn đạt mở rộng : Sơ cấp - Trung cấp - Cao cấp / Đặng Thị Huệ. - H. : Thế giới, 2025. - 299 tr. ; 12 cm. - 120000đ. - 20000b s615756

1120. Eastwood, John. Oxford learner's pocket grammar / John Eastwood. - H. : Dân trí, 2025. - 388 p. : ill. ; 15 cm. - 169000đ. - 2000 copies s613951
1121. Flannigan, Eileen. Grammar friends 6 : For 6 - 12 year / Eileen Flannigan. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 96 p. : ill. ; 28 cm. - 136000đ. - 2000 copies s613978
1122. Fluency plus 7 : Activity book / Phạm Hữu Đức (ch.b.), Lê Quý Mai Huyền, Phạm Nguyễn Bảo Ngọc... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 92 p. : ill. ; 30 cm. - 120000đ. - 5030 copies s613916
1123. Fluency plus 7 : Student's book / Phạm Hữu Đức (ch.b.), Lê Quý Mai Huyền, Phạm Nguyễn Bảo Ngọc... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 p. : ill. ; 30 cm. - 130000đ. - 9030 copies
Bibliogr.: p. 105-107 s613917
1124. Gairns, Ruth. Oxford learner's pocket phrasal verbs and idioms / Ruth Gairns, Stuart Redman. - H. : Dân trí, 2025. - 277 p. : ill. ; 15 cm. - 139000đ. - 2000 copies s613953
1125. Gerngross, Günter. Hooray! Let's play! A1 : Student's book and activities & projects book / Günter Gerngross, Herbert Puchta, Megan Cherry ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 56 p. ; 22x28 cm. - (Helbling languages). - 83000đ. - 2000 copies s613877
1126. Gerngross, Günter. Hooray! Let's play! A3 : Student's book and activities & projects book / Günter Gerngross, Herbert Puchta, Megan Cherry ; Ed.: Ton Nu Quynh Chi. - Hue : Hue University, 2025. - 60 p. : ill. ; 22x28 cm. - (Helbling languages). - 103000đ. - 2000 copies s613879
1127. Giáo trình Phát triển Hán ngữ - Tổng hợp sơ cấp 1 = 发展汉语初级综合 (I) / Dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức. - 27 cm. - 189000đ. - 2000b
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh
T.1. - 2025. - 241 tr. : minh hoạ s613714
1128. Giáo trình Phát triển Hán ngữ: Nói - Giao tiếp sơ cấp 1 = 发展汉语初级口语 1 / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - 285 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 199000đ. - 2000b
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s613668
1129. Giáo trình Phát triển Hán ngữ: Nói - Giao tiếp trung cấp 1 = 发展汉语中级口语 1 / Biên dịch: Trần Thị Thanh Liêm... - H. : Hồng Đức, 2025. - 229 tr. : ảnh, bảng ; 27 cm. - 219000đ. - 2000b
ĐTTS ghi: Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh s613670
1130. Greenwell, Jeanette. Cool kids 4 : Student's book / Jeanette Greenwell. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 167 p. : ill. ; 29 cm. - (Richmond). - 184000đ. - 2000 copies s613891
1131. Greenwell, Jeanette. Cool kids 6 : Student's book / Jeanette Greenwell. - 2nd ed. - Hue : Hue University, 2025. - 167 p. : ill. ; 29 cm. - (Richmond). - 184000đ. - 2000 copies s613892
1132. Hà Anh. 8000 chữ Hán thông dụng = 通常8000字 : 楷书速成字帖 / Hà Anh. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 64 tr. : bảng ; 19x27 cm. - 100000đ. - 10000b s615815
1133. Hành trình sáng tạo chữ quốc ngữ : Truyện tranh / Lời: Phạm Thị Kiều Ly ; Minh họa: Tạ Huy Long. - H. : Kim Đồng, 2025. - 129 tr. : bảng, tranh vẽ ; 25 cm. - 105000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 124-126 s614770

1134. Hannah Ko. I-Learn smart start 4 - Where do you want to travel? / Hannah Ko ; Ill.: Marcin Piwowarski ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 24 p. : color pic. ; 20 cm. - (Recommended reader for). - 37000đ. - 3000 copies s613872

1135. Hoàng Quỳnh. Tập viết tiếng Nhật - Bảng chữ cái Hiragana = ひらがな / Hoàng Quỳnh ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 103 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - 79000đ. - 2000b s613791

1136. Hoàng Tăng Đức. Thực hành Tiếng Anh 5 - Macmillan next move : Workbook : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move 3, 4 của tác giả Amanda Cant và Hans Mol thuộc bản quyền của Nhà xuất bản Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Đỗ Thị Thuý Vân, Nguyễn Thị Xuân. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 27 cm. - 64105đ. - 12000b s613991

1137. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 1 - Macmillan next move : Pupil's book : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move starter level của tác giả Amanda Cant - Mary Charrington thuộc bản quyền của NXB Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Nguyễn Mạnh Cường. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 55 tr. : minh họa ; 27 cm. - 51408đ. - 14000b s613979

1138. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 1 - Macmillan next move : Workbook : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move starter level của các tác giả Amanda Cant - Mary Charrington thuộc bản quyền của NXB Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Nguyễn Mạnh Cường. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 47 tr. : minh họa ; 27 cm. - 51408đ. - 15500b s613988

1139. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 2 - Macmillan next move : Pupil's book : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move starter level của các tác giả Amanda Cant - Mary Charrington thuộc bản quyền của NXB Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Phùng Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thu Hoài. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 56 tr. : minh họa ; 27 cm. - 54828đ. - 15000b s613980

1140. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 2 - Macmillan next move : Workbook : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move starter level của các tác giả Amanda Cant - Mary Charrington thuộc bản quyền của NXB Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Phùng Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thu Hoài. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 49 tr. : minh họa ; 27 cm. - 54828đ. - 14000b s613989

1141. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 3 - Macmillan next move : Pupil's book : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move 1 của tác giả Amanda Cant - Mary Charrington thuộc bản quyền của NXB Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hoài, Hoàng Thuý Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - 777580đ. - 12000b s613981

1142. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 3 - Macmillan next move : Workbook : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move 1 của các tác giả Amanda Cant - Mary Charrington thuộc bản quyền của NXB Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hoài, Hoàng Thuý Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 90 tr. : minh họa ; 27 cm. - 77758đ. - 8000b s613986

1143. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 3 - Macmillan next move : Workbook : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move 1 của các tác giả Amanda Cant - Mary Charrington thuộc bản quyền của NXB Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hoài, Hoàng Thuý Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 90 tr. : minh họa ; 27 cm. - 77758đ. - 5000b s613990

1144. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 4 - Macmillan next move : Pupil's book : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move level 2 của tác giả Amanda Cant & Mary Charrington thuộc bản quyền của Nhà xuất bản Macmillan Education : Sách giáo khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông (theo Quyết định số 4434/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Đặng Ngân Giang, Nguyễn Thị Thu Hoài. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 115 tr. : minh họa ; 27 cm. - 71118đ. - 13000b s613982

1145. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 5 - Macmillan next move : Pupil's book : Sách giáo khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông theo Quyết định số 4119/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move 3, 4 của tác giả Amanda Cant và Mary Charrington thuộc bản quyền của Nhà xuất bản Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Đỗ Thị Thuý Vân, Nguyễn Thị Xuân. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 116 tr. : minh họa ; 27 cm. - 641050đ. - 17000b s613983

1146. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 5 - Macmillan next move : Workbook : Được chỉnh lý từ sách gốc Macmillan next move 3, 4 của tác giả Amanda Cant và Hans Mol thuộc bản quyền của Nhà xuất bản Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (ch.b.), Đỗ Thị Thuý Vân, Nguyễn Thị Xuân. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 103 tr. : minh họa ; 27 cm. - 64105đ. - 5000b s613987

1147. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 8 - Macmillan Motivate! : Sách bài tập / Hoàng Tăng Đức (tổng ch.b.), Phùng Thị Kim Dung (ch.b.), Khoa Việt Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 139 tr. : minh họa ; 29 cm. - 63309đ. - 2000b s613994

1148. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 8 - Macmillan motivate! : Sách học sinh: Được chỉnh lý từ sách gốc Motivate!! 3 của tác giả Ema Heyderman & Fiona Mauchline thuộc bản quyền của NXB Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (tổng ch.b.), Phùng Thị Kim Dung (ch.b.), Khoa Anh Việt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 134 tr. : minh họa ; 29 cm. - 63309đ. - 2500b s613993

1149. Hoàng Tăng Đức. Tiếng Anh 9 - Macmillan motivate! : Sách bài tập / Hoàng Tăng Đức (tổng ch.b.), Phùng Thị Kim Dung (ch.b.), Lê Hương Thảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 131 tr. : minh họa ; 29 cm. - 72848đ. - 2000b s613995

1150. Hoàng Thị Thanh Huyền. Câu ghép tiếng Việt cấu trúc ngữ nghĩa - Cấu trúc lập luận - Cấu trúc thông tin : Sách chuyên khảo / Hoàng Thị Thanh Huyền. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 317 tr. : bảng ; 21 cm. - 250000đ. - 200b

Thư mục: tr. 300-313 s614930

1151. Hobbs, Martyn. Achievers A2 : Student's book / Martyn Hobbs, Julia Starr Keddle. - Hue : Hue University, 2025. - 153 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 233000đ. - 3000 copies s613913

1152. Hobbs, Martyn. Achievers grade 6 : Student's book / Martyn Hobbs, Julia Starr Keddle, Carolyn Barraclough. - Hue : Hue University, 2025. - 153 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 251000đ. - 20000 copies s613996

1153. Hobbs, Martyn. Achievers grade 7 : Student's book / Martyn Hobbs, Julia Starr Keddle. - Hue : Hue University, 2025. - 153 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 251000đ. - 25000 copies s613911

1154. Hobbs, Martyn. Achievers grade 9 : Student's book / Martyn Hobbs, Julia Starr Keddle, Claire Thacker. - Hue : Hue University, 2025. - 153 p. : ill. ; 28 cm. - (Richmond). - 251000đ. - 20000 copies s613912

1155. Học tốt tiếng Anh 10 : Theo Chương trình Global Success : Tài liệu tham khảo thiết thực cho giáo viên và học sinh / Trang Anh, Minh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 327 tr. : bìa ; 27 cm. - 175000đ. - 2500b s613639

1156. Hội thảo khoa học quốc tế: Nghiên cứu - Giảng dạy tiếng Tây Ban Nha như một ngoại ngữ ở Việt Nam (CELEV) lần thứ nhất / Javier Serrano Avilés, Nguyen Thi Kim Dung, Alberto Gineste Liombart... - H. : Thế giới, 2025. - 198 p. : ill. ; 24 cm. - 300 copies

Encabezado del título: Trường Đại học Hà Nội. - Bibliogr. al final de la investigación s613840

1157. HSK 标准教程 1 = Giáo trình chuẩn HSK 1 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vương Phương, Vương Phong, Lưu Lê Bình ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 141 画 : 插图 ; 29 cm. - 198000đ. - 5000b s613799

1158. HSK 标准教程 1 - 练习册 = Giáo trình chuẩn HSK 1 - Sách bài tập / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vương Phương, Vương Phong, Lưu Lê Bình ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 134 画 : 插图 ; 29 cm. - 158000đ. - 5000b s613797

1159. HSK 标准教程 2 = Giáo trình chuẩn HSK 2 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vương Phong, Lưu Lê Bình, Vương Phương ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 143 画 : 插图 ; 29 cm. - 198000đ. - 5000b s613800

1160. HSK 标准教程 2 - 练习册 = Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vương Phong, Lưu Lê Bình, Vương Phương ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 166 画 : 插图 ; 29 cm. - 188000đ. - 5000b s613798

1161. Khương Lê Bình. HSK 标准教程 3 = Giáo trình chuẩn HSK 3 / B.s.: Khương Lê Bình (ch.b.), Vu Diệu, Lý Lâm ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 207 画 : 插图 ; 29 cm. - 288000đ. - 5000b s613801

1162. Kisloski, Carolyn. I-Learn smart start 1 - My great body / Carolyn Kisloski ; Ill.: Nina de Polonia ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 24 p. : color pic. ; 20 cm. - (Recommended reader for). - 37000đ. - 3000 copies s613867

1163. Kisloski, Carolyn. I-Learn smart start 4 - Treasure hunt / Carolyn Kisloski ; Ill.: Srimalie Bassani ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 24 p. : color pic. ; 20 cm. - (Recommended reader for). - 37000đ. - 3000 copies s613873

1164. Lai Hoai Chau. English coursebook for B2 level / Lai Hoai Chau (chief author), Nguyen Luong Tuan Dung. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 215 p. : ill. ; 24 cm. - 98000đ. - 500 copies

At head of cover: Ho Chi Minh City University of Natural Resources and Environment. - Bibliogr.: p. 214 s613888

1165. Làm chủ kiến thức Tiếng Anh bằng sơ đồ tư duy lớp 8 : Theo sách giáo khoa Tiếng Anh Global Success / Đỗ Nhung, Thanh Thanh. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 135000đ. - 2000b T.2. - 2025. - 166 tr. : minh họa s615048

1166. Lamb, Jenny. I-Learn smart start 3 - A long car ride / Jenny Lamb ; Ill.: Marcin Piwowarski ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 24 p. : color pic. ; 20 cm. - (Recommended reader for). - 37000đ. - 3000 copies s613871

1167. Lê Hạnh. Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học / Lê Hạnh, Lê Ngọc. - Tái bản lần thứ 3, có chỉnh sửa bổ sung. - H : Dân trí, 2025. - 503 tr. ; 15 cm. - 64000đ. - 5000b s615703

1168. Lê Huy Khoa. Sổ tay 169 mẫu văn bản tiếng Hàn công sở / Lê Huy Khoa tổng hợp, b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 479 tr. : bảng, tranh vẽ ; 21 cm. - 210000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 한국어문서양식 s614551

1169. Lê Tuấn Anh. Tiếng Trung thực chiến - Tiếng Trung công xưởng A1 = 实战出真知实践见真章 : Thích nghi công xưởng. Học thật - sống thật - làm được thật / Lê Tuấn Anh. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 335 tr. : bảng ; 21 cm. - 199000đ. - 1000b s614923

1170. Lê Tuấn Anh. Tiếng Trung thực chiến - Tiếng Trung công xưởng A2 = 实战出真知实践见真章 : Bắt nhịp công việc. Học thật - sống thật - làm được thật / Lê Tuấn Anh. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 330 tr. : bảng ; 21 cm. - 219000đ. - 1000b s614924

1171. Lê Tuấn Anh. Tiếng Trung thực chiến - Tiếng Trung công xưởng A3 = 实战出真知实践见真章 : Làm chủ tình huống. Học thật - sống thật - làm được thật / Lê Tuấn Anh. - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 365 tr. : bảng ; 21 cm. - 249000đ. - 1000b s614925

1172. Lê Văn Quang. Tự học tiếng Trung dành cho người Việt / Lê Văn Quang ch.b. - H. : Hồng Đức, 2025. - 275 tr. : bảng ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b s614577

1173. Loughed, Lin. IELTS premium : The trusted name in test prep : Làm quen và định hướng phương pháp học tập chuyên sâu cho từng kỹ năng... / Lin Loughed. - 7th ed. - H. : Công Thương, 2025. - 473 p. : ill. ; 27 cm. - 399000đ. - 2000 copies s614000

1174. Luyện chuyên sâu ngữ pháp và từ vựng Tiếng Anh 6 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới - Global Success / Vũ Thanh Hoa. - H. : Thế giới, 2025. - 208 tr. : bảng ; 29 cm. - 179000đ. - 5000b s613693

1175. Luyện chuyên sâu ngữ pháp và từ vựng Tiếng Anh 7 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới - Global Success / Vũ Thanh Hoa. - H. : Thế giới, 2025. - 195 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 169000đ. - 5000b s613694

1176. Luyện chuyên sâu ngữ pháp và từ vựng Tiếng Anh 9 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới - Global Success / Vũ Thanh Hoa. - H. : Thế giới, 2025. - 208 tr. : minh họa ; 29 cm. - 179000đ. - 5000b s613695

1177. Mai Lan Hương. Giải thích ngữ pháp tiếng Anh : Lý thuyết & bài tập / Mai Lan Hương, Hà Thanh Uyên. - H. : Dân trí, 2025. - 560 tr. : bảng ; 24 cm. - 215000đ. - 10000b Phụ lục: tr. 516-517 s615029

1178. Make english easy : Xây dựng nền tảng Luyện âm & Phản xạ / Anh ngữ BeeLee. - H. : Thế giới, 2025. - 203 tr. : minh họa ; 24 cm. - 299000đ. - 1500b s614302

1179. Mann, Malcolm. Destination B1 : Grammar & Vocabulary with answer key / Malcolm Mann, Steve Taylore Knowles ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 247 p. : ill. ; 29 cm. - 198000đ. - 10000 copies s613896

1180. Mann, Malcolm. Destination B2 : Grammar & Vocabulary with answer key / Malcolm Mann, Steve Taylore Knowles ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 263 p. : ill. ; 29 cm. - 178000đ. - 10000 copies s613897
1181. Mann, Malcolm. Destination B2 : Grammar & Vocabulary with answer key on MCbooks app / Malcolm Mann, Steve Taylore Knowles ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 246 p. : ill. ; 29 cm. - 178000đ. - 10000 copies s613894
1182. Mann, Malcolm. Destination C1&C2 : Grammar & Vocabulary with answer key / Malcolm Mann, Steve Taylore Knowles ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 338 p. : ill. ; 29 cm. - 205000đ. - 8000 copies s613898
1183. Mann, Malcolm. Destination C1&C2 : Grammar & Vocabulary with answer key on MCbooks app / Malcolm Mann, Steve Taylore Knowles ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 302 p. : ill. ; 29 cm. - 189000đ. - 2000 copies s613895
1184. Marks, Craig. I-Learn smart start 3 - We can reuse it! / Craig Marks ; Ill.: Brett Curzon ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 24 p. : color pic. ; 20 cm. - (Recommended reader for). - 37000đ. - 3000 copies s613870
1185. 1000 từ vựng tiếng Anh đầu tiên cho trẻ = My first 1000 words / Wonder House Books ; Nguyễn Đức Nhật Minh dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 96 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 155000đ. - 1000b s613471
1186. My first picture dictionary / Ill.: Terry Burton, Angela Hicks. - H. : Thế giới, 2025. - 125 p. : ill. ; 21 cm. - 1430 copies s613830
1187. Newman, Constance. I-Learn smart start 1 - Summer fruits / Constance Newman ; Ill.: Chiara Floren Tino ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 24 p. : color pic. ; 20 cm. - (Recommended reader for). - 37000đ. - 3000 copies s613866
1188. Nghiêm Thị Bích Diệp. Đối chiếu thành ngữ Việt - Anh về tình yêu, hôn nhân và gia đình : Sách chuyên khảo / Nghiêm Thị Bích Diệp. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 173 tr. : bảng, biểu đồ ; 24 cm. - 179000đ. - 100b
Thư mục: tr. 131-139. - Phụ lục: tr. 140-173 s614937
1189. Nghiên cứu dạy - học tiếng Trung Quốc = 中文教学研究 / Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Hoàng Anh, Trần Thị Thanh Mai... ; Ch.b.: Trần Thị Thanh Mai, Ngô Dũng Nghị. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Ứng dụng Ngôn ngữ Bác Nhã
Q.1. - 2025. - 193 tr. : biểu đồ. - Thư mục cuối mỗi bài s613706
1190. Nguyen Hoa. An introduction to semantics / Nguyen Hoa. - H. : Hanoi National University, 2025. - 321 p. : ill. ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 128000đ. - 300 copies
At head of title: Vietnam National University, Hanoi. University of Languages and International Studies. - Bibliogr.: p. 294-307. - Ind.: p. 319-321 s613835
1191. Nguyen Luong Tuan Dung. English teacher's book for B2 level : For internal circulation only / Nguyen Luong Tuan Dung (chief author), Lai Hoai Chau. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 175 p. : ill. ; 24 cm. - 62000đ. - 500 copies
At head of cover: Ho Chi Minh City University of Natural Resources and Environment. - Bibliogr.: p. 174 s613887
1192. Nguyen Tan Loc. English phonetics and phonology : An Introductory course / Nguyen Tan Loc. - H. : Lao dong, 2025. - 232 p. : fig., tab. ; 24 cm. - 155000đ. - 3000 copies
Bibliogr.: p. 195-204 s613837

1193. Nguyễn Phương Linh. Takenote - Ngữ pháp tiếng Trung HSK 1 - 3 : Học nhanh, dễ hiểu, học vui / Nguyễn Phương Linh. - H. : Tri thức, 2025. - 72 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 2300b s614940
1194. Nguyễn Phương Linh. Takenote - Ngữ pháp tiếng Trung HSK 4 : Học nhanh, dễ hiểu, học vui / Nguyễn Phương Linh. - H. : Tri thức, 2025. - 78 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 2300b s614941
1195. Nguyễn Phương Linh. Takenote - Ngữ pháp tiếng Trung HSK 5 : Học nhanh, dễ hiểu, học vui / Nguyễn Phương Linh. - H. : Tri thức, 2025. - 70 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 2300b s614942
1196. Nguyễn Phương Linh. Takenote - Ngữ pháp tiếng Trung HSK 6 : Học nhanh, dễ hiểu, học vui / Nguyễn Phương Linh. - H. : Tri thức, 2025. - 68 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 2300b s614943
1197. Nguyễn Quang. Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh / Ch.b.: Nguyễn Quang, Minh Trí. - H. : Dân trí, 2025. - 736 tr. ; 13 cm. - 89000đ. - 10000b s615704
1198. Nguyễn Thị Mai. Bài tập Nghe - Nói tiếng Trung Quốc 3 / Nguyễn Thị Mai, Thẩm Minh Tú, Vi Thị Hoa. - H. : Hồng Đức, 2025. - 160 页 ; 24 cm. - 68000đ. - 100 copies
在标题顶部: Đại học Thái Nguyên. Trường Ngoại ngữ. - 书目: 页 160 s613810
1199. Nguyễn Thị Thành Chung. Học văn tự Hán trên cơ sở tâm nguyên bộ thủ / Nguyễn Thị Thành Chung. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 411 tr. : minh họa ; 24 cm. - 195000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 343-392. - Thư mục: tr. 393-404 s614197
1200. Nguyễn Thị Thuỳ Châu. Tự học tiếng Thái Lan cho người mới bắt đầu = ภาษาไทยเบื้องต้น: แบบเรียนรู้ด้วยตนเอง / Nguyễn Thị Thuỳ Châu. - H. : Hồng Đức, 2025. - 206 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 165000đ. - 2000b s614590
1201. Nông Sơn Nguyễn Can Mộng. Thơ văn Nông Sơn Nguyễn Can Mộng / S.t., h.đ.: Nguyễn Thị Bội Thanh... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2: Thơ, văn. - 2025. - 567 tr. : ảnh s615250
1202. Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh : Theo Chương trình GDPT mới / Đinh Hà Minh, Diễm Quỳnh. - H. : Dân trí, 2025. - 199 tr. ; 27 cm. - 150000đ. - 5000b s615115
1203. Ôn tập & kiểm tra Tiếng Anh 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Hữu Toàn, Trí Đức. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 123 tr. ; 24 cm. - 90000đ. - 5000b s614918
1204. Ôn thi đánh giá năng lực HSA: Ngôn ngữ - văn học : Tư duy định tính... / Nguyễn Thị Thuỷ Anh (ch.b.), Vũ Thị Huyền, Nguyễn Tú Trinh, Đỗ Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 109000đ. - 3000b
Q.1: Chuyên đề trọng tâm. - 2025. - 191 tr. : bảng s613568
1205. Personal best - B1 Pre-intermediate : Student's book and workbook : Combined edition A / Bess Bradfield, Graham Fruen, Elizabeth Walter, Kate Woodford ; Ed.: Jim Scrivener. - Hue : Hue University, 2025. - 76 p. : ill. ; 28 cm. - (American English). - 8000 copies s613893

1206. Phạm Vũ Phi Ho. Translation & interpretation 1 / Phạm Vũ Phi Ho. - Tái bản lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 95 p. : ill. ; 24 cm. - 78000đ. - 600 copies

At head of title: Ho Chi Minh city Open University. Faculty of Foreign Languages. - Bibliogr.: p. 93-95 s613858

1207. Phạm Liễu. 15 phút mỗi ngày nâng cấp từ vựng IELTS / Phạm Liễu. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 192 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 200000đ. - 5000b s613621

1208. Practical guides to English learning / Tran Kieu My An, Nguyen Thi Thu Hang, Ho Thi Hien... - 1st reprint. - Ho Chi Minh City : Industrial University of Ho Chi Minh City, 2025. - 59 p. : ill. ; 28 cm. - 50000đ. - 500 copies

Bibliogr. at the end of the chapter s613907

1209. Proceedings of international conference EOP 2025 : Navigating EOP: Enhancing global professional communication in diverse contexts / Tran T. Dung, Cao T. K. Huyen, Bui T. N. Huyen... - H. : Hanoi National University, 2025. - 791 p. : ill. ; 27 cm. - 350000đ. - 65 copies

At head of title: Trường Ngoại ngữ Du lịch - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. - Bibliogr. at the end of the paper s613901

1210. Rogers, Louis. Personal Best A2 - Elementary : Student's book and workbook : Combined edition B / Louis Rogers, Genevieve White ; Ed.: Jim Scrivener. - Hue : Hue University, 2025. - 79 p. : ill. ; 28 cm. - (American English). - 10000 copies s613909

1211. Rosen, Robert. I-Learn smart start 2 - The family photo / Robert Rosen ; Ill.: Nina de Polonia ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 24 p. : color pic. ; 20 cm. - (Recommended reader for). - 37000đ. - 3000 copies s613869

1212. Rosen, Robert. I-Learn smart start 2 - Where is my eraser? / Robert Rosen ; Ill.: Marcin Piwowarski ; Ed.: Le Nguyen Phuong. - Hue : Hue University, 2025. - 24 p. : color pic. ; 20 cm. - (Recommended reader for). - 37000đ. - 3000 copies s613868

1213. Sổ tay Từ vựng tiếng Anh : Tổng hợp từ vựng tiếng Anh 10 - 12. Bài tập củng cố từ vựng theo dạng đề thi THPT / Minh Trang. - H. : Dân trí, 2023. - 241 tr. : hình vẽ, bảng ; 17 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 79000đ. - 3000b s615720

1214. Tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc Dao Thanh Phán trên địa bàn tỉnh Bắc Giang / B.s.: Vi Thanh Quyền (ch.b.), Lê Bá Xuyên, Nguyễn Thị Thu Hà... ; Biên dịch: Từ Lâm Vũ... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 211 tr., 8 tr. ảnh màu : bảng ; 27 cm. - 59500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ban Dân tộc. - Tài liệu lưu hành nội bộ s613620

1215. Tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc Dao Thanh Y trên địa bàn tỉnh Bắc Giang / B.s.: Vi Thanh Quyền (ch.b.), Lê Bá Xuyên, Nguyễn Thị Thu Hà... ; Biên dịch: Từ Lâm Vũ... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 211 tr., 8 tr. ảnh màu : bảng ; 27 cm. - 59500b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ban Dân tộc. - Tài liệu lưu hành nội bộ s613619

1216. Tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc Hoa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang / B.s.: Vi Thanh Quyền (ch.b.), Lê Bá Xuyên, Nguyễn Thị Thu Hà... ; Biên dịch: Nguyễn Cao Hưng... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 199 tr., 6 tr. ảnh màu : bảng ; 27 cm. - 595b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ban Dân tộc. - Tài liệu lưu hành nội bộ s613616

1217. Tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc Nùng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang / B.s.: Vi Thanh Quyền (ch.b.), Lê Bá Xuyên, Nguyễn Thị Thu Hà... ; Biên dịch: Nông Văn Đàm... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 197 tr., 10 tr. ảnh màu : bìa ; 27 cm. - 595b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ban Dân tộc. - Tài liệu lưu hành nội bộ s613617

1218. Tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc Sán Chí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang / B.s.: Vi Thanh Quyền (ch.b.), Lê Bá Xuyên, Nguyễn Thị Thu Hà... ; Biên dịch: Hoàng Tiến Công... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 212 tr., 8 tr. ảnh màu : bìa ; 27 cm. - 595b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ban Dân tộc. - Tài liệu lưu hành nội bộ s613615

1219. Tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc Sán Dìu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang / B.s.: Vi Thanh Quyền (ch.b.), Lê Bá Xuyên, Nguyễn Thị Thu Hà... ; Biên dịch: Lê Thị Hoàn... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 201 tr., 8 tr. ảnh màu : bìa ; 27 cm. - 595b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ban Dân tộc. - Tài liệu lưu hành nội bộ s613614

1220. Tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc Tày trên địa bàn tỉnh Bắc Giang / B.s.: Lê Bá Xuyên, Nguyễn Thị Thu Hà, Tạ Thị Tâm... ; Biên dịch: Lê Thị Hoàn... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 199 tr., 8 tr. ảnh màu : bìa ; 27 cm. - 595b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Ban Dân tộc. - Tài liệu lưu hành nội bộ s613618

1221. Take note tiếng Anh lớp 9 : Dễ học - Dễ nhớ - Dễ hiểu / Điệp Linh. - H. : Lao động, 2025. - 174 tr. : bìa, tranh màu ; 24 cm. - 68000đ. - 3000b s614152

1222. Tập viết tiếng Nga cho người mới bắt đầu / Nguyễn Thị Lệ Quyên (ch.b.), Nhâm Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Đỗ Thị Hồng Nhung. - H. : Hồng Đức, 2025. - 106 tr. : minh họa ; 27 cm. - 89000đ. - 2000b s613712

1223. Thacker, Claire. Achievers grade 6 : Workbook / Claire Thacker. - Hue : Hue University, 2025. - 145 p. : ill. ; 28 cm. - 112000đ. - 20000 copies s613997

1224. Thành Yến. Từ điển tiếng Việt thông dụng / Thành Yến b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 971 tr. ; 13 cm. - 65000đ. - 6000b s615705

1225. Thực hành Tiếng Anh 3 - Macmillan next move. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 50000đ. - 4200b

ĐTTS ghi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuất bản phẩm Giáo dục Victoria T.2. - 2025. - 75 tr. : tranh vẽ s613984

1226. Thực hành Tiếng Anh 4 - Macmillan next move. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 27 cm. - 50000đ. - 4100b

ĐTTS ghi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuất bản phẩm Giáo dục Victoria T.2. - 2025. - 75 tr. : tranh vẽ s613985

1227. Tiếng Anh 6 - Macmillan motivate! : Sách học sinh: Được chỉnh lý từ sách gốc Motivate! của tác giả Ema Heyderman & Fiona Mauchline thuộc bản quyền của NXB Macmillan Education / Hoàng Tăng Đức (tổng ch.b.), Cần Thị Chang Duyên (ch.b.), Khoa Anh Việt, Trần Kiều Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 134 tr. : minh họa ; 29 cm. - 70465đ. - 2000b s613992

1228. Tiếng Anh 9 : Sách bài tập / Hoàng Văn Vân (tổng ch.b.), Lương Quỳnh Trang (ch.b.), Nguyễn Thị Chi... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 119 tr. : minh họa ; 28 cm. - (Global Success). - 65000đ. - 40000b s613319

1229. Tiếng Anh 12 - Friends global : Student book / Vũ Mỹ Lan (ch.b.), Huỳnh Đông Hải, Nguyễn Thúy Liên... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 144 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 67000đ. - 40000b s613306

1230. Tiếng Anh giao tiếp cho trẻ em - Các hoạt động trong gia đình = Family's activities : Rèn luyện kỹ năng và khả năng song ngữ. Phát triển chỉ số EQ - IQ : Dành cho trẻ em từ 3 - 9 tuổi / MIS Editorial Team ; Thuỳ Dương dịch. - In lần thứ 5. - H. : Lao động, 2025. - 108 tr. : bảng, tranh màu ; 23 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 85000đ. - 1000b s614492

1231. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인을 위한 종합 한국어 : Sách bài tập - Trung cấp 3 : Giáo trình hiệu quả dành cho người Việt Nam học tiếng Hàn : Phiên bản mới / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 185 tr. : hình vẽ ; 26 cm. - 95000đ. - 3000b

Phụ lục: tr. 175-185 s613747

1232. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인을 위한 종합 한국어 : Trung cấp 3 : Phiên bản mới / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - Tái bản lần 7. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 335 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 168000đ. - 3000b s615092

1233. Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam = 베트남인을 위한 종합 한국어 : Trung cấp 4 : Phiên bản mới bản màu / Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 335 tr. : minh hoạ ; 26 cm. - 319000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 287-335 s615100

1234. Tiếng Hoa dành cho trẻ em = 儿童汉语 / Quý Thịnh. - H. : Hồng Đức. - 26 cm. - 76000đ. - 2000b

T.3. - 2025. - 68 tr. : tranh màu s614606

1235. Ton Nu My Nhat. An introductory guide to English phonetics and phonology / Ton Nu My Nhat. - H. : VNU-HCM Press, 2025. - 196 p. : ill. ; 24 cm. - 60000đ. - 400 copies

At head of title: HCMC University of Industry and Trade. - Bibliogr.: p. 166-168. - App.: p. 169-184. - Ind.: p. 193-196 s613834

1236. Tô Anh Hà. YCT 标准教程 4 - 活动手册 = Giáo trình chuẩn YCT 4 - Sách bài tập / B.s.: Tô Anh Hà (ch.b.), Giải Hồng ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 50 画 : 插图 ; 29 cm. - 68000đ. - 3000b s613795

1237. Tô Anh Hà. YCT 标准教程 6 = Giáo trình chuẩn YCT 6 / B.s.: Tô Anh Hà (ch.b.), Vương Lôi ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 142 画 : 插图 ; 29 cm. - 198000đ. - 3000b s613796

1238. Tran Thanh Du. A coursebook in semantics / Tran Thanh Du, Au Minh Triet, Nguyen Thi Kieu Huong. - H. : People's Public Security, 2025. - 265 p. : tab. ; 21 cm. - 158000đ. - 110 copies

At head of title: Thu Dau Mot University. - Bibliogr.: p. 265 s613854

1239. Trang Anh. 600 động từ bất quy tắc và cách dùng các thì trong tiếng Anh : Bảng động từ bất quy tắc kèm phiên âm và dịch nghĩa. Hướng dẫn cách dùng các thì trong tiếng Anh kèm bài tập vận dụng / Trang Anh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 122 tr. : bảng ; 21 cm. - 45000đ. - 3000b s614906

1240. Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX / Ngô Đức Kế, Trịnh Đình Rư, Nguyễn Duy Thanh... ; Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.) ; Cao Kim Lan s.t., tuyển chọn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1: Tranh luận về Quốc học. - 2024. - 431 tr. : bảng. - Thư mục: tr. 427-430 s615258

1241. Trần Ngọc Ánh. Biên dịch song ngữ Hàn - Việt (Sơ cấp 1) : Sơ cấp 1 = 한-베 번역 : 초급 1 : Bí kíp đọc hiểu tiếng Hàn nhanh chóng / Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần 4. - H. : Lao động, 2025. - 286 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 250000đ. - 2000b s614516

1242. Triết học phổ thông bằng tranh - Ngôn ngữ : Dành cho lứa tuổi 10+ / Martine Gasparov, Émilie Boudet ; Thanh Vân dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 46 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Toute la philo en BD : Le langage s614760

1243. Trúc Thy. The magical English - Tiếng Anh diệu kỳ : Tuyển tập 50 bài hát học tiếng Anh / Trúc Thy. - H. : Lao động. - 21 cm. - 150000đ. - 500b

T.2. - 2025. - 55 tr. : tranh màu s614425

1244. Trương Gia Quyền. Học xong dùng ngay - Những mẫu câu tiếng Trung siêu thực tế = 想说就说 / B.s.: Trương Gia Quyền (ch.b.), Hồ Quốc Trường, Nguyễn Thị Trúc Nhã. - H. : Dân trí, 2025. - 202 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 259000đ. - 2000b s615003

1245. Từ điển bằng tranh bằng chữ cái tiếng Việt : Giáo dục sớm theo phương pháp giáo dục của Glenn Doman / Little Angel. - H. : Dân trí, 2025. - 32 tr. : ảnh màu ; 27 cm. - 120000đ. - 3000b s615113

1246. Từ vựng đọc hiểu 6 / Trang Anh. - H. : Dân trí, 2025. - 491 tr. : bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 5000b

Tên sách ngoài bìa: Tài liệu khoa học: Từ vựng đọc hiểu 6 - Tiếng Anh s615081

1247. Tự học tiếng Anh cấp tốc cho người mới bắt đầu = Instant self-study English for beginners / The Windy. - H. : Hồng Đức, 2025. - 238 tr. : minh họa ; 21 cm. - 129000đ. - 10000b s614567

1248. Vở bài tập Tiếng Anh 6 / Lương Quỳnh Trang, Phạm Ngọc Tuấn, Nguyễn Thị Kim Phụng. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Global Success). - 23000đ. - 20000b

T.1. - 2025. - 63 tr. : bảng, tranh vẽ s613302

1249. Vở bài tập Tiếng Anh 6 / Lương Quỳnh Trang, Phạm Ngọc Tuấn, Nguyễn Thị Kim Phụng. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Global Success). - 23000đ. - 20000b

T.2. - 2025. - 63 tr. : bảng, tranh vẽ s613303

1250. Vở bài tập Tiếng Anh 7 / Lương Quỳnh Trang (ch.b.), Phạm Ngọc Tuấn, Nguyễn Thị Kim Phụng, Phan Chí Nghĩa. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 123 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Global Success). - 40000đ. - 20000b s613304

1251. Vở bài tập Tiếng Anh 8 / Lương Quỳnh Trang (ch.b.), Quang Thị Hoàn, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thị Kim Phụng. - Tái bản lần thứ 2, có chỉnh lý bổ sung. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Global Success). - 42000đ. - 20000b s613305

1252. Vở thực hành Tiếng Anh 7 / Nguyễn Thị Kim Phụng (ch.b.), Trần Thị Hiếu Thuỷ. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 45000đ. - 2000b s613329

1253. VSTEP B1 preparation course / Luu Nguyen Quoc Hung, Vo Pham Trinh Thu, Tran Thi Thu Hien, Tran Le Quoc Bao. - 3rd ed. - Can Tho : Can Tho University, 2025. - 217 p. : tab. ; 26 cm. - 150000đ. - 2000 copies
Bibliogr.: p. 216-217 s613861

1254. Vũ Trọng Đông. Tập viết chữ Hán = 初级汉语读写 上 : Tích hợp giáo trình Hoa ngữ cho người mới bắt đầu / Vũ Trọng Đông, Tang Ping. - H. : Thế giới. - 27 cm. - 90000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 119 tr. : bảng, tranh vẽ s613690

1255. Vũ Trọng Đông. Tập viết chữ Hán = 初级汉语读写 上 : Tích hợp giáo trình Hoa ngữ cho người mới bắt đầu / Vũ Trọng Đông, Tang Ping. - H. : Thế giới. - 27 cm. - 90000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 119 tr. : bảng, tranh vẽ s613691

1256. Ward, Tim. Grammar friends 5 : For 6 - 12 year / Tim Ward. - H. : Dân trí, 2025. - 96 p. : ill. ; 28 cm. - 136000đ. - 2000 copies s613977

1257. YBM TOEIC listening 1000 : Lộ trình ngắn nhất đạt 700+ New TOEIC... / YBM TOEIC R&D b.s. ; Mai Đức Hà dịch. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 259000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 571 p. : ill. s613968

1258. YBM TOEIC reading 1000 : Lộ trình ngắn nhất đạt 500+ New TOEIC / YBM TOEIC R&D b.s. ; BBT Gamma dịch. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 259000đ. - 1500b

T.1. - 2025. - 609 p. : ill. s613966

1259. YBM TOEIC reading 1000 : Lộ trình ngắn nhất đạt 700+ New TOEIC... / YBM TOEIC R&D b.s. ; Mai Đức Hà dịch. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 259000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 637 p. : ill. s613967

KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1260. Bách khoa thư về khoa học = Science encyclopedia : Dành cho trẻ em từ 8 tuổi trở lên / Kirsteen Robson, Phillip Clarke, Laura Howell... ; Minh hoạ: Verinder Bhachu ; Hình ảnh: Joanne Kirkby ; Thuỳ Dương dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 452 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 480000đ. - 700b s613678

1261. Bài tập cơ bản và nâng cao Khoa học tự nhiên 6 / Cao Cự Giác (ch.b.), Phan Huy Bão, Nguyễn Thị Thanh Mai, Võ Kim Phụng. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 195 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 105000đ. - 2000b s613745

1262. Bài tập cơ bản và nâng cao Khoa học tự nhiên 7 / Cao Cự Giác (ch.b.), Phan Huy Bão, Nguyễn Văn Cần, Nguyễn Thị Thanh Mai. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 178 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 91000đ. - 2000b s613746

1263. Bồi dưỡng học sinh giỏi Khoa học tự nhiên 9 : Dùng chung cho các bộ sách giáo khoa hiện hành / Cao Cự Giác (ch.b.), Trần Huyền Trang, Trang Quang Vinh, Hoàng Tuấn Vũ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 191 tr. : minh hoạ ; 29 cm. - 220000đ. - 5000b s613730

1264. Đột phá tư duy Khoa học tự nhiên 7 : Dùng chung cho các bộ SGK / Nguyễn Thị Thanh Phương, Trịnh Thị Vân Anh, Nguyễn Đình Tùng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí. - 28 cm. - 150000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 144 tr. : minh hoạ s615130

1265. Đột phá tư duy Khoa học tự nhiên 7 : Dùng chung cho các bộ SGK / Trương Thị Thanh Hằng, Lê Thị Thu, Nguyễn Minh Thúy... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí. - 28 cm. - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 152 tr. : minh họa s615131

1266. Đột phá tư duy Khoa học tự nhiên 8 - A Stage : Dùng chung cho các bộ SGK / Doãn Thị Hiền, Nguyễn Văn Tuyên, Bùi Việt Hà... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí. - 28 cm. - (Core 3)(WinBook). - 150000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 184 tr. : minh họa s615132

1267. Global Science 6 / Nguyễn Văn Biên, Quang Thị Hoàn (ch.b.), Nguyễn Thị Tùng Diệp... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 27 cm. - 89000đ. - 3000 copies s613936

1268. Khoa học để làm gì? / DK ; Đào Thanh Tú dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 27 cm. - 135000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: What's the point of science? s613643

1269. Mima Noyuri. Gì gì gì cái gì cũng biết - Dành cho lớp 3 : Ehon minh họa dễ hiểu / Mima Noyuri ; Quang Phú dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 177 tr. : minh họa ; 21 cm. - 119000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Nhật: 絵でよくわかる科学のなぜ3年生 s614875

1270. 100 bí ẩn đáng kinh ngạc về khoa học = 100 things to know about Science : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Alex Frith, Minna Lacey, Jerome Martin, Jonathan Melmoth ; Minh họa: Federico Mariani, Jorge Martin ; Thu Trang dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Thế giới, 2025. - 128 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 100000đ. - 1000b s614318

1271. Munroe, Randall. Giải thích các thứ : Nói đơn giản về những thứ phức tạp / Randall Munroe ; Tiểu Vũ dịch. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 61 tr. : minh họa ; 35 cm. - 170000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The explainer: Complicated stuff in simple words s613404

1272. Oakley, Barbara. Cách chinh phục Toán và Khoa học : Ngay cả khi bạn vừa trượt môn Đại số / Barbara Oakley ; Dịch: Trần Thị Minh Hiếu, Nguyễn Thị Kim Phụng. - Tái bản lần 4. - H. : Thế giới, 2025. - 345 tr. : hình vẽ, ảnh ; 24 cm. - 169000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: A mind for numbers : How to excel at math and science (even if you flunked algebra). - Thư mục: tr. 313-331 s614310

1273. Triết học phổ thông bằng tranh -Tự nhiên : Dành cho lứa tuổi 10+ / Martine Gasparov, Émilie Boudet ; Lại Thị Thu Hiền dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Toute la philo en BD : La nature s614758

TOÁN HỌC

1274. Bài giảng Giải tích I / Đoàn Công Định, Trịnh Ngọc Hải, Phạm Thị Hoài... - Tái bản có chỉnh sửa. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 131 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 32000đ. - 2000b

Đầu bìa sách ghi: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Khoa Toán - Tin. - Thư mục cuối chính văn s614909

1275. Bài tập hằng ngày Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 96 tr. : minh họa s613517

1276. Bài tập hằng ngày Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 65000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 92 tr. : minh hoạ s613518

1277. Bài tập hằng ngày Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 50000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : minh hoạ s613520

1278. Bài tập tuần Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 50000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s613519

1279. Bài tập tuần Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 50000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 72 tr. : minh hoạ s613524

1280. Bài tập tuần Toán 6 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 50000đ. - 5000b

T.2. - 2025. - 68 tr. : minh hoạ s613525

1281. Bé giỏi toán - Phát triển toàn diện tư duy toán học - Toán tư duy : Dành cho bé 3 - 6 tuổi / Trạng Nguyên, Nhóm Giáo viên ĐHSP. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 60 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 52000đ. - 5000b s613439

1282. Bồi dưỡng năng lực tự học Toán 7 / Đặng Đức Trọng, Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Phạm Lê Quốc Thắng... - Tái bản lần 6. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 98000đ. - 3000b s613759

1283. Cẩm nang vẽ thêm hình phụ trong giải toán hình học phẳng : Sách dùng cho học sinh các lớp 7, 8, 9 / Nguyễn Đức Tấn. - H. : Dân trí, 2025. - 652 tr. : minh họa ; 27 cm. - 326000đ. - 1900b s615118

1284. Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán trung học cơ sở / Lưu Bá Thắng (ch.b.), Nguyễn Việt Dũng, Hà Duy Hưng... - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 135000đ. - 3000b

Q.1: Đại số - Số học. - 2025. - 223 tr. : hình vẽ s613775

1285. Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán trung học cơ sở / Lưu Bá Thắng (ch.b.), Nguyễn Việt Dũng, Hà Duy Hưng... - H. : Đại học Sư phạm. - 27 cm. - 145000đ. - 3000b

Q.2: Hình học - Tổ hợp, xác suất. - 2025. - 251 tr. : minh họa s613776

1286. Chuyên đề về các phương pháp cốt lõi, hay và mới trong giải Toán cực trị hình học ở trường THCS, THPT / Nguyễn Ngọc Giang. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 542 tr. : minh họa ; 24 cm. - 320000đ. - 300b

Thư mục cuối chính văn s614092

1287. Đại số / Vũ Thị Ngọc Hà, Tạ Thị Thanh Mai, Lê Đình Nam... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 171 tr. : bảng ; 24 cm. - 43000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Đại học Bách khoa Hà Nội. Khoa Toán - Tin. - Thư mục: tr. 171 s614908

1288. Đề kiểm tra Toán 6 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyển Uyển, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s613521

1289. Đề kiểm tra Toán 6 - Học kì 1 : Biên soạn theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, tranh vẽ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s613529

1290. Đề kiểm tra Toán 6 - Học kì 2 : Biên soạn theo Chương trình Kết nối tri thức / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s613522

1291. Đột phá tư duy kì thi tốt nghiệp THPT môn Toán - C Level : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT và thi Đại học / Lê Thúy Hiền, Trịnh Hoàng Anh, Dương Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Dân trí, 2025. - 184 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 150000đ. - 3000b s615133

1292. Giáo trình Biến đổi Laplace và ứng dụng / Nguyễn Thị Lan Hương (ch.b.), Phạm Tuấn Cường, Hoàng Ngự Huân... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 114 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 116000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mở - Địa chất. - Thư mục: tr. 109 s613577

1293. Giáo trình Đại số tuyến tính / Võ Thị Tuyết Mai (ch.b.), Dương Thị Xuân An, Huỳnh Đăng Nguyên, Nguyễn An Giang. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 302 tr. ; 24 cm. - 85000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 301-302 s614234

1294. Giáo trình Toán chuyên ngành : Dành cho sinh viên ngành Kỹ thuật điện / Nguyễn Hồ Sĩ Hùng (ch.b.), Nguyễn Bình Nam, Trần Văn Chính, Chữ Văn Tiệp. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 207 tr. : hình vẽ, bảng ; 30 cm. - 265000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Đà Nẵng. Trường Đại học Bách khoa. - Thư mục: tr. 207 s613597

1295. Giáo trình Xác suất thống kê / Vũ Thị Tuyết Mai (ch.b.), Trần Đình Thành, Nguyễn Thị Hằng, Phạm Kim Thủy. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 303 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 89000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 297-298. - Phụ lục: tr. 299-303 s614236

1296. Global Maths 6 / Nguyễn Thành Anh (ch.b.), Bùi Minh Châu, Quang Thị Hoàn... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 79 p. : ill. ; 27 cm. - 89000đ. - 3000 copies s613931

1297. Hành trình chinh phục Toán 12 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Đỗ Văn Đức. - H. : Văn hoá dân tộc. - 27 cm. - 200000đ. - 10000b

T.1: Hàm số - Vectơ - Thống kê. - 2025. - 196 tr. : minh hoạ s613624

1298. Hành trình chinh phục Toán 12 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Đỗ Văn Đức. - H. : Văn hoá dân tộc. - 27 cm. - 200000đ. - 10000b

T.2: Nguyên hàm tích phân - OXYZ - Xác suất. - 2025. - 284 tr. : minh hoạ s613625

1299. Làm chủ kiến thức Toán bằng sơ đồ tư duy lớp 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới Bộ Giáo dục và Đào tạo : Theo sách giáo khoa bộ Kết nối tri thức với cuộc sống / Nguyễn Thị Phương, Đỗ Đường Hiếu, Lê Văn Tiến. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 138000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 226 tr. : minh hoạ s615049

1300. Linear algebra I / Tran Nguyen Khanh Linh, Pham Dinh Dong, Le Ngoc Long, Huynh Dinh Tuan. - Hue : Hue University, 2024. - 367 p. : ill. ; 25 cm. - 140000đ. - 100 copies
At head of title: Hue University. University of Education. - Bibliogr.: p. 361-362. - Ind.: p. 363-365 s613844

1301. Luyện thi vào lớp 10 môn Toán : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Thiện Chí. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 136 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 88000đ. - 1500b s613669

1302. Một số chủ đề Số học - Hướng tới kỳ thi HSG & chuyên toán / Nguyễn Nhất Huy ch.b. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 615 tr. : bảng ; 27 cm. - 269000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s613743

1303. Năm chắc kiến thức và kỹ năng Toán 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Đức Trường (ch.b.), Đặng Thành Trung, Phạm Thị Liên... - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 1000b

T.1: Đại số. - 2025. - 175 tr. : hình vẽ, bảng s613511

1304. Năm chắc kiến thức và kỹ năng Toán 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 / Nguyễn Đức Trường (ch.b.), Đặng Thành Trung, Phạm Thị Ngân Hà... - H. : Nxb. Hà Nội. - 27 cm. - 100000đ. - 1000b

T.2: Hình học, xác suất thống kê. - 2025. - 222 tr. : minh họa s613512

1305. Nâng cao và phát triển Toán 6 theo chuyên đề : Chuyên đề Toán nâng cao theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 6 / Lương Đức Trọng, Nguyễn Thanh Vân. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 183 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 135000đ. - 2000b s613546

1306. Nguyễn Ngọc Linh. Xác suất thống kê / Nguyễn Ngọc Linh, Mai Ngọc Diệu, Nguyễn Tài Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 174 tr. : bảng ; 24 cm. - 50000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. - Thư mục: tr. 153. - Phụ lục: tr. 154-155 s614099

1307. Nguyễn Quang Lộc. Giáo trình Nhập môn lý thuyết ma trận / Nguyễn Quang Lộc (ch.b.), Phạm Minh Anh, Trương Thị Hồng Thanh. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 183 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 80000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 179 s614878

1308. Nguyễn Thị Thu Hà. Giáo trình Toán cao cấp 2 / Nguyễn Thị Thu Hà (ch.b.), Đoàn Vương Nguyên, Nguyễn Đức Phương. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 221 tr. ; 24 cm. - 55000đ. - 5000b

Thư mục cuối chính văn s614281

1309. Nguyễn Trung Kiên. Giáo trình Hình học giải tích / Nguyễn Trung Kiên (ch.b.), Nguyễn Thị Thảo Trúc. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 112 tr. : minh họa ; 24 cm. - 60000đ. - 200b

Thư mục: tr. 112 s615145

1310. Nguyễn Văn Linh. Một số chủ đề hình học phẳng dành cho học sinh chuyên toán / Nguyễn Văn Linh. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - iv, 542 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 300000đ. - 2000b

Phụ lục: tr. 533-540. - Thư mục: tr. 541-542 s613777

1311. Ôn luyện môn Toán thi vào lớp 10 : Dành cho học sinh lớp 9 : Dành chung cho các bộ SKG hiện hành / Nguyễn Đức Tấn, Thái Nhật Phương, Võ Mộng Trình... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 188 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 90000đ. - 1000b s614179

1312. Ôn tập - kiểm tra năng cao và phát triển năng lực Toán 7 / Nguyễn Đức Tấn, Nguyễn Võ Lan Thảo, Nguyễn Bình Dương, Tạ Hồ Thị Dung. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 53000đ. - 1500b

T.1. - 2025. - 102 tr. : hình vẽ s613752

1313. Ôn tập - kiểm tra nâng cao và phát triển năng lực Toán 8 / Nguyễn Đức Tấn, Nguyễn Võ Lan Thảo, Nguyễn Bình Dương, Tạ Hồ Thị Dung. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 67000đ. - 1500b

T.2. - 2025. - 147 tr. : hình vẽ, bảng s614180

1314. Phương pháp sơ cấp chứng minh bất đẳng thức / Phạm Văn Quốc, Nguyễn Vũ Lương, Hoàng Ngọc Minh... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 100000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 239 tr. : hình vẽ. - Thư mục: tr. 239 s614169

1315. Phương pháp sơ cấp chứng minh bất đẳng thức / Phạm Văn Hùng, Nguyễn Vũ Lương, Nguyễn Việt Hùng... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 100000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 178 tr. - Thư mục: tr. 178 s614170

1316. Phương pháp sơ cấp giải bài toán Hình học / Nguyễn Vũ Lương (ch.b.), Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Tiến Lâm... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 100000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 310 tr. : hình vẽ. - Thư mục: tr. 310 s614171

1317. Phương pháp sơ cấp giải bài toán Hình học / Lê Công Lợi, Trần Quang Hùng, Nguyễn Thị Hồng Vân... - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 120000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 371 tr. : hình vẽ. - Thư mục: tr. 370-371 s614172

1318. POMath - Toán tư duy cho trẻ em : 4 - 6 tuổi / Chu Cẩm Thơ (ch.b.), Lưu Thanh Hà, Trịnh Thị Lộc... - Tái bản lần thứ 7. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 99000đ. - 2000b

T.4. - 2025. - 99 tr. : tranh màu s613711

1319. Rèn kĩ năng giải Toán lớp 6 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Nguyễn Đức Tấn, Thái Nhật Phụng, Bùi Anh Trang. - Tái bản lần 3. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 85000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng s613755

1320. Rèn kĩ năng giải Toán lớp 9 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới... / Nguyễn Đức Tấn, Đỗ Quang Thanh, Bùi Anh Trang. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 27 cm. - 80000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 174 tr. : hình vẽ, bảng s613756

1321. Rèn kĩ năng học tốt Toán 9 : Hỗ trợ phát triển năng lực giải toán / Nguyễn Đức Tấn (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Yến Chi, Tạ Hoàng Đồng. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 215 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 90000đ. - 3000b s613757

1322. Toán học để làm gì? / DK ; Trần Khánh Hưng dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 27 cm. - 135000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: What's the point of maths? s613642

1323. Tổng ôn Toán học / Lê Văn Tuấn. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 399 tr. : hình vẽ, bảng s615079

1324. Tổng Đình Quỳ. Giáo trình Xác suất thống kê / Tổng Đình Quỳ. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 243 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 65000đ. - 700b

Phụ lục: tr. 230-238. - Thư mục: tr. 239 s614903

1325. Tuyển chọn đề kiểm tra Toán 6 các trường : Tuyển chọn đề kiểm tra định kì theo ma trận hay nhất các trường / Nguyễn Văn Quyền, Uyên Uyên, Nguyễn Hương Ly. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 72 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 50000đ. - 5000b s613531

1326. Võ Thị Thanh Hà. Giáo trình Toán cao cấp 1 / Võ Thị Thanh Hà (ch.b.), Lê Văn Lai. - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 236 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 5000b

Thư mục cuối chính văn s614280

1327. Vu Huu Binh. Equations with integer solutions / Vu Huu Binh ; Transl.: Đàm Lê Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 149 p. : ill. ; 26 cm. - 169000đ. - 1000 copies s613845

THIÊN VĂN HỌC

1328. Frith, Alex. 100 bí ẩn đáng kinh ngạc về vũ trụ = 100 things to know about Space : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Alex Frith, Alice James, Jerome Martin ; Minh họa: Federico Mariani, Shaw Nielsen ; Thu Trang dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Thế giới, 2025. - 127 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 100000đ. - 1000b s614319

1329. Ứng dụng ArcMap trong xây dựng bản đồ số và lâm nghiệp : Sách tham khảo / Nguyễn Trọng Minh (ch.b.), Nguyễn Hồng Hải, Cao Thị Thu Hiền, Lê Thị Khiếu. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 206 tr. : minh họa ; 27 cm. - 204000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Lâm nghiệp. - Thư mục: tr. 199-202. - Phụ lục: tr. 203-206 s613599

VẬT LÝ

1330. Bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí 10 / Nguyễn Phú Đồng. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 129000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 270 tr. : hình vẽ s615045

1331. Chinh phục kiến thức Vật lí 12 / Nguyễn Văn Thắng. - H. : Văn hoá dân tộc. - 27 cm. - 250000đ. - 5000b

T.2: Từ trường & vật lý hạt nhân. - 2025. - 239 tr. : hình vẽ, bảng s613627

1332. Jiang Weibo. STEM Vật lý - Năng lượng được phát hiện : Trường Trung học Đại học Thanh Hoa / Jiang Weibo, Yu Peng ; Thu Hiền dịch ; B.s.: Triệu Mông... ; Minh họa: Du Mạch... - H. : Hồng Đức, 2025. - 223 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Bộ Stem cho học sinh). - 98000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Đại học Thanh Hoa. - Tên sách tiếng Trung: 物理!发现的力量 s614602

1333. Nguyễn Thị Dung. Lý thuyết quang tử / Nguyễn Thị Dung, Lê Văn Hiệu (ch.b.), Chu Văn Biên. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 255 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 190000đ. - 100b

Thư mục: tr. 253-255 s613379

1334. Nhập môn Nhiệt học Vật lý 12 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Trần Quốc Tuấn, Vũ Ngọc Anh, Đinh Hoàng Tùng, Nguyễn Đình Căng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 120 tr. : minh họa ; 27 cm. - 150000đ. - 5000b s613437

1335. Phong toả Vật lí 12 - Khí lí tưởng : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới... / Vũ Ngọc Anh, Trần Quốc Tuấn, Đinh Hoàng Tùng. - H. : Dân trí, 2025. - 247 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Mapstudy Định vị tri thức - Dẫn lối tư duy). - 250000đ. - 20000b s615086

1336. Phong toả Vật lí 12 - Từ trường : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới... / Vũ Ngọc Anh, Trần Quốc Tuấn, Đinh Hoàng Tùng. - H. : Dân trí, 2025. - 327 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Mapstudy Định vị tri thức - Dẫn lối tư duy). - 250000đ. - 30000b s615088

1337. Phong toả Vật lí 12 - Vật lí nhiệt : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới... / Vũ Ngọc Anh, Trần Quốc Tuấn, Đinh Hoàng Tùng. - H. : Dân trí, 2025. - 255 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Mapstudy Định vị tri thức - Dẫn lối tư duy). - 250000đ. - 10000b s615085

1338. Phong toả Vật lí lớp 10 - Học kì 2 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới / Vũ Ngọc Anh, Trần Quốc Tuấn, Đinh Hoàng Tùng. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Mapstudy Định vị tri thức - Dẫn lối tư duy). - 250000đ. - 3000b

T.2: Năng lượng. Chuyển động tròn đều... - 2025. - 207 tr. : minh hoạ s615084

1339. Tổng ôn Vật lí / Lại Đắc Hợp, Nghiêm Xuân Tân. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 408 tr. : minh hoạ s615083

1340. Tự học Vật lí 10 / Lại Đắc Hợp, Bùi Văn Đặng, Hoàng Quốc Hoàn, Nghiêm Xuân Tân. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b

T.1. - 2025. - 375 tr. : minh hoạ s615082

HOÁ HỌC

1341. 360° lí thuyết Hoá học 12 : Lí thuyết hữu cơ - Lí thuyết vô cơ / Nguyễn Anh Phong. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 448 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 300000đ. - 10000b s613709

1342. Cao Cự Giác. Một số vấn đề nâng cao Hoá học phổ thông : Sách chuyên khảo / Cao Cự Giác. - Nghệ An : Đại học Vinh, 2025. - 376 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 180000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 352-354. - Phụ lục: tr. 355-376 s613449

1343. Đặng Văn Liễu. Câu hỏi và bài tập Cơ sở hóa học hữu cơ / Đặng Văn Liễu, Trần Quốc Sơn, Nguyễn Văn Tòng. - In lần thứ 4. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 85000đ. - 500b

T.1. - 2025. - 267 tr. : bảng, sơ đồ s614210

1344. Hoàng Nhâm. Hoá học vô cơ cơ bản / Hoàng Nhâm. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 105000đ. - 500b

T.1: Lí thuyết đại cương về hoá học. - 2025. - 275 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 272 s613386

1345. Hoàng Nhâm. Hoá học vô cơ cơ bản / Hoàng Nhâm. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 114000đ. - 500b

T.2: Các nguyên tố hoá học điển hình. - 2025. - 291 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 286 s613387

1346. 100 đề Hoá học các trường sở năm 2024 - 2025 : Lời giải chi tiết từng đề. Video giải chi tiết đính kèm / Nguyễn Anh Phong. - H. : Văn hoá dân tộc. - 27 cm. - 150000đ. - 10000b

T.1: 35 đề. - 2025. - 284 tr. : hình vẽ, bảng s613626

1347. 50 đề minh hoạ 2024 môn Hoá học / Lê Quỳnh Trang, Trần Công Minh, Phạm Hùng Vương. - H. : Dân trí, 2025. - 292 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b s615093

1348. Ngô Thị Thuận. Bài tập Hoá học hữu cơ / Ngô Thị Thuận. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 215 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 88000đ. - 500b s613382

1349. Thí nghiệm thực hành phương pháp dạy học Hoá học / B.s.: Nguyễn Cương (ch.b.), Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Thị Sửu... - In lần thứ 6. - H. : Đại học Sư phạm. - 24 cm. - 75000đ. - 500b

T.3: Phương pháp dạy học hoá học. - 2025. - 215 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 215 s614284

1350. Trọng tâm Hoá học / Phạm Đình Thắng. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - (Tôi ♥ Hoá học). - 300000đ. - 10000b

T.1: Hữu cơ. - 2025. - 263 tr. : minh hoạ s613622

1351. Trọng tâm Hoá học / Phạm Đình Thắng. - H. : Văn hoá dân tộc. - 27 cm. - (Tôi ♥ Hoá học). - 300000đ. - 10000b

T.2: Vô cơ. - 2025. - 239 tr. : hình vẽ, bảng s613623

1352. Tuyển tập đề thi tốt nghiệp THPT môn Hoá học : Đầy đủ các dạng trắc nghiệm theo cấu trúc đề thi năm 2025 : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Trần Quang Huy, Nguyễn Văn Phong, Tống Đức Huy... - Tái bản lần thứ 1, có bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 188 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 118000đ. - 1000b s614181

KHOA HỌC VỀ TRÁI ĐẤT

1353. Cao Đình Trọng. Độ nguy hiểm động đất Tây Bắc - Việt Nam : Sách chuyên khảo / Cao Đình Trọng (ch.b.), Cao Đình Triều. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 201 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 100b

Thư mục: tr. 168-187. – Phụ lục: tr. 188-201 s614240

1354. Nguyễn Văn Vũ. Nghiên cứu đánh giá và dự báo tai biến địa chất - địa kỹ thuật môi trường đô thị áp dụng cho thành phố Hà Nội : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Vũ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 185 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 160000đ. - 300b

Thư mục: tr. 175-185 s614082

KHOA HỌC VỀ SỰ SỐNG, SINH VẬT HỌC

1355. Bồi dưỡng học sinh giỏi Sinh học 9 : Dành chung cho các bộ SGK hiện hành / Phan Khắc Nghệ (ch.b.), Hồ Văn Thắng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 284 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 130000đ. - 1000b s613595

1356. Cao Thi Tai Nguyen. Course book biology and genetics : For medical students / Cao Thi Tai Nguyen, Phạm Thị Ngọc Nga. - H. : Medicine, 2025. - 221 p. : color pic. ; 27 cm. - 250000đ. - 500 copies

At head of title: Can Tho University of Medicine and Pharmacy. Faculty of Basic Science. Department of Biology - Genetics. - Bibliogr. at the end of the unit s613884

1357. Gao Qi. STEM Sinh học - Thế giới tự nhiên kì diệu : Trường Trung học Đại học Thanh Hoa / Gao Qi, Xu Dan ; Hồng Vân dịch ; B.s.: Phòng Bằng... ; Minh hoạ: Lý Vũ Ninh... - H. : Hồng Đức, 2025. - 205 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Bộ Stem cho học sinh). - 98000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Nhà xuất bản Đại học Thanh Hoa. - Tên sách tiếng Trung: 生物!自然的奇迹 s614604

1358. 50 đề minh hoạ 2024 môn Sinh học / Phan Khắc Nghệ (ch.b.), Nguyễn Văn Hoà. - H. : Dân trí, 2025. - 398 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Sách ID - Một cuộc cách mạng Sách). - 200000đ. - 10000b s615094

1359. Nguyễn Hồng Khánh. Hóa học môi trường / Nguyễn Hồng Khánh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 400 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 258000đ. - 300b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Thư mục: tr. 398-399 s614238

1360. Phác đồ Sinh / Trương Công Kiên. - H. : Dân trí. - 30 cm. - 400000đ. - 1000b
T.1: Trọng tâm lý thuyết. - 2025. - 334 tr. : hình vẽ, bảng s615136

1361. Phác đồ Sinh : Chương trình SGK mới / Trương Công Kiên. - H. : Dân trí. - 30 cm. - 400000đ. - 1000b
T.2: Quy luật di truyền. - 2025. - 346 tr. : hình vẽ, bảng s615137

1362. Sinh học phân tử và ứng dụng / Nguyễn Thị Thanh (ch.b.), Nguyễn Phương Đại Nguyên, Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Minh Trung. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 207 tr. : hình vẽ, bảng ; 29 cm. - 180000đ. - 100b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Tây Nguyên. - Thư mục: tr. 195-207 s613607

1363. Tài liệu giới thiệu Chương trình con người và sinh quyển và các khu dự trữ sinh quyển tại Việt Nam : Dự án "Lồng ghép quản lý tài nguyên thiên nhiên và các mục tiêu về bảo tồn đa dạng sinh học vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý các Khu dự trữ sinh quyển ở Việt Nam" (Dự án BR) / B.s.: Võ Thanh Sơn, Hoàng Thị Thanh Nhân (ch.b.), Trần Thị Kim Tĩnh... - H. : Tài chính, 2024. - 109 tr. : minh họa ; 30 cm. - 500b
ĐTTS ghi: Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học. - Thư mục: tr. 108-109 s613683

1364. Tin sinh học và ứng dụng : Giáo trình Trường Đại học Lâm nghiệp / Hà Bích Hồng, Vũ Đình Duy, Phạm Mai Phương... - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 214 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 211000đ. - 70b
ĐTTS ghi: Trường Đại học Lâm Nghiệp. - Thư mục: tr. 205-210 s613598

1365. Trần Thị Hoài Thu. Giáo trình Sinh học và môi trường / Trần Thị Hoài Thu, Phan Thị Thùy Na (ch.b.), Huỳnh Văn Chung. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 95 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 345000đ. - 200b
Thư mục: tr. 94-95 s614919

ĐỘNG VẬT

1366. Bunting, Philip. 100++ bí ẩn về tự nhiên - Những động vật đáng kinh ngạc vô dụng nhất / Philip Bunting ; Thu Trang dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 80 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 155000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: World's most pointless animals s614988

1367. Bunting, Philip. 100++ bí ẩn về tự nhiên - Những động vật kỳ diệu nực cười nhất / Philip Bunting ; Thu Trang dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 80 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 155000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: World's most ridiculous animals s614989

1368. Cá : Dành cho lứa tuổi 3+ / Lời: Thu Ngân ; Mĩ thuật: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 43 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Bí ẩn thế giới loài vật). - 50000đ. - 2000b s614803

1369. Fabre : Tranh truyện : Dành cho lứa tuổi thiếu niên / Tranh, lời: Neung In publishing company ; Nguyễn Kim Dung dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Danh nhân thế giới. Chuyện kể về 10 nhân vật EQ). - 30000đ. - 10000b s614715

CÔNG NGHỆ

1370. Kay, Adam. Những phát minh để đời = Kay's incredible inventions : Cuốn sách hài hước đến khó tin về những sáng chế đã thay đổi thế giới và cả vài thứ vô dụng đến buồn cười : Sách cho độc giả tuổi từ 8 - 99+ / Adam Kay ; Minh họa: Henry Parker ; Bùi Phương Anh dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 431 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 115000đ. - 2000b s614673

1371. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia 2025 - Khoa học ứng dụng và chuyển đổi số trong công nghệ và kỹ thuật / Đoàn Tất Khoa, Nguyễn Tài Hoài Thanh, Lê Văn Văn... - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 558 tr. : minh họa ; 27 cm. - 50b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Thái Bình. - Thư mục cuối mỗi bài s613602

1372. Nguyễn Thị Hồng. Engineering drawings / Nguyễn Thị Hồng (ed.), Nguyễn Thị Kim Hiền, Nguyễn Việt Anh. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 199 p. : ill. ; 27 cm. - 382000đ. - 60 copies

At head of title: Thuy Loi University. Faculty of Mechanical Engineering. - Bibliogr.: p. 198 s613905

1373. RET 2025: Proceedings of the 8th international conference on research in engineering and technology / Vo Huy Minh, Yang Jyh Bin, Van Hiep Huynh... - Can Tho : Can Tho University, 2025. - 270 p. : ill. ; 28 cm. - 100 copies

At head of title: Tra Vinh University. - Bibliogr. at the end of the paper s613906

1374. Triết học phổ thông bằng tranh - Kỹ thuật : Dành cho lứa tuổi 10+ / Martine Gasparov, Émilie Boudet ; Hoàng Nhụy dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 46 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: Toute la philo en BD : Le technique s614759

Y HỌC

1375. Ăn đúng - Sống khoẻ: Liệu pháp dinh dưỡng cho mọi loại bệnh : Chia khoá đầy lùi bệnh tật. - H. : Lao động, 2025. - 231 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 250000đ. - 2900b s614527

1376. Bệnh lý và phẫu thuật hàm mặt : Sách dùng cho sinh viên Răng Hàm Mặt / B.s.: Lê Văn Sơn (ch.b.), Trương Mạnh Dũng, Trần Minh Thịnh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 178000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt

T.2. - 2025. - 337 tr. : minh họa. - Thư mục cuối mỗi bài s613380

1377. Bí mật đôi mắt - Các bệnh về mắt : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Lời: Dongdongya ; Cui Shanshan h.đ. ; Hà Giang dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 45000đ. - 2000b s614611

1378. Bí mật đôi mắt - Các loại mắt kính : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Lời: Dongdongya ; Cui Shanshan h.đ. ; Hà Giang dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 45000đ. - 2000b s614609

1379. Bí mật đôi mắt - Hành động bảo vệ đôi mắt : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Lời: Dongdongya ; Cui Shanshan h.đ. ; Hà Giang dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 45000đ. - 2000b s614610

1380. Bí mật đôi mắt - Thăm hiểm hành tinh mắt : Dành cho trẻ em từ 6 - 12 tuổi / Lời: Dongdongya ; Cui Shanshan h.đ. ; Hà Giang dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 45000đ. - 2000b s614608

1381. Crossick, Matt. Giải ngố cho con trai : Những bí mật không dành cho con gái : Dành cho độc giả từ 10 đến 16 tuổi = A book about growing up : Just for boys / Matt Crossick ; Minh hoạ: Rob Davis ; Hoa Phượng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 95 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 68000đ. - 1500b s614021

1382. Di truyền y học : Dùng cho đào tạo bác sĩ y khoa / B.s.: Trần Đức Phần, Lương Thị Lan Anh (ch.b.), Hoàng Thị Ngọc Lan... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 515 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 255000đ. - 600b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt. - Thư mục: tr. 509-515 s613384

1383. Doanh Ba. Cẩm nang dành cho mẹ bầu và thai nhi - Bó kể con nghe : 10 phút kể chuyện cho em bé trong bụng mẹ nghe trước giờ ngủ / Doanh Ba ch.b. ; Phương Thúy dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng, 2025. - 167 tr. : tranh màu ; 17x19 cm. - 90000đ. - 2000b s615594

1384. Đi qua bóng tối - Hành trình vượt qua trầm cảm / Trần Thị Hồng Thu (ch.b.), Nguyễn Tiến Dũng, Lê Thị Hồng Nhung... - H. : Lao động, 2025. - 160 tr. : bảng ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 147-157 s614147

1385. Đình Công Pho. Sơ cứu 360 : Cẩm nang hướng dẫn chi tiết sơ cứu y tế trong mọi gia đình / Đình Công Pho. - H. : Lao động, 2025. - 164 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - (Nowlife - Thư viện cuộc sống). - 363000đ. - 10000b

Thư mục: tr. 164 s614522

1386. Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ. Giáo trình Kiểm nghiệm tạp chất liên quan trong thuốc : Dành cho Thạc sĩ, Dược sĩ Chuyên khoa I chuyên ngành Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất / Ch.b.: Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Thị Ngọc Vân. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 240 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 230000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Liên bộ môn Hoá phân tích - Kiểm nghiệm thuốc. - Thư mục: tr. 236-239 s613415

1387. Đỗ Hồng Ngọc. Già sao cho sướng? : Để có một tuổi già hạnh phúc / Đỗ Hồng Ngọc. - Tái bản lần 8. - H. : Thế giới, 2025. - 187 tr. ; 17 cm. - 119000đ. - 1500b s615798

1388. Eagleman, David. Não bộ kể gì về bạn? / David Eagleman ; Trần Tuấn Hiệp dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 287 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 149000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The brain: The story of you s615012

1389. Giải mã 11 hệ cơ quan trong cơ thể : Hiểu để khoẻ mạnh và kéo dài tuổi thọ hơn!. - H. : Lao động, 2025. - 72 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2900b s614520

1390. Giáo trình Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Phạm Thị Tâm, Lê Minh Hữu (ch.b.), Trương Thành Nam... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 196 tr. : bảng, biểu đồ ; 27 cm. - 250000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm. - Thư mục: tr. 194-195 s613416

1391. Giáo trình Điều dưỡng nhi khoa : Dành cho điều dưỡng sau đại học / B.s.: Nguyễn Minh Phương, Lại Văn Nông (ch.b.), Lưu Trí Điển... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 353 tr. : bảng ; 27 cm. - 385000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Điều dưỡng hệ Nội - Cộng đồng. - Thư mục: tr. 352-353 s613713

1392. Giáo trình Điều dưỡng sản phụ khoa : Dành cho học viên Chuyên khoa I Điều dưỡng / B.s.: Lâm Đức Tâm, Trần Khánh Nga (ch.b.), Võ Châu Quỳnh Anh... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 227 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 235000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Phụ Sản. - Thư mục: tr. 225-227 s613417

1393. Giáo trình Nhi khoa : Dành cho Bác sĩ Chuyên khoa I Y học Gia đình / B.s.: Bùi Quang Nghĩa, Lê Văn Khoa, Trần Quang Khải (ch.b.)... - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 232 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 240000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bộ môn Nhi. - Thư mục: tr. 231-232 s613413

1394. Giáo trình Sinh lý học / Vương Bảo Thy, Nguyễn Thanh Anh Tuấn (ch.b.), Lê Thị Thu Hà... - Tái bản lần thứ 1. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 178 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 130000đ. - 200b

Thư mục: tr. 177-178 s615141

1395. Harper, Kyle. Dịch bệnh và văn minh - Một đại sử của nhân loại / Kyle Harper ; Trần Trọng Hải Minh dịch. - H. : Lao động, 2025. - 855 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 555000đ. - 1000b

Nguyên tác: Plagues upon the earth : Disease and the course of human history. - Phụ lục: tr. 612-622. - Thư mục: tr. 725-828 s614525

1396. Hoàng Anh Tuấn. Sơ cứu 360 : Sách dành cho mọi gia đình. Cẩm nang an toàn không thể thiếu! / Hoàng Anh Tuấn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 199 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 125000đ. - 3000b s614557

1397. Kalanithi, Paul. Khi hơi thở hoá thành không / Paul Kalanithi ; Trần Thanh Hương dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 233 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Y học). - 109000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: When breath becomes air s614996

1398. Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi trong các vụ việc có dấu hiệu của tội phạm giết người : Sách chuyên khảo / Lê Văn Hảo, Hoàng Ngọc Anh (ch.b.), Đinh Xuân Nam... - H. : Công an nhân dân, 2025. - 232 tr. ; 21 cm. - 160b

Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 223-227 s614044

1399. Lakshmin, Pooja. Chăm sóc bản thân thật sự : Để không còn chạy theo những phương pháp chữa lành sáo rỗng / Pooja Lakshmin ; Phương Ánh dịch. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2025. - 302 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 148000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Real self - care : A transformative program for redefining wellness s615013

1400. Lân Ông Lê Hữu Trác. Sách thuốc Việt Nam - Hải Thượng y tôn tâm lĩnh = 海上醫宗心領 / Lê Hữu Trác ; Dịch: Hoàng Văn Hoè, Hoàng Đình Khoa. - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 270000đ. - 1000b

Q.4: Từ tập 17 đến tập 20: Lĩnh Nam bản thảo - Bách gia chân tàng - Hành giản chân nhu - Tập Nhật. - 2025. - 659 tr. s614580

1401. Lê Thị Mai Hoa. Giáo trình Dinh dưỡng trẻ em : Tuổi nhà trẻ và mẫu giáo / Lê Thị Mai Hoa. - In lần thứ 16. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 179 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 70000đ. - 500b

Thư mục: tr. 178-179 s614883

1402. Medina, John. Luật trí não = Brain rules : 12 quy tắc giúp nâng tầm não bộ, học hỏi nhanh hơn và sống hạnh phúc hơn / John Medina ; Mai Khanh dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Dân trí, 2025. - 259 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 199000đ. - 3000b s615050

1403. Namhee Park. Liệu pháp giác hơi chích máu Simcheon : Chỉ cần máu sạch bách bệnh tiêu tan / Namhee Park ; Vương Thúy Quỳnh Anh dịch. - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 199000đ. - 1000b

T.1. - 2025. - 227 tr. : hình vẽ, ảnh s614581

1404. Nguyễn Khắc Dũng. Thoát vòng cờ bạc - Bạn có thể làm được / Nguyễn Khắc Dũng. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 192 tr. : bảng ; 21 cm. - 120000đ. - 1010b s614034

1405. Nguyễn Song Tuấn Tú Charles. Thinsulin - Giảm cân & đẹp dáng suốt đời / Nguyễn Song Tuấn Tú Charles, Nguyễn Song Anh Tú, Mary Ann Marshall ; Dịch: Thuý Giang Ly... - Tái bản lần 1. - H. : Thế giới, 2025. - 348 tr. : ảnh ; 21 cm. - 189000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: The thinsulin program: The breakthrough solution to help you lose weight and stay thin. - Thư mục: tr. 325-347 s614870

1406. Nguyễn Thị Hồng Hạnh. Hành trình tìm lại tuổi thanh xuân - 28 ngày tái sinh / Nguyễn Thị Hồng Hạnh. - H. : Tri thức, 2025. - 336 tr. : minh họa ; 21 cm. - 199000đ. - 2020b s614951

1407. Nguyễn Thị Như Mai. Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non / Nguyễn Thị Như Mai. - In lần thứ 10. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 135 tr. : bảng ; 24 cm. - 55000đ. - 500b
Phụ lục: tr. 127-132. - Thư mục: tr. 133-135 s614880

1408. Nguyễn Thị Vân Anh. Ngày một bữa thô : "Ăn đúng để khỏe đẹp" theo chế độ Yobo / Nguyễn Thị Vân Anh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Thế giới, 2025. - 209 tr. : minh họa ; 21 cm. - 268000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 206-209 s614309

1409. Nguyễn Văn Nam. Thân nhiệt - Năng lượng cốt yếu của sự sống / B.s.: Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Thị Bích Hồng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 148 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 98000đ. - 1000b s614605

1410. Nishi Katsuzo. Làm sạch mạch & máu / Nishi Katsuzo ; Trương Thị Thảo dịch. - In lần 16. - H. : Lao động, 2025. - 247 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 109000đ. - 1500b s614510

1411. Perlemuter, Gabriel. Ruột khỏe, tâm an : Mối liên hệ lý thú giữa hệ vi sinh đường ruột và cảm xúc của bạn / Gabriel Perlemuter ; Huy Minh dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 229 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Pháp: Stress, hypersensibilité, dépression... et si la solution venait de nos bactéries?. - Phụ lục: tr. 185-223. - Thư mục: tr. 225 s615018

1412. Phan Thị Nga. Giáo án giảng dạy & luyện tập Yoga / Phan Thị Nga. - H. : Dân trí, 2025. - 352 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Diễn đàn Yoga). - 250000đ. - 1000b s615089

1413. Phẫu thuật miệng 1 : Sách dùng cho sinh viên Răng Hàm Mặt / B.s.: Nguyễn Phú Thắng (ch.b.), Hoàng Kim Loan, Văn Trọng Lân... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 239 tr. : minh họa ; 27 cm. - 186000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Y Hà Nội. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt. - Thư mục cuối mỗi chương s613383

1414. Ramakrishnan, Venki. Sự thật về cái chết : Ngành khoa học mới về lão hóa và hành trình truy tìm sự bất tử / Venki Ramakrishnan ; Nguyễn Việt Anh dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 367 tr. ; 24 cm. - 239000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Why we die: The new science of aging and the quest for immortality.
- Thư mục: tr. 343-367 s614846

1415. Sinclair, David A. Tuổi thọ = Lifespan : Tại sao chúng ta già đi và có thực sự phải như vậy không? / David A. Sinclair, Matthew D. Laplante ; Quế Chi dịch. - Tái bản lần 1. - H. : Dân trí, 2025. - 503 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 325000đ. - 1000b s615043

1416. Sinh lý học : Dùng cho đào tạo sau đại học / B.s.: Phạm Thị Minh Đức (ch.b.), Phùng Xuân Bình, Trịnh Hùng Cường... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 295000đ. - 500b

T.1. - 2025. - 483 tr. : minh hoạ s613388

1417. Sinh lý học : Dùng cho đào tạo sau đại học / B.s.: Phạm Thị Minh Đức (ch.b.), Trịnh Hùng Cường, Lê Thu Liên, Lê Đình Tùng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 335000đ. - 500b

T.2. - 2025. - 543 tr. : minh hoạ. - Thư mục: tr. 539-543 s613389

1418. Thomas, Merlin. Sống thọ cho tuổi trung niên = The longevity list : Lối sống khỏe mạnh, vui vẻ và an nhiên tự tại / Merlin Thomas ; Tiểu Long dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 406 tr. ; 21 cm. - 178000đ. - 2000b s614612

1419. Thủy Tiên. Tổng hợp 200 bài thuốc dân gian ai cũng có thể làm: Sức khỏe từ nhà bếp : Những món ăn là liều thuốc quý giá / Thủy Tiên. - H. : Lao động, 2025. - 83 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 199000đ. - 5000b s614526

1420. Tớ đeo kính : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Lời: Helena Haraštová; Minh họa: Ana Kobern ; Trannie dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 24 cm. - (Tủ sách Bách khoa tri thức). - 45000đ. - 2000b s614987

1421. Trần Đỗ Hùng. Giáo trình Vi sinh y học : Dành cho học viên sau đại học / B.s.: Trần Đỗ Hùng, Nguyễn Thị Hải Yến (ch.b.), Nguyễn Thị Bé Hai. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ. - 27 cm. - 465000đ. - 200b

T.1. - 2025. - 403 tr. : minh hoạ s613411

1422. Trần Ngọc Sơn. Mãi yêu quý thuốc nam : Thơ / Trần Ngọc Sơn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 99 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s614556

1423. Vương Bảo Thy. Giáo trình Giải phẫu học / Vương Bảo Thy, Nguyễn Thanh Anh Tuấn (ch.b.), Bùi Văn My Tin. - Tái bản lần thứ 1. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 260 tr. : minh họa ; 24 cm. - 151000đ. - 200b

Thư mục: tr. 259-260 s615142

1424. Vy Nguyễn. Cõi chết nơi sự sống & sự sống nơi cõi chết / Vy Nguyễn. - H. : Lao động, 2025. - 151 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thái Vy s614364

1425. Y học sinh sản / Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Xuân Mỹ, Nguyễn Quốc Tuấn... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - 28 cm. - 2500b

Đầu bìa sách ghi: Hội Nội tiết sinh sản và vô sinh Thành phố Hồ Chí Minh

T.73: Sẩy thai, sẩy thai liên tiếp. - 2025. - 150 tr. : minh họa. - Thư mục trong chính văn s613793

1426. Yoshinori Nagumo. Ăn ít để khoẻ : 1 bữa là đủ sao cần phải 3? / Yoshinori Nagumo ; Minh Yến dịch. - In lần 17. - H. : Lao động, 2025. - 197 tr. ; 21 cm. - 129000đ. - 1500b s614515

KỸ THUẬT

1427. Bùi Trung Thành. Giáo trình Tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng trong hệ thống nhiệt lạnh / Bùi Trung Thành. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 519 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 250000đ. - 500b

Thư mục cuối mỗi chương. - Phụ lục: tr. 495-519 s614275

1428. Điều khiển logic và PLC / Dương Minh Đức, Đỗ Trọng Hiếu, Đào Quý Thịnh, Phan Thị Huyền Châu. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 239 tr. : minh họa ; 24 cm. - 142000đ. - 400b

Thư mục: tr. 232. - Phụ lục: tr. 233-239 s614907

1429. Đoàn Thanh Bảo. Phần mềm ANSYS - Tính toán và mô phỏng trường điện từ máy điện / Đoàn Thanh Bảo ch.b. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 296 tr. : minh họa ; 27 cm. - 185000đ. - 200b

Thư mục: tr. 294 s613603

1430. Giáo trình Hệ thống điều khiển thông minh / Ngô Thanh Quyền (ch.b.), Hoàng Thị Tú Uyên, Phạm Trung Kiên, Lê Long Hồ. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 231 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 60000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 231 s614276

1431. Giáo trình môn học: Mạch điện : Nghề: Điện công nghiệp : Trình độ: Trung cấp / Nguyễn Văn Lộc (ch.b.), Nguyễn Thị Lan Anh, Đặng Kim Hiếu, Đoàn Văn Giàu. - H. : Nông nghiệp, 2025. - 103 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. - Thư mục: tr. 103 s614215

1432. Giáo trình Thiết kế nền và móng / Phạm Thị Loan (ch.b.), Nguyễn Thị Hoài Thu, Đỗ Trọng Quang, Trịnh Duy Thành. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 192 tr. : minh họa ; 24 cm. - 86000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Hải Phòng. Khoa Xây dựng. - Thư mục: tr. 187-188 s614237

1433. Lê Thị Kim Dung. Xây dựng mô hình điều khiển động cơ 3 pha kết hợp trang bị điện với biến tần iG5A : Sách chuyên khảo / Lê Thị Kim Dung (ch.b.), Trần Thị Dung, Nguyễn Quang Huy. - H. : Lao động, 2025. - 122 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 300b

Thư mục: tr. 121 s614471

1434. Mẹo chinh phục 600 câu lý thuyết : Dựa theo tài liệu Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an Việt Nam / Trung tâm Đào tạo lái xe Bình Dương tổng hợp, b.s. - H. : Hồng Đức, 2025. - 35 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 20000b s614559

1435. Nguyen Dang Nguyen. Design of cast-in-situ reinforced concrete frames conforming to TCVN 5574:2018 and TCVN 2727:2023 = Thiết kế khung bê tông cốt thép theo TCVN 5574:2018 và TCVN 2737:2023 / Nguyen Dang Nguyen, Phan Minh Tuan. - H. : Science and Technology, 2025. - 240 p. : ill. ; 30 cm. - 250000đ. - 150 copies

App. 212-238. - Bibliogr.: p. 239-240 s613919

1436. Nguyen The Bao. English for thermal engineering / Nguyen The Bao. - Ho Chi Minh City : VNU-HCM Press, 2025. - 303 p. : ill. ; 27 cm. - 130000đ. - 200 copies

At head of title: Vietnam National University Ho Chi Minh City. Ho Chi Minh City University of Technology. - Bibliogr.: p. 303 s613904

1437. Nguyễn Công Huy. Người lính phi công kể chuyện / Nguyễn Công Huy. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 130 tr. ; 21 cm. - 35000đ. - 1500b s614660

1438. Nguyễn Công Huy. Người lính phi công kể chuyện: 19 Ace của Việt Nam : Những phi công huyền thoại trên máy bay MIG / Nguyễn Công Huy. - H. : Kim Đồng, 2025. - 146 tr. : minh họa ; 21 cm. - 55000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 146 s614674

1439. Nguyễn Hiền. Giáo trình Mô đun thực hành mạch điện cơ bản : Dành cho ngành, nghề: Vận hành điện trong nhà máy thủy điện. Trình độ: Trung cấp / Nguyễn Hiền (ch.b.), Ngô Trần Duy. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 83 tr. : minh họa ; 24 cm. - 62000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 83 s614917

1440. Nguyễn Thị Tâm Thanh. Thí nghiệm kỹ thuật lạnh điều hoà không khí / Nguyễn Thị Tâm Thanh (ch.b.), Phạm Quang Phú. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 127 tr. : minh họa ; 24 cm. - 35000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 127 s614279

1441. Ô tô được tạo ra như thế nào? : Hành trang cho tương lai. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 195 tr. : minh họa ; 26 cm. - (Công nghệ vui - Công nghệ trong tầm tay). - 300000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Học viện VIETSTEM s614093

1442. Phạm Văn Toàn. Giáo trình Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí và tiếng ồn / Phạm Văn Toàn (ch.b.), Lê Hoàng Việt. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 174 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 100b

Thư mục: tr. 144-146. - Phụ lục: tr. 147-174 s614273

1443. Sổ tay sử dụng 01 / Bộ Quốc phòng - Học viện Kỹ thuật Quân sự. - H. : Lao động, 2025. - 32 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 1686b

Tài liệu lưu hành nội bộ s614396

1444. Sổ tay sử dụng 02 / Bộ Quốc phòng - Học viện Kỹ thuật Quân sự. - H. : Lao động, 2025. - 32 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 720b

Tài liệu lưu hành nội bộ s614397

1445. Sổ tay sử dụng 03 / Bộ Quốc phòng - Học viện Kỹ thuật Quân sự. - H. : Lao động, 2025. - 32 tr. : hình vẽ, ảnh ; 21 cm. - 187b

Tài liệu lưu hành nội bộ s614398

1446. Thí nghiệm máy điện / B.s.: Văn Thị Kiều Nhi, Bạch Thanh Quý (ch.b.), Đào Văn Dương, Phạm Hoàng Đạt. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, 2025. - 78 tr. : hình vẽ, bảng ; 28 cm. - 40000đ. - 500b

Thư mục: tr. 78 s613418

1447. Thủy lợi miền Bắc Việt Nam (1954 - 1975) : Sách chuyên khảo / Phạm Thị Hồng Hà (ch.b.), Nguyễn Văn Nhật, Lê Văn Phong... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 626 tr. : ảnh ; 24 cm. - 275000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Thư mục: tr. 603-626 s614144

1448. Thực hành phân tích mạch điện ứng dụng Matlab & Simulink / Đào Thị Mỹ Linh, Trần Minh Hải (ch.b.), Ngô Thị Ánh Hằng... - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 254 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 186000đ. - 100b

Phụ lục: tr. 242-251. - Thư mục: tr. 253 s614239

1449. Thực hành tính toán kết cấu bê tông cốt thép công trình giao thông / Nguyễn Nhật Minh Trí, Đỗ Cao Phan (ch.b.), Nguyễn Thị Phương Linh, Nguyễn Đăng Diễm. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 205 tr. : minh họa ; 28 cm. - 150000đ. - 100b

Phụ lục: tr. 195-204.- Thư mục: tr. 205 s613419

1450. Trần Đại Nghĩa - "Ông bụt làm súng" : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Lời: Nguyễn Như Mai ; Tranh: Nguyễn Hoàng Tấn. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Danh nhân khoa học Việt Nam). - 30000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s614643

1451. Trần Quang Huy. Giáo trình Mô đun thực hành mạng truyền thông công nghiệp : Dành cho ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. Trình độ: Trung cấp / Trần Quang Huy (ch.b.), Nguyễn Thanh Lâm. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 135 tr. : minh họa ; 24 cm. - 72000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 135 s614912

1452. Trần Quang Khánh. Bài tập cung cấp điện / Trần Quang Khánh. - H. : Khoa học và Kỹ thuật. - 27 cm. - 256000đ. - 200b

T.1. - 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng s613605

1453. Trần Quang Khánh. Bài tập cung cấp điện / Trần Quang Khánh. - H. : Khoa học và Kỹ thuật. - 27 cm. - 256000đ. - 200b

T.2. - 2025. - 199 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 199 s613606

1454. Trịnh Chất. Tính toán thiết kế hệ dẫn động cơ khí / Trịnh Chất, Lê Văn Uyển. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Giáo dục Việt Nam. - 27 cm. - 95000đ. - 500b

T.1. - 2025. - 271 tr. : hình vẽ, bảng. - Phụ lục: tr. 234-268 s613385

1455. Võ Tuấn Minh. Giáo trình Thiết kế vi mạch tương tự công nghệ CMOS / Võ Tuấn Minh. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - x, 191 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 198000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng. - Thư mục: tr. 188 s613596

1456. Vũ Đình Lai. Sức bền vật liệu / Vũ Đình Lai (ch.b.), Nguyễn Xuân Lựu, Bùi Đình Nghi. - Tái bản. - H. : Giao thông vận tải. - 27 cm. - 181000đ. - 500b

T.1. - 2025. - 344 tr. : hình vẽ, bảng. - Phụ lục: tr. 335-343 s613574

NÔNG NGHIỆP

1457. Giáo trình Mô đun sản xuất rau công nghệ cao : Dành cho ngành, nghề: Nông nghiệp công nghệ cao. Trình độ: Trung cấp / Phạm Văn Thân (ch.b.), Cù Thị Hiền, Hồ Thị Phương Sáu... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 139 tr. : minh họa ; 24 cm. - 90000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 139 s614915

1458. Kỹ năng nuôi tôm sinh thái (tôm rừng) / B.s.: Tiết Tiến Dũng, Mã Huy, Bùi Trung Quân... - H. : Thông tấn, 2025. - 4 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau s614887

1459. Kỹ thuật nuôi cá kèo thương phẩm / B.s.: Tiết Tiến Dũng, Mã Huy, Bùi Trung Quân... - H. : Thông tấn, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau s614888

1460. Kỹ thuật ương sò huyết 03 giai đoạn / B.s.: Tiết Tiến Dũng, Mã Huy, Bùi Trung Quân... - H. : Thông tấn, 2025. - 8 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau s614886

1461. Lê Bảo Toàn. Ứng dụng mô hình cấu trúc - thực hiện - kết quả thị trường trong nghiên cứu cấu trúc thị trường tôm nuôi vùng Đồng bằng sông Cửu Long : Sách chuyên khảo / Lê Bảo Toàn (ch.b.), Bùi Văn Trình. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 300 tr. : bảng ; 21 cm. - 188000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Trà Vinh. - Thư mục: tr. 224-237. - Phụ lục: tr. 238-300 s614929

1462. Nguyễn Hồng Hải. Một số thuật ngữ tiếng Anh thường dùng trong lâm nghiệp : Sách tham khảo / Nguyễn Hồng Hải. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 147 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 188000đ. - 70b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Lâm nghiệp. - Thư mục: tr. 144-146 s613600

1463. Nguyễn Kim Quyên. Giáo trình Dinh dưỡng cây trồng = Plant nutrition / Nguyễn Kim Quyên (ch.b.), Nguyễn Hoàng Anh. - Tái bản lần thứ 1. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 218 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 226000đ. - 100b

Thư mục cuối mỗi chương s615140

1464. Phan Thị Thùy Na. Giáo trình Mô đun vệ sinh chăn nuôi : Ngành, nghề: Chăn nuôi. Trình độ: Cao đẳng / Phan Thị Thùy Na, Võ Thị Bảo Nhân, Huỳnh Thị Thu Hương. - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 87 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 68000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 87 s614913

1465. Trịnh Thị Xuân. Dịch hại sau thu hoạch trên nông sản / Trịnh Thị Xuân (ch.b.), Lê Thị Ngọc Xuân. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 208 tr. : minh hoạ ; 28 cm. - 165000đ. - 500b

Thư mục: tr. 196 - 201 . - Phụ chú: tr. 202 - 208 s613715

QUẢN LÝ NHÀ CỬA VÀ GIA ĐÌNH

1466. Bích Ngoan. Hành trình từ tình yêu đến hôn nhân hạnh phúc / Bích Ngoan. - H. : Dân trí, 2025. - 279 tr. ; 21 cm. - 168000đ. - 1020b s615025

1467. Bình an làm mẹ : Để những ngày đầu đời bên con là những ngày hạnh phúc : EQ quản lý cảm xúc / Nhóm dự án từ sách Tinh hoa. - H. : Tri thức, 2025. - 191 tr. : tranh vẽ, bảng ; 21 cm. - (Cội nguồn trí tuệ cảm xúc). - 155000đ. - 4000b s614955

1468. Cẩm nang kinh doanh bánh mì Việt Nam / Minh Nhật. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Hồng Đức, 2025. - 123 tr. : minh hoạ ; 25 cm. - 499000đ. - 5000b s614592

1469. Cẩm nang làm đẹp - Oriflame : Mỗi ngày sống trọn một niềm vui. - H. : Hồng Đức, 2025. - 87 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 15000đ. - 100000b s614866

1470. Cẩm nang làm đẹp - Oriflame : Tình yêu của mẹ là hạt giống hạnh phúc trong tim con. - H. : Hồng Đức, 2025. - 83 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 15000đ. - 100000b s614167

1471. Chat Mingkwan. Quick & easy - Vietnamese cooking : Periplus mini cookbooks / Chat Mingkwan. - H. : Thế giới, 2025. - 63 p. : phot. ; 20 cm. - 89000đ. - 1000 copies s613818

1472. Duffy, John. Nuôi dạy teen giữa thời đại lo âu : Thấu hiểu để cùng con đi qua tuổi thiếu niên nhiều áp lực. Nuôi dưỡng những con người hạnh phúc và mạnh khỏe : Độ tuổi từ 8 đến 24 / John Duffy ; Dịch: Bùi Trà My, Phạm Sơn Tùng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 255 tr. ; 21 cm. - 75000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Parenting the new teen in the age of anxiety s614661

1473. Đỗ Tấn Bình. Con sẽ làm "Nguyên thủ" / Đỗ Tấn Bình, Trần Nam Thắng. - H. : Tài chính, 2025. - 179 tr. ; 21 cm. - 179000đ. - 1000b s614220

1474. ĐQT. Chinh phục mọi cô gái - Nghệ thuật tán gái thực tế / ĐQT. - H. : Tri thức, 2025. - 153 tr. ; 21 cm. - 249000đ. - 2000b s614973

1475. Emily Nguyen. Vietnamese : Modern and traditional Vietnamese cuisine / Emily Nguyen. - H. : Thế giới, 2025. - 184 p. : color phot. ; 19 cm. - 350000đ. - 1000 copies
Ind.: p. 182-183 s613964

1476. Hoàng Anh Tú. 30 ngày cùng con học hiểu về chống xâm hại : Sách tranh trực quan, dễ hiểu dành cho trẻ từ 5 đến 15 tuổi / Hoàng Anh Tú b.s. ; Minh họa: Đậu Quyên. - In lần thứ 11. - H. : Thế giới, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Tủ sách Cùng con trưởng thành). - 69000đ. - 1500b s614321

1477. Hoàng Oánh. Bình tĩnh lại, tớ làm được! : Sách kỹ năng sống giúp con kiểm soát cảm xúc, tập trung và xây dựng kỷ luật bản thân : Sách dành cho học sinh, phụ huynh và giáo viên / Hoàng Oánh, Hà Nhất Nguyệt ; Đặng Minh Anh dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 91 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con lớn khôn). - 45000đ. - 2300b

Tên sách tiếng Trung: 管不住自己怎么办 s614964

1478. Hoàng Oánh. Cạnh tranh vui vẻ học hỏi lẫn nhau : Sách kỹ năng sống giúp con tự tin đối đầu, vượt qua thử thách, biết vươn lên và học hỏi từ đối thủ : Sách dành cho học sinh, phụ huynh và giáo viên / Hoàng Oánh, Hà Nhất Nguyệt ; Đặng Minh Anh dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 91 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con lớn khôn). - 45000đ. - 2300b

Tên sách tiếng Trung: 害怕竞争怎么办 s614963

1479. Hoàng Oánh. Cùng nhau kết bạn nào! : Sách kỹ năng sống giúp con vượt qua rào cản giao tiếp, dễ dàng kết bạn và hòa đồng hơn : Sách dành cho học sinh, phụ huynh và giáo viên / Hoàng Oánh, Hà Nhất Nguyệt ; Đặng Minh Anh dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 91 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con lớn khôn). - 45000đ. - 2300b

Tên sách tiếng Trung: 不会交朋友怎么办 s614966

1480. Hoàng Oánh. Thất bại ư? Không sao cả! : Sách kỹ năng sống giúp con vượt qua thất bại, không bỏ cuộc khi gặp khó khăn : Sách dành cho học sinh, phụ huynh và giáo viên / Hoàng Oánh, Hà Nhất Nguyệt ; Đặng Minh Anh dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 91 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con lớn khôn). - 45000đ. - 2300b

Tên sách tiếng Trung: 遇到挫折怎么办 s614962

1481. Hoàng Oánh. Tớ tự tin, tớ là chính mình! : Sách kỹ năng sống giúp con xây dựng sự tự tin và yêu bản thân hơn : Sách dành cho học sinh, phụ huynh và giáo viên / Hoàng Oánh, Hà Nhất Nguyệt ; Đặng Minh Anh dịch. - H. : Tri thức, 2025. - 91 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Cùng con lớn khôn). - 45000đ. - 2300b

Tên sách tiếng Trung: 胆子小、自卑怎么办 s614965

1482. Hutton, Wendy. Vietnamese favorites : Periplus mini cookbooks / Wendy Hutton. - H. : Thế giới, 2025. - 63 p. : phot. ; 20 cm. - 89000đ. - 1000 copies s613820

1483. Jackie Nguyễn. Siêu nhí giỏi kỹ năng giao tiếp : Cuốn sách trẻ nên đọc trong quá trình trưởng thành / Jackie Nguyễn b.s. - H. : Tri thức, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Rèn luyện kỹ năng sống dành cho học sinh). - 40000đ. - 3000b s614983

1484. Khám phá bản thân - Sẵn sàng cho sự nghiệp : Sách hướng dẫn / FranklinCovey Education. - H. : Hồng Đức, 2025. - 71 tr. : minh họa ; 27 cm. - 5000b

Thư mục: tr. 71 s613661

1485. Kubota Kisou. Nuôi dưỡng não trẻ : Phương pháp phát triển não có thể áp dụng ở nhà để nuôi dạy những em bé thông minh : Từ 0 - 2 tuổi / Kubota Kisou, Kubota Kayoko ; Bích

Nguyệt dịch. - Tái bản lần 6. - H. : Lao động, 2025. - 125 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - (Phương pháp Kubota). - 139000đ. - 1500b s614528

1486. Lam Khuê. Bạn có biết con bạn thiếu gì / Lam Khuê b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - (Cha mẹ thay đổi, con cái tiến bộ). - 85000đ. - 1500b s615021

1487. Lam Khuê. Cha mẹ dịu dàng, con tự tin, hạnh phúc / Lam Khuê b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - (Cha mẹ thay đổi, con cái tiến bộ). - 85000đ. - 1500b s615019

1488. Lam Khuê. Đừng tưởng bạn đã hiểu con / Lam Khuê b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - (Cha mẹ thay đổi, con cái tiến bộ). - 85000đ. - 1500b s615022

1489. Lam Khuê. Không cần quản thúc mà trẻ vẫn ngoan / Lam Khuê b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 175 tr. ; 21 cm. - (Cha mẹ thay đổi, con cái tiến bộ). - 85000đ. - 1500b s615023

1490. Làm việc nhà thật vui : Dành cho tuổi 6+ / Cơ quan Nghiên cứu Giáo dục Gia đình Nhật Bản b.s. ; Minh hoạ: Ohashi Keiko ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Kim Đồng. - 25x26 cm. - 56000đ. - 2000b

T.1: Dọn phòng cho sạch đẹp. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ s614827

1491. Làm việc nhà thật vui : Dành cho tuổi 6+ / Cơ quan Nghiên cứu Giáo dục Gia đình Nhật Bản b.s. ; Minh hoạ: Ohashi Keiko ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Kim Đồng. - 25x26 cm. - 56000đ. - 2000b

T.2: Tự giặt quần áo nhé!. - 2025. - 40 tr. : hình vẽ s614828

1492. Lê Thị Hải. Sổ tay Ăn dặm của mẹ : Giải đáp mọi câu hỏi của mẹ về ăn dặm / Lê Thị Hải. - H. : Thế giới, 2025. - 267 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 118000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 259-267 s614871

1493. Liu Yong. Học cách quản lý cuộc sống : Dành cho lứa tuổi 10+ / Liu Yong ; Phương Thúy dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 123 tr. ; 21 cm. - (Kỹ năng vàng cho học sinh trung học). - 40000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Be yourself s614676

1494. Liu Yong. Học cách sống tự lập : Dành cho lứa tuổi 10+ / Liu Yong ; Phương Thúy dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 139 tr. ; 21 cm. - (Kỹ năng vàng cho học sinh trung học). - 40000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: When I leave my parents s614675

1495. Medina, John. Luật trí não dành cho trẻ : Não trẻ hoạt động như thế nào và cách phát triển trí thông minh cảm xúc cho trẻ từ 0 - 5 tuổi / John Medina ; Nguyễn Kim Diệu dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Dân trí, 2025. - 346 tr. ; 23 cm. - 189000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Brain rules for baby s615026

1496. Nongkran Daks. Homestyle - Vietnamese cooking : Periplus mini cookbooks / Nongkran Daks, Alexandra Greeley. - H. : Thế giới, 2025. - 63 p. : phot. ; 20 cm. - 89000đ. - 1000 copies s613819

1497. Quỳnh Hương. 52 thực đơn nấu ăn chay trong gia đình : 46 thực đơn ngày thường, 6 thực đơn ngày Chủ nhật / Quỳnh Hương. - H. : Hồng Đức, 2025. - 191 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 58000đ. - 1500b s614616

1498. Thủy Tiên. Sức khỏe từ nhà bếp : Tổng hợp 250 bài thuốc dân gian ai cũng có thể làm. Những món ăn là liệu thuốc quý giá / Thủy Tiên. - H. : Lao động, 2025. - 108 tr. : ảnh ; 24 cm. - 199000đ. - 5000b s614465

1499. Triệu Thị Chơi. Nấu ăn gia đình : 30 thực đơn ngày thường, 52 món ăn ngày Chủ nhật / Triệu Thị Chơi. - H. : Hồng Đức, 2025. - 213 tr., 8 tr. ảnh : bảng ; 21 cm. - 65000đ. - 3000b s614573

1500. Tự chủ - Sẵn sàng cho Đại học : Sách hướng dẫn / FranklinCovey Education. - H. : Hồng Đức, 2025. - 85 tr. : minh họa ; 27 cm. - 5000b
Thư mục: tr. 83 s613662

1501. Uyên Bùi. Để con được ốm / Uyên Bùi, Nguyễn Trí Đoàn ; Minh họa: Tô Hồng Thủy. - Tái bản có sửa chữa. - H. : Thế giới, 2025. - 310 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b s614872

1502. Zachman, Kim. Không có thịt trong bánh kẹp thịt : Lời đồn và sự thật về những món chúng ta khoái khẩu : Dành cho lứa tuổi 10+ / Viết: Kim Zachman ; Minh họa: Peter Donnelly ; Yến Nhi dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 147 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 125000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 129-137 s614762

QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CÔNG CỘNG

1503. The 2nd business administration international conference 2025 (BAIC 2025) / Mohd Hanafiah Bin Ahmad, Azim Azuan Bin Osman, Nguyen Thi Phuong Chi... - Ho Chi Minh City : Industrial University of Ho Chi Minh City, 2025. - 655 p. : ill. ; 28 cm. - 80 copies
At head of title: Industrial University of Ho Chi Minh City. Faculty of Business Administration s613902

1504. Biệt đội kế toán: Hành trình giải mã những con số : Truyện tranh hướng nghiệp nghề kế toán / Lê Thị Mỹ Hạnh, Trần Khánh Lâm ; Tranh: Linh Rab. - H. : Tài chính, 2025. - 123 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Doanh Doanh gia đình truyện). - 60000đ. - 1000b s614218

1505. Cortinovis, Tim. Bán hàng thông minh trong thời đại AI : 1% nhân lực tạo ra 99% doanh số / Tim Cortinovis ; Trung Trịnh dịch. - H. : Tài chính, 2025. - 314 tr. ; 21 cm. - 159000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Selling smarter not harder s614182

1506. Duong Thi Hoai Nhung. Competency-based human resource management for managers in Vietnamese enterprises : Reference / Duong Thi Hoai Nhung (chief ed.), Vu Thi Huong Giang. - H. : National Economic University, 2025. - 245 p. : ill. ; 21 cm. - 220000đ. - 100 copies

Bibliogr. at the end of the chapter. - App.: p. 241-245 s613852

1507. Dương Huy Hùng. 6 bước xây dựng đội nhóm bán hàng vô địch / Dương Huy Hùng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 219 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 199000đ. - 2000b s614546

1508. Đinh Văn Hiến. TASL - Lý thuyết kết nối không gian thích nghi toàn diện : Cẩm nang vàng trong chiến lược quản trị cuộc đời / Ch.b.: Đinh Văn Hiến, Richdad Lộc, Đỗ Thị Kim Tuyết. - H. : Tri thức, 2025. - 406 tr. : minh họa ; 24 cm. - 569000đ. - 2000b s614971

1509. Đỗ Đức Đạt. Siêu nhân viên : Xây dựng bản đồ sự nghiệp của riêng mình, biến 1 năm làm việc thành 2 năm kinh nghiệm / Đỗ Đức Đạt. - H. : Thế giới, 2025. - 327 tr. : bảng ; 24 cm. - 120000đ. - 1000b s614292

1510. Đỗ Hữu Nghị. Giáo trình Quản lý chất lượng / Đỗ Hữu Nghị, Tăng Thị Ngân (ch.b.), Lê Anh Thư. - H. : Lao động, 2025. - 304 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 150000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ. - Thư mục: tr. 302-303 s614410

1511. Đỗ Tấn Bình. Khởi nghiệp tuổi trung niên : Không có nghề tốt nhất, chỉ có nghề phù hợp nhất / Đỗ Tấn Bình, Trần Nam Thắng. - H. : Tài chính, 2025. - 151 tr. ; 21 cm. - 250000đ. - 300b s614222

1512. Đồng Văn Hùng. Xây kênh để đổi đời : Hành trình đổi đời bắt đầu từ một lần dám tin vào giá trị của chính mình : Cẩm nang từng bước xây thương hiệu cá nhân bền vững / Đồng Văn Hùng. - H. : Hồng Đức, 2025. - 365 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 499000đ. - 1000b s614582

1513. Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán / Ngô Thế Chi, Hoàng Thị Huyền (ch.b.), Đinh Thị Kim Xuyên... - H. : Lao động, 2025. - 367 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 118000đ. - 500b ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 366 s614480

1514. Giáo trình Kế toán doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ khách sạn / Phạm Thị Lua (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Hằng (ch.b.), Ngô Thế Chi, Hoàng Thu Hiền. - H. : Lao động, 2025. - 241 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 86000đ. - 500b ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 241 s614482

1515. Giáo trình Khởi sự kinh doanh : Dành cho Chương trình đào tạo bậc Đại học / Nguyễn Thị Phương Ngọc, Võ Thị Thu Diệu (ch.b.), Mai Bá Gia Hân... - H. : Tài chính, 2025. - 362 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 185000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Kế toán. - Thư mục: tr. 356-361 s614224

1516. Giáo trình Kỹ năng sử dụng bàn phím và thiết bị văn phòng / Lê Nhật Duy (ch.b.), Hồ Đắc Quán, Giảng Thanh Trọn... - Tái bản lần 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 82 tr. : minh họa ; 24 cm. - 45000đ. - 1500b Thư mục: tr. 82 s614282

1517. Giáo trình Nguyên lý kế toán / B.s.: Nguyễn Hữu Đặng (ch.b.), Trần Quốc Dũng, Đàm Thị Phong Ba... - Tái bản lần thứ 4, có chỉnh sửa, bổ sung. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2025. - 223 tr. : bảng, sơ đồ ; 24 cm. - 55000đ. - 1500b Thư mục: tr. 213. - Phụ lục: tr. 214-223 s615144

1518. Giáo trình Quản trị học trong thế kỷ XXI / Nguyễn Kiều Oanh, Trương Thị Huệ (ch.b.), Phạm Thị Thanh Hằng, Nguyễn Thị Thanh Huyền. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 253 tr. : minh họa ; 24 cm. - (Tủ sách Khoa học). - 128000đ. - 300b

ĐTTS ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật. - Thư mục cuối mỗi chương s614085

1519. Gorman, Tom. MBA cơ bản : Khóa học quản trị kinh doanh cấp tốc cho người bận rộn : Bao quát toàn diện tất cả những nội dung cơ bản của một khóa học MBA từ kế toán tới kinh tế học, từ marketing tới tài chính / Tom Gorman; Trần Thị Thái Hà dịch. - Tái bản lần 4. - H. : Thế giới, 2025. - 507 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 269000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Complete idiot's guide to MBA basics s614311

1520. Hoàng Nam Tiến. Ứng dụng AI vào doanh nghiệp : Những bài giảng của Giáo Tiến về nhân tố thay đổi cuộc chơi trong kỉ nguyên mới / Hoàng Nam Tiến. - Tái bản lần thứ 1, có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Dân trí, 2025. - 259 tr. ; 24 cm. - 286000đ. - 1000b

Phụ lục: tr. 255-258 s615039

1521. Huỳnh Tấn Dũng. Bài tập Kiểm toán cơ bản / Huỳnh Tấn Dũng (ch.b.), Nguyễn Quốc Nhất, Nguyễn Thị Như Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 116 tr. : bảng ; 28 cm. - 105000đ. - 800b

Thư mục: tr. 115-116 s613703

1522. Hướng dẫn học tập hành vi người tiêu dùng / B.s.: Vũ Huy Thông, Hoàng Phương Dung (ch.b.), Lê Thu Mai... - H. : Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025. - 255 tr. : bảng ; 30 cm. - 89000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Khoa Marketing s613588

1523. ICDL digital marketing : Syllabus 1.0 : Learning material. - H. : Hồng Đức, 2025. - 141 p. : ill. ; 30 cm. - 400 copies s613899

1524. Kruse, Kevin. Người thành công không bao giờ trì hoãn - 15 bí quyết quản lý thời gian hiệu quả = 15 secrets successful people know about time management / Kevin Kruse ; Lê Na dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Thế giới, 2025. - 257 tr. ; 24 cm. - 149000đ. - 3000b s615032

1525. Ngô Cường. Quản lý giỏi phải biết trao quyền / Ngô Cường ; Hà My dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 343 tr. : bảng ; 21 cm. - 125000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 所谓管理好,就是会授权 s614576

1526. Ngô Nhật Phương Diễm. Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính / Ch.b.: Ngô Nhật Phương Diễm, Nguyễn Huỳnh Nam, Phan Thị Bích Ngọc. - H. : Tài chính, 2025. - 521 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 279000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Bộ Tài chính. Trường Đại học Tài chính - Marketing. Khoa Kế toán - Kiểm toán. - Thư mục cuối mỗi chương s614231

1527. Nguyễn Đình Hoà. Phân tích chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ dưới góc nhìn kiểm toán : Sách chuyên khảo / Nguyễn Đình Hoà. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 697 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 690000đ. - 500b s614009

1528. Nguyễn Huyền My. Kỹ năng tương tác xã hội / Nguyễn Huyền My. - H. : Lao động, 2024. - 100 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Kỹ năng dành cho người lao động). - 23000b

Phụ lục: tr. 94-98 s614444

1529. Nguyễn Thị Vân Anh. Đứng đủ điều : Công thức nền tảng giúp bạn kinh doanh sản phẩm dinh dưỡng thành công / Nguyễn Thị Vân Anh. - H. : Thế giới, 2025. - 449 tr. : minh họa ; 21 cm. - 386000đ. - 1000b s614308

1530. Nguyễn Văn Giáp. สุนทรพยากรณ์นุษย์ 3 ชั้น : องค์การกระชับ - หัวหน้าคลายกังวล / Nguyễn Văn Giáp. - H. : Hồng Đức, 2025. - 166 p. : ill. ; 21 cm. - 299000đ. - 20000 copies s613826

1531. Phạm Nghị Nhiên. 38 lá thư Rockefeller gửi cho con trai / Phạm Nghị Nhiên ; Nguyễn Thị Hà Dung dịch ; Nguyễn Hoàng Phương h.đ. - H. : Hồng Đức, 2025. - 298 tr. ; 21 cm. - 175000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 洛克菲勒写给儿子的38封信 s614549

1532. Phạm Thị Dung. ศิลปะการเป็นผู้นำ : “ไม่เรียวกับแครอท” ใช้อย่างไรให้เจ้านายสบายและพนักงานทำงานอย่างเต็มใจ? / Phạm Thị Dung. - H. : Hồng Đức, 2025. - 158 p. : ill. ; 21 cm. - 299000đ. - 20000 copies s613824

1533. Scott, David Meerman. Chiến lược fandom trong kinh doanh : Bí kíp biến khách hàng thành fan / David Meerman Scott, Reiko Scott ; Đỗ Ngọc Bảo Trân dịch. - H. : Lao động, 2025. - 488 tr. ; 21 cm. - 220000đ. - 2000b s614431

1534. Thầy Tiến Việc Nhỏ. Mở miệng ra tiền : Các bước giúp bạn từ số 0 đến tiền nhiều chữ số / Thầy Tiến Việc Nhỏ. - H. : Thế giới. - 19 cm. - 189000đ. - 1000b

T.2. - 2025. - 140 tr. : minh họa s615766

1535. Tomita Kazumasa. PDCA - Lập kế hoạch thực chiến quản lý rủi ro và tối ưu hiệu suất / Tomita Kazumasa ; Thu Phương dịch. - H. : Công Thương, 2025. - 287 tr. : minh họa ; 19 cm. - 179000đ. - 2000b s615809

1536. Tracy, Brian. Để hiệu quả trong công việc : Từ bỏ thói quen trì hoãn làm được nhiều việc hơn trong thời gian ngắn hơn / Brian Tracy ; Minh Hằng dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2025. - 127 tr. : ảnh ; 21 cm. - 62000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Eat that frog! s614022

1537. Trần Đức Chính. สูตรลับสรรหา คัดเลือก ผักผ่อน : ประเมินคนที่ใช่ ไข่ไข่ค้นหาคนที่ใช่ / Trần Đức Chính. - H. : Hồng Đức, 2025. - 158 p. : ill. ; 21 cm. - 299000đ. - 20000 copies s613825

1538. Trần Vũ Hiệp. Giải mã marketing hiện đại : Những khám phá mới nhất về khoa học marketing. Bài học từ các thương hiệu thành công nhất thế giới / Trần Vũ Hiệp. - H. : Thế giới, 2025. - 343 tr. : minh họa ; 24 cm. - 249000đ. - 5000b s614298

1539. Trout, Jack. Khác biệt hay là chết / Jack Trout, Steve Rivkin ; Phạm Thảo Nguyên dịch. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 343 tr. ; 21 cm. - 128000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Differentiate or die: Survival in our era of killer competition s614025

1540. Vở luyện viết nhanh tốc ký cho học sinh từ lớp 6 : Kiểu viết đứng / Hoàng Quỳnh Mai. - H. : Tri thức, 2025. - 56 tr. ; 24 cm. - 45000đ. - 5000b s614981

1541. Vu Calvin Pham. 12 golden keys to network marketing success / Vu Calvin Pham, Annie Vu. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 294 p. : ill. ; 21 cm. - 500 copies s613853

1542. Wattles, Wallace D. Manifest thu hút tiền bạc : Giải mã quy luật vũ trụ, thức tỉnh tư duy giàu sang kết nối năng lượng thịnh vượng, làm chủ vận mệnh tài chính / Wallace D. Wattles ; Đỗ Hằng dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 191 tr. ; 19 cm. - 159000đ. - 2000b s615743

1543. Yuiga Kitano. Án tử của thiên tài : Để tài năng thực sự toả sáng thay vì trở thành "cái gai" của tập thể / Yuiga Kitano ; Trần Cẩm dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 269 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 139000đ. - 2000b s614288

1544. คู่มือ A-Z การบริหารงาน การดำเนินงาน + การคำนวณ กำไร/ขาดทุน : สำหรับกิจการขนาดเล็กและธุรกิจที่มีพนักงานไม่เกิน 10 คน / จัดทำ: Weupbooks. - H. : Hồng Đức, 2025. - 170 p. : ill. ; 21 cm. - 299000đ. - 20000 copies s613827

KỸ THUẬT HOÁ HỌC

1545. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Tận dụng phụ phẩm nông, thủy sản - Lần thứ II : Nha Trang, 30/6/2025 / Vương Vĩnh Hiệp, Đinh Thị Kim Ngọc, Cao Triệu Vi... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - iv, 69 tr. : minh họa ; 27 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Nha Trang. - Thư mục cuối mỗi bài s613398

1546. Nobel : Tranh truyện : Dành cho lứa tuổi thiếu niên / Tranh, lời: Neung In publishing company ; Nguyễn Thị Thắm dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Danh nhân thế giới. Chuyện kể về 10 nhân vật EQ). - 30000đ. - 10000b s614714

1547. Nước mắm Phú Quốc - Vị ngon đảo ngọc : Dành cho thiếu nhi / Lời: Liber ; Tranh: Bùi Xuân Quỳnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 32 s614812

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

1548. Giáo trình Lý thuyết tạo hình bề mặt / Triệu Quý Huy (ch.b.), Trương Minh Đức, Hà Minh Hùng, Vũ Trung Tuyền. - H. : Lao động, 2025. - 173 tr. : minh họa ; 24 cm. - 68000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 172 s614481

1549. Giấy dó bản Sưng - Vẽ đẹp bình dị : Dành cho thiếu nhi / Lời: Phương Bùi, Thành Nguyễn ; Tranh: NGART, Bùi Xuân Quỳnh. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s614820

1550. Lảnh Mỹ A - Huyền thoại lụa : Dành cho thiếu nhi / Lời: Phương Bùi, Thành Nguyễn ; Tranh: Bùi Xuân Quỳnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s614811

1551. Nguyễn Thị Thảo. Giáo trình Công nghệ và thiết bị dệt vải dệt kim / Nguyễn Thị Thảo (ch.b.), Lê Xuân Thắng. - H. : Lao động, 2025. - 217 tr. : minh họa ; 24 cm. - 79000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 216 s614479

1552. Phạm Văn Liệu. Giáo trình Công nghệ phun phủ / Phạm Văn Liệu, Nguyễn Văn Mùi (ch.b.), Trần Văn Hoàng. - H. : Lao động, 2025. - 287 tr. : minh họa ; 24 cm. - 98000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. - Thư mục: tr. 283-286 s614483

1553. Phường đúc Huế - Kiệt tác di sản : Dành cho thiếu nhi / Lời: Phương Bùi, Thành Nguyễn ; Tranh: NGART, Bùi Xuân Quỳnh. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s614819

SẢN XUẤT CHUYÊN DỤNG

1554. Chạm bạc Đồng Xâm - Gìn giữ tinh hoa : Dành cho thiếu nhi / Tranh: Ruốc Đặng ; Lời: Kim Dung. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 32 s614818

1555. Giáo trình Mô đun thiết kế, may áo sơ mi nam : Ngành, nghề: May thời trang. Trình độ: Trung cấp / Phan Thị Hồng Dung (ch.b.), Nguyễn Thị Thơ, Nguyễn Thị Phú... - H. : Bách khoa Hà Nội, 2025. - 69 tr. : minh họa ; 24 cm. - 55000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Trường Cao đẳng Kon Tum. - Lưu hành nội bộ. - Thư mục: tr. 69 s614914

1556. Làng rèn Vân Chàng - Lửa rèn còn mãi : Dành cho thiếu nhi / Lời: Phương Bùi, Thành Nguyễn ; Tranh: NGART, Bùi Xuân Quỳnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 31 s614813

1557. Lê Thị Thuý Ngà. Văn hoá doanh nghiệp trong tiến trình phát triển cộng đồng làng nghề hiện nay : Qua nghiên cứu trường hợp xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội : Sách chuyên khảo / Lê Thị Thuý Ngà ch.b. - H. : Lao động, 2025. - 211 tr. : minh họa ; 24 cm. - 99000đ. - 100b

Thư mục: tr. 199-211 s614463

1558. Thúng chai Phú Mỹ - Vườn khơi bát biển : Dành cho thiếu nhi / Lời: Phương Bùi, Thành Nguyễn ; Tranh: Bùi Xuân Quỳnh, NGART. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 31 s614815

1559. Trống Đọi Tam - Rền vang tiếng sấm / Lời: Phương Bùi, Thành Nguyễn ; Tranh: Ruốc Đăng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 31 s614816

NHÀ VÀ XÂY DỰNG

1560. Atlas về hư hỏng đối với công trình xây dựng - Phân loại và phân tích các dạng hư hỏng phát hiện trong các khối xây gạch = Damage Atlas - Classification and analyses of damage patterns found in brick masonry / L. Franke, I. Schumann, R. van Hees... ; Viện Bảo tồn di tích dịch ; Hiệu chỉnh: Đặng Khánh Ngọc... - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 259 tr. : ảnh màu, bảng ; 29 cm. - 200b

ĐTTS ghi: European Commission. Protection and Conservation of the European Heritage
s613628

1561. Làng mộc Chàng Sơn - Nét chạm của thời gian : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Lời: Phương Bùi, Thành Nguyễn ; Tranh: NGART. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 31 s614817

NGHỆ THUẬT, MỸ THUẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

1562. Âm nhạc 6 / Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hào (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 320000b s613341

1563. Âm nhạc 7 / Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (tổng ch.b.), Vũ Mai Lan (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8400đ. - 414335b s613334

1564. Âm nhạc 7 / Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hào (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 289000b s613342

1565. Âm nhạc 8 / Hoàng Long (tổng ch.b.), Vũ Mai Lan (ch.b.), Bùi Minh Hoa... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8900đ. - 250000b s613335

1566. Âm nhạc 8 / Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hào (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8900đ. - 336000b s613343

1567. Âm nhạc 9 / Hoàng Long (tổng ch.b.), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 67 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 8900đ. - 406011b s613336

1568. Âm nhạc 9 / Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hào (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8900đ. - 294000b s613344

1569. Âm nhạc 10 / Hồ Ngọc Khải (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Dung (ch.b.), Trần Đức... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 25000đ. - 19000b s613345
1570. Âm nhạc 11 / Hồ Ngọc Khải (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Dung (ch.b.), Trần Hoàng Thị Ái Cẩm... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 104 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 23000đ. - 11000b s613346
1571. Âm nhạc 12 / Hồ Ngọc Khải (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Dung (ch.b.), Trần Hoàng Thị Ái Cẩm... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : minh họa ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 22000đ. - 7000b s613347
1572. Ba Gàn. Làm bạn với nghệ thuật / Ba Gàn. - H. : Lao động, 2025. - 180 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Bùi Long Thành s614434
1573. Baby Three - 12 cung hoàng đạo / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s613432
1574. Baby Three - Giấc mơ cổ tích / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s613429
1575. Baby Three - Nữ thần đại dương / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s613431
1576. Baby Three - Thị trấn thơ Lily / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 24 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 20000đ. - 10000b s613430
1577. Bé ơi tô màu - 12 con giáp / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: Coloring book for kids s614362
1578. Bé ơi tô màu - Các loài hoa = Coloring book for kids / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s614360
1579. Bé ơi tô màu - Các loại quả = Coloring book for kids / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s614359
1580. Bé ơi tô màu - Công chúa dễ thương / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b
Tên sách tiếng Anh: Coloring book for kids s614361
1581. Bé ơi tô màu - Động vật = Coloring book for kids / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s614358
1582. Bé ơi tô màu - Phương tiện giao thông = Coloring book for kids / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 12000đ. - 5000b s614357
1583. Bé tô màu khủng long 2 / Trần An. - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 14000đ. - 3000b s613737
1584. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 / Hồ Ngọc Khải (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Dung (ch.b.), Trần Đức... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 48 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 8000đ. - 5000b s613348
1585. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 / Hồ Ngọc Khải (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Dung (ch.b.), Trần Hoàng Thị Ái Cẩm... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 59 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10000đ. - 4000b s613349

1586. Chuyên đề học tập Mỹ thuật 10 / Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị May. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 5000b s613374

1587. Dán giấy công chúa - Công chúa đáng yêu / Uyển Phương. - Tái bản lần 3. - H. : Mỹ thuật, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 27000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Trung: 美少女变装贴纸 s613583

1588. Dán hình thông minh : Sách tương tác vừa học vừa chơi : Cho bé 1 - 5 tuổi / Phạm Ngọc Diệp. - H. : Dân trí. - 23 cm. - 25000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 16 tr. : tranh màu s615004

1589. Dán hình thông minh : Sách tương tác vừa học vừa chơi : Cho bé 1 - 5 tuổi / Phạm Ngọc Diệp. - H. : Dân trí. - 23 cm. - 25000đ. - 2000b

T.2. - 2025. - 16 tr. : tranh màu s615005

1590. Dán hình thông minh : Sách tương tác vừa học vừa chơi : Cho bé 1 - 5 tuổi / Phạm Ngọc Diệp. - H. : Dân trí. - 23 cm. - 25000đ. - 2000b

T.3. - 2025. - 16 tr. : tranh màu s615006

1591. Dán hình thông minh : Sách tương tác vừa học vừa chơi : Cho bé 1 - 5 tuổi / Phạm Ngọc Diệp. - H. : Dân trí. - 23 cm. - 25000đ. - 2000b

T.4. - 2025. - 16 tr. : tranh màu s615007

1592. Đào Mai Trang. Song hành với nghệ thuật / Đào Mai Trang. - H. : Thế giới. - 23 cm. - 495000đ. - 500b

T.2. - 2025. - 318 tr. : ảnh màu s614300

1593. Giáo trình Lí thuyết âm nhạc cơ bản / Trần Bảo Lân (ch.b.), Nguyễn Đỗ Hiệp, Trần Quốc Ninh... - In lần thứ 4. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 207 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 95000đ. - 500b

Thư mục: tr. 203 s614882

1594. Giỏ bút màu và sticker của bé : Hơn 100 sticker / Ngân Hà. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2025. - 8 tr. : tranh vẽ ; 23x27 cm. - 39000đ. - 5000b s613673

1595. 284 sticker - Nông trại vui vẻ : Phát triển chỉ số IQ - EQ - CQ : 3 - 6 tuổi / Nguyệt Giang. - H. : Mỹ thuật, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 79000đ. - 5000b s613580

1596. 281 sticker - Giao thông thành phố : Phát triển chỉ số IQ - EQ - CQ : 3 - 6 tuổi / Nguyệt Giang. - H. : Mỹ thuật, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 79000đ. - 5000b s613579

1597. Hồ Lưu Phúc. Trồng Rabana trong văn hoá của người Chăm ở An Giang / Hồ Lưu Phúc. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 190 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 120000đ. - 200b

Thư mục: tr. 152-171. - Phụ lục: tr. 172-190 s614931

1598. Hộp bút màu và sticker của bé : Hơn 100 sticker / Ngân Hà. - H. : Mỹ thuật, 2025. - 8 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 39000đ. - 5000b s613333

1599. Làng gốm Bàu Trúc - Đất vàng trên cánh đồng thiêng : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Lời: Phương Bùi, Thành Nguyễn ; Tranh: Quốc Đặng, Bùi Xuân Quỳnh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 23 cm. - (Vang danh nghề cổ). - 40000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s614814

1600. Lipman, Joanne. Cây vĩ cầm cuồng nộ = Strings attached : Câu chuyện về một người thầy hà khắc và nghệ thuật hoàn thiện con người / Joanne Lipman, Melanie Kupchynsky ; Phạm

Linh dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Dân trí, 2025. - 343 tr., 26 tr. ảnh ; 24 cm. - 199000đ. - 500b s615044

1601. Little learners colorful words : Picture book / Vinschool Royal City Kindergarten. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 61 p. : ill. ; 20 cm. - 138000đ. - 500 copies s613832

1602. Mĩ thuật 6 / Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (tổng ch.b.), Nguyễn Tuấn Cường (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 10100đ. - 414000b s613356

1603. Mĩ thuật 7 / Nguyễn Thị May (tổng ch.b.), Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Trần Đoàn Thanh Ngọc, Lâm Yến Như. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 10000đ. - 69000b s613360

1604. Mĩ thuật 7 / Nguyễn Thị Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 10100đ. - 300000b s613357

1605. Mĩ thuật 7 / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 10000đ. - 199308b s613366

1606. Mĩ thuật 8 / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Đoàn Thị Mỹ Hương (ch.b.), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 71 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 9000đ. - 241363b s613367

1607. Mĩ thuật 8 / Nguyễn Dương Hải Đăng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 9900đ. - 324000b s613358

1608. Mĩ thuật 8 / Nguyễn Thị May (tổng ch.b.), Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Nguyễn Văn Bình... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 9900đ. - 99000b s613361

1609. Mĩ thuật 9 / Nguyễn Thị May (tổng ch.b.), Hoàng Minh Phúc (ch.b.), Nguyễn Văn Bình... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 76 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 2). - 9900đ. - 73000b s613362

1610. Mĩ thuật 9 / Nguyễn Thị Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Tuấn Cường (ch.b.), Nguyễn Dương Hải Đăng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 75 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo; Bản 1). - 9900đ. - 301000b s613359

1611. Mĩ thuật 10 - Thiết kế công nghiệp / Nguyễn Xuân Nghị (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh (ch.b.), Đỗ Đình Tuyên. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 5000b s613368

1612. Mĩ thuật 11 - Thiết kế đồ hoạ / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 4000b s613369

1613. Mĩ thuật 12 - Đồ hoạ (tranh in) / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 500b s613373

1614. Mĩ thuật 12 - Lí luận và lịch sử mĩ thuật / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.), Đoàn Thị Mỹ Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 7000b s613372

1615. Mĩ thuật 12 - Thiết kế đồ hoạ / Đinh Gia Lê (tổng ch.b.), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (ch.b.), Vương Quốc Chính. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 6000đ. - 11000b s613371

1616. 100++ ý tưởng sáng tạo vẽ tranh bằng vân tay - Động vật : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Woye ; Hà Giang dịch. - In lần thứ 3. - H. : Tri thức, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 145000đ. - 1000b s614992

1617. 100++ ý tưởng sáng tạo vẽ tranh bằng vân tay - Thực vật : Dành cho trẻ em từ 3 - 10 tuổi / Woye ; Hà Giang dịch. - In lần thứ 3. - H. : Tri thức, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 145000đ. - 1000b s614991

1618. Nếu một mai thức dậy, ta nhỏ lại xíu xiu : Sách tô màu / Doris Ong. - H. : Thế giới, 2025. - 103 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 125000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Ông Thị Thảo Hân s615799

1619. Nghệ thuật để làm gì? / DK ; Minh Hà dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 127 tr. ; 27 cm. - 135000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: What's the point of art? s613644

1620. Nguyễn Bình Định. Các phương thức ký âm trên thế giới và vấn đề ký âm nhạc truyền thống Việt Nam / Nguyễn Bình Định. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 479 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 437-442. - Phụ lục: tr. 443-477 s615162

1621. Nguyễn Phúc An. Đờn ca tài tử : Khảo luận / Nguyễn Phúc An. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 511 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 459-491. - Thư mục: tr. 497-506 s615238

1622. Nguyễn Văn Phương. Triết học nghệ thuật : Sách chuyên khảo / Nguyễn Văn Phương. - H. : Lao động. - 24 cm. - 585000đ. - 500b

T.1: Đại cương và diễn trình Triết học nghệ thuật. - 2025. - 284 tr. : bảng, sơ đồ. - Thư mục: tr. 280-282 s614488

1623. Những họa tiết mãn nhãn : Liệu pháp tô màu thư giãn và nuôi dưỡng sự tập trung / Ngô Hậu. - H. : Thế giới, 2025. - 64 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 68000đ. - 2000b s614312

1624. One piece Lucky 77 : Bộ sưu tập Postcard & giấy nhấn kèm tranh vẽ : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Eiichiro Oda ; Thuý Kim dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 156 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 99000đ. - 2000b s615414

1625. Sách dán hình đầu đời cho bé - Khủng long : Hơn 40 hình dán / Ngân Hà dịch. - H. : Mỹ thuật, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 45000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: My first sticker book - Dinosaurs s613582

1626. Sách dán hình đầu đời cho bé - Unicorns : Hơn 40 hình dán / Ngân Hà dịch. - H. : Mỹ thuật, 2025. - 8 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 45000đ. - 5000b

Tên sách tiếng Anh: My first sticker book - Unicorns s613581

1627. Stevenson, Robin. Thời thơ ấu của các huyền thoại âm nhạc - Chuyện thật chưa kể : Dành cho lứa tuổi 7+ / Robin Stevenson ; Minh họa: Allison Steinfeld ; Hồng Anh dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 215 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 55000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Kid musicians s614722

1628. Sticker tô màu - Capybara chăm học / @LANT, Tiểu Tranh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 12 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 24000đ. - 100000b s613707

1629. Thiện Nhân. Tập chép nhạc / Thiện Nhân. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 22 tr. ; 27 cm. - 15000đ. - 5000b s613424
1630. Tiệm postcard trong khu rừng nhỏ / Ida Chiaki ; Chi Chi dịch. - H. : Hồng Đức, 2025. - 58 tr. : tranh vẽ ; 15x23 cm. - 69000đ. - 2000b s615732
1631. Tô màu các loài chim : 3 - 6 tuổi / Trần An. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Khám phá thế giới xung quanh). - 12000đ. - 5000b s613740
1632. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Phạm Ngọc Điệp. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s615063
1633. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Phạm Ngọc Điệp. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b
T.4. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s615064
1634. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Phạm Ngọc Điệp. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b
T.5. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s615065
1635. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Phạm Ngọc Điệp. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b
T.7. - 2025. - 20 tr. : tranh vẽ s615066
1636. Tô màu phát triển não bộ cho bé 1 - 5 tuổi : Làm quen với từ vựng song ngữ Việt - Anh... / Minh họa: Trịnh Hương Anh. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 16000đ. - 5000b
T.8. - 2025. - 19 tr. : tranh vẽ s615067
1637. Tô màu phương tiện giao thông : 3 - 6 tuổi / Trần An. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Khám phá thế giới xung quanh). - 12000đ. - 5000b s613741
1638. Tô màu sinh vật biển : 3 - 6 tuổi / Trần An. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Khám phá thế giới xung quanh). - 12000đ. - 5000b s613738
1639. Tô màu trái cây : 3 - 6 tuổi / Trần An. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Khám phá thế giới xung quanh). - 12000đ. - 5000b s613739
1640. Tô màu vật dụng trong gia đình : 3 - 6 tuổi / Trần An. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 16 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Khám phá thế giới xung quanh). - 12000đ. - 5000b s613742
1641. Triết học phổ thông bằng tranh - Nghệ thuật : Dành cho lứa tuổi 10+ / Martine Gasparov, Émilie Boudet ; Hoàng Nhụy dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 40000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Pháp: Toute la philo en BD : L'art s614756
1642. Tuyển tập dân ca người Việt / Tuyển chọn, giới thiệu: Hoàng Anh Tuấn, Văn Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1: Dân ca. - 2025. - 399 tr. s615239
1643. Tuyển tập dân ca người Việt / Tuyển chọn, giới thiệu: Hoàng Anh Tuấn, Văn Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2: Dân ca. - 2025. - 431 tr. - Thư mục: tr. 429-430 s615240

1644. Vĩnh Phúc. Tuyển tập nghiên cứu và phê bình âm nhạc truyền thống Việt Nam / Vĩnh Phúc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2: Nghiên cứu. - 2025. - 199 tr. : ảnh s615310
1645. Yêu quá Việt Nam - Các loài hoa / Lời: Minh Trang ; Tranh: Quỳnh Hương, Ain. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 2000b s614977
1646. Yêu quá Việt Nam - Di sản / Lời: Minh Trang ; Tranh: Quỳnh Hương. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 2000b s614979
1647. Yêu quá Việt Nam - Lễ hội / Lời: Minh Trang ; Tranh: Ain. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 2000b s614978
1648. Yêu quá Việt Nam - Món ngon ba miền / Lời: Minh Trang ; Tranh: Ain. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 2000b s614980
1649. Yêu quá Việt Nam - Trang phục truyền thống / Lời: Minh Trang ; Tranh: Phạm Lê Thu Trang. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 2000b s614975
1650. Yêu quá Việt Nam - Trò chơi dân gian / Lời: Minh Trang ; Tranh: Ain. - H. : Tri thức, 2025. - 23 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Sáng tạo). - 25000đ. - 2000b s614976

THỂ THAO, NGHỆ THUẬT VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ BIỂU DIỄN

1651. 300 trò chơi tư duy của sinh viên trường Đại học Harvard : Nhận biết hình dạng. Tư duy không gian. Tư duy lô gích. Tư duy số học. Suy luận / Hoài Nha dịch. - Tái bản. - H. : Dân trí, 2025. - 252 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 200000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Keep your mind fit s615075
1652. Càng chơi càng thông minh : 2 - 3 tuổi / Chi Chi dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 156 tr. : hình vẽ ; 17x19 cm. - (Giúp bé rèn luyện tư duy qua 1600 câu đố). - 85000đ. - 2000b s615596
1653. Càng chơi càng thông minh : 3 - 4 tuổi / Chi Chi dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 156 tr. : hình vẽ ; 17x19 cm. - (Giúp bé rèn luyện tư duy qua 1600 câu đố). - 85000đ. - 2000b s615595
1654. Càng chơi càng thông minh : 4 - 5 tuổi / Chi Chi dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 156 tr. : hình vẽ ; 17x19 cm. - (Giúp bé rèn luyện tư duy qua 1600 câu đố). - 85000đ. - 2000b s615598
1655. Càng chơi càng thông minh : 5 - 6 tuổi / Chi Chi dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 156 tr. : hình vẽ ; 17x19 cm. - (Giúp bé rèn luyện tư duy qua 1600 câu đố). - 85000đ. - 2000b s615597
1656. Charlie Chaplin : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Park Yeonah ; Tranh: ChungBe Studios ; Nguyễn Thị Thẩm dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng, 2025. - 149 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 55000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Who? Charlie Chaplin. - Phụ lục cuối chính văn s614710
1657. Đoàn Văn công Giải phóng R - Một dấu ấn lịch sử / B.s.: Lê Minh Quốc, Phạm Minh Tuấn, Phi Yến... - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 540 tr. : ảnh ; 27 cm. - 350000đ. - 200b

ĐTTS ghi: Sở Văn hoá và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Câu lạc bộ Truyền thống kháng chiến Văn công giải phóng. - Thư mục: tr. 538-540 s613794

1658. Giáo dục thể chất 6 / Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Ngô Việt Hoàn (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 112 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 15300đ. - 168000b s613238

1659. Giáo dục thể chất 6 / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Lưu Trí Dũng (ch.b.), Lê Minh Chí... - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 108 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 15000đ. - 269000b s613233

1660. Giáo dục thể chất 7 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Hồ Đắc Sơn (ch.b.), Vũ Tuấn Anh... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 91 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13800đ. - 165000b s613239

1661. Giáo dục thể chất 7 / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Lưu Trí Dũng (ch.b.), Lê Minh Chí... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13800đ. - 242000b s613234

1662. Giáo dục thể chất 8 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Hồ Đắc Sơn (ch.b.), Vũ Tuấn Anh... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13700đ. - 215000b s613240

1663. Giáo dục thể chất 9 / Nguyễn Duy Quyết (tổng ch.b.), Hồ Đắc Sơn (ch.b.), Vũ Tuấn Anh... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 95 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13600đ. - 190000b s613241

1664. Giáo dục thể chất 9 / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Lưu Trí Dũng (ch.b.), Lê Minh Chí... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 100 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 13600đ. - 245000b s613235

1665. Giáo dục thể chất 11 - Bóng chuyền / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phạm Thị Lệ Hằng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 56 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 9100đ. - 70445b s613243

1666. Giáo dục thể chất 11 - Bóng rổ / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Trần Phúc. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 64 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 37262b s613242

1667. Giáo dục thể chất 11 - Bóng rổ / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phạm Thị Lệ Hằng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 72 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 13000đ. - 29000b s613244

1668. Giáo dục thể chất 12 - Bóng chuyền / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phạm Thị Lệ Hằng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 60 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 11000đ. - 30000b s613245

1669. Giáo dục thể chất 12 - Cầu lông / Trịnh Hữu Lộc (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hùng (ch.b.), Phạm Thị Lệ Hằng... - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 68 tr. : bảng, tranh vẽ ; 27 cm. - (Kết nối tri thức với cuộc sống). - 12000đ. - 29000b s613246

1670. Giáo trình Thể dục nhịp điệu (Aerobic) / Trần Thị Thu, Nguyễn Kế Bình (ch.b.), Đỗ Thị Thùy Linh... - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 179 tr. : minh họa ; 24 cm. - 150000đ. - 100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Tây Nguyên. - Thư mục: tr. 170. - Phụ lục: tr. 171-175 s614212

1671. Giáo trình Vovinam : Dùng cho sinh viên chuyên ngành Huấn luyện thể thao / Võ Quốc Thắng, Nguyễn Thành Ngọc (ch.b.), Nguyễn Hoàng Tấn, Phạm Thị Kim Liên. - H. : Thể thao và Du lịch. - 24 cm. - 230000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Trường Đại học Thể dục Thể thao Tp. Hồ Chí Minh

T.1. - 2025. - 332 tr. : minh hoạ s614213

1672. Giáo trình Vovinam : Dùng cho sinh viên chuyên ngành Huấn luyện thể thao / Võ Quốc Thắng, Nguyễn Thành Ngọc (ch.b.), Nguyễn Hoàng Tấn, Phạm Thị Kim Liên. - H. : Thể thao và Du lịch. - 24 cm. - 230000đ. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Trường Đại học Thể dục Thể thao Tp. Hồ Chí Minh

T.2. - 2025. - 309 tr. : minh hoạ. - Phụ lục: tr. 279-302 s614214

1673. Hoàng Châu Ký. Văn học tuồng / Hoàng Châu Ký ch.b. ; S.t.: Nguyễn Xuân Yển, Bùi Duy Tân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1. - 2024. - 615 tr. s615230

1674. Hoàng Châu Ký. Văn học tuồng / Hoàng Châu Ký ch.b. ; S.t.: Nguyễn Xuân Yển, Bùi Duy Tân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2. - 2024. - 431 tr. s615231

1675. Hoàng Châu Ký. Văn học tuồng / Hoàng Châu Ký ch.b. ; S.t.: Nguyễn Xuân Yển, Bùi Duy Tân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.3. - 2024. - 463 tr. s615232

1676. Kỹ thuật và phương pháp giảng dạy bơi thể thao : Tài liệu tham khảo dành cho sinh viên Trường Đại học Ngoại thương / B.s.: Nguyễn Bảo Long, Trần Đình Tường (ch.b.), Nguyễn Phương Linh, Đặng Hải Linh. - H. : Thể thao và Du lịch, 2025. - 208 tr. : minh hoạ ; 21 cm. - 100b

Thư mục: tr. 200-202 s614642

1677. Mông ai đây? : Sách lật tương tác song ngữ 0 - 3 tuổi / Yusuke Yonezu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 14 tr. : tranh màu ; 17 cm. - 96000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Bottoms up! s615751

1678. Ngôn ngữ trong thể thao Việt - Hán / Ch.b.: Lan Lan, Lei Jun, Đinh Quang Học... - H. : Lao động, 2025. - 193 tr. : ảnh ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 体育汉语. - Thư mục: tr. 193 s614478

1679. Nguyễn Hữu Huân. Cờ vua học đường 7 / Nguyễn Hữu Huân ch.b. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 55 tr. : minh hoạ ; 27 cm. - 50000đ. - 1000b s613465

1680. Trần Lan Hương. Lý thuyết môn Bóng rổ / Trần Lan Hương (ch.b.), Thái Việt Hưng, Nguyễn Trường Đông. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Hồng Đức, 2025. - 28 tr. : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - 23000đ. - 102000b s614548

1681. Văn học tuồng / Xuân Yển s.t., b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.4. - 2024. - 487 tr. s615233

1682. Văn học tuồng / Xuân Yển s.t., b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.5. - 2024. - 391 tr. s615234

1683. Văn học tuổi / Xuân Yến s.t., b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.6. - 2024. - 455 tr. s615235

1684. Văn học tuổi / Xuân Yến s.t., b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.7. - 2024. - 573 tr. s615236

VĂN HỌC, TU TỪ HỌC VÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

1685. Amy Trương. Chưa kịp lớn đã phải trưởng thành = 还没长大就要学着成熟了:
Phiên bản song ngữ Việt - Trung / Amy Trương ; Thuý Tiên dịch. - H. : Kim Đồng. - 17 cm. -
79000đ. - 1000b

Chính văn bằng 2 thứ tiếng: Việt - Trung

Q.2. - 2025. - 211 tr. s615721

1686. Anh Chi. Luận về văn mạch Việt - Nghiên cứu và tiểu luận văn học / Anh Chi. - H.
: Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

Q.2. - 2025. - 319 tr. s615325

1687. Aquahero - Những hộ vệ biển cả / Nguyễn Bảo Khanh. - H. : Tri thức, 2025. - 95
tr. : tranh màu ; 21 cm. - 250000đ. - 200b s614950

1688. Astro boy Atom - Cậu bé tay sắt : Truyện tranh / Tezuka Osamu ; AnHD dịch. - H.
: Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 5000b

T.4. - 2025. - 463 tr. : tranh vẽ s615491

1689. Astro boy Atom - Cậu bé tay sắt : Truyện tranh / Tezuka Osamu ; AnHD dịch. - H.
: Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 5000b

T.5. - 2025. - 416 tr. : tranh vẽ s615492

1690. Astro boy Atom - Cậu bé tay sắt : Truyện tranh / Tezuka Osamu ; AnHD dịch. - H.
: Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 4700b

T.6. - 2025. - 411 tr. : tranh vẽ s615493

1691. Attack on Titan : Truyện tranh : 18+ / Hajime Isayama ; Thế Đăng dịch. - Tp. Hồ
Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 80000đ. - 8000b

T.34. - 2025. - 247 tr. : tranh vẽ s615841

1692. Attack on Titan : Truyện tranh : 18+ / Hajime Isayama ; Thế Đăng dịch. - Tp. Hồ
Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 48000đ. - 9000b

T.34. - 2025. - 247 tr. : tranh vẽ s615840

1693. Ba và Mẹ : Truyện tranh : 3+ / Hideko Nagano ; Lê Hiền dịch ; Tống Linh h.đ. - H.
: Thế giới, 2025. - 30 tr. : tranh màu ; 30 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 65000đ. - 5000b
s613681

1694. Bạch Lê Văn Nguyên. Nắng Cam Ranh / Bạch Lê Văn Nguyên. - Tái bản lần thứ 2.
- H. : Công an nhân dân, 2025. - 299 tr. : ảnh ; 21 cm. - 95000đ. - 2000b s614049

1695. Bạch Tử Ngọc. Rồi mai sau có duyên sẽ gặp lại / Bạch Tử Ngọc ; Nguyễn Lưu Ngọc
dịch. - H. : Lao động, 2025. - 216 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 109000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 还会再见吗 s614435

1696. Bài thể dục chữ số : Truyện tranh : Dành cho tuổi 1+ / Thiên Tâm ; Tranh: Bluey. - H. : Kim Đồng, 2025. - 17 tr. : tranh màu ; 13 cm. - (Bé thông minh - Chơi cùng số đếm). - 45000đ. - 3000b s615562

1697. Bàn Thị Ba. Xuân cao nguyên : Thơ / Bàn Thị Ba. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 92 tr. ; 24 cm. - 129000đ. - 1000b s614897

1698. Bạn của đêm : Tranh truyện Ehon Nhật Bản : 3+ / Kazuo Iwamura ; Lê Hiền dịch ; Tổng Linh h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 60000đ. - 5000b s614305

1699. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 3800b
T.10. - 2025. - 210 tr. : tranh vẽ s615434

1700. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 3400b
T.11. - 2025. - 211 tr. : tranh vẽ s615435

1701. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 3800b
T.12. - 2025. - 252 tr. : tranh vẽ s615436

1702. Bảng xếp hạng quân vương : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Sousuke Toka ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 3200b
T.13. - 2025. - 215 tr. : tranh vẽ s615437

1703. Bảo vệ siêu sao của tôi : Truyện tranh : 14+ / Lục Lục Lục Tương ; Baojie dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 保护我方大大

T.3. - 2025. - 197 tr. : tranh màu s614411

1704. Bảy chuyện kể về hậu duệ của rồng = Seven little sons of the dragon : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Ryoko Kui ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 55000đ. - 4000b

T.1. - 2025. - 254 tr. : tranh vẽ s615658

1705. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.6: Sai lầm của Bulma. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615504

1706. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.7: Theo dấu tướng quân Blue. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615505

1707. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.8: Đột kích đại bản doanh Red Ribbon. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615506

1708. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.9: Bà thầy bói. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615507

1709. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.11: Trận đấu đỉnh cao. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615508

1710. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b

- T.12: Đại ma vương Piccolo. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615509
1711. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.13: Son Goku trả thù. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s615510
1712. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.14: Bước đại nhảy vọt. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615511
1713. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.15: Anh hùng hảo hán. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615512
1714. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.17: Mối đe dọa ngoài không gian. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615513
1715. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.18: Son Gohan và đại ma vương Piccolo. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615514
1716. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.19: Nhanh lên, Son Goku!. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615515
1717. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.21: Hướng về Namek. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615516
1718. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.24: Goku hay Ginyu!?. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615517
1719. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.26: Son Goku hồi phục. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615518
1720. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.28: Cậu thiếu niên đến từ tương lai. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615519
1721. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.35: Tạm biệt người anh em. - 2025. - 181 tr. : tranh vẽ s615520
1722. 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Barbie Ayumi h.đ. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.40: Vũ khí cuối cùng của Trái Đất. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s615521
1723. Bảy viên ngọc rồng "F" hồi sinh : Truyện tranh = Dragon ball Z : Anime comics : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng, 2025. - 357 tr. : tranh màu ; 18 cm. - 120000đ. - 2000b s615604
1724. Bảy viên ngọc rồng siêu cấp Broly = Dragon ball super Anime comics : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng, 2025. - 350 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 120000đ. - 2000b s615602

1725. Bắc Phong Vị Miên. Anh đến cùng ánh sao trời / Bắc Phong Vị Miên ; Linh Phương dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 他来时有星光

T.1. - 2025. - 474 tr. s614420

1726. Beyond us / Sunshine Village Academy. - H. : Công Thương, 2025. - 42 p. : color phot. ; 21 cm. - 69000đ. - 1000 copies s613850

1727. Bí mật quả cầu tím : Truyện tranh / Tống Việt Hạnh, Nguyễn Thị Quỳnh Ly, Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Thị Mai Thanh. - H. : Thế giới, 2025. - 184 tr., 19 tr. tranh vẽ : tranh màu ; 19 cm. - 2826b

ĐTTS ghi: Tổng công ty Điện lực miền Bắc s615770

1728. Bình nước nghỉ ngơi chốc lát : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614742

1729. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 6000b

T.10: Chỉ một điều duy nhất. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s615335

1730. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5900b

T.11: Cảm xúc mạnh mẽ nhất. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615336

1731. Blue box : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kouji Miura ; Nhi An dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 5900b

T.12: Có chuyện muốn nói. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615337

1732. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 30000b

T.27. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615333

1733. Bluelock : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Muneyuki Kaneshiro ; Minh họa: Yusuke Nomura ; Yoda dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 34000b

T.28. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s615334

1734. Bông vàng tìm mẹ : Truyện tranh : Dành cho tuổi 1+ / Quỳên Gavoye ; Tranh: Bluey. - Tái bản lần 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 17 tr. : tranh màu ; 13 cm. - (Bé thông minh - Đoán xem tớ là ai!). - 45000đ. - 2000b s615559

1735. Bulgakov, Mikhail. Trái tim chó / Mikhail Bulgakov ; Đoàn Tử Huyền dịch. - H. : Lao động, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 1200b

Dịch từ nguyên bản tiếng Nga: м. Булгаков. собачье сердце s614363

1736. Burgess, Thornton W. Chuyện phiêu lưu của Cáo Đỏ : Hãy đọc từ tôi! Cáo Đỏ / Thornton W. Burgess ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 124 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hơi thở đồng xanh; T.1). - 120000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Reddy Fox. - Bút danh dịch giả: Roger Vu s614499

1737. Burgess, Thornton W. Chuyện phiêu lưu của Chim Nhại / Thornton W. Burgess ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 106 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hơi thở đồng xanh; T.5). - 115000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Mr. Mocker. - Bút danh dịch giả: Roger Vu s614503

1738. Burgess, Thornton W. Chuyện phiêu lưu của Chồn Possum / Thornton W. Burgess ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 104 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hơi thở đồng xanh; T.4). - 115000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Unc' Billy Possum. - Bút danh dịch giả: Roger Vu s614502

1739. Burgess, Thornton W. Chuyện phiêu lưu của chuột chũi Johnny / Thornton W. Burgess ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 128 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hơi thở đồng xanh; T.2). - 120000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Johnny Chuck. - Bút danh dịch giả: Roger Vu s614500

1740. Burgess, Thornton W. Chuyện phiêu lưu của Chuột đồng Danny / Thornton W. Burgess ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 107 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hơi thở đồng xanh; T.7). - 115000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Danny Meadow Mouse. - Bút danh dịch giả: Roger Vu s614505

1741. Burgess, Thornton W. Chuyện phiêu lưu của Chuột Xạ Jerry / Thornton W. Burgess ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 108 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hơi thở đồng xanh; T.6). - 115000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Jerry Muskrat. - Bút danh dịch giả: Roger Vu s614504

1742. Burgess, Thornton W. Chuyện phiêu lưu của GiàẾch / Thornton W. Burgess ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 112 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hơi thở đồng xanh; T.8). - 115000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Grandfather Frog. - Bút danh dịch giả: Roger Vu s614506

1743. Burgess, Thornton W. Chuyện phiêu lưu của Sóc lạch tạch / Thornton W. Burgess ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 103 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hơi thở đồng xanh; T.9). - 115000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Chatterer Red Squirrel. - Bút danh dịch giả: Roger Vu s614507

1744. Burgess, Thornton W. Chuyện phiêu lưu của thỏ Peter / Thornton W. Burgess ; Vũ Danh Tuấn dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Lao động, 2025. - 121 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Hơi thở đồng xanh; T.3). - 120000đ. - 1500b

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The adventures of Peter Cottontail. - Bút danh dịch giả: Roger Vu s614501

1745. Burnett, Frances Hodgson. Nàng công chúa nhỏ : Tiểu thuyết / Frances Hodgson Burnett ; Phan Ái Hân dịch. - H. : Lao động, 2025. - 331 tr. ; 21 cm. - 138000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The little princess s614399

1746. Busch, Wilhelm. Mập và Mực - Chuyện hai thằng oái oăm cùng bày trò chơi khăm : Dành cho lứa tuổi 8+ / Wilhelm Busch ; Chu Thu Phương dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 70 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Văn học Đức. Tác phẩm chọn lọc). - 35000đ. - 1500b

Dịch theo bản tiếng Đức: Max und Moritz - Eine Bubengeschichte in sieben Streichen s615574

1747. Cá ngựa làm sao vậy? : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Lời: Mai Anh Đoàn ; Tranh: Rán Art. - H. : Kim Đồng, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Đại dương thủ thi). - 50000đ. - 2000b s614806

1748. Cá Voi tìm ngôi sao : Truyện tranh : Dành cho tuổi 1+ / Quyên Gavoye ; Tranh: Bluey. - Tái bản lần 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 17 tr. : tranh màu ; 13 cm. - (Bé thông minh - Đoán xem tớ là ai!). - 45000đ. - 2000b s615560

1749. Cao Bá Quát. Tuyển tập Cao Bá Quát / B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1: Tuyển tập thơ. - 2024. - 475 tr. s615203

1750. Cao Mai Trang. Bé yêu Tổ quốc / Cao Mai Trang ; Minh hoạ: Nhật Ánh Phạm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 55 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 70000đ. - 2000b s614008

1751. Carlo Zen. Tanya chiến ký / Carlo Zen ; Minh hoạ: Shinobu Shinotuki ; Sinh Tố dịch ; Dương Gia Thịnh h.đ. - H. : Nxb. Hà Nội. - 21 cm. - 249000đ. - 2000b

T.5: Abyssus Abyssum Invocat. - 2025. - 520 tr. : tranh vẽ s615744

1752. Cát Đen. Mở cửa trái tim : Thơ / Cát Đen. - H. : Hồng Đức, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 54000đ. - 500b

Tên thật tác giả: Nguyễn Đức Quang s614565

1753. Cặp sách muốn nghỉ xuân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Tiểu Tuệ dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614733

1754. Cát cao giọng hát : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Morio Shiota ; Lời: Tomoko Sakura ; Trần Trần dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Bầy chú ếch con; T.3). - 40000đ. - 2000b s614765

1755. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 25000b

T.22. - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s615623

1756. "Cậu" ma nhà xí Hanako : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / AidaIro ; Độc giả dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 25000b

T.23. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615624

1757. Cecilia & Lawrence : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hazano Kazutake ; Miếu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 40000đ. - 2000b

T.1. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s615679

1758. Cecilia & Lawrence : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hazano Kazutake ; Miếu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 40000đ. - 2000b

T.9. - 2025. - 153 tr. : tranh vẽ s615680

1759. Cecilia & Lawrence : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hazano Kazutake ; Miếu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 40000đ. - 2000b

T.10. - 2025. - 156 tr. : tranh vẽ s615681

1760. Cecilia & Lawrence : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hazano Kazutake ; Miếu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 40000đ. - 2000b

T.11. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s615682

1761. Cecilia & Lawrence : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Hazano Kazutake ; Miêu Mạn dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 40000đ. - 2000b
T.12. - 2025. - 140 tr. : tranh vẽ s615683
1762. Chẳng thể là yêu : Truyện tranh : 17+ / Hagi ; Đỗ Nguyên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 149 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 65000đ. - 1000b s615754
1763. Châu La Việt. Tiếng chim rừng và đất lửa Tây Ninh : Trường ca / Châu La Việt. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H. : Quân đội Nhân dân, 2025. - 232 tr. : hình vẽ, ảnh ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b s614068
1764. Chiếc răng của bé cá mập : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Lời: Mai Anh Đoàn ; Tranh: Rán Art. - H. : Kim Đồng, 2025. - 32 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Đại dương thủ thi). - 50000đ. - 2000b s614807
1765. Chinh phục đọc hiểu và làm văn Ngữ văn 10 : 50 đề thi ngữ liệu mở, thiết kế đúng định hướng ra đề hiện nay / Nguyễn Thị Thúy Nga, Bùi Thị Ngọc Trâm, Lương Thảo Tâm. - H. : Dân trí, 2025. - 258 tr. : bìa ; 24 cm. - 170000đ. - 15000b s615035
1766. Chinh phục Ngữ văn 6 : Kỹ năng đọc hiểu viết theo các thể loại / Đỗ Thị Thu Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 30 cm. - 109000đ. - 2700b
T.1. - 2025. - 195 tr. : minh hoạ s613731
1767. Chinh phục Ngữ văn 6 : Kỹ năng đọc hiểu và viết theo các thể loại / Đỗ Thị Thu Hà. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 30 cm. - 109000đ. - 2700b
T.2. - 2025. - 175 tr. : ảnh, bảng s613732
1768. Cho con ăn vặt nhé! : Truyện tranh : Dành cho tuổi mẫu giáo / Georgie Birkett ; Hà Linh dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 50000đ. - 2000b s614825
1769. Chú chó gác sao : Truyện tranh / Takashi Murakami ; Phong dịch. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 60000đ. - 1000b
T.1. - 2025. - 127 tr. : tranh vẽ s614553
1770. Chú chó gác sao : Truyện tranh / Takashi Murakami ; Phong dịch. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 60000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s614554
1771. Chú sè con và bông hoa bằng lăng : Phiên bản sách tranh : Dành cho lứa tuổi 4+ / Phạm Hồ ; Minh hoạ: Bùi Xuân Quỳnh. - H. : Kim Đồng, 2025. - 29 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Những truyện hay viết cho thiếu nhi). - 40000đ. - 2000b s614670
1772. Chú thuật hồi chiến : Limited edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 65000đ. - 10000b
T.25. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s615627
1773. Chú thuật hồi chiến : Special edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 18000b
T.25. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s615629
1774. Chú thuật hồi chiến : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Gege Akutami ; Vũ Trụ 19 dịch ; Liên Vũ h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 32000b
T.25: Quyết chiến tại tử địa Shinjuku. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s615628
1775. Chúa tể bóng tối : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Daisuke Aizawa ; Tranh: Anri Sakano ; Tanpopo Team dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 152 tr. : tranh vẽ s615338

1776. Chúa tể bóng tối : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Daisuke Aizawa ; Tranh: Anri Sakano ; Tanpopo Team dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b

T.5. - 2025. - 146 tr. : tranh vẽ s615340

1777. Chúa tể bóng tối : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Daisuke Aizawa ; Tranh: Anri Sakano ; Tanpopo Team dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b

T.6. - 2025. - 140 tr. : tranh vẽ s615341

1778. Chúa tể bóng tối : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Daisuke Aizawa ; Tranh: Anri Sakano ; Hải Đường dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 7000b

T.11. - 2025. - 142 tr. : tranh vẽ s615342

1779. Chúa tể bóng tối : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Daisuke Aizawa ; Tranh: Anri Sakano ; Hải Đường dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 6000b

T.12. - 2025. - 142 tr. : tranh vẽ s615343

1780. Chung Tiến Lực. Hà Nội và tôi : Tản văn / Chung Tiến Lực. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 148 tr. ; 19 cm. - 49000đ. - 1187b s615800

1781. Chuyến bay đầu tiên : Truyện tranh : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Ngô Thuỳ Quyên. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Những truyện hay cho bé - Nào mình cùng đi!). - 8000đ. - 1000b s613378

1782. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 3700b

T.17: Móng vuốt của ký ức. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615826

1783. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 3700b

T.18: Tro tàn vùng Lautrec. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615827

1784. Claymore : Truyện tranh : 18+ / Norihiro Yagi ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 40000đ. - 4000b

T.19: Ảo ảnh trong tim. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615828

1785. Cô bé Dorami : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng, 2025. - 227 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 35000đ. - 10000b s615446

1786. Cô bé Dorami : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng, 2025. - 227 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 30000đ. - 8000b s615445

1787. Cô giáo của chúng em : Truyện tranh : Dành cho thiếu nhi / Sabina Colloredo ; Minh hoạ: Serena Mabilia ; Dịch: Thuý Vân, Minh Khuê. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 27 cm. - 45000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Ciao Maestra s613641

1788. Công nữ Anio : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Koshiya Katsuji ; Minh hoạ: Lưu Đình Thắng ; Dịch: N & V Bridge Group. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 25000đ. - 2000b s614648

1789. Cú đấm phúc âm : Truyện tranh : 16+ / Rumiko Takahashi ; Quỳnh Hương dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 234 tr. : tranh vẽ s615844

1790. Cú đấm phúc âm : Truyện tranh : 16+ / Rumiko Takahashi ; Quỳnh Hương dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b

- T.2. - 2025. - 224 tr. : tranh vẽ s615845
1791. Cùng đi ngắm tuyết : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Morio Shiota ; Lời: Tomoko Sakura ; Trần Trân dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Bầy chú ếch con; T.4). - 40000đ. - 2000b s614766
1792. Cuộc phiêu lưu của hươu cao cổ : Truyện tranh : Dành cho tuổi 1+ / Thiên Tâm ; Tranh: Bluey. - H. : Kim Đồng, 2025. - 17 tr. : tranh màu ; 12 cm. - (Bé thông minh - Chơi cùng số đếm). - 45000đ. - 3000b s615564
1793. Cừu Văn Vờ. Ca dao ngày nầy ngày nay : Bắt trend ngoài vỏ, sâu cay trong lòng / Cừu Văn Vờ. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 162 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 79000đ. - 1000b
Tên thật tác giả: Vũ Ngọc Ngân Giang s615783
1794. Daisuke Aizawa. Chúa tể bóng tối : Dành cho lứa tuổi 18+ / Daisuke Aizawa ; Minh hoạ: Touzai ; Tanpopo Team dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 19 cm. - 128000đ. - 1500b
T.4. - 2025. - 422 tr. : tranh vẽ s615339
1795. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 18 cm. - 30000đ. - 1500b
T.28. - 2025. - 209 tr. : tranh vẽ s615487
1796. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 18 cm. - 30000đ. - 1500b
T.29. - 2025. - 211 tr. : tranh vẽ s615488
1797. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 18 cm. - 30000đ. - 1500b
T.30. - 2025. - 206 tr. : tranh vẽ s615489
1798. Dấu ấn hoàng gia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Chieko Hosokawa, Fūmin ; Thu Hằng dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 18 cm. - 30000đ. - 1500b
T.31. - 2025. - 211 tr. : tranh vẽ s615490
1799. Dấu chân Đèo Cả / Phan Thanh, Trần Quới, Đào Tấn Lộc... - H. : Giao thông vận tải, 2025. - 261 tr. ; 21 cm. - 2000b s614926
1800. Diễn ca lịch sử Việt Nam : Nhân vật chí / Vũ Quang Dũng tuyển chọn, giới thiệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.1. - 2024. - 431 tr. s615247
1801. Diễn ca lịch sử Việt Nam : Nhân vật chí / Vũ Quang Dũng tuyển chọn, giới thiệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.2. - 2024. - 455 tr. s615248
1802. Diệp Lạc Vô Tâm. Chờ em lớn nhé, được không? : Tiểu thuyết / Diệp Lạc Vô Tâm ; Nguyễn Thành Phước dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Dân trí, 2025. - 314 tr. ; 24 cm. - 99000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Trung: 赛等我长大, 好不好? s615051
1803. Diệp Lạc Vô Tâm. Em thích vốn thích cô độc, cho đến khi có anh : Tiểu thuyết / Diệp Lạc Vô Tâm ; Hà Giang dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Văn học, 2025. - 399 tr. ; 21 cm. - 108000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Trung: 那是爱 s615119

1804. Diệp Lạc Vô Tâm. Sự dịu dàng khó cưỡng : Tiểu thuyết / Diệp Lạc Vô Tâm ; Nguyễn Thu Phương dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Văn học, 2025. - 295 tr. ; 27 cm. - 79000đ. - 1000b s615080

1805. Diệp Văn Kỳ. Chưa dứt hương thề / Diệp Văn Kỳ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 375 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615264

1806. Doãn Hằng. Nằm ngủ ngoài trời / Doãn Hằng. - H. : Lao động, 2025. - 237 tr. ; 21 cm. - 142000đ. - 1500b s614369

1807. Dodd, Emma. Điều quan trọng nhất : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: What matters most s614788

1808. Dodd, Emma. Đôi lúc... : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Sometimes... s614792

1809. Dodd, Emma. Hãy luôn là chính con : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Just the way you are s614790

1810. Dodd, Emma. Lắng nghe trái tim : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Follow your heart s614794

1811. Dodd, Emma. Những điều nhỏ bé : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: The little things s614798

1812. Dodd, Emma. Nơi trái tim thuộc về : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Home is where the heart is s614796

1813. Dodd, Emma. Sải cánh tung bay : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Spread your wings s614793

1814. Dodd, Emma. Tin vào chính mình : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: I believe in me s614797

1815. Dodd, Emma. Tình yêu to lớn : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: How big is love? s614789

1816. Dodd, Emma. Vươn tới ước mơ : Dành cho thiếu nhi / Emma Dodd ; Khôi Nguyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Thủ thi cùng con). - 35000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Dream big s614791

1817. Doraemon : Ấn bản điện ảnh màu - Bản đầy đủ : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Anh Chi dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 3000b

T.11: Nobita và hành tinh muông thú = Nobita and the animal planet. - 2025. - 239 tr. : tranh màu s615478

1818. Doraemon : Ấn bản điện ảnh màu - Bản đầy đủ : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Anh Chi dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 3000b

T.12: Nobita ở xứ sở nghìn lẻ một đêm = Nobita's dorabian night. - 2025. - 241 tr. : tranh màu s615479

1819. Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b

T.13: Nobita và mê cung thiếc. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615449

1820. Doraemon : Ấn bản điện ảnh màu - Bản đầy đủ : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Anh Chi dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 3000b

T.13: Nobita và vương quốc trên mây = Nobita and the kingdom of clouds. - 2025. - 241 tr. : tranh màu s615480

1821. Doraemon : Ấn bản điện ảnh màu - Bản đầy đủ : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Anh Chi dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 3000b

T.14: Nobita và mê cung thiếc = Nobita and the tin labyrinth. - 2025. - 239 tr. : tranh màu s615481

1822. Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - Tái bản lần thứ 19. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b

T.17: Nobita và cuộc phiêu lưu ở thành phố dây cót. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s615450

1823. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b

Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi

T.13. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s615451

1824. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b

Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi

T.17. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615452

1825. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b

Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi

T.20. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615453

1826. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b

Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi

T.25. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615454

1827. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.26. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615455
1828. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.27. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615456
1829. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.28. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s615457
1830. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.33. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615458
1831. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.38. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615459
1832. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.40. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s615460
1833. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.41. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615461
1834. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.43. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s615462
1835. Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
Tên thật tác giả: Fujimoto Hiroshi
T.44. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615463
1836. Doraemon - Ngoại truyện: Đêm trước đám cưới Nobita. Kì niệm về bà : Ấn bản điện ảnh màu - Bản đầy đủ : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Bùi Thị Anh Đào dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2025. - 217 tr. : tranh màu ; 18 cm. - 60000đ. - 3000b s615482
1837. Doraemon - Tuyển tập tranh truyện màu : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio ; Giang Hồng dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 50000đ. - 5000b
T.3. - 2025. - 159 tr. : tranh màu s614726
1838. Doraemon - Tuyển tập tranh truyện màu kĩ thuật số : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Shintaro Mugiwarara. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 30000đ. - 5000b

- T.2. - 2025. - 63 tr. : tranh màu s614724
1839. Doraemon - Tuyển tập tranh truyện màu kỹ thuật số : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Shintaro Mugiware. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 30000đ. - 5000b
- T.3. - 2025. - 63 tr. : tranh màu s614725
1840. Doraemon bóng chày : Truyền kì về bóng chày siêu cấp : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Mugiware Shintaro ; Nguyễn Thủy Hương dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 3000b
- T.4. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615439
1841. Doraemon bóng chày : Truyền kì về bóng chày siêu cấp : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Mugiware Shintaro ; Nguyễn Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 3000b
- T.7. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615440
1842. Doraemon bóng chày : Truyền kì về bóng chày siêu cấp : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Mugiware Shintaro ; Nguyễn Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 3000b
- T.8. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615441
1843. Doraemon bóng chày : Truyền kì về bóng chày siêu cấp : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Mugiware Shintaro ; Nguyễn Song Tâm Quyên dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 3000b
- T.15. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s615442
1844. Doraemon bóng chày : Truyền kì về bóng chày siêu cấp : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Mugiware Shintaro. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 3000b
- T.16. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615443
1845. Doraemon bóng chày : Truyền kì về bóng chày siêu cấp : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko F. Fujio, Mugiware Shintaro ; Nguyễn Thủy Hương dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 3000b
- T.22. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s615444
1846. Doraemon chọn lọc - 45 chương mở đầu bộ truyện ngắn Doraemon : Truyện tranh / Fujiko F. Fujio ; Dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 55000đ. - 2000b
- T.2: Vol.24 - Vol.45. - 2025. - 243 tr. : tranh vẽ s615483
1847. Doraemon đồ vui : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Fujiko Pro. - H. : Kim Đồng. - 15 cm. - 35000đ. - 3000b
- T.2: Doraemon và những người bạn. - 2025. - 290 tr. : tranh vẽ s615438
1848. Doraemon plus : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
- T.1. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615447
1849. Doraemon plus : Tranh truyện dành cho thiếu nhi / Fujiko F. Fujio ; Hồng Trang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 22000đ. - 10000b
- T.4. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615448
1850. Dragon ball full color - Cuộc đổ bộ của người Saiya : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
- Ph.3, T.1. - 2025. - 243 tr. : tranh màu s615494
1851. Dragon ball full color - Cuộc đổ bộ của người Saiya : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
- Ph.3, T.2. - 2025. - 241 tr. : tranh màu s615495

1852. Dragon ball full color - Cuộc đổ bộ của người Saiya : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
Ph.3, T.3. - 2025. - 241 tr. : tranh màu s615496
1853. Dragon ball full color - Frieza Đại đế : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
Ph.4, T.1. - 2025. - 243 tr. : tranh màu s615497
1854. Dragon ball full color - Frieza Đại đế : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
Ph.4, T.2. - 2025. - 243 tr. : tranh màu s615498
1855. Dragon ball full color - Frieza Đại đế : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
Ph.4, T.3. - 2025. - 245 tr. : tranh màu s615499
1856. Dragon ball full color - Frieza Đại đế : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
Ph.4, T.4. - 2025. - 239 tr. : tranh màu s615500
1857. Dragon ball full color - Truy lùng Cell Bọ Hung : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
Ph.5, T.2. - 2025. - 225 tr. : tranh màu s615501
1858. Dragon ball full color - Truy lùng Cell Bọ Hung : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
Ph.5, T.5. - 2025. - 219 tr. : tranh màu s615502
1859. Dragon ball full color - Truy lùng Cell Bọ Hung : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 80000đ. - 2000b
Ph.5, T.6. - 2025. - 217 tr. : tranh màu s615503
1860. Dragon ball ngoại truyện - Tỉnh giấc hóa Yamcha : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Nguyên tác: Akira Toriyama ; Tranh, truyện: Dragongarow Lee ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng, 2025. - 139 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 25000đ. - 2000b s615618
1861. Dragon ball Z Anime comics - Cuộc chiến giữa các vị thần : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 13+ / Akira Toriyama ; Dịch: Barbie Ayumi, Admin Kej. - H. : Kim Đồng, 2025. - 355 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 120000đ. - 2000b s615603
1862. Dragon quest - Cuộc phiêu lưu của dũng sĩ Dai = Dragon quest - The adventure of Dai : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Nguyên tác: Riku Sanjo ; Họa sĩ: Koji Inada ; Ningning dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 69000đ. - 6000b
T.8: Kị sĩ Rồng III. - 2025. - 354 tr. : tranh vẽ s615617
1863. Dược sư tự sự : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Natsu Hyuuga ; Tranh: Nekokurage ; Kịch bản: Itsuki Nanao ; Thảo Aki dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 47000đ. - 10000b
T.14. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s615666
1864. Dương Hà. Vùng trời tím biếc : Dành cho lứa tuổi 6+ / Dương Hà ; Minh họa: Lê Huyền Trang. - H. : Kim Đồng, 2025. - 114 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tủ sách Tuổi thần tiên). - 55000đ. - 1500b s614663
1865. Đại Bông. Đôi bạn cùng tiến : 18+ / Đại Bông. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 205000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 454 tr. s615030

1866. Đào Chí Thành. Hồi ức Quảng Trị / Đào Chí Thành, Nguyễn Thanh Quang ; Nguyễn Thụy Kha s.t., b.s. - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 238 tr. : ảnh ; 21 cm. - 104000đ. - 3000b s614617

1867. Đào Khoa Thư. Mùa bình thường : Tập bút ký / Đào Khoa Thư, Đào Tâm Thanh. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 270 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 500b s614002

1868. Đặng Thai Mai. Nghiên cứu văn học Việt Nam và thế giới / Đặng Thai Mai. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1: Nghiên cứu. - 2025. - 703 tr. s615204

1869. Đất lành : Thơ / Vương Loan, Nguyễn Thị Chinh, Lê Thị Thạch... ; Tuyển chọn: Trần Viết Do... - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2025. - 100 tr. ; 21 cm. - 100b s614867

1870. Đinh Hùng. Tuyển tập Đinh Hùng / Tuyển chọn. b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1, Q.1. - 2024. - 287 tr. s615254

1871. Đinh Hùng. Tuyển tập Đinh Hùng / Tuyển chọn. b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1, Q.2. - 2024. - 279 tr. - Phụ lục: tr. 259-278 s615255

1872. Đinh Hùng. Tuyển tập Đinh Hùng / Tuyển chọn. b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2, Q.1: Kỳ nữ gò Ôn Khâu : Tiểu thuyết. - 2024. - 671 tr. s615161

1873. Đinh Hùng. Tuyển tập Đinh Hùng / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2, Q.2. - 2025. - 519 tr. s615209

1874. Đoàn Lư. Kha t'ả woắn eng / Đoàn Lư. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 103 tr. : hình vẽ ; 15 cm. - 89000đ. - 1000b s615813

1875. Đoàn Lư. Khắc khoải lời thương / Đoàn Lư. - H. : Văn hóa dân tộc, 2025. - 119 tr. ; 15 cm. - 108000đ. - 1000b s615812

1876. Đoàn Quý Lâm. Trụ vững nơi chính mình : Tập bút / Đoàn Quý Lâm. - H. : Hồng Đức, 2025. - 199 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 180000đ. - 1500b s614547

1877. Đoàn thiên tiểu thuyết, truyện ngắn trên Nam Phong tạp chí (1917 - 1934) : Tiểu thuyết / Nguyễn Đức Thuận. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 495 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615195

1878. Đỗ Hoàng. Gửi người tình bên kia đại dương : Tiểu thuyết / Đỗ Hoàng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2009. - 306 tr. ; 20 cm. - 1000b s614428

1879. Đỗ Hoàng. 810 vị văn sĩ Việt : Thơ / Đỗ Hoàng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2019. - 208 tr. : ảnh ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s614429

1880. Đỗ Thị Thu Thủy. Bút hoa vạn lý : Thơ đi sứ Việt Nam trong bối cảnh bang giao khu vực Đông Á trung đại / Đỗ Thị Thu Thủy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 247 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615308

1881. Đội quân Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Michiaki Tanaka ; Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Giang Hồng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Doraemon game comics). - 22000đ. - 5000b

T.3. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s615464

1882. Đội quân Doraemon : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Michiaki Tanaka ; Nguyên tác: Fujiko F. Fujio ; Giang Hồng dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Doraemon game comics). - 22000đ. - 5000b

T.4. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s615465

1883. Đội quân Doraemon - Chuyến tàu lửa tốc hành : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng, 2025. - 95 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b s615477

1884. Đội quân Doraemon - Đại chiến thuật côn trùng : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng, 2025. - 95 tr. : tranh màu ; 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b s615476

1885. Edwards, Leo. Jerry Todd - Con mèo màu hồng phấn / Leo Edwards ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động, 2025. - 195 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Toàn chuyện "khó đỡ"; T.2). - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Jerry Todd and the rose-colored cat s614377

1886. Edwards, Leo. Jerry Todd - Con vẹt nói lắp / Leo Edwards ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động, 2025. - 193 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Toàn chuyện "khó đỡ"; T.1). - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Jerry Todd and the stuttering parrot s614378

1887. Edwards, Leo. Jerry Todd - Đôi cà kheo 7 dậm / Leo Edwards ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động, 2025. - 194 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Toàn chuyện "khó đỡ"; T.2). - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Poppy ott's seven league stilts s614379

1888. Edwards, Leo. Jerry Todd - Xác ướp thì thầm / Leo Edwards ; Vũ Danh Tuấn dịch. - H. : Lao động, 2025. - 198 tr. ; 21 cm. - (Toàn chuyện "khó đỡ"; T.1). - 145000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Jerry Todd and the whispering mummy s614376

1889. Em bé và tôi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Marimo Ragawa ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 75000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 345 tr. : tranh vẽ s615670

1890. Em bé và tôi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Marimo Ragawa ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 75000đ. - 3250b

T.3. - 2025. - 345 tr. : tranh vẽ s615671

1891. Em đến cùng mưa = With you and the rain : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Ko Nikaido ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 38000đ. - 3700b

T.2. - 2025. - 126 tr. : tranh vẽ s615656

1892. Em đến cùng mưa = With you and the rain : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Ko Nikaido ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 38000đ. - 3200b

T.3. - 2025. - 123 tr. : tranh vẽ s615657

1893. Em và bản làng : Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một / Ngô Hiền Tuyên, Nguyễn Thị Phương Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 34 tr. : tranh màu ; 42 cm. - 50000đ. - 2100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613395

1894. Em và bạn bè : Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một / Ngô Hiền Tuyên, Nguyễn Thị Hồng Ngân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 20 tr. : tranh màu ; 42 cm. - 40000đ. - 2100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613396

1895. Em và gia đình : Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một / Ngô Hiền Tuyên, Lại Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Phương Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 42 cm. - 45000đ. - 2100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613397

1896. Em và nhà trường : Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một / Ngô Hiền Tuyên, Lại Thị Mai Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 42 cm. - 50000đ. - 2100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613394

1897. Em và thiên nhiên : Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một / Ngô Hiền Tuyên, Nguyễn Thị Hồng Ngân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 42 cm. - 45000đ. - 2100b

Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613392

1898. Essential practice in social research writing / Tran Kieu My An (ed.), Doan Minh Hue, Nguyen Thi Thuy Loan... - 1st reprint. - Ho Chi Minh City : Industrial University of Ho Chi Minh City, 2025. - 114 p. : ill. ; 28 cm. - 100000đ. - 500 copies

Bibliogr. in the text s613908

1899. Faulkner, William. Cọ hoang / William Faulkner ; Nguyễn Bích Lan dịch. - H. : Lao động, 2025. - 411 tr. ; 21 cm. - 178000đ. - 3000b s614422

1900. Flying witch : Truyện tranh / Chihiro Ishizuka ; Ocharaketa dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 130000đ. - 1500b

T.4. - 2025. - 155 tr. : tranh vẽ s615722

1901. Flying witch : Truyện tranh / Chihiro Ishizuka ; Ocharaketa dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 130000đ. - 1500b

T.5. - 2025. - 156 tr. : tranh vẽ s615723

1902. Forster, E. M. Maurice : Dành cho tuổi trưởng thành / E. M. Forster ; Jack Frogg dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 319 tr. ; 23 cm. - 120000đ. - 1500b s614751

1903. Gap Papa - Hết giờ làm việc, tối giờ làm cha : Truyện tranh : 16+ / Utakata ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 90000đ. - 4000b

T.3. - 2025. - 142 tr. : tranh màu s614416

1904. Gap Papa - Hết giờ làm việc, tối giờ làm cha : Truyện tranh : 16+ / Utakata ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 90000đ. - 4000b

T.4. - 2025. - 142 tr. : tranh màu s614417

1905. Gavalda, Anna. 35 ký lô hy vọng / Anna Gavalda ; Thiên Chương dịch. - H. : Thể giới, 2025. - 114 tr. ; 18 cm. - 129000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Pháp: 35 kilos d'espoir s615810

1906. Giờ nghỉ trưa của bực nhảy ngựa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614739

1907. Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 9 : Sách theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo... / Nguyễn Phước Lợi (ch.b.), Võ Thị Hồng Chuyên,

Nguyễn Thị Phương Dung... - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 127 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 27 cm. - (Tủ sách Em yêu Ngữ văn). - 79000đ. - 2800b s613717

1908. Gối ôm của nhà văn Hayama : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Mochi Nomori. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 176 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 89000đ. - 2000b s615753

1909. Gripe, Maria. Điều ước thủy tinh : Dành cho lứa tuổi 8+ / Maria Gripe ; Minh họa: Harald Gripe ; Meggie Phạm dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 178 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 50000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Thụy Điển: Glasblåsarns barn s614666

1910. Hà Hồng Hạnh. Đối thoại với bóng : Thơ / Hà Hồng Hạnh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 118 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 135000đ. - 1000b s614893

1911. Hà Minh Đức. Sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh / Hà Minh Đức. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 575 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615163

1912. Hà Sinh Hải. Thi nhân với đại ngàn : Thơ / Hà Sinh Hải. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 170 tr. ; 21 cm. - 50b s614090

1913. Hà Văn Thư. Những vòng tay nhân ái : Truyện ký / Hà Văn Thư. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 367 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615303

1914. Hải Linh. Gửi tuổi trẻ của chúng ta - Sài Gòn, mùa thay gió / Hải Linh. - H. : Thế giới, 2025. - 171 tr. ; 18 cm. - 89000đ. - 1000b

Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Trúc Linh s614079

1915. Hải Triều - Nhà lý luận tiên phong / Phan Văn Hùm, Hồ Xanh, Hải Thanh... ; B.s.: Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.)... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 495 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615197

1916. Hannah Hoang. Phía không nhau / Hannah Hoang. - H. : Thế giới, 2025. - 111 tr. : hình ảnh ; 19 cm. - 85000đ. - 1000b s615773

1917. Hãy gửi thư cho tôi : Truyện tranh : Đọc cho bé từ 3 tuổi trở lên / Lời: Haruo Yamashita ; Tranh: Tsutomu Murakami ; Na Nà Nà Na dịch ; H.đ.: Duy Hạnh... - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 28 cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản). - 59000đ. - 5000b s613698

1918. Hemingway, Ernest. Ông già và biển cả / Ernest Hemingway ; Hiền Trang dịch. - H. : Văn học, 2025. - 133 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 1500b

Tên sách tiếng Anh: The old man and the sea s615122

1919. Heo đất muốn đi chơi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614740

1920. Hirayasumi - Những tháng ngày chơi voi : Truyện tranh / Keigo Shinzo ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 68000đ. - 3000b

T.6. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s615775

1921. Hoa thơm kiêu hãnh : Flower edition : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 138000đ. - 3000b

T.1. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615836

1922. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b

- T.2. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615837
1923. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b
- T.3. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615838
1924. Hoa thơm kiêu hãnh : Truyện tranh : 16+ / Saka Mikami ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 55000đ. - 5000b
- T.4. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615839
1925. Hoài Thanh. Bình luận văn chương (1934 - 1943) / Hoài Thanh ; Tuyển soạn: Nguyễn Ngọc Thiện, Từ Sơn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 303 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615300
1926. Hoài Thanh. Văn chương và hành động / Hoài Thanh, Lê Trảng Kiều, Lưu Trọng Lư ; S.t., khảo luận: Nguyễn Ngọc Thiện. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 119 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 59-97 s615298
1927. Hoàng Bội Giai. Đôi mắt trẻ thơ / Hoàng Bội Giai ; Đá Trắng dịch. - H. : Lao động, 2025. - 366 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 1000b
Dịch từ bản tiếng Hoa: 童眸 s614401
1928. Hoàng Đạo. Tuyển tập Hoàng Đạo / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1. - 2024. - 437 tr. s615187
1929. Hoàng Đạo. Tuyển tập Hoàng Đạo / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2024. - 295 tr. s615188
1930. Hoàng Đăng Khoa. Không gì thực bằng giấc mơ : Thơ / Hoàng Đăng Khoa. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 104 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - 131000đ. - 300b s614894
1931. Hoàng Khánh Duy. Ô cửa và vùng trời : Dành cho lứa tuổi 10+ / Hoàng Khánh Duy. - H. : Kim Đồng, 2025. - 201 tr. : tranh vẽ ; 17 cm. - (Viết cho những điều bé nhỏ). - 45000đ. - 1500b s615565
1932. Hoàng Lê Anh Huy. Phê bình nữ quyền sinh thái: Lý thuyết và ứng dụng : Sách chuyên khảo / Hoàng Lê Anh Huy. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 345 tr. ; 24 cm. - 199000đ. - 100b
Thư mục: tr. 332-345 s614938
1933. Hoàng Ngọc Diệp. Một cái ôm thật to : Dành cho thiếu nhi / Thơ: Hoàng Ngọc Diệp ; Tranh: Quyên Thái. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 35000đ. - 2000b s614787
1934. Hoàng Quảng Uyên. Sáng mãi ngọn lửa rừng Trần Hưng Đạo : Truyện ký / Hoàng Quảng Uyên. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 232 tr. : ảnh ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b
Thư mục: tr. 271-276 s614071
1935. Hoàng Vũ Thuật. Làng Thạch Xá : Trường ca / Hoàng Vũ Thuật. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 90 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 100000đ. - 1000b s614892

1936. Học cách chia sẻ - Cho tớ chơi với! : Truyện tranh : Sách cho bé 1 - 4 tuổi / Lời: Jamie Michalak ; Tranh: Katie Mazeika ; Minh Hiếu dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Hạt giống tâm hồn cho bé yêu). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Chicken soup for the soul babie: Everyone shares (Except cat) s614245

1937. Học cách chờ đến lượt - Đừng tranh giành thế! : Truyện tranh : Sách cho bé 1 - 4 tuổi / Lời: JaNay Brown-Wood ; Tranh: Jade Orlando ; Hoàng Anh dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Hạt giống tâm hồn cho bé yêu). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Chicken soup for the soul babie: Me. You. Us (Whose turn?) s614250

1938. Học cách cùng chơi với bạn mới - Mình cùng chơi nhé! : Truyện tranh : Sách cho bé 1 - 4 tuổi / Lời: Jamie Michalak ; Tranh: Katie Mazeika ; Minh Hiếu dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Hạt giống tâm hồn cho bé yêu). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Chicken soup for the Soul Babie: Playdate! (with Bear, too) s614251

1939. Học cách kiên nhẫn - Con muốn ăn bánh luôn cơ! : Truyện tranh : Sách cho bé 1 - 4 tuổi / Lời: Rajani LaRocca ; Tranh: Greg Paprocki ; Minh Quân dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Hạt giống tâm hồn cho bé yêu). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Chicken soup for the soul babie: Now! Barks dog s614248

1940. Học cách nhờ giúp đỡ - Giúp cháu với! : Truyện tranh : Sách cho bé 1 - 4 tuổi / Lời: Karol Ruth Silverstein ; Tranh: Greg Paprocki ; Hoàng Anh dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Hạt giống tâm hồn cho bé yêu). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Chicken soup for the soul babie: Stuck (Help, please!) s614247

1941. Học cách nói lời cảm ơn - Con cảm ơn ạ! : Truyện tranh : Sách cho bé 1 - 4 tuổi / Lời: Zeena Pliska ; Tranh: Hazel Quintanilla ; Hoàng Anh dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Hạt giống tâm hồn cho bé yêu). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Chicken soup for the soul babie: Say thank you, little giraffe (But why?) s614243

1942. Học cách nói lời lịch sự - Con xin ạ! : Truyện tranh : Sách cho bé 1 - 4 tuổi / Lời: Jamie Michalak ; Tranh: Katie Mazeika ; Tùng Lâm dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Hạt giống tâm hồn cho bé yêu). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Chicken soup for the soul babie: Everyone says please (Except cat) s614246

1943. Học cách thể hiện yêu thương - Tặng cậu đây! : Truyện tranh : Sách cho bé 1 - 4 tuổi / Lời: Zeena Pliska ; Tranh: Hazel Quintanilla ; Đăng Khôi dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 23 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Hạt giống tâm hồn cho bé yêu). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Chicken soup for the soul babie: A gift for me? (I want it) s614249

1944. Học cách tôn trọng sự khác biệt - Nhanh hay chậm đều được : Truyện tranh : Sách cho bé 1 - 4 tuổi / Lời: JaNay Brown-Wood ; Tranh: Jade Orlando ; Minh Quân dịch. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 24 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Hạt giống tâm hồn cho bé yêu). - 35000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Chicken soup for the soul babie: Fast and slow (Both just right!) s614244

1945. Học tốt Ngữ văn 8 : Theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Hoàng Thị Lâm Nho. - H. : Dân trí. - 29 cm. - 119000đ. - 5000b

T.1. - 2025. - 155 tr. : bảng s615129

1946. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.8: Yaoyorozu: Trỗi dậy. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615393
1947. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.10: All for one. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615394
1948. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.11: Kết thúc của khởi đầu - Khởi đầu của kết thúc. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s615395
1949. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.16: Red Riot. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615396
1950. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.17: Lemillion. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615397
1951. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.19: Trước thềm lễ hội văn hóa. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615398
1952. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.20: Lễ hội văn hóa khai mạc!!.. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s615399
1953. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.21: Lí do người anh hùng trụ vững. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s615400
1954. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.26: Trời cao xanh thăm. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s615401
1955. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.37: Người bảo hộ, kẻ xâm lăng. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s615402
1956. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.38: Hi vọng. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s615403
1957. Học viện siêu anh hùng = My hero academia : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Kohei Horikoshi ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
T.39: Trận chiến không "Kosei". - 2025. - 172 tr. : tranh vẽ s615404
1958. Hồ Anh Thái. Behind the red mist : A novel / Hồ Anh Thái ; Transl.: Nguyễn Quý Đức, Wayne Karlin. - H. : Thế giới, 2025. - 254 p. ; 20 cm. - 280000đ. - 300 copies
Title in Vietnamese: Trong sương hồng hiện ra s613849
1959. Hồ Anh Thái. The women on the island : A novel / Hồ Anh Thái ; Transl.: Phan Thanh Hào... - H. : Thế giới, 2025. - 262 p. ; 20 cm. - 290000đ. - 300 copies
Title in Vietnamese: Người đàn bà trên đảo s613816
1960. Hồ Chí Minh. Prison diary = 獄中日記 / Dịch: Nguyễn Sĩ Lâm... - Tái bản lần thứ 19. - H. : Thế giới, 2025. - 238 tr. ; 18 cm. - 120000đ. - 1000b s615787

1961. Hồ sơ mật = The top secret season 0 : Truyện tranh : 18+ / Shimizu Reiko ; Ukato Mai dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
T.9. - 2025. - 317 tr. : tranh vẽ s615842
1962. Hồ sơ One piece yellow : Grand elements : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Thuý Kim dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 305 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 55000đ. - 2000b s615411
1963. Hồ Thị Vân Anh. Nước Mỹ của Faulkner : Sách chuyên khảo / Hồ Thị Vân Anh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 375 tr. : ảnh ; 24 cm. - 228000đ. - 300b
Thư mục: tr. 329-338. - Phụ lục: tr. 339-368 s614091
1964. Hồ bé tìm bạn : Truyện tranh : Dành cho tuổi 1+ / Quỳên Gavoye ; Tranh: Bluey. - Tái bản lần 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 17 tr. : tranh màu ; 13 cm. - (Bé thông minh - Đoán xem tới là ai!). - 45000đ. - 2000b s615561
1965. Hồng Hà. Mảnh đất, mảnh tình : Dành cho lứa tuổi 12+ / Hồng Hà ; Minh họa: Ahni. - H. : Kim Đồng, 2025. - 115 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 45000đ. - 1500b s614694
1966. Hồng Thanh Quang. Tự nhắc mình : Tập bút / Hồng Thanh Quang. - H. : Dân trí. - 23 cm. - 299000đ. - 500b
T.1. - 2025. - 401 tr. s614997
1967. Hồng Thanh Quang. Tự nhắc mình : Tập bút / Hồng Thanh Quang. - H. : Dân trí. - 23 cm. - 299000đ. - 500b
T.2. - 2025. - 401 tr. s614998
1968. Hồng Thanh Quang. Tự nhắc mình : Tập bút / Hồng Thanh Quang. - H. : Dân trí. - 23 cm. - 259000đ. - 500b
T.3. - 2025. - 328 tr. s614999
1969. Huyết quỷ hồn chiến : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Yura Urushibara ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 4100b
T.7. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615620
1970. Huyết quỷ hồn chiến : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Yura Urushibara ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 4100b
T.8. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s615621
1971. Huyết quỷ hồn chiến : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Yura Urushibara ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3800b
T.9. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s615622
1972. Hướng dẫn học tốt Ngữ văn 9 : Bám sát sách giáo khoa Cánh Diều / Kiều Bắc, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Quốc Khánh. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 115000đ. - 1000b
T.1. - 2025. - 247 tr. : bảng s614783
1973. Hướng dẫn nói và viết văn: Nghị luận xã hội. Nghị luận văn học lớp 7 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Kiều Bắc, Nguyễn Quốc Khánh, Nguyễn Thị Hoa. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 179 tr. : bảng ; 24 cm. - 125000đ. - 1000b s614176
1974. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quỳên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b
T.1: Tân binh trở tài. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615415

1975. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.2: Bộ ba nhập cuộc. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615416

1976. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.3: Kokichi vào sân. - 2025. - 211 tr. : tranh vẽ s615417

1977. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.4: Vượt rào đẳng cấp. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s615418

1978. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 25000đ. - 4000b

T.5: "Tam anh" xuất kích. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615419

1979. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.6: Giáp mặt "Quý khổng lồ". - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615420

1980. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.7: Oofusa tung hoành. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615421

1981. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.8: Meihou "nổi sóng". - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615422

1982. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.9: Vị trí mới của Itto. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615423

1983. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.10: Con sói Busen. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s615424

1984. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.11: Đỉnh điểm của trận chiến. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s615425

1985. Itto - Sóng gió cầu trường : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Motoki Monma ; Song Tâm Quyên dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 4000b

T.12: "Núi Iwuar" Yamazaki phun trào. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s615426

1986. Kanyen : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Everett Christopher Shea ; Minh hoạ: Tuyen Pham... ; Zoey Nguyen dịch. - H. : Dân trí. - 26 cm. - 75000đ. - 1000b
T.1. - 2025. - 42 tr. : tranh màu s613965
1987. Ken và Mèo - Đôi khi là Vịt : Truyện tranh / Nekomaki ; Bảo Lam Anh dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 158 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 55000đ. - 2000b s615664
1988. Khái Hưng. Tuyển tập Khái Hưng : Tiểu thuyết / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1: Hồn bướm mơ tiên. Nửa chừng xuân. - 2024. - 447 tr. s615215
1989. Khái Hưng. Tuyển tập Khái Hưng : Tiểu thuyết / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2: Trống mái. Gia đình. - 2024. - 487 tr. s615216
1990. Khái Hưng. Tuyển tập Khái Hưng / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.3: Kịch. - 2024. - 479 tr. s615217
1991. Khái Hưng. Tuyển tập Khái Hưng : Tiểu thuyết / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.4: Tiểu thuyết. - 2024. - 679 tr. s615218
1992. Khái Hưng. Tuyển tập Khái Hưng : Tiểu thuyết, truyện ngắn / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.5: Băn khoăn. Anh phải sống. Dọc đường gió bụi. - 2024. - 535 tr. s615219
1993. Khái Hưng. Tuyển tập Khái Hưng / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.6: Truyện ngắn, kịch. - 2024. - 559 tr. s615220
1994. Khái Hưng. Tuyển tập Khái Hưng : Kịch / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.7: Đồng bệnh. Nhất tiểu. Tục luy. Tiếng suối reo. - 2024. - 383 tr. s615221
1995. Khiếu Quang Bảo. 10 phút sau 0 giờ : Tiểu thuyết / Khiếu Quang Bảo. - H. : Hồng Đức, 2025. - 239 tr. ; 19 cm. - 99000đ. - 2000b s615730
1996. Không sao đâu, không sao đâu : Truyện tranh / Hiroshi Ito ; Lê Hiền dịch ; Tống Linh h.đ. - H. : Thế giới, 2025. - 36 tr. : tranh màu ; 19 cm. - 37000đ. - 5000b s615777
1997. Khổng lồ và bé bỏng : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Lời: Mai Anh Đoàn ; Tranh: Rán Art. - H. : Kim Đồng, 2025. - 34 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Đại dương thủ thi). - 50000đ. - 2000b s614805
1998. Khu vườn trong tim ta : Truyện tranh / Phạm Quang Phúc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 37 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 139000đ. - 1000b s613470
1999. Kỳ nghỉ đông của lò sưởi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Tiểu Tuệ dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614735

2000. Kiều thơ / Đỗ Hoàng dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2010. - 395 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s615332
2001. Kiều Thu Hoạch. Giai thoại văn học Việt Nam / Kiều Thu Hoạch ch.b. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.1. - 2024. - 445 tr. s615165
2002. Kiều Thu Hoạch. Giai thoại văn học Việt Nam / Kiều Thu Hoạch ch.b., b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
Q.2. - 2024. - 463 tr. s615166
2003. Kiều Thu Hoạch. Thơ Nôm Hồ Xuân Hương / Kiều Thu Hoạch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 383 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 332-376. - Thư mục: tr. 377 s615316
2004. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615344
2005. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.3. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615346
2006. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.4. - 2025. - 181 tr. : tranh vẽ s615347
2007. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.5. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615348
2008. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.6. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615349
2009. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.7. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615350
2010. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.8. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615351
2011. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.9. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615352
2012. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.10. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615353
2013. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.13. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615605

2014. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.14. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615606
2015. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.15. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615607
2016. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.16. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615608
2017. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.17. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615609
2018. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.18. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615610
2019. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.19. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615611
2020. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.21. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615612
2021. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.22. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615613
2022. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.23. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615614
2023. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.24. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615615
2024. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.25. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615616
2025. Komi - Nữ thần sợ giao tiếp : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Tomohito Oda ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T2. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615345
2026. Kotaro sống một mình : Truyện tranh : 16+ / Mami Tsumura ; Bự Bự dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 48000đ. - 2700b
T.10. - 2025. - 255 tr. : tranh vẽ s615843
2027. Koyoharu Gotouge. Thanh gươm diệt quỷ - Người dẫn lối của gió : Tiểu thuyết : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Koyoharu Gotouge, Aya Yajima ; Itsuwa Rei dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 230 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 50000đ. - 2000b s615652
2028. Kỵ Sơn. Hoa của trời : Tuyển tập thơ / Kỵ Sơn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 94 tr. ; 20 cm. - 50000đ. - 500b s614007

2029. Lam Trang. Cửa rừng : Truyện ngắn / Lam Trang. - H. : Lao động, 2025. - 284 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 95000đ. - 1000b s614386

2030. Leebora. Để người hiểu thấu lòng tôi / Leebora ; Nhóm Mno dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 189000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Hàn: 당신의 당신의 이해를 돕기 위하여; Tên sách tiếng Anh: What it means to be you

T.1. - 2025. - 439 tr. s614388

2031. Lê Duy Nghĩa. Anh Tư : Truyện ký / Lê Duy Nghĩa. - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 240 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 510b

Thư mục: tr. 235-239 s614035

2032. Lê Quốc Hán. Dải áo mẹ : Thơ / Lê Quốc Hán. - H. : Hồng Đức, 2025. - 119 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 21 cm. - 49000đ. - 500b s614564

2033. Lê Thuận Nghĩa. Vết thiêu quang : Thơ / Lê Thuận Nghĩa. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 193 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 1000b s614895

2034. Lê Xuân Khoa. Từ trên trời rơi xuống / Lê Xuân Khoa. - H. : Thế giới, 2025. - 256 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 129000đ. - 1500b s615767

2035. Lê Xuân Kỳ. Mùa thu Lam Kinh / Lê Xuân Kỳ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 271 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615288

2036. Little stories to help you relax / Stacey Riches collected. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Thế giới, 2025. - 190 p. : ill. ; 18 cm. - (Learn English and have fun). - 65000đ. - 2000 copies s613954

2037. Little stories to make you smile / Claire Luong collected. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Thế giới, 2025. - 192 p. : ill. ; 18 cm. - (Learn English and have fun). - 65000đ. - 2000 copies s613955

2038. London, Jack. Tiếng gọi nơi hoang dã : Dành cho lứa tuổi 9+ / Jack London ; Nguyễn Hữu Gia Bảo dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 158 tr. ; 19 cm. - (Văn học Mỹ. Tác phẩm chọn lọc). - 55000đ. - 2000b

Dịch theo nguyên bản tiếng Anh: The call of the wild. - Tên thật tác giả: John Griffith Chaney s615578

2039. Lời cảm ơn : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Morio Shiota ; Lời: Tomoko Sakura ; Trần Trân dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Bây chú ếch con; T.5). - 40000đ. - 2000b s614767

2040. Lời hứa Lọ Lem ngoại truyện - Cách biệt tuổi tác thì có sao? = Promise Cinderella : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Oreco Tachibana ; Ruyuha Kyouka dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 125 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 35000đ. - 3000b s615659

2041. Lục Hường. Nguyên khí ngàn đời : Tiểu thuyết / Lục Hường. - H. : Lao động, 2025. - 495 tr. : ảnh ; 21 cm. - 168000đ. - 1000b s614394

2042. Lupeanu, Constantin. Giữa trời và đất : Tự truyện / Constantin Lupeanu ; Phạm Viết Đào dịch. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 323 tr. ; 24 cm. - 250000đ. - 1000b s614898

2043. Lư Tô Vỹ. "Con không ngốc, con chỉ thông minh theo một cách khác" / Lư Tô Vỹ ; Vũ Quang Huy dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Dân trí, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Trung: 看见自己的天才 s615010

2044. Lưu Trọng Lư. Thơ Lưu Trọng Lư. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 116 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 35000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 107-116 s615591

2045. Lý luận, phê bình văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX - 1945 : Chuyên luận / Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.), Nguyễn Đăng Điệp, Trịnh Bá Đình... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 511 tr. : bìa ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 477-479 s615191

2046. Lycoris recoil : Tuyển tập ngoại truyện "Nhắc lại" : 17+ / Nguyên tác: Spider Lily ; Thế Đăng dịch. - H. : Lao động. - 18 cm. - 55000đ. - 4000b
T.1. - 2025. - 140 tr. : tranh vẽ s615856

2047. Ma Văn Kháng. Ngõ nhỏ tràn ánh trăng : Tập truyện ngắn chọn lọc / Ma Văn Kháng. - H. : Lao động, 2025. - 351 tr. ; 21 cm. - 150000đ. - 500b s614146

2048. Mã Giang Lân. Những cuộc tranh luận văn học nửa đầu thế kỷ XX / Mã Giang Lân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 367 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 357-361 s615323

2049. Mạc Yên. Đoạ thiên / Mạc Yên. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 409 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 239000đ. - 1020b
Tên thật tác giả: Nguyễn Mạc Yên Hải s614899

2050. Made in Abyss : Truyện tranh : 17+ / Akihito Tsukushi ; Miro dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 50000đ. - 1000b
T.3. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s614412

2051. Made in Abyss : Truyện tranh : 17+ / Akihito Tsukushi ; Miro dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 50000đ. - 1000b
T.4. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s614413

2052. Made in Abyss : Truyện tranh : 17+ / Akihito Tsukushi ; Miro dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 50000đ. - 1000b
T.5. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s614414

2053. Made in Abyss : Truyện tranh : 17+ / Akihito Tsukushi ; Miro dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 50000đ. - 1000b
T.8. - 2025. - 160 tr. : tranh vẽ s614415

2054. Mai Thị Thu Huyền. Tuyển tập Tản Đà / Mai Thị Thu Huyền. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 247 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 245-246 s615299

2055. Mai Tử Đạo. Công viên nhỏ / Mai Tử Đạo ; Minh Trang dịch. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 229000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 小游园

T.1. - 2025. - 494 tr. s615036

2056. Mạn Tây. Siêu cấp cung chiêu / Mạn Tây ; 5CE dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b

- Tên sách tiếng Trung: 致命偏宠
T.4. - 2025. - 499 tr. s614438
2057. Mạn Tây. Siêu cấp cung chiêu / Mạn Tây ; 5CE dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b
- Tên sách tiếng Trung: 致命偏宠
T.5. - 2025. - 541 tr. s614392
2058. Mạn Tây. Siêu cấp cung chiêu / Mạn Tây ; 5CE dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 199000đ. - 2000b
- Tên sách tiếng Trung: 致命偏宠
T.6. - 2025. - 542 tr. s614391
2059. Máy hút bụi nghỉ ngơi mùa mưa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Tiểu Tuệ dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614741
2060. Mặc quần áo mới : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Morio Shiota ; Lời: Tomoko Sakura ; Trần Trần dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Bảy chú ếch con; T.1). - 40000đ. - 2000b s614763
2061. Mẹ ơi, bé con! : Truyện tranh : Dành cho tuổi mẫu giáo / Georgie Birkett ; Hà Linh dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh vẽ ; 26 cm. - 50000đ. - 2000b s614826
2062. Mèo Mun qua cầu : Truyện tranh : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 10000đ. - 1000b s613376
2063. Mèo tuần đêm : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Kaoru Fukaya ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b
T.6. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615675
2064. Mèo tuần đêm : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Kaoru Fukaya ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 2000b
T.7. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615676
2065. Miku Ito. Hướng dẫn sử dụng Mẹ / Lời: Miku Ito ; Tranh: Makiko Sato ; Tống Hương dịch. - In lần 16. - H. : Lao động, 2025. - 130 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Tổ ong mật). - 69000đ. - 2000b s614519
2066. Mishima Yomu. Thế giới Oto game đó thật khắc nghiệt với chúng ta = That otome games is a tough world for us / Mishima Yomu ; Minh họa: Toi Moge ; Roku dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 139000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 295 tr. : tranh vẽ s615776
2067. Molière. Lão hà tiện : Kịch / Molière ; Đỗ Đức Hiếu dịch. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 153 tr. : ảnh ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 40000đ. - 2000b
Dịch theo bản tiếng Pháp: L'Avare ou l'École du mensonge. - Phụ lục: tr. 143-153 s615577
2068. Mộc An. Nếu một ngày chúng tớ biến mất : Dành cho lứa tuổi 6+ / Mộc An ; Minh họa: Nguyễn Phương Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 183 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tủ sách Tuổi thần tiên). - 85000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Nguyệt Trinh s614743

2069. Mộng Trần. Bài bản cải lương / Mộng Trần, Lưu Quan Mùi ; S.t., giới thiệu: Vũ Quang Liễn... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
 ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
 T.3. - 2025. - 319 tr. s615266
2070. 101 bài văn mẫu theo công thức nghị luận xã hội : Học Ngữ văn theo công thức cùng cô Phan Hồ Điệp / B.s.: Đội ngũ GV chuyên Sư phạm Hà Nội, Đậu Ngọt. - H. : Lao động, 2025. - 339 tr. : bìa ; 21 cm. - 110000đ. - 4500b s614511
2071. Mr Tan. Quầy hàng ma ám ven đường / Mr Tan ; Hải Lâm dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 172 tr. ; 19 cm. - 139000đ. - 2000b
 Tên thật tác giả: Từ Nghi Hàm. - Tên sách tiếng Trung: 歡迎光臨 鬧鬼路邊攤: 細思極恐的驚悚鬼話 s615771
2072. Mùa xuân của cô nàng sắt đá : Truyện tranh : 17+ / Maezaki Mona ; Tomoe dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 185 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 85000đ. - 3000b
 Tên sách tiếng Nhật: 鉄さんは笑わない s615739
2073. Mục đồng : Tuyển tập thơ văn / Xuân Cát, Du Miên, Trắng Thập Tự... ; B.s.: Lê Quang Thạch (ch.b.)... - H. : Hồng Đức. - 24 cm. - 35000đ. - 2000b
 T.34: Dấu chân thập tự. - 2025. - 116 tr. : ảnh s614591
2074. 10 phút kể chuyện trước giờ đi ngủ / Lời: Kim Hyun Tae ; Minh họa: Kim Mina ; Hồng Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 24 cm. - 175000đ. - 2000b
 T.1. - 2025. - 202 tr. : tranh vẽ s614768
2075. 10 phút kể chuyện trước giờ đi ngủ / Lời: Kim Hyun Tae ; Minh họa: Kim Mina ; Hồng Hà dịch. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - 24 cm. - 175000đ. - 2000b
 T.2. - 2025. - 207 tr. : tranh vẽ s614769
2076. Na Đa. Hợp táng án / Na Đa ; Hương Nghi dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 358 tr. ; 24 cm. - 185000đ. - 2000b
 Tên sách tiếng Trung: 人間我来过 s614299
2077. Nai tơ ngơ ngác Nokotan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Oshioshio ; Tatsuhiro dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5200b
 T.6. - 2025. - 126 tr. : tranh vẽ s615660
2078. Nam Cao. Truyện ngắn Nam Cao. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 226 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 55000đ. - 2000b
 Phụ lục: tr. 220-226 s615592
2079. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 2000b
 Q.6: Quyết tâm của Sakura!! - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s615358
2080. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
 Q.13: Kỳ thi Chunin: Chấm dứt...!! - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s615359
2081. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
 Q.15: Naruto nhận pháp truyền kì!! - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s615360
2082. Naruto : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Masashi Kishimoto ; Anh Việt dịch ; Thành Ramen h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 2000b
 Q.39: Hành động. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615361

2083. Natsu Hyuuga. Được sự tự sự : Dành cho lứa tuổi 18+ / Natsu Hyuuga ; Minh hoạ: Touko Shino ; Hoàng Ly dịch. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 125000đ. - 8000b
T.7. - 2025. - 398 tr. : tranh vẽ s615669
2084. Nesbit, Edith. Thành phố phép màu / Edith Nesbit ; Dạ Thảo dịch. - H. : Lao động, 2025. - 336 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 128000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: The magic city s614450
2085. Nếu không ăn rau thì sao? : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi mẫu giáo / Lời: Hoàng Hoành ; Tranh: Kẹo Bông ; Lan Phương dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Bé khoẻ mỗi ngày). - 30000đ. - 2000b s614801
2086. Nếu không rửa tay thì sao? : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi mẫu giáo / Lời: Hoàng Hoành ; Tranh: Kẹo Bông ; Lan Phương dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Bé khoẻ mỗi ngày). - 30000đ. - 2000b s614800
2087. Nếu nhìn tiều thì sao? : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi mẫu giáo / Lời: Hoàng Hoành ; Tranh: Kẹo Bông ; Lan Phương dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 35 tr. : tranh màu ; 20x21 cm. - (Bé khoẻ mỗi ngày). - 30000đ. - 2000b s614799
2088. Ngải Ngư. Em là sao trời của anh / Ngải Ngư ; Đường Miên dịch. - H. : Lao động, 2025. - 527 tr. ; 24 cm. - 219000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 她是我的星辰 s614466
2089. Ngày đầu tiên đi học : Truyện tranh : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 19 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 10000đ. - 1000b s613377
2090. Ngày nghỉ thu của nồi cơm điện : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Tiểu Tuệ dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614738
2091. Ngọc Bắc Khanh. Ăn trong hồn lựa mảnh tình Nam Phương : Ấn bản kỷ niệm : Tiểu thuyết : Dành cho tuổi trưởng thành / Ngọc Bắc Khanh. - H. : Dân trí, 2025. - 727 tr. ; 24 cm. - 609000đ. - 1000b s615038
2092. Ngọc Linh. Ngôi làng bị phong ấn : 18+ / Ngọc Linh. - H. : Thế giới, 2025. - 419 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - 219000đ. - 1500b s614836
2093. Ngọc Trân. Ai rồi cũng cần học viết : Viết lách không khó, chỉ cần đúng cách / Ngọc Trân. - H. : Tài chính, 2025. - 363 tr. : hình vẽ ; 22 cm. - 190000đ. - 1000b s614223
2094. Ngô Sách Thân. Đại từ chuyển ngôi : Tập truyện / Ngô Sách Thân. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 271 tr. ; 21 cm. - 268000đ. - 210b s615143
2095. Ngô Tất Tố. Tắt đèn / Ngô Tất Tố. - H. : Kim Đồng, 2025. - 206 tr. ; 19 cm. - (Tác phẩm Văn học trong nhà trường). - 50000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 199-206 s615586
2096. Ngô Thanh Vân. Vân không / Ngô Thanh Vân. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 165 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 126000đ. - 1000b s614896
2097. Ngô Thị Sỹ. Tuyển tập thơ văn Ngô Thị Sỹ / Tuyển chọn: Trần Thị Băng Thanh, Phạm Ngọc Lan. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1. - 2024. - 367 tr. s615285
2098. Ngô Thị Sỹ. Tuyển tập thơ văn Ngô Thị Sỹ / Tuyển chọn: Trần Thị Băng Thanh, Phạm Ngọc Lan. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

- ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2024. - 383 tr. s615286
2099. Nguyen Nhat Anh. Ticket to childhood / Nguyen Nhat Anh ; Transl.: William Naythons ; Ill.: Do Hoang Tuong. - 8th ed. - Ho Chi Minh City : Tre Publ. House, 2025. - 148 p. : pic. ; 20 cm. - 100000đ. - 1500 copies s613958
2100. Nguyên Hồng. Những ngày thơ ấu : Dành cho lứa tuổi 13+ / Nguyên Hồng. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Kim Đồng, 2025. - 106 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Vàng. Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi). - 30000đ. - 2000b s615584
2101. Nguyên Hồng. Những truyện hay viết cho thiếu nhi / Nguyên Hồng. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2025. - 178 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 55000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Nguyên Hồng s614668
2102. Nguyên Hồng. Tuyển tập Nguyên Hồng / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.4, Q.1: Ký, hồi ký. - 2024. - 511 tr. s615246
2103. Nguyên Hồng. Tuyển tập Nguyên Hồng / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.4, Q.2: Ký. Hồi ký. - 2024. - 639 tr. s615175
2104. Nguyên Hồng. Tuyển tập Nguyên Hồng / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.5, Q.1: Truyện ngắn. - 2024. - 671 tr. s615176
2105. Nguyên Hồng. Tuyển tập Nguyên Hồng / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.5, Q.2: Truyện ngắn. - 2024. - 647 tr. s615177
2106. Nguyên Hồng. Tuyển tập Nguyên Hồng / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.6: Tiểu thuyết. Truyện ngắn. Kịch. Thơ. - 2024. - 495 tr. s615178
2107. Nguyễn Chí Trung. Đối thoại trong đêm : Tiểu thuyết / Nguyễn Chí Trung. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 176 tr. ; 23 cm. - 1000b s614064
2108. Nguyễn Công Hoan. Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 277 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 65000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 268-277 s615589
2109. Nguyễn Đình Chiểu - Về tác gia và tác phẩm / Nguyễn Ngọc Thiện, Phan Văn Hùm, Nguyễn Thạch Giang... ; Tuyển chọn, giới thiệu: Nguyễn Ngọc Thiện. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1. - 2024. - 655 tr. s615158
2110. Nguyễn Đình Chiểu - Về tác gia và tác phẩm / Dương Quảng Hàm, Trần Nghĩa, Nguyễn Quang Vinh... ; Tuyển chọn, giới thiệu: Nguyễn Ngọc Thiện. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

- ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2024. - 607 tr. - Phụ lục: tr. 523-582. - Thư mục: tr. 583-600 s615159
2111. Nguyễn Đình Lạp. Đi tìm một tân văn nghệ : Chân dung và tiểu luận / Nguyễn Đình Lạp ; Đình Thi tuyển chọn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 311 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615267
2112. Nguyễn Hồng Nhung. Người thầy trên núi : Dành cho lứa tuổi 10+ / Nguyễn Hồng Nhung. - H. : Kim Đồng, 2025. - 106 tr. ; 19 cm. - (Văn học tuổi hoa). - 35000đ. - 1500b s615570
2113. Nguyễn Huy Tường. Kịch và văn / Nguyễn Huy Tường. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 226 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 50000đ. - 1500b
Phụ lục: tr. 209-226 s615585
2114. Nguyễn Huy Tường. Sống trong lòng kháng chiến : Nhật kí 1946 - 1954 : Dành cho lứa tuổi 14+ / B.s.: Nguyễn Huy Tường, Nguyễn Huy Thắng. - H. : Kim Đồng, 2025. - 502 tr. ; 23 cm. - 150000đ. - 1000b s614754
2115. Nguyễn Hữu Tiến. Chạy trốn : Tiểu thuyết / Nguyễn Hữu Tiến. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 191 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615306
2116. Nguyễn Minh Châu. Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 317 tr. : ảnh ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 78000đ. - 2000b s615576
2117. Nguyễn Minh Huệ. Chủ đề nông thôn trong "Đăng Hoàng Trung thi sao" của Đặng Huy Trứ : Nghiên cứu / Nguyễn Minh Huệ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 215 tr. : bảng ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 138-147. - Phụ lục: tr. 148-213 s615271
2118. Nguyễn Ngọc Thạch. Đi cùng năm tháng : Thơ / Nguyễn Ngọc Thạch. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 100 tr. ; 21 cm. - 135000đ. - 110b s614080
2119. Nguyễn Ngọc Thiện. Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh : Chuyên luận / Nguyễn Ngọc Thiện. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1. - 2024. - 463 tr. s615169
2120. Nguyễn Ngọc Thiện. Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh : Chuyên luận / Nguyễn Ngọc Thiện. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2024. - 439 tr. - Phụ lục: tr. 368-438 s615170
2121. Nguyễn Nhật Ánh. Chúc một ngày tốt lành : Truyện / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 26. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 190 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 40000đ. - 5000b s615818
2122. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 22. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 135000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 646 tr. s615581
2123. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 21. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 135000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 659 tr. : tranh vẽ s615582

2124. Nguyễn Nhật Ánh. Kính vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 135000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 622 tr. s615583
2125. Nguyễn Nhật Ánh. Lá nằm trong lá : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh ; Minh họa: Đỗ Hoàng Tường. - In lần thứ 38. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 262 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 55000đ. - 5000b s615817
2126. Nguyễn Nhật Ánh. Ngồi khóc trên cây : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 37. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 307 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 78000đ. - 5000b s615819
2127. Nguyễn Nhật Ánh. Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - In lần thứ 55. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2025. - 320 tr. : tranh vẽ ; 15 cm. - 80000đ. - 5000b s615816
2128. Nguyễn Nhật Ánh. Two cats sitting at a window = Có hai con mèo ngồi bên cửa sổ / Nguyễn Nhật Ánh ; Transl.: Nhã Thuyên, Kaitlin Rees ; Ill.: Đỗ Hoàng Tường. - 2nd ed. - Hồ Chí Minh City : Tre Publ. House, 2025. - 187 p. : pic. ; 20 cm. - 195000đ. - 1000 copies s613957
2129. Nguyễn Nhược Pháp. Tuyển tập Nguyễn Nhược Pháp : Thơ. Kịch. Truyện ngắn. Phê bình / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 375 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615324
2130. Nguyễn Phúc An. Nghiên cứu văn học sử với Hoa Bằng qua tạp chí Tri Tân / Nguyễn Phúc An. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 463 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 350-447. - Thư mục: tr. 448-455 s615237
2131. Nguyễn Thành Long. Bài bản cải lương / Nguyễn Thành Long, Nguyễn Hoài Ngân, Nguyễn Trọng Quyền ; S.t., giới thiệu: Vũ Quang Liên... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1. - 2025. - 383 tr. s615265
2132. Nguyễn Thị Phương Lan. Văn trên Tri Tân tạp chí (1941 - 1945): Diện mạo và đặc điểm / Nguyễn Thị Phương Lan. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 351 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 323-349 s615312
2133. Nguyễn Thị Thúy. Chuyện những ngày đẹp trời / Truyện thơ: Nguyễn Thị Thúy ; Vẽ tranh: Quang Toàn. - H. : Kim Đồng, 2025. - 59 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 50000đ. - 1000b s614781
2134. Nguyễn Thị Tuyết Minh. Tiếng sóng tiếng lòng : Tập truyện ngắn / Nguyễn Thị Tuyết Minh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 219 tr. : ảnh ; 21 cm. - 110000đ. - 300b s614900
2135. Nguyễn Thị Việt Hằng. Thánh Tông di thảo - Dấu mốc sáng tạo trên hành trình văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại / Nguyễn Thị Việt Hằng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 327 tr. : bìa ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 281-309. - Thư mục: tr. 310-326 s615311
2136. Nguyễn Trãi. Tuyển tập Nguyễn Trãi / B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

- T.1, Q.2. - 2024. - 511 tr. s615279
2137. Nguyễn Trãi. Tuyển tập Nguyễn Trãi / B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2, Q.1. - 2024. - 239 tr. s615280
2138. Nguyễn Trãi. Tuyển tập Nguyễn Trãi / B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2, Q.2. - 2024. - 311 tr. s615281
2139. Nguyễn Trãi. Tuyển tập Nguyễn Trãi / B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2, Q.3. - 2024. - 343 tr. s615282
2140. Nguyễn Trãi. Tuyển tập Nguyễn Trãi / B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2, Q.4. - 2024. - 191 tr. s615283
2141. Nguyễn Văn Dũng. Ngôi trường trên cao / Nguyễn Văn Dũng. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2025. - 429 tr. : ảnh ; 21 cm. - 190000đ. - 1500b s614268
2142. Nguyễn Văn Tệ. Bài bản cải lương / Nguyễn Văn Tệ, Nguyễn Thúc Khiêm, Nguyễn Thành Long ; S.t., giới thiệu: Vũ Quang Liễn... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2025. - 367 tr. : tranh vẽ s615301
2143. Nguyễn Xuân Ôn. Thơ văn Nguyễn Xuân Ôn / Dịch: Nguyễn Đức Vân... ; Đinh Xuân Lâm giới thiệu, chú thích. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 351 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 338-348. - Thư mục: tr. 349-350 s615317
2144. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Kịch bản, minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b
T.3. - 2025. - 213 tr. : tranh vẽ s615790
2145. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Kịch bản, minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b
T.7. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s615791
2146. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b
T.8. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s615792
2147. Người bà tài giỏi vùng Saga : Truyện tranh / Nguyên tác: Yoshichi Shimada ; Minh họa: Saburo Ishikawa ; Bảo Lam Anh dịch. - H. : Thế giới. - 18 cm. - 52000đ. - 1000b
T.10. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s615793
2148. Người bạn kết nối bé nhỏ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 4+ / Daniela Kunkel ; Nguyễn Thị Kim Liên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 40000đ. - 2000b s614808

2149. Người bạn kết nối bé nhỏ ở trường học : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 4+ / Daniela Kunkel ; Nguyễn Thị Kim Liên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 40000đ. - 2000b s614810

2150. Người bạn kết nối bé nhỏ trong gia đình : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 4+ / Daniela Kunkel ; Nguyễn Thị Kim Liên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 22 cm. - 40000đ. - 2000b s614809

2151. Nhất Linh. Tuyển tập Nhất Linh : Truyện ngắn / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1. - 2024. - 455 tr. s615222

2152. Nhất Linh. Tuyển tập Nhất Linh : Tiểu thuyết / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.3: Gánh hàng hoa. - 2024. - 303 tr. s615223

2153. Nhất Linh. Tuyển tập Nhất Linh : Tiểu thuyết / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.4: Đồi mưa gió. - 2024. - 239 tr. s615224

2154. Nhất Linh. Tuyển tập Nhất Linh : Tiểu thuyết / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.5: Đoạn tuyệt. - 2024. - 239 tr. s615225

2155. Nhất Linh. Tuyển tập Nhất Linh : Tiểu thuyết / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.6: Năng thu... - 2024. - 751 tr. s615226

2156. Nhất Linh. Tuyển tập Nhất Linh : Tiểu thuyết / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.7: Xóm cầu mới (Bèo giạt). - 2024. - 679 tr. s615227

2157. Nhất quỷ nhì ma, thứ ba Takagi : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Soichiro Yamamoto ; Real dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3700b

T.20. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s615654

2158. Nhật kí nơi xứ lạ : Truyện tranh / Tomoko Yamashita ; Anh Huỳnh dịch. - H. : Dân trí. - 18 cm. - 75000đ. - 3000b

T.5. - 2025. - 170 tr. : tranh vẽ s615724

2159. Nhật ký tình yêu của cương thi trăm năm : Truyện tranh : 18+ / Hands2 ; Vọng Nhân Dục Xuyên dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 78 tr. : tranh màu ; 18 cm. - 85000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Trung: 百年老僵的恋爱日记 s615769

2160. Nhị độ mai : Truyện thơ / Vũ Quang Dũng tuyển chọn, giới thiệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 471 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 283-470 s615189

2161. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhánh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 15. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b

- T.8. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615847
2162. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 15. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.9. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615848
2163. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 16. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.14. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615849
2164. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 18. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.22. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615850
2165. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 18. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.23. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615851
2166. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 17. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.29. - 2025. - 190 tr. : tranh vẽ s615852
2167. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 17. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.32. - 2025. - 167 tr. : tranh vẽ s615853
2168. Nhóc Miko! - Cô bé nhí nhảnh : Truyện tranh dành cho thiếu nhi : 6+ / Ono Eriko ; Hải Thọ dịch. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.37. - 2025. - 167 tr. : tranh vẽ s615854
2169. Những bài làm văn mẫu lớp 2 : Theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Xuân Soan (ch.b.), Trần Thìn. - H. : Dân trí, 2025. - 95 tr. ; 27 cm. - 69000đ. - 10000b s615105
2170. Những bài làm văn mẫu lớp 6 / Lê Xuân Soan (ch.b.), Trần Thìn. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Bộ sách Cánh Diều). - 79000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 115 tr. s615109
2171. Những bài làm văn mẫu lớp 6 / Lê Xuân Soan (ch.b.), Trần Thìn. - H. : Dân trí. - 27 cm. - (Bộ sách Chân trời sáng tạo). - 79000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 95 tr. s615108
2172. Những bài làm văn mẫu lớp 6 : Theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Xuân Soan (ch.b.), Trần Thìn. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 69000đ. - 15000b
T.1. - 2025. - 107 tr. s615106
2173. Những bài làm văn mẫu lớp 9 : Theo bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống / Lê Xuân Soan (ch.b.), Trần Thìn. - H. : Dân trí. - 27 cm. - 99000đ. - 10000b
T.1. - 2025. - 147 tr. s615107
2174. Những cây cầu kì diệu - Thế giới này ngập tràn vẻ đẹp! = Bridge of wonder - This world full of beauty! / Sophia Ho. - H. : Thế giới, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 99000đ. - 1000b s614849
2175. Những chiếc áo ấm : Phiên bản sách tranh : Dành cho lứa tuổi 4+ / Nguyên tác: Võ Quảng ; Lược kể: Thu Trang ; Minh họa: NGART, Bùi Xuân Quỳnh. - H. : Kim Đồng, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Những truyện hay viết cho thiếu nhi). - 40000đ. - 2000b s614671

2176. Những vấn đề nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam trên Tập san Nghiên cứu Văn - Sử - Địa (1954 - 1959) / Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Thế Phong, Lê Tùng Sơn... ; Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Dũng, Thế Anh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2025. - 319 tr. s615328
2177. Ninja Rantaro : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Soubee Amako ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.58. - 2025. - 238 tr. : tranh vẽ s615662
2178. Ninja Rantaro : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Soubee Amako ; Nguyễn Văn Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2000b
T.59. - 2025. - 232 tr. : tranh vẽ s615663
2179. Nobita - Vũ trụ phiêu lưu kí : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s615466
2180. Nobita - Vũ trụ phiêu lưu kí : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s615467
2181. Nobita và chuyến du hành biển phương Nam : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s615474
2182. Nobita và chuyến du hành biển phương Nam : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s615475
2183. Nobita và chuyến tàu tốc hành ngân hà : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s615468
2184. Nobita và chuyến tàu tốc hành ngân hà : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 120 tr. : tranh màu s615469
2185. Nobita và cuộc phiêu lưu ở thành phố dây cót : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s615472
2186. Nobita và cuộc phiêu lưu ở thành phố dây cót : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s615473
2187. Nobita và truyền thuyết vua mặt trời : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s615470

2188. Nobita và truyền thuyết vua mặt trời : Truyện tranh : Sách dành cho trẻ em / Nguyên tác: Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - (Tranh truyện màu Doraemon). - 30000đ. - 3000b

T.2. - 2025. - 127 tr. : tranh màu s615471

2189. Nodame Cantabile - Khúc ngẫu hứng của Nodame : Truyện tranh : 13+ / Tomoko Ninomiya ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 115000đ. - 5000b

T.8. - 2025. - 375 tr. : tranh vẽ s615740

2190. Nông Quốc Chấn - Người Núi Hoa (Cần Phaja Bjoóc) : Phê bình - Tiểu luận / Vi Hồng Nhân, Hà Công Tài, Cao Thị Hào... ; B.s., tuyển chọn: Nông Quốc Bình... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 479 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615192

2191. Nông Quốc Chấn. Nông Quốc Chấn - Tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1: Thơ. - 2025. - 479 tr. s615179

2192. Nông Quốc Chấn. Nông Quốc Chấn - Tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2: Phê bình - Tiểu luận. - 2025. - 383 tr. s615180

2193. Nông Quốc Chấn. Nông Quốc Chấn - Tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.5: Phê bình - Tiểu luận. - 2025. - 383 tr. s615183

2194. Nông Quốc Chấn. Nông Quốc Chấn - Tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.6: Phê bình - Tiểu luận. - 2025. - 335 tr. s615184

2195. Nông Sơn Nguyễn Can Mộng. Thơ văn Nông Sơn Nguyễn Can Mộng / S.t., h.đ.: Nguyễn Thị Bội Thanh... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1: Thơ, văn. - 2025. - 407 tr. : ảnh s615249

2196. Nông Sơn Nguyễn Can Mộng. Thơ văn Nông Sơn Nguyễn Can Mộng / S.t., h.đ.: Nguyễn Thị Bội Thanh... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.4: Thơ, văn. - 2025. - 239 tr. : ảnh s615251

2197. Nöstlinger, Christine. Cậu bé trong hộp thiếc : Dành cho lứa tuổi 6+ / Christine Nöstlinger ; Minh họa: Annette Swoboda ; Nguyễn Thị Kim Liên dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 181 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Đức: Konrad oder das kind aus der konservendbüchse s614664

2198. Number call : Truyện tranh : 18+ / Furuya Nagisa ; Viên Viên dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 172 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - 65000đ. - 1000b s615725

2199. Ny An. Gánh nhớ ngang trời : Dành cho lứa tuổi 10+ / Ny An. - H. : Kim Đồng, 2025. - 167 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 55000đ. - 1500b s614696

2200. Once upon a class / Eyram Fiawoyife ; Ill.: Chan Doris. - Dong Nai : Dong Nai Publ. House, 2025. - 31 p. : color pic. ; 21 cm. - 100000đ. - 1000 copies s613874

2201. Once upon our time : Picture book / Vinschool Royal City Kindergarten. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 61 p. : ill. ; 20 cm. - 138000đ. - 500 copies s613831
2202. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.6: Lời thề. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615405
2203. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.14: Bản năng. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s615406
2204. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 4000b
T.26: Phiêu lưu trên đảo của Thần. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615407
2205. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 8000b
T.108: Thà chết còn hơn. - 2025. - 219 tr. : tranh vẽ s615408
2206. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 8000b
T.109: Đứng về phía cháu. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615410
2207. One piece : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 22000b
T.109: Đứng về phía cháu. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615409
2208. One piece - 500 quiz book : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 217 tr. : tranh vẽ s615412
2209. One piece - 500 quiz book : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Eiichiro Oda ; Takara h.đ. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 224 tr. : tranh vẽ s615413
2210. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.3: Lời đồn. - 2025. - 205 tr. : tranh vẽ s615383
2211. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.9: Chớ coi thường!. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s615384
2212. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.10: Tinh thần chiến đấu. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s615385
2213. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.19: Tận diệt cái thảo. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s615386
2214. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b

- T.22: Ánh sáng. - 2025. - 195 tr. : tranh vẽ s615387
2215. One punch man : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / One ; Vẽ tranh: Yusuke Murata ; Dịch: Barbie Ayumi, Mokey King. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 15000b
- T.32: Ban phước. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s615388
2216. Ostrovsky, Nikolai Alekseyevich. Thép đã tôi thế đấy / Nikolai A. Ostrovsky ; Dịch: Thép Mới, Huy Vân. - H. : Kim Đồng, 2025. - 469 tr. ; 24 cm. - 150000đ. - 2000b
 Dịch từ bản tiếng Nga: Как закалялась сталь s614761
2217. Perman - Cậu bé siêu nhân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 T.1. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s615427
2218. Perman - Cậu bé siêu nhân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 T.2. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615428
2219. Perman - Cậu bé siêu nhân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 T.3. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615429
2220. Perman - Cậu bé siêu nhân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 T.4. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615430
2221. Perman - Cậu bé siêu nhân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 T.5. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615431
2222. Perman - Cậu bé siêu nhân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 T.6. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615432
2223. Perman - Cậu bé siêu nhân : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Fujiko F. Fujio. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
 T.7. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615433
2224. Phạm Hồng Phin. Nắng vàng trên ruộng mỏ : Tiểu thuyết / Phạm Hồng Phin. - H. : Hồng Đức, 2025. - 218 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b s614552
2225. Phạm Văn Ánh. Thẻ loại từ Việt Nam thời trung đại: Văn bản - Tác giả - Tác phẩm / Phạm Văn Ánh. - In lần thứ 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 632 tr. : bìa ; 21 cm. - (Tủ sách Di sản Văn hoá Việt Nam). - 320000đ. - 200b
 Phụ lục: tr. 523-600. - Thư mục: tr. 601-616 s614877
2226. Phan Phác. Cuộc đấu trí bất ngờ / Phan Phác ; Ghi: Trúc Kỳ. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 191 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
 ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 175-188 s615307
2227. Phát Dương. Phù thủy Sẻ Nâu và chiếc nhẫn mắt tích : Dành cho lứa tuổi 6+ / Phát Dương ; Minh họa: Minh Thảo. - H. : Kim Đồng, 2025. - 254 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Tuổi thần tiên). - 65000đ. - 1500b s614672
2228. Pho Ba Hao Nam. Family story / Pho Ba Hao Nam. - H. : Thế giới. - 21 cm. - 100 copies

- Vol.2. - 2025. - 428 p. : phot. s613960
2229. Phong thần diễn nghĩa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Ryu Fujisaki ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 70000đ. - 2400b
T.16. - 2025. - 246 tr. : tranh vẽ s615672
2230. Phong thần diễn nghĩa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Ryu Fujisaki ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 70000đ. - 2400b
T.17. - 2025. - 243 tr. : tranh vẽ s615673
2231. Phong thần diễn nghĩa : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Ryu Fujisaki ; Ili Tenjou dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 70000đ. - 2700b
T.18. - 2025. - 224 tr. : tranh vẽ s615674
2232. Phùng Ngọc Kiên. Tự chủ văn chương và sứ mệnh tự do : Nghiên cứu / Phùng Ngọc Kiên (ch.b.), Đoàn Anh Dương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 591 tr. : ảnh, bảng ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615198
2233. Phùng Thời. Khe nứt / Phùng Thời ; Gia Ninh dịch. - H. : Lao động, 2025. - 328 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 縫隙 s614430
2234. Quách Tấn. Mùa cổ điển / Quách Tấn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 139 tr. ; 27 cm. - 250000đ. - 1000b s613659
2235. Quách Thị Bích Thủy. Đặc sắc ngôn ngữ nghệ thuật trong tùy bút người lính Đỗ Chu : Sách chuyên khảo / Quách Thị Bích Thủy. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 212 tr. ; 24 cm. - 268000đ. - 56b
Thư mục: tr. 201-208 s614542
2236. Quát Tử Bất Toan. Hà Thanh Hải Yến - Ngang qua ngõ nhỏ bình an / Quát Tử Bất Toan ; Lục Bích dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Dân trí, 2025. - 321 tr. ; 21 cm. - 196000đ. - 4000b
Tên sách tiếng Trung: 河清海宴 s615015
2237. RỒNG SĂN TÌM NHÀ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Kawo Tanuki ; Minh họa: Choco Aya ; Tatsuhiro dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 2300b
T.5. - 2025. - 149 tr. : tranh vẽ s615661
2238. Sáenz, Benjamin Alire. Aristotle và Dante đắm mình vào dòng chảy thế giới : Tiểu thuyết : Dành cho tuổi trưởng thành / Benjamin Alire Sáenz ; Jack Frogg dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 527 tr. ; 23 cm. - 150000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Aristotle and Dante dive into the waters of the world s614753
2239. Sáenz, Benjamin Alire. Aristotle và Dante khám phá bí mật của vũ trụ : Tiểu thuyết : Dành cho tuổi trưởng thành / Benjamin Alire Sáenz ; Jack Frogg dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 366 tr. ; 23 cm. - 110000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Aristotle and Dante discover the secrets of the universe s614752
2240. Saint-Exupéry, Antoine de. Hoàng tử bé / Antoine de Saint-Exupéry ; Khắc Phục dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 145 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - 99000đ. - 1000b s615008
2241. Sát Thát : Truyện tranh / Tranh: Nguyễn Bích ; Lời: Lê Vân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 106 tr. : tranh vẽ ; 16x24 cm. - 60000đ. - 2000b s615601
2242. Sazan và cô gái sao chổi = Sazan and comet girl : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15 + / Yuriko Akase ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 85000đ. - 4000b

- T.1. - 2025. - 238 tr. : tranh vẽ s615650
2243. Sazan và cô gái sao chổi = Sazan and comet girl : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 15+ / Yuriko Akase ; Takara dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 85000đ. - 4000b
- T.2. - 2025. - 257 tr. : tranh vẽ s615651
2244. Servamp - Hầu cận ma cà rồng : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Tanaka Strike ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2600b
- T.16. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s615646
2245. Servamp - Hầu cận ma cà rồng : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Tanaka Strike ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2400b
- T.17. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s615647
2246. Servamp - Hầu cận ma cà rồng : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Tanaka Strike ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2400b
- T.18. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s615648
2247. Servamp - Hầu cận ma cà rồng : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Tanaka Strike ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 2400b
- T.19. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s615649
2248. Shadows house : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Somato ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 4100b
- T.16. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s615677
2249. Shadows house : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 16+ / Somato ; Ukatomai dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 45000đ. - 4000b
- T.17. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s615678
2250. Shangri-La Frontier - Thợ săn game rác khiêu chiến game thần thánh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ryosuke Fuji ; Nguyên tác: Katarina ; Itsuwa Rei dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4400b
- T.12. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615354
2251. Shangri-La Frontier - Thợ săn game rác khiêu chiến game thần thánh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ryosuke Fuji ; Nguyên tác: Katarina ; Itsuwa Rei dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4300b
- T.13. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s615355
2252. Shangri-La Frontier - Thợ săn game rác khiêu chiến game thần thánh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ryosuke Fuji ; Nguyên tác: Katarina ; Itsuwa Rei dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4300b
- T.14. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615356
2253. Shangri-La Frontier - Thợ săn game rác khiêu chiến game thần thánh : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 15+ / Ryosuke Fuji ; Nguyên tác: Katarina ; Itsuwa Rei dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 4200b
- T.15. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615357
2254. Shapiro, Dani. Những đốm lửa trong đêm / Dani Shapiro ; Eggtart dịch. - H. : Lao động, 2025. - 391 tr. ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Signal fires s614373
2255. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Shiranuhi Pro b.s. ; Đạm Nguyệt dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615645

2256. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Kim Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.2. - 2025. - 123 tr. : tranh vẽ s614727
2257. Shin - Cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 12. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 2000b
T.2: Em bé quậy tung, Shin tá hỏa. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s615630
2258. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Kim Anh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.5. - 2025. - 123 tr. : tranh vẽ s614728
2259. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.8: Shin và công chúa Vũ trụ. - 2025. - 162 tr. : tranh vẽ s615485
2260. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Nguyễn Thanh Vân dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.10. - 2025. - 123 tr. : tranh vẽ s614729
2261. Shin - Cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 2000b
T.11: Cu Shin và trải nghiệm trượt tuyết. - 2025. - 186 tr. : tranh màu s615631
2262. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Kenta Aiba ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 5000b
T.13: Tiến lên bố robot!! - 2025. - 322 tr. : tranh vẽ s615484
2263. Shin - Cậu bé bút chì : Truyện dài : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Tranh: Mirei Takata ; Barbie Ayumi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 5000b
T.18: Đụng độ người ngoài hành tinh Shiriri. - 2025. - 137 tr. : tranh vẽ s615486
2264. Shin - Cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 2000b
T.33: Vận động viên lướt sóng Shinnosuke. - 2025. - 185 tr. : tranh màu s615632
2265. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thuỷ dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.36. - 2025. - 123 tr. : tranh vẽ s614730
2266. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thuỷ dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.37. - 2025. - 123 tr. : tranh vẽ s614731
2267. Shin - Cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 2000b
T.43: Chung cư rắc rối. - 2025. - 175 tr. : tranh màu s615633
2268. Shin - Cậu bé bút chì : Tranh truyện dành cho lứa tuổi 12+ / Yoshito Usui ; Hà Thuỷ dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 25000đ. - 5000b
T.44. - 2025. - 123 tr. : tranh vẽ s614732

2269. Shin - Cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 2000b

T.49: Đi tìm Bạch Tuyết. - 2025. - 187 tr. : tranh màu s615634

2270. Shin - Cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 12+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Barbie Ayumi dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 2000b

T.50: Kazama tập làm người lớn. - 2025. - 183 tr. : tranh màu s615635

2271. Shin - Cậu bé bút chì: 20 vĩ nhân thế giới : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Zou Jimusho b.s. ; Đạm Nguyệt dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 205 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615640

2272. Shin - Cậu bé bút chì: Di sản thế giới : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Zou Jimusho b.s. ; Đạm Nguyệt dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615643

2273. Shin - Cậu bé bút chì: Điều kì diệu của vũ trụ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Zou Jimusho b.s. ; Dịch: Thùy Dương, Đạm Nguyệt. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 205 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615642

2274. Shin - Cậu bé bút chì: Khám phá thế giới côn trùng : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Zou Jimusho b.s. ; Đạm Nguyệt dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615639

2275. Shin - Cậu bé bút chì: Nghề nghiệp quanh ta : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Rinrinsha b.s. ; Đạm Nguyệt dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 205 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615638

2276. Shin - Cậu bé bút chì: Những câu hỏi vì sao : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Zou Jimusho b.s. ; Đạm Nguyệt dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 191 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615641

2277. Shin - Cậu bé bút chì: Quan sát thiên nhiên : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Zou Jimusho b.s. ; Ngọc Linh dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615644

2278. Shin - Cậu bé bút chì: Thể thao thật thú vị : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Libero Style b.s. ; Đạm Nguyệt dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 206 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615636

2279. Shin - Cậu bé bút chì: Tìm hiểu các quốc gia trên thế giới : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 7+ / Nguyên tác: Yoshito Usui ; Libero Style b.s. ; Ngọc Linh dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 18 cm. - (Tủ sách Khoa học Shin - Cậu bé bút chì). - 40000đ. - 2000b s615637

2280. Siêu quậy Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b

- T.3. - 2025. - 212 tr. : tranh vẽ s615362
2281. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.4. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s615363
2282. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.5. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s615364
2283. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.7. - 2025. - 198 tr. : tranh vẽ s615365
2284. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.8. - 2025. - 214 tr. : tranh vẽ s615366
2285. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.10. - 2025. - 214 tr. : tranh vẽ s615367
2286. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.11. - 2025. - 215 tr. : tranh vẽ s615368
2287. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.13. - 2025. - 212 tr. : tranh vẽ s615369
2288. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.16. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s615370
2289. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.17. - 2025. - 170 tr. : tranh vẽ s615371
2290. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.20. - 2025. - 198 tr. : tranh vẽ s615372
2291. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.21. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s615373
2292. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.22. - 2025. - 210 tr. : tranh vẽ s615374
2293. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.23. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s615375
2294. Siêu quây Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
- T.24. - 2025. - 204 tr. : tranh vẽ s615376

2295. Siêu quậy Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.25. - 2025. - 211 tr. : tranh vẽ s615377
2296. Siêu quậy Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.26. - 2025. - 200 tr. : tranh vẽ s615378
2297. Siêu quậy Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.27. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s615379
2298. Siêu quậy Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.28. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s615380
2299. Siêu quậy Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.30. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s615381
2300. Siêu quậy Teppei : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 13+ / Tetsuya Chiba ; Thu Kane dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 3000b
T.31. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s615382
2301. Simone de Beauvoir : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Studio Ollim ; Tranh: Toon Jangee ; Nguyễn Thị Hồng Hà dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 181 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Who? Simone de Beauvoir s614709
2302. Slam dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 235 tr. : tranh vẽ s615684
2303. Slam dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 238 tr. : tranh vẽ s615685
2304. Slam dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 242 tr. : tranh vẽ s615686
2305. Slam dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.4. - 2025. - 242 tr. : tranh vẽ s615687
2306. Slam dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.5. - 2025. - 225 tr. : tranh vẽ s615688
2307. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.6. - 2025. - 244 tr. : tranh vẽ s615689
2308. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.7. - 2025. - 225 tr. : tranh vẽ s615690

2309. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.11. - 2025. - 239 tr. : tranh vẽ s615691
2310. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.14. - 2025. - 239 tr. : tranh vẽ s615692
2311. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.15. - 2025. - 241 tr. : tranh vẽ s615693
2312. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.16. - 2025. - 244 tr. : tranh vẽ s615694
2313. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.17. - 2025. - 244 tr. : tranh vẽ s615695
2314. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Dịch: Danna, Leo. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.18. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s615696
2315. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.19. - 2025. - 225 tr. : tranh vẽ s615697
2316. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.20. - 2025. - 242 tr. : tranh vẽ s615698
2317. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.21. - 2025. - 242 tr. : tranh vẽ s615699
2318. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.22. - 2025. - 243 tr. : tranh vẽ s615700
2319. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.23. - 2025. - 245 tr. : tranh vẽ s615701
2320. Slam Dunk - Deluxe edition : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Takehilo Inoue ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.24. - 2025. - 250 tr. : tranh vẽ s615702
2321. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b
T.3. - 2025. - 185 tr. : tranh vẽ s615823
2322. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b
T.4. - 2025. - 193 tr. : tranh vẽ s615824
2323. Sobotei - Dinh thự ma ám : Truyện tranh : 18+ / Kazuhiro Fujita ; Liên Vũ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 3000b

- T.5. - 2025. - 183 tr. : tranh vẽ s615825
2324. Song Hào. Dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng : Hồi ký / Song Hào ; Hồ Phương ghi. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 255 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615296
2325. Sophia Ho. Nghĩa trang của giấc mơ = The cemetery of dream / Sophia Ho. - H. : Thế giới, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 24 cm. - 89000đ. - 1000b s614304
2326. Sơn Tùng. The green lotus bud / Sơn Tùng ; Transl.: Phan Thanh Hào... ; Ill.: Văn Cao. - H. : Kim Đồng, 2025. - 354 p. : pic. ; 21 cm. - 79000đ. - 2000 copies
Title in Vietnamese: Búp sen xanh s613817
2327. Sơn Tùng. Gửi em chiếc nón bài thơ : Thơ / Sơn Tùng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 447 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615211
2328. Sơn Tùng. Lỡm : Tiểu thuyết / Sơn Tùng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 687 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b s614076
2329. Sơn Tùng. Nguyễn Hữu Tiến - Người vẽ cờ Tổ quốc / Sơn Tùng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 303 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 300-302 s615289
2330. Sunsunsun. Arya bàn bên thỉnh thoảng lại trêu ghẹo tôi bằng tiếng Nga : Dành cho lứa tuổi 18+ / Sunsunsun ; Minh hoạ: Momoco ; Trần Trần dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 19 cm. - 95000đ. - 2000b
T.3. - 2025. - 421 tr. : tranh vẽ s615667
2331. Su tử tháng 3 = March comes in like a lion : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 14+ / Chica Unmino ; Hương Giang dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 18 cm. - 35000đ. - 2000b
T.17. - 2025. - 184 tr. : tranh vẽ s615655
2332. Swanson, Peter. 8 vụ án hoàn hảo - Vạch trần tâm lý kẻ phạm tội / Peter Swanson ; Fatass Racoon dịch. - Tái bản. - H. : Lao động, 2025. - 293 tr. ; 24 cm. - 145000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Anh: Eight perfect murders s614524
2333. Tae Woan Ha. Gửi đến bạn một cái ôm ấm áp / Tae Woan Ha ; Hoa Hoa dịch. - H. : Lao động, 2025. - 190 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Hàn: 나는 너랑 노는 게 제일 좋아; Tên sách tiếng Anh: I love playing with you best s614366
2334. Tài liệu bồi dưỡng học sinh giỏi môn Ngữ văn : Theo Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 / Ngô Đình Vân Nhi (ch.b.), Võ Thanh Minh, Nguyễn Thị Kiều Giang... - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 374 tr. : bảng ; 27 cm. - 250000đ. - 2000b s613436
2335. Takenote! Văn 6 : Theo Chương trình Sách giáo khoa mới nhất : Dễ học, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng / Nguyễn Quốc Khánh (ch.b.), Ngô Minh Hương, Phạm Ngọc Minh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 106 tr. : hình vẽ, bảng ; 21 cm. - 139000đ. - 2000b s615121
2336. Tanaka, Shelley. Những đứa trẻ bị bỏ quên = Nobody knows : Dựa trên bộ phim cùng tên của đạo diễn Kore-eda Hirokazu / Shelley Tanaka ; Phí Mai dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 199 tr. ; 19 cm. - 159000đ. - 2000b s615009
2337. Tay súng thần : Truyện tranh / Lời: Trần Đăng Duy ; Tranh: Đặng Nam Phương. - H. : Kim Đồng, 2025. - 110 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 3000b s614678

2338. Tân Triều Lăng Tử. Nguyễn Bình Khiêm - Thêm một hư cấu : Nghiên cứu / Tân Triều Lăng Tử. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 215 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 129-198. - Thư mục: tr. 199-212 s615313
2339. Thạch Lam. Gió lạnh đầu mùa / Thạch Lam. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 203 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 44000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 191-203 s615588
2340. Thạch Lam. Gió lạnh đầu mùa : Tập truyện ngắn / Thạch Lam. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 219 tr. ; 21 cm. - 68000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Tường Lân s615123
2341. Thạch Lam. Hà Nội băm sáu phố phường / Thạch Lam. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 105 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 30000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 96-105 s615587
2342. Thạch Lam. Tuyển tập Thạch Lam / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1: Tiểu thuyết. Truyện ngắn. - 2024. - 463 tr. s615330
2343. Thạch Lam. Tuyển tập Thạch Lam / B.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2: Truyện ngắn. Tập văn. - 2024. - 343 tr. s615331
2344. Thái Thị Hoài An. Giáo trình Văn học phương Tây 2 / Thái Thị Hoài An (ch.b.), Hoàng Thị Thúy. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 259 tr. ; 24 cm. - 168000đ. - 100b
Thư mục: tr. 253-259 s614939
2345. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.4. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s615528
2346. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.9. - 2025. - 174 tr. : tranh vẽ s615529
2347. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.11. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615530
2348. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.12. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615531
2349. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.16. - 2025. - 179 tr. : tranh vẽ s615532
2350. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.19. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s615533
2351. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.32. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615534

2352. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.34. - 2025. - 194 tr. : tranh vẽ s615535
2353. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.35. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615522
2354. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.36. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615536
2355. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.37. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s615523
2356. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.38. - 2025. - 176 tr. : tranh vẽ s615524
2357. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.39. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615525
2358. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.40. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s615526
2359. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 6000b
T.41. - 2025. - 189 tr. : tranh vẽ s615527
2360. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.50. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615537
2361. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 17. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.51. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615538
2362. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.59. - 2025. - 181 tr. : tranh vẽ s615539
2363. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.65. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615540
2364. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.69. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615541
2365. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.70. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615542
2366. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b

- T.75. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615543
2367. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.79. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615544
2368. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.86. - 2025. - 177 tr. : tranh vẽ s615545
2369. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.87. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615546
2370. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.94. - 2025. - 180 tr. : tranh vẽ s615547
2371. Thám tử lừng danh Conan : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 25000đ. - 10000b
T.101. - 2025. - 178 tr. : tranh vẽ s615548
2372. Thám tử lừng danh Conan - Cầu thủ ghi bàn số 11 : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 204 tr. : tranh màu s615555
2373. Thám tử lừng danh Conan - Cầu thủ ghi bàn số 11 : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 205 tr. : tranh màu s615556
2374. Thám tử lừng danh Conan - Cú đấm Sapphire xanh : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Kịch bản: Takahiro Okura ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 8000b
T.1. - 2025. - 205 tr. : tranh màu s615553
2375. Thám tử lừng danh Conan - Cú đấm Sapphire xanh : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Kịch bản: Takahiro Okura ; Altair dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 8000b
T.2. - 2025. - 205 tr. : tranh màu s615554
2376. Thám tử lừng danh Conan - Kẻ hành pháp Zero : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Kịch bản: Takeharu Sakurai ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 204 tr. : tranh màu s615549
2377. Thám tử lừng danh Conan - Kẻ hành pháp Zero : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Kịch bản: Takeharu Sakurai ; Hương Giang dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 204 tr. : tranh màu s615550
2378. Thám tử lừng danh Conan - Khinh khí cầu mắc nạn : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.1. - 2025. - 204 tr. : tranh màu s615551

2379. Thám tử lừng danh Conan - Khinh khí cầu mắc nạn : Hoạt hình màu : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Nguyên tác: Gosho Aoyama ; Tạ Phương Hà dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 60000đ. - 2000b
T.2. - 2025. - 204 tr. : tranh màu s615552
2380. Thám tử lừng danh Conan - Tuyển tập fan bình chọn : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 40000đ. - 3000b
T.1. - 2025. - 223 tr. : tranh vẽ s615557
2381. Thám tử lừng danh Conan - Tuyển tập fan bình chọn : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi thiếu niên / Gosho Aoyama. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 279 tr. : tranh vẽ s615558
2382. Thám tử Xeno và 7 căn phòng kín : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 16+ / Nguyên tác: Kyouichi Nanatsuki ; Minh họa: Teppei Sugiyama ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 3000b
T.8. - 2025. - 208 tr. : tranh vẽ s615619
2383. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.6: Phán xét của các Trụ cột. - 2025. - 195 tr. : tranh vẽ s615389
2384. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.7: Giao chiến nơi chật hẹp. - 2025. - 203 tr. : tranh vẽ s615390
2385. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.8: Sức mạnh của Thượng huyền - Sức mạnh của Trụ cột. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615391
2386. Thanh gươm diệt quỷ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 17+ / Koyoharu Gotouge ; Simirimi dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 30000đ. - 5000b
T.10: Người và quỷ. - 2025. - 196 tr. : tranh vẽ s615392
2387. Thánh địa khủng long : Truyện tranh : 12+ / Itaru Kinoshita ; Hồng Mỹ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3500b
T.2. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615834
2388. Thánh địa khủng long : Truyện tranh : 12+ / Itaru Kinoshita ; Hồng Mỹ dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 55000đ. - 3000b
T.3. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615835
2389. Thâm Tâm. Thơ Thâm Tâm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 112 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 35000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 71-112 s615590
2390. Thế Lữ. Thơ Thế Lữ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 129 tr. ; 19 cm. - (Tủ sách Văn học trong nhà trường). - 35000đ. - 2000b
Phụ lục: tr. 110-129 s615593
2391. Thị trấn mèo : Truyện tranh / Nekomaki ; R.E.I dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 68000đ. - 10000b
T.10. - 2025. - 170 tr. : tranh vẽ s615653
2392. Thiên sứ nhà bên : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 18+ / Nguyên tác: Saekisan ; Chuyển thể: Suzu Juki ; Minh họa: Hanekoto, Wan Shibata ; Trần Trần dịch. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 50000đ. - 3000b

- T.1. - 2025. - 186 tr. : tranh vẽ s615665
2393. Thơ cho thiếu nhi / Hà An, Võ Thanh An, Thuy Anh... - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 267 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 78000đ. - 1000b s615125
2394. Thu Thủy. Bên kia ranh giới hôn nhân : Truyện vừa / Thu Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 168 tr. ; 19 cm. - 125000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Thị Thu Thủy s615735
2395. Thực chiến viết đoạn văn và bài văn nghị luận xã hội : Bám sát Chương trình GDPT 2018 (cả 3 bộ sách)... / Nguyễn Khoa Hạnh Ly, Phan Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần 1 có chỉnh sửa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 251 tr. : bìa ; 27 cm. - 260000đ. - 1000b s613708
2396. Ti vi muốn nghỉ một ngày : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614737
2397. Tìm rồn : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Tranh: Morio Shiota ; Lời: Tomoko Sakura ; Trần Trần dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 28 tr. : tranh màu ; 25 cm. - (Bầy chú ếch con; T.2). - 40000đ. - 2000b s614764
2398. Tình yêu Lv.999 của Yamada và tôi : Truyện tranh : 13+ / Mashiro ; Vương Hải Yến dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 60000đ. - 5000b
T.1. - 2025. - 192 tr. : tranh vẽ s615737
2399. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b
T.9. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s615829
2400. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b
T.10. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s615830
2401. Tình yêu nhân vật phụ : Truyện tranh : 18+ / Akane Tamura ; Lục Thảo dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 45000đ. - 2000b
T.11. - 2025. - 159 tr. : tranh vẽ s615831
2402. To như trái núi, nhẹ tựa lông hồng : Truyện tranh / Davide Cali ; Minh họa: Marco Somà ; Minh Anh biên dịch. - H. : Nxb. Hà Nội, 2025. - 22 tr. : tranh vẽ ; 29 cm. - 139000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Pháp: Un léger goût de mangue s613573
2403. Tô Hoài. Dế Mèn phiêu lưu ký / Tô Hoài ; Minh họa: Đậu Đũa. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 174 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 225000đ. - 2000b
Tên thật tác giả: Nguyễn Sen s613646
2404. Tô Hoài. Kẻ cướp bến Bôi : Tiểu thuyết : Dành cho tuổi trưởng thành / Tô Hoài. - H. : Kim Đồng, 2025. - 230 tr. ; 21 cm. - 70000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Nguyễn Sen s614690
2405. Tô Hoài. Mẹ mìn bố mìn : Tiểu thuyết : Dành cho tuổi trưởng thành / Tô Hoài. - H. : Kim Đồng, 2025. - 327 tr. ; 21 cm. - 89000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Nguyễn Sen s614688
2406. Tô Hoài. Những ngõ phố : Tiểu thuyết : Dành cho tuổi trưởng thành / Tô Hoài. - H. : Kim Đồng, 2025. - 346 tr. ; 21 cm. - 95000đ. - 1500b
Tên thật tác giả: Nguyễn Sen s614689

2407. Tổ Hữu. Theo chân Bác / Thơ: Tổ Hữu ; Tranh: Văn Thơ. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 47 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 60000đ. - 2000b s614779

2408. Tôi thắng cấp một mình = Solo leveling : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 17+ / Nguyên tác: Chugong ; Họa sĩ: Dubu ; Huyền Linh dịch. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 88000đ. - 6000b

T.22. - 2025. - 148 tr. : tranh vẽ s614723

2409. Tôi có một bạn bò = I have a cow : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi nhi đồng / Lời, tranh: Lin Wenpei ; Dịch: Tai Yu Jing... - H. : Kim Đồng, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tôi có gì nhỉ? = What I have?; T.1). - 35000đ. - 2000b s614822

2410. Tôi có một cái cây = I have a tree : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi nhi đồng / Lời, tranh: Lin Wenpei ; Dịch: Tai Yu Jing... - H. : Kim Đồng, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tôi có gì nhỉ? = What I have?; T.2). - 35000đ. - 2000b s614821

2411. Tôi có một cây bút = I have a pen : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi nhi đồng / Lời, tranh: Lin Wenpei ; Dịch: Tai Yu Jing... - H. : Kim Đồng, 2025. - 29 tr. : tranh vẽ ; 22 cm. - (Tôi có gì nhỉ? = What I have?; T.3). - 35000đ. - 2000b s614823

2412. Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX / Phạm Quỳnh, Vũ Đình Long, Ngô Đức Kế... ; Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.) ; Cao Kim Lan s.t., tuyển chọn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2: Tranh luận về Truyện Kiều (1924 - 1944). - 2024. - 575 tr. : bảng. - Thư mục: tr. 569-574 s615259

2413. Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX / Phan Khôi, Hải Triều, Thành Lâm... ; Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.) ; Cao Kim Lan s.t., tuyển chọn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.3: Tranh luận về duy tâm hay duy vật. - 2024. - 191 tr. - Thư mục: tr. 180-183. - Phụ lục: tr. 184-190 s615260

2414. Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX / Phan Khôi, Vân Bằng, Lưu Trọng Lư... ; Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.) ; Cao Kim Lan s.t., tuyển chọn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.4: Tranh luận về thơ mới/ thơ cũ. - 2024. - 591 tr. - Thư mục: tr. 584-589 s615261

2415. Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX / Thiếu Sơn, Hoài Thanh, Hải Triều... ; Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.) ; Cao Kim Lan s.t., tuyển chọn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.5: Tranh luận về nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh (1935 - 1939). - 2024. - 623 tr. - Thư mục: tr. 614-622 s615262

2416. Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX / Thái Phi, Vũ Trọng Phụng, Lê Thanh... ; Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.) ; Cao Kim Lan s.t., tuyển chọn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.6: Tranh luận về dâm hay không dâm. - 2024. - 127 tr. - Thư mục: tr. 118-124 s615263

2417. Trần Bảo Định. Bông tre trên đất Rừng Dầu : Giới thiệu Nhà nghiên cứu Võ Quốc Việt / Trần Bảo Định. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 230 tr. ; 20 cm. - 150000đ. - 300b

Phụ chú: tr. 182-226.- Thư mục: tr. 227-230 s614006

2418. Trần Đình Vân. Sống như anh : Truyện kí / Trần Đình Vân ; Minh họa: Lê Huyền Trang. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2025. - 131 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 35000đ. - 1500b s614692

2419. Trần Đức Trí. Chiếc bách giữa dòng : Tiểu thuyết / Trần Đức Trí. - H. : Tri thức, 2025. - 733 tr. ; 21 cm. - 290000đ. - 500b s614957

2420. Trần Huy Liệu. Thơ Trần Huy Liệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 183 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615304

2421. Trần Mạnh Hào. Đất nước hình tia chớp : Trường ca / Trần Mạnh Hào. - Tái bản. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 128 tr. ; 23 cm. - 1000b s614063

2422. Trần Minh Cường. Những mảnh vỡ : Tản văn / Trần Minh Cường. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 144 tr. ; 20 cm. - 120000đ. - 1000b s615782

2423. Trần Mỹ Thương. Hoa trên xứ đá : Tập truyện ngắn / Trần Mỹ Thương. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 169 tr. ; 23 cm. - 135000đ. - 1000b s614901

2424. Trần Ngọc Sơn. Biết ơn : Thơ / Trần Ngọc Sơn. - H. : Hồng Đức, 2025. - 79 tr. ; 21 cm. - 120000đ. - 1000b s614613

2425. Trần Phương Hồng Điều. Những mùa yêu thương : Thơ / Trần Phương Hồng Điều. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 95 tr. ; 21 cm. - 126000đ. - 500b s614890

2426. Trần Quang Nghiệp. Tuyển tập Trần Quang Nghiệp / Trần Văn Trọng s.t., giới thiệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1. - 2024. - 511 tr. - Phụ lục: tr. 503-510 s615252

2427. Trần Quang Nghiệp. Tuyển tập Trần Quang Nghiệp / Nghiên cứu, s.t., giới thiệu: Trần Văn Trọng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2, Q.1: Tiểu thuyết. - 2024. - 647 tr. s615199

2428. Trần Quang Nghiệp. Tuyển tập Trần Quang Nghiệp / Nghiên cứu, s.t., giới thiệu: Trần Văn Trọng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2, Q.2: Tiểu thuyết. - 2024. - 687 tr. - Phụ lục: tr. 679-686 s615200

2429. Trần Quang Nghiệp. Tuyển tập Trần Quang Nghiệp : Tiểu thuyết / Trần Văn Trọng nghiên cứu, s.t., giới thiệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2, Q.3. - 2024. - 423 tr. - Phụ lục: tr. 415-422 s615201

2430. Trần Quang Nghiệp. Tuyển tập Trần Quang Nghiệp / Trần Văn Trọng s.t., giới thiệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2, Q.4: Tiểu thuyết. - 2024. - 383 tr. - Phụ lục: tr. 375-382 s615253

2431. Trần Sơn Hải. Sóng xưa : Thơ / Trần Sơn Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 147 tr. ; 21 cm. - 152000đ. - 1000b s614891

2432. Trần Tiêu. Tuyển tập Trần Tiêu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1. - 2024. - 599 tr. s615160

2433. Trần Tiêu. Tuyển tập Trần Tiêu / Tuyển chọn, b.s.: Nguyễn Quang Thiều, Đào Bá Đoàn. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2024. - 255 tr. s615290
2434. Trần Văn Trọng. Truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX / Trần Văn Trọng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 391 tr. : bìa ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 230-247. - Phụ lục: tr. 248-373 s615315
2435. Trần Xuân Đạt. Bùi Bá Tuân - Lý trí vào đời: Hồn thơ vọng mãi / Trần Xuân Đạt. - H. : Lao động, 2025. - 439 tr. : hình vẽ ; 21 cm. - (Tác phẩm & Dư luận). - 350000đ. - 1000b s614440
2436. Trần Xuân Đạt. Chân trời rộng mở / Trần Xuân Đạt. - H. : Lao động. - 21 cm. - 250000đ. - 1000b
Q.2. - 2025. - 231 tr. : ảnh, tranh vẽ s614442
2437. Trịnh Vĩnh Đức. Điểm hẹn văn chương : Tiểu luận - Phê bình / Trịnh Vĩnh Đức. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa. - 21 cm. - 185000đ. - 320b
T.2. - 2025. - 305 tr. s614242
2438. Truyện cổ tích Việt Nam được yêu thích nhất : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Lời: Hồng Hà, Nguyễn Huy Tường, Thụy Anh... ; Tranh: Nguyễn Bích... - Tái bản lần thứ 9. - H. : Kim Đồng, 2025. - 132 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 80000đ. - 2000b s614772
2439. Truyện ngắn, ký sự trên báo Ích Hữu / Yến Đình, Tam Lang, J. Leiba... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 319 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615305
2440. Truyện Phan Trần và truyện Thạch Sanh : Truyện thơ Việt Nam / Vũ Quang Dũng tuyển chọn, giới thiệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 391 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 223-389 s615269
2441. Trương Anh Quốc. Trùng khơi nghe sóng : Tiểu thuyết / Trương Anh Quốc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 326 tr. ; 23 cm. - 189000đ. - 1000b s614902
2442. Trương Anh Tú. Trắng mây tóc mẹ : Dành cho thiếu nhi / Thơ: Trương Anh Tú ; Tranh: Quyên Thái. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 49 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 45000đ. - 2000b s614786
2443. Trương Thị Hạnh. Ngược dòng số phận, thay đổi cuộc đời : Tự truyện / Trương Thị Hạnh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 143 tr. : ảnh màu ; 21 cm. - 199000đ. - 1015b s614027
2444. Trương Tửu. Trương Tửu - Tuyển tập lý luận phê bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2, Q.2: Chuyên luận. - 2025. - 399 tr. : tranh vẽ s615302
2445. Trương Tửu. Trương Tửu - Tuyển tập lý luận phê bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.4: Tiểu luận. - 2025. - 239 tr. s615287
2446. Tủ lạnh muốn nghỉ hè : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Tiểu Tuệ dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614734

2447. Tú Linh Podcast. Không có từ dễ dàng trong thế giới người lớn = The journal to grow up / Tú Linh Podcast ; Falka dịch. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 207 tr. ; 17 cm. - 99000đ. - 2000b s615789

2448. Tú Linh Podcast. Không có từ dễ dàng trong thế giới người lớn : Tản văn song ngữ Việt - Trung / Tú Linh Podcast ; Hàn Vũ Phi dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 208 tr. ; 17 cm. - 79000đ. - 2000b

Tên sách Tiếng Trung: 在成年人世界里没有轻易这个词 s615768

2449. Tùng Lê. Đời không trọn vẹn : Dành cho tuổi trưởng thành / Tùng Lê. - H. : Kim Đồng, 2025. - 139 tr. ; 21 cm. - 50000đ. - 1500b s614695

2450. Tuổi thơ ông = Grandpa's childhood / Nguyễn Hà Phương ; Minh họa: Chan Doris. - H. : Hồng Đức, 2025. - 40 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 145000đ. - 200b s614607

2451. Tuyển chọn 207 đề và bài văn hay 6 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Thái Quang Vinh, Nguyễn Phước Lợi. - H. : Dân trí, 2025. - 145 tr. ; 27 cm. - 82000đ. - 5000b s615128

2452. Tuyển chọn 207 đề và bài văn hay 8 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Phước Lợi. - H. : Dân trí, 2025. - 238 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 129000đ. - 5000b s615127

2453. Tuyển chọn những bài văn đạt giải cấp tỉnh, thành phố và quốc gia trung học cơ sở : Rèn luyện kỹ năng viết văn... / Nguyễn Thành Huân s.t., tuyển chọn, b.s. - H. : Dân trí, 2025. - 448 tr. ; 24 cm. - 224000đ. - 500b

Thư mục: tr. 437-438 s615001

2454. Tuyển tập khúc ngâm Việt Nam / Tuyển chọn, giới thiệu: Vũ Quang Liễn... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2. - 2025. - 559 tr. - Phụ lục: tr. 448-556 s615229

2455. Tuyển tập phê bình văn học Việt Nam (1900 - 1945) / Phan Chu Trinh, Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Kế Bính... ; Tuyển chọn: Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.)... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1. - 2024. - 527 tr. - Thư mục: tr. 29-45 s615241

2456. Tuyển tập phê bình văn học Việt Nam (1900 - 1945) / Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu, Nguyễn Văn Ngọc... ; Tuyển chọn: Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.)... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2. - 2024. - 511 tr. s615242

2457. Tuyển tập phê bình văn học Việt Nam (1900 - 1945) / Lưu Trọng Lư, Đồng Hồ, Võ Liêm Sơn... ; Tuyển chọn: Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.)... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.3. - 2024. - 607 tr. s615243

2458. Tuyển tập phê bình văn học Việt Nam (1900 - 1945) / Chế Lan Viên, Đào Đăng Vỹ, Ngô Tất Tố... ; Tuyển chọn: Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.)... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.4. - 2024. - 535 tr. s615244

2459. Tuyển tập phê bình văn học Việt Nam (1900 - 1945) / Hoàng Ngọc Phách, Đinh Gia Trinh, Vũ Bằng... ; Tuyển chọn: Nguyễn Ngọc Thiện (ch.b.)... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.5. - 2024. - 511 tr. s615245

2460. Tuyển tập thơ ca thời Trần / Nguyễn Trung Ngạn, Trần Hiệu Khả, Phạm Ngộ... ; B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.6. - 2024. - 543 tr. s615171

2461. Tuyển tập thơ ca thời Trần / Chu Văn An, Hồ Tông Thốc, Phạm Sư Mạnh... ; B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.7. - 2024. - 431 tr. s615172

2462. Tuyển tập thơ ca thời Trần / Trần Nguyên Đán, Đỗ Tử Vi, Trần Phủ... ; B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.8. - 2024. - 631 tr. s615173

2463. Tuyển tập thơ ca thời Trần / Doãn Ân Phủ, Lê Liêm, Trần Lôi, Nguyễn Phi Khanh ; B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.9. - 2024. - 591 tr. s615174

2464. Tuyển tập thơ ca thời Trần / Trần Thuán Du, Nguyễn Mộng Trang, Nguyễn Biểu... ; B.s.: Vũ Bình Lục, Trần Đăng Thao. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.10. - 2024. - 463 tr. s615276

2465. Tuyển tập truyện thơ nôm Việt Nam / B.s., giới thiệu: Vũ Quang Liễn, Trần Trọng Nghĩa, Lê Thị Thúy Quỳnh, Vũ Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1: Truyện thơ Nôm. - 2025. - 535 tr. - Phụ lục: tr. 529-533 s615205

2466. Tuyển tập truyện thơ nôm Việt Nam / B.s., giới thiệu: Vũ Quang Liễn, Trần Trọng Nghĩa, Lê Thị Thúy Quỳnh, Vũ Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.4: Truyện thơ Nôm. - 2025. - 447 tr. s615208

2467. Tuyển tập truyện Việt Nam thế kỷ X - XIX / Tuyển chọn, giới thiệu: Quang Liễn... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2: Văn học trung đại. - 2025. - 367 tr. s615326

2468. Tuyển tập truyện Việt Nam thế kỷ X - XIX / Tuyển chọn, giới thiệu: Quang Liễn... - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.6: Văn học trung đại. - 2025. - 367 tr. s615257

2469. Twain, Mark. Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn : Dành cho lứa tuổi 10+ / Mark Twain ; Minh họa: E. W. Kemble ; Đinh Ngọc Mai dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 579 tr. : hình vẽ ; 19 cm. - 140000đ. - 1500b

Dịch theo bản tiếng Anh: The adventures of Huckleberry Finn s615580

2470. Tỷ quây : Tranh truyện : Dành cho lứa tuổi 6+ / Đào Hải. - Tái bản lần thứ 33. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 40000đ. - 10000b
T.4. - 2025. - 171 tr. : tranh màu s614716
2471. Tỷ quây : Tranh truyện : Dành cho lứa tuổi 6+ / Đào Hải. - Tái bản lần thứ 22. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 40000đ. - 10000b
T.5. - 2025. - 170 tr. : tranh màu s614717
2472. Tỷ quây : Tranh truyện : Dành cho lứa tuổi 6+ / Nguyên tác: Đào Hải ; Lời: Hoài Thu ; Tranh: Nguyễn Quang Toàn. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 40000đ. - 10000b
T.10. - 2025. - 163 tr. : tranh màu s614718
2473. Tỷ quây : Tranh truyện : Dành cho lứa tuổi 6+ / Nguyên tác: Đào Hải ; Lời: Hoài Thu ; Tranh: Nguyễn Quang Toàn. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 40000đ. - 10000b
T.13. - 2025. - 159 tr. : tranh màu s614719
2474. Tỷ quây : Tranh truyện : Dành cho lứa tuổi 6+ / Nguyên tác: Đào Hải ; Lời: Hoài Thu ; Tranh: Nguyễn Quang Toàn. - H. : Kim Đồng. - 21 cm. - 40000đ. - 10000b
T.15. - 2025. - 177 tr. : tranh màu s614720
2475. Tỷ quây - Những truyện siêu buồn cười : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Đào Hải. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Kim Đồng, 2025. - 343 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 120000đ. - 3000b s614662
2476. Ú oà, đây là số mấy : Truyện tranh : Dành cho tuổi 1+ / Thiên Tâm ; Tranh: Bluey. - H. : Kim Đồng, 2025. - 17 tr. : tranh màu ; 12 cm. - (Bé thông minh - Chơi cùng số đếm). - 45000đ. - 3000b s615563
2477. Ước mơ của em : Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một / Ngô Hiền Tuyên, Lại Thị Mai Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 42 tr. : tranh màu ; 42 cm. - 60000đ. - 2100b
Đầu bìa sách ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s613393
2478. Văn học Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XXI : Sách chuyên khảo / Lê Thị Hương Thủy (ch.b.), Nguyễn Đăng Điệp, Đặng Thị Thái Hà... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 535 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 200b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Văn học. - Thư mục: tr. 522-535 s614145
2479. Văn Thành Lê. Bên suối, bịt tai nghe gió : Dành cho lứa tuổi 8+ / Văn Thành Lê ; Minh họa: Miah. - Tái bản lần 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 143 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 45000đ. - 2000b s614693
2480. Văn Thành Lê. Trên đồi mở mắt và mơ : Dành cho lứa tuổi 8+ / Văn Thành Lê. - Tái bản lần 7. - H. : Kim Đồng, 2025. - 154 tr. : tranh màu ; 20 cm. - 78000đ. - 2000b s614697
2481. Verne, Jules. Di chúc của một kẻ lập dị : Tiểu thuyết / Jules Verne ; Thành Đạt dịch. - H. : Lao động, 2025. - 611 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 189000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Pháp: Le testament d'un excentrique s614384
2482. Verne, Jules. Hai vạn dặm dưới biển : Dành cho lứa tuổi 10+ / Jules Verne ; Đỗ Ca Sơn dịch. - Tái bản lần thứ 18. - H. : Kim Đồng, 2025. - 449 tr. ; 19 cm. - (Văn học Pháp. Tác phẩm chọn lọc). - 99000đ. - 2000b s615579
2483. Vi Phong Kỷ Hứa. Mỹ nam hoa hồng : 18+ / Vi Phong Kỷ Hứa ; Thu Hà dịch. - H. : Dân trí. - 24 cm. - 199000đ. - 2000b

- Tên sách tiếng Trung: 玫瑰美人
T.1. - 2025. - 486 tr. s615037
2484. Vì sao tớ yêu bố : Những lời yêu thương của con trẻ dành tặng các bố : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Minh họa: Daniel Howarth ; Tổ Nga dịch. - Tái bản lần thứ 15. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 30000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Anh: Why I love my daddy s614795
2485. Vích con tìm mẹ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 3+ / Lời: Mai Anh Đoàn ; Tranh: Rán Art. - H. : Kim Đồng, 2025. - 33 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Đại dương thủ thi). - 50000đ. - 2000b s614804
2486. Villa, Altea. Điều kỳ diệu của thiên nhiên / Altea Villa ; Minh họa: Francesca Sudano ; Mai VQ dịch. - H. : Thế giới, 2025. - 79 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 159000đ. - 2000b s614853
2487. Võ Văn Nhơn. Văn chương phương Nam - Một vài bổ khuyết / Võ Văn Nhơn, Nguyễn Thị Phương Thúy. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 327 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615318
2488. Vũ Quốc Trân. Bích Câu kỳ ngộ / Vũ Quốc Trân ; Trần Văn Giáp khảo cứu, chú thích. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 247 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615322
2489. Vũ Trọng Phụng - Về tác gia và tác phẩm / Hà Công Tài, Nguyễn Ngọc Thiện, Nguyễn Hoàng Khung... ; Tuyển chọn, giới thiệu: Nguyễn Ngọc Thiện, Hà Công Tài. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.1. - 2024. - 463 tr. s615167
2490. Vũ Trọng Phụng - Về tác gia và tác phẩm / Lê Trảng Kiều, Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Hoài Thanh... ; Tuyển chọn, giới thiệu: Nguyễn Ngọc Thiện, Hà Công Tài. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
T.2. - 2024. - 575 tr. s615168
2491. Vũ Trọng Phụng. Tuyển tập Vũ Trọng Phụng. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Văn học, 2025. - 774 tr. ; 21 cm. - 180000đ. - 2000 s615120
2492. Vùng đất xa xăm : Truyện tranh : 12+ / Kyoko Hikawa ; An Nhiên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 90000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 377 tr. : tranh vẽ s615846
2493. Vương Mẫn. Ký sự pháp y - Khi tử thi kể chuyện / Vương Mẫn ; Ổ dịch. - H. : Dân trí, 2025. - 330 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 法医笔记: 死亡与识骨背后 s615014
2494. Vương Thân. Một người sợ cô đơn hai người sợ phụ lòng / Vương Thân ; Thy Nga dịch. - H. : Lao động, 2025. - 180 tr. ; 21 cm. - 149000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 一人畏孤, 二人畏负 s614423
2495. Vy Nguyễn. Ánh sáng vụt qua tim : Thơ / Vy Nguyễn. - H. : Lao động, 2025. - 107 tr. : hình vẽ ; 20 cm. - 104000đ. - 500b s614374
2496. Vy Nguyễn. Joni đừng khóc : Truyện / Vy Nguyễn. - H. : Lao động, 2025. - 123 tr. : hình vẽ, ảnh ; 20 cm. - 104000đ. - 500b

- Tên thật tác giả: Nguyễn Thái Vy s614469
2497. Wind breaker : Truyện tranh : 16+ / Satoru Nii ; Tatsuhiko dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 5000b
T.20. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615820
2498. Wind breaker : Truyện tranh : 16+ / Satoru Nii ; Tatsuhiko dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 5000b
T.21. - 2025. - 191 tr. : tranh vẽ s615821
2499. Wind breaker : Truyện tranh : 16+ / Satoru Nii ; Tatsuhiko dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18 cm. - 45000đ. - 5000b
T.22. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615822
2500. Xe đạp cũng muốn giã gân cốt : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Murakami Shiiko ; Tranh: Hasegawa Yoshifumi ; Phương Hoa dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 79 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Đồ vật cũng muốn rong chơi). - 45000đ. - 2000b s614736
2501. Xuân Đào Hàn. Kẹo dâu tây và tiểu tiên nữ của anh / Xuân Đào Hàn ; Tạ Thu Ngân dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 196000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 穿成大佬的小仙女
T.1. - 2025. - 518 tr. s614380
2502. Xuân Đào Hàn. Kẹo dâu tây và tiểu tiên nữ của anh / Xuân Đào Hàn ; Tạ Thu Ngân dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 196000đ. - 2000b
Tên sách tiếng Trung: 穿成大佬的小仙女
T.2. - 2025. - 533 tr. s614381
2503. Xuyên Lan. Khanh Khanh của tôi / Xuyên Lan ; Tạ Thu Ngân dịch. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 21 cm. - 568000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 卿卿我我
T.1. - 2025. - 545 tr. s614269
2504. Xuyên Lan. Khanh Khanh của tôi / Xuyên Lan ; Tạ Thu Ngân dịch. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 21 cm. - 568000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 卿卿我我
T.2. - 2025. - 545 tr. s614270
2505. Xuyên Lan. Khanh Khanh của tôi / Xuyên Lan ; Tạ Thu Ngân dịch. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - 21 cm. - 568000đ. - 3000b
Tên sách tiếng Trung: 卿卿我我
T.3. - 2025. - 517 tr. s614271
2506. Xưởng phép thuật = Atelier of witch hat : Truyện tranh / Kamome Shirahama ; Liên Vũ dịch. - H. : Hồng Đức. - 18 cm. - 50000đ. - 1000b
T.2. - 2025. - 187 tr. : tranh vẽ s615729
2507. Yêu đi thôi những thiên thần giả dối : Truyện tranh : 13+ / Coco Uzuki ; Hina dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 58000đ. - 5000b
T.3. - 2025. - 175 tr. : tranh vẽ s615738
2508. Yêu kiều : Truyện tranh : 16+ / Nhị Hỷ ; Minh họa: Kinh Nguyên Studio, Nại Tư ; Cánh én Mùa Xuân dịch. - H. : Lao động. - 21 cm. - 169000đ. - 3000b
T.2. - 2025. - 179 tr. : tranh màu s614402
2509. Yêu ôi là "Eo" : Truyện tranh : 16+ / Mogusu ; Quý Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 3000b

- T.1. - 2025. - 137 tr. : tranh vẽ s615832
2510. Yêu ôi là "Eo" : Truyện tranh : 16+ / Mogusu ; Quý Chi dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19 cm. - 50000đ. - 3000b
- T.2. - 2025. - 137 tr. : tranh vẽ s615833
2511. Yotsuba&! : Truyện tranh / Azuma Kiyohiko ; Tuyết Quỳnh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 65000đ. - 1000b
- T.1. - 2025. - 214 tr. : tranh vẽ s615741
2512. Yotsuba&! : Truyện tranh / Azuma Kiyohiko ; Tuyết Quỳnh dịch. - H. : Nxb. Hà Nội. - 18 cm. - 70000đ. - 5000b
- T.16. - 2025. - 256 tr. : tranh vẽ s615742
2513. Yuichi Kimura. Một đêm giông bão : Dành cho lứa tuổi tiểu học / Yuichi Kimura ; Thanh Trúc dịch ; Minh họa: Thủy Cầm. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.1. - 2025. - 88 tr. : tranh vẽ s615567
2514. Yuichi Kimura. Một đêm giông bão : Dành cho lứa tuổi tiểu học / Yuichi Kimura ; Thanh Trúc dịch ; Minh họa: Thủy Cầm. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.2. - 2025. - 91 tr. : tranh vẽ s615568
2515. Yuichi Kimura. Một đêm giông bão : Dành cho lứa tuổi tiểu học / Yuichi Kimura ; Thanh Trúc dịch ; Minh họa: Thủy Cầm. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng. - 19 cm. - 30000đ. - 2000b
- T.3. - 2025. - 87 tr. : tranh vẽ s615569
2516. Yukari - Cô nàng mộng mơ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Yama Suzu ; Nguyên tác: Soichiro Yamamoto ; Lưu Diệp San dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3700b
- T.4. - 2025. - 182 tr. : tranh vẽ s615625
2517. Yukari - Cô nàng mộng mơ : Truyện tranh : Sách dành cho lứa tuổi 12+ / Yama Suzu ; Nguyên tác: Soichiro Yamamoto ; Lưu Diệp San dịch. - H. : Kim Đồng. - 18 cm. - 35000đ. - 3800b
- T.5. - 2025. - 188 tr. : tranh vẽ s615626
2518. Yunan. Những câu chuyện truyền cảm hứng - Con sẽ không dựa dẫm : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Yunan ; Ngọc Hữu dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 223 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (I will be better). - 58000đ. - 3000b s614749
2519. Yunan. Những câu chuyện truyền cảm hứng - Dũng cảm thử lại lần nữa : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Yunan b.s. ; Thu Giang dịch. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 229 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (I will be better). - 58000đ. - 3000b
- Tên sách tiếng Anh: I can try again s614748
2520. Yunan. Những câu chuyện truyền cảm hứng - Mẹ không phải người giúp việc : Dành cho lứa tuổi thiếu nhi / Yunan b.s. ; Hòa Vân dịch. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Kim Đồng, 2025. - 207 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (I will be better). - 54000đ. - 3000b
- Tên sách tiếng Anh: Mom is not my servant s614721

LỊCH SỬ

2521. Bác Hồ - Sáng mãi niềm tin : Truyện tranh / Khánh Nguyên : Minh họa: ADC. - H. : Thế giới, 2025. - 43 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 98000đ. - 10000b s614850

2522. Barack Obama : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Ahn Hyungmo ; Tranh: ChungBe Studios ; Ngọc Anh dịch. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Kim Đồng, 2025. - 200 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 68000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Who? Barack Obama s614704

2523. Be Chan. Việt Nam trong tôi - Tô màu Tổ quốc / Be Chan. - H. : Lao động, 2025. - 54 tr. : tranh vẽ ; 19x24 cm. - 79000đ. - 2000b s614211

2524. Biến động chính trị, kinh tế, xã hội, đối ngoại của Thái Lan từ năm 2014 đến nay và tác động tới ASEAN / Nguyễn Hồng Quang (ch.b.), Đàm Thị Đào, Trương Quang Hoàn... - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 295 tr. : bìa ; 24 cm. - 186000đ. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. - Thư mục: tr. 287-295 s614141

2525. Bồi dưỡng học sinh giỏi Lịch sử 11 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Trương Ngọc Thôi. - H. : Dân trí, 2025. - 101 tr. : bìa ; 29 cm. - 89000đ. - 10000b s615112

2526. Cách mạng tháng Tám 1945 : Tuyển chọn từ Tạp chí Lịch sử quân sự / Trần Trọng Trung, Nguyễn Thành, Dương Đình Lập... ; B.s.: Phan Sỹ Phúc (ch.b.)... - Tái bản lần thứ 1, có sửa chữa. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 860 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b

ĐTTS ghi: Viện Chiến lược và Lịch sử Quốc phòng Việt Nam s614075

2527. Che Guevara : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Lời: Park Yeonah ; Tranh: ChungBe Studios ; Nguyễn Thị Hồng Hà dịch. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Kim Đồng, 2025. - 157 tr. : ảnh, tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện kể về danh nhân thế giới). - 60000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Who? Che Guevara s614707

2528. Chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng / Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Khánh, Đỗ Đình Nghiệp... - Tái bản có bổ sung, sửa chữa. - H. : Quân đội Nhân dân, 2025. - 408 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b

ĐTTS ghi: Báo Quân đội Nhân dân s614058

2529. Dấu ấn lịch sử của khởi nghĩa Trương Định trong phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỷ XIX : Kỷ yếu hội thảo khoa học / Trương Thị Phương, Nguyễn Thanh Tiến, Nguyễn Văn Khánh... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 391 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang; Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. - Phụ lục: tr. 370-387 s614632

2530. Dương Đình Lập. Những chiến khu với Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 / Dương Đình Lập. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 348 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b

Phụ lục: tr. 317-336. - Thư mục: tr. 337-345 s614069

2531. Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Từ thầy giáo đến vị tướng huyền thoại : Truyện tranh / Khánh Nguyên ; Minh họa: ADC. - H. : Thế giới, 2025. - 43 tr. : tranh màu ; 23 cm. - 98000đ. - 10000b s614851

2532. Địa chí Hà Tiên / Lê Giang, Trần Nam Tiến, Trương Thị Kim Chuyên... ; Ch.b.: Lê Giang... - H. : Giáo dục Việt Nam, 2025. - 847 tr. : minh họa ; 30 cm. - 525b

ĐTTS ghi: Thành uỷ - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên. - Phụ lục: tr. 612-798. - Thư mục: tr. 799-847 s613391

2533. Địa chí Hoàng Hoá / S.t., b.s.: Ninh Viết Giao (ch.b.), Hoàng Tiến Tựu, Viên Ngọc Lưu... - Tái bản có chỉnh lý, bổ sung. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 960 tr., 31 tr. ảnh : bảng ; 29 cm. - 1300b

ĐTTS ghi: Huyện uỷ - HĐND - UBND huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá. - Phụ lục: tr. 817-951. - Thư mục: tr. 952-959 s613403

2534. Đồng Khắc Thọ. Bảo vệ Bác Hồ trên "Thủ đô gió ngàn" : Bút ký - Tư liệu / Đồng Khắc Thọ. - H. : Quân đội Nhân dân, 2025. - 208 tr., 12 tr. ảnh ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b s614061

2535. Failler, Philippe Le. Văn Miếu - Quốc Tử Giám đầu thế kỷ XX: Những thăng trầm và công cuộc bảo tồn di sản 1898 - 1954 / Philippe Le Failler. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 96 tr. : minh họa ; 24x31 cm. - 300b

Thư mục: tr. 94-95 s614993

2536. Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới / Đào Tuấn Thành (ch.b.), Dương Duy Bằng, Đinh Ngọc Bảo... - In lần thứ 5. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 299 tr. : minh họa ; 24 cm. - 95000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 294-296 s614200

2537. Hà Văn Thù. A brief chronology of Vietnamese history = Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam / Hà Văn Thù, Trần Hồng Đức. - 7th impression. - H. : Thế giới, 2025. - 194 p. : ill. ; 21 cm. - 180000đ. - 500 copies

Ind.: p. 187-194 s613963

2538. Hà Văn Thù. Chronologie de l'histoire du Vietnam = Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam : De la tradition orale à nos jours / Hà Văn Thù, Trần Hồng Đức. - H. : Thế giới, 2025. - 195 p. : ill. ; 21 cm. - 180000đ. - 500 copies

Ind.: p. 187-192 s613962

2539. Harari, Yuval Noah. Sapiens: Lược sử loài người / Yuval Noah Harari ; Nguyễn Thủy Chung dịch ; Võ Minh Tuấn h.đ. - Tái bản cập nhật. - H. : Tri thức, 2025. - 574 tr. : minh họa ; 24 cm. - 299000đ. - 3000b

Tên sách tiếng Anh: Sapiens: A brief history of humankind s614970

2540. Họ Lý và họ Mạc Việt Nam ở bán đảo Triều Tiên / Phan Huy Lê, Sở Cường, Nguyễn Quang Ân... - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 147 tr. ; 19 cm. - 61000đ. - 1000b s615668

2541. Hoài Thanh. Phan Bội Châu: Cuộc đời và thơ văn : Nghiên cứu / Hoài Thanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 303 tr. ; 21 cm. - 2000b s615292

2542. Hoàng Quốc Việt. Con đường theo Bác : Hồi ký / Hoàng Quốc Việt. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 600 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b s614074

2543. Hồ Chí Minh - Một con người và một dân tộc : Truyện tranh / Lời: Paolo Bracaglia Morante, Camillo Pisani ; Tranh: Pino Dangelico ; Bùi Thị Thái Dương dịch ; H.đ.: Bảo tàng Hồ Chí Minh... - H. : Kim Đồng, 2025. - 204 tr. : ảnh, tranh màu ; 33 cm. - 350000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Italia: Ho Ci Min - Un uomo e un popolo s613647

2544. Hồ Chí Minh. Lịch sử nước ta / Hồ Chí Minh ; Minh họa: Lê Minh Hải. - H. : Kim Đồng, 2025. - 72 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 89000đ. - 2000b s614777

2545. Hồ Chí Minh tiểu sử bằng hình = Ho Chi Minh - A pictorial biography : Gần 700 tranh ảnh và bản đồ / B.s.: Nguyễn Thị Thuý Chi, Lê Minh Hiếu, Trần Thuý Hân... - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 322 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 680000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 320 s613640

2546. Hồ Sơn Đài. Chiến tranh nhân dân chống đế quốc Mỹ xâm lược ở Nam Bộ / Hồ Sơn Đài. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 679 tr. : bảng ; 24 cm. - 374000đ. - 1000b s614633

2547. Kể chuyện Bác Hồ = A story about Uncle Hồ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / B.s.: Hoàng Nguyên Cát, Trần Hà, Lê Phương Liên ; Tranh: Hà Quang Phương ; Xuân Hồng dịch. - H. : Kim Đồng, 2025. - 54 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 70000đ. - 2000b

Thư mục đầu chính văn s614780

2548. Kể chuyện Bác Hồ : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / B.s.: Hoàng Nguyên Cát, Trần Hà, Lê Phương Liên ; Tranh: Hà Quang Phương. - H. : Kim Đồng, 2025. - 54 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 70000đ. - 2000b

Thư mục đầu chính văn s614778

2549. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội năm 1945 - Giá trị lịch sử và hiện thực / Nguyễn Quyết, Nguyễn Hữu Đức, Thép Mới... - Tái bản có chỉnh sửa nội dung. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 220 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b s614060

2550. Kiều Mai Sơn. Bác Hồ viết Tuyên ngôn độc lập : Ấn bản kỉ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam : Dành cho lứa tuổi 10+ / Kiều Mai Sơn. - H. : Kim Đồng, 2025. - 145 tr. : ảnh ; 21 cm. - 75000đ. - 5000b

Phụ lục: tr. 139-143. - Thư mục: tr. 144-145 s614679

2551. Kiều Mai Sơn. Chân dung 15 vị Bộ trưởng Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (8.1945) / Kiều Mai Sơn. - H. : Kim Đồng, 2025. - 201 tr. : ảnh ; 19 cm. - 50000đ. - 1500b

Kỉ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Thư mục: tr. 200-201 s615571

2552. Làng Tổng Sở xưa và nay / S.t., b.s.: Vũ Minh, Lê Văn Tiến, Phùng Xuân Hùng... - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2025. - 212 tr., 12 tr. ảnh : bảng ; 21 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Chỉ uỷ Chi bộ - Ban Công tác mặt trận làng Tổng Sở - Xã Trung Chính - Huyện Nông Công. - Phụ lục: tr. 189-208. - Thư mục: tr. 208 s614272

2553. Lévi-Strauss, Claude. Nhiệt đới buồn / Claude Lévi-Strauss ; Ngô Bình Lâm dịch ; Nguyễn Ngọc h.đ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Tri thức, 2025. - 514 tr., 63 tr. ảnh : hình vẽ, bảng ; 24 cm. - (Tủ sách Tinh hoa tri thức thế giới). - 295000đ. - 300b

Tên sách tiếng Pháp: Tristes tropiques. - Thư mục cuối chính văn s614974

2554. Lê Đại Hành : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / An Cường, Tạ Huy Long. - Tái bản lần thứ 16. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s614646

2555. Lê Hiến Tông : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Hiếu Minh, Lê Minh Hải. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b

Thư mục cuối chính văn s614647

2556. Lê Minh. Nguyễn Thị Minh Khai - Khúc hát Vườn Trầu : Dành cho lứa tuổi 13+ / Lê Minh. - H. : Kim Đồng, 2025. - 126 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Các nhà cách mạng tiền bối). - 40000đ. - 1500b s614701

2557. Lê Minh. Người thợ máy Tôn Đức Thắng / Lê Minh. - H. : Kim Đồng, 2025. - 358 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Các nhà cách mạng tiền bối). - 85000đ. - 1500b s614698

2558. Lê Quốc Sử. Ngô Gia Tự / Lê Quốc Sử. - H. : Kim Đồng, 2025. - 114 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Các nhà cách mạng tiền bối). - 35000đ. - 1500b s614700

2559. Lê Thị Minh Thảo. Đối chiếu tên người Trung Quốc và người Việt Nam : Sách chuyên khảo / Lê Thị Minh Thảo (ch.b.), Nguyễn Quang Hưng, Hoàng Trung Nghĩa. - H. : Khoa học xã hội, 2025. - 203 tr. : bảng ; 24 cm. - 180000đ. - 200b
Thư mục: tr. 189-203 s614934

2560. Lịch sử chinh phục Đông Dương 1624 - 1885 / Philippe Héduy, Jean Letourneau, Georges Gautier... ; Mai Yên Thi dịch. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2024. - 254 tr. : minh hoạ ; 29 cm. - 275000đ. - 1000b
Thư mục: tr. 249-251 s613447

2561. Lương Hạnh. Giai thoại các danh tướng trong lịch sử phong kiến Việt Nam / Lương Hạnh. - H. : Lao động, 2025. - 239 tr. ; 21 cm. - 99000đ. - 2000b
Thư mục: tr. 234-235 s614371

2562. Lý Thánh Tông : Truyện tranh : Dành cho lứa tuổi 6+ / Hiếu Minh, Lê Minh Hải. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2025. - 31 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Tranh truyện lịch sử Việt Nam). - 20000đ. - 2000b
Thư mục cuối chính văn s614645

2563. Lý Thường Kiệt Bắc phạt / Nguyễn Tế Mỹ s.t. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2025. - 127 tr. ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 125 s615297

2564. Marshall, Elizabeth Henrietta. Nước Đức qua các thời đại : Từ cuộc đột phá thành Rome tới chiến tranh Pháp - Phổ / Henrietta Elizabeth Marshall ; Phạm Quốc Huy dịch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2025. - 478 tr. : hình vẽ ; 24 cm. - (Tủ sách Ký ức). - 480000đ. - 700b s614352

2565. Một tấm lòng với dân trí / Đặng Đình Áng, Hiền Nhân, Đình Xuân Lâm... ; Bùi Tiến Đạt tuyển chọn, giới thiệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 255 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615314

2566. Mỹ thuật đa phương tiện trong thiết kế trưng bày di sản Việt Nam : Sách chuyên khảo / Bùi Mai Trinh, Lê Thanh Hương, Vũ Ngọc Hà... ; Hồ Nam ch.b. - H. : Thế giới, 2025. - 311 tr. : biểu đồ ; 24 cm. - 168000đ. - 200b
Thư mục: tr. 230-237. - Phụ lục: tr. 238-311 s614306

2567. Napoleon : Tranh truyện : Dành cho lứa tuổi thiếu niên / Tranh, lời: Neung In publishing company ; Nguyễn Kim Dung dịch. - Tái bản lần thứ 20. - H. : Kim Đồng, 2025. - 159 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Danh nhân thế giới. Chuyện kể về 10 nhân vật EQ). - 30000đ. - 10000b s614713

2568. Ngô Văn Doanh. The ancient culture of Champa / Ngô Văn Doanh ; Đỗ Đức Thịnh transl. ; Perri Black ed. - H. : Thế giới, 2025. - 315 p. : ill. ; 21 cm. - 172000đ. - 300 copies s613961

2569. Ngô Văn Doanh. Mỹ Sơn relics / Ngô Văn Doanh. - H. : Thế giới, 2025. - 271 p., 4p. color phot. : phot. ; 20 cm. - 155000đ. - 500 copies

Bibliogr.: p. 271 s613956

2570. Nguyễn Đức Tổ Lưu. Lạc Hùng chính thống - Thánh tích ký truyền / Nguyễn Đức Tổ Lưu, Nguyễn Đức Tổ Huân. - H. : Lao động, 2025. - 288 tr. : ảnh màu, sơ đồ ; 24 cm. - 180000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Hùng Việt sử quán s614476

2571. Nguyễn Huy Thắng. Nhà Trần: Hào khí Đông A : Dành cho học sinh tiểu học / B.s.: Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín ; Minh họa: Cloud Pillow Studio. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 138 tr. : tranh màu ; 21 cm. - (Chuyện hay sử Việt; T.5). - 60000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 137-138 s614665

2572. Nguyễn Huy Thắng. Những vị vua trẻ trong sử Việt / Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Quốc Tín, Nguyễn Như Mai ; Minh họa: Bùi Ngọc Thủy. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 283 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - 70000đ. - 1500b s614680

2573. Nguyễn Huy Thắng. Thời Bắc thuộc: Cuộc kháng cự ngàn năm : Dành cho học sinh tiểu học / B.s.: Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín ; Minh họa: Cloud Pillow Studio. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 133 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Chuyện hay sử Việt; T.2). - 60000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 133 s614682

2574. Nguyễn Lan Phương. Kể chuyện sử thần Việt Nam / Nguyễn Lan Phương b.s. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Văn học, 2025. - 167 tr. ; 21 cm. - 48000đ. - 2000b

Thư mục: tr. 167 s615126

2575. Nguyễn Mạnh Tấn. Chí sĩ Nguyễn Khắc Cần : Trong phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX / Nguyễn Mạnh Tấn. - H. : Thế giới, 2025. - 472 tr. ; 24 cm. - 300000đ. - 500b

Thư mục: tr. 467-472 s614294

2576. Nguyễn Như Mai. Nhà Lê sơ: Những trang sử bi hùng : Dành cho học sinh tiểu học / B.s.: Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín, Nguyễn Huy Thắng ; Minh họa: Cloud Pillow Studio. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 130 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Chuyện hay sử Việt; T.6). - 60000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 130 s614685

2577. Nguyễn Như Mai. Nhà Mạc và thời Lê - Trịnh: Đất nước phân li : Dành cho học sinh tiểu học / B.s.: Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín, Nguyễn Huy Thắng ; Minh họa: Cloud Pillow Studio. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 142 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Chuyện hay sử Việt; T.7). - 60000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 141-142 s614686

2578. Nguyễn Quốc Tín. Nhà Lí: Xây nền văn hiến quốc gia : Dành cho học sinh tiểu học / B.s.: Nguyễn Quốc Tín, Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai ; Minh họa: Cloud Pillow Studio. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 134 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Chuyện hay sử Việt; T.4). - 60000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 134 s614684

2579. Nguyễn Quốc Tín. Thời cận đại: Đông Tây đối đầu : Dành cho học sinh tiểu học / B.s.: Nguyễn Quốc Tín, Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai ; Minh họa: Cloud Pillow Studio. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 138 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Chuyện hay sử Việt; T.10). - 60000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 137-138 s614687

2580. Nguyễn Quốc Tín. Thời kì đầu độc lập: Khai mở nền tự chủ : Dành cho học sinh tiểu học / B.s.: Nguyễn Quốc Tín, Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai ; Minh họa: Cloud Pillow Studio. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng, 2025. - 130 tr. : tranh vẽ ; 21 cm. - (Chuyện hay sử Việt; T.3). - 60000đ. - 1500b

Thư mục: tr. 129-130 s614683

2581. Nguyễn Thị Lan Anh. Giáo trình Đất nước và Văn hóa Nhật Bản : Dành cho sinh viên Việt Nam / Nguyễn Thị Lan Anh. - H. : Thế giới, 2025. - 182 tr. : minh họa ; 24 cm. - 120000đ. - 500b s614301

2582. Nguyễn Văn Kim. Lịch sử và văn hóa - Tiếp cận đa chiều và liên ngành / Nguyễn Văn Kim, Phạm Hồng Tung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1: Chuyên khảo. - 2025. - 663 tr. s615155

2583. Nguyễn Văn Kim. Lịch sử và văn hoá - Tiếp cận đa chiều và liên ngành / Nguyễn Văn Kim, Phạm Hồng Tung. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.2: Chuyên khảo. - 2025. - 623 tr. : hình vẽ, bảng. - Thư mục: tr. 567-619 s615196

2584. Nguyễn Văn Thạc. Mãi mãi tuổi hai mươi : Nhật ký thời chiến Việt Nam / Nguyễn Văn Thạc ; Đặng Vương Hưng s.t., giới thiệu. - H. : Kim Đồng, 2025. - 329 tr. : ảnh ; 21 cm. - 135000đ. - 3000b s614659

2585. Nguyễn Văn Thạc. Mãi mãi tuổi hai mươi : Nhật ký thời chiến Việt Nam / Nguyễn Văn Thạc ; Đặng Vương Hưng s.t., giới thiệu. - H. : Kim Đồng, 2025. - 333 tr. : ảnh ; 21 cm. - (Tủ sách Thanh niên). - 80000đ. - 5000b s614691

2586. Nguyễn Văn Tố. Đại Nam dật sử / S.t., b.s.: Nguyễn Văn Tố, Như Đăng, Như Đông. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 495 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam s615210

2587. Nguyễn Văn Vinh. Ký ức vùng đất Hiệp / Nguyễn Văn Vinh. - H. : Công an nhân dân, 2025. - 223 tr. : ảnh ; 21 cm. - 1010b s614036

2588. Những dấu chân lịch sử / Nguyễn Thị Thanh Bình, Lê Nguyệt Hà, Lữ Gia Hiền... - H. : Thế giới, 2025. - 100 tr. : ảnh ; 21 cm. - 92000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 98-99 s614840

2589. Những mẫu chuyện thú vị trong lịch sử thế giới / Trương Ngọc Thơi s.t., b.s. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 144 tr. ; 24 cm. - 70000đ. - 1000b

Thư mục: tr. 140-141 s614175

2590. Niên giám Hoạt động khoa học và thực tiễn 2023. - H. : Văn hoá dân tộc, 2025. - 270 tr. : minh họa ; 30 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Viện Bảo tồn di tích. - Tài liệu lưu hành nội bộ s613629

2591. P.H.A.O (Pro Hacks for Academic Overload) - Lịch sử : Ôn luyện thi tốt nghiệp THPT ĐGNL / Đậu Đức Anh, Trần Đức Thắng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Dân trí, 2025. - 103 tr. : tranh vẽ ; 13 cm. - 65000đ. - 3000b s615707

2592. Phạm Hồng Tung. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam: Khi toàn dân tộc quyết "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta" / Phạm Hồng Tung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 502 tr. : ảnh ; 24 cm. - 279000đ. - 500b

Thư mục: tr. 484-498 s614627

2593. Phạm Hồng Tung. Nội các Trần Trọng Kim - Bản chất, vai trò và vị trí lịch sử / Phạm Hồng Tung. - Xuất bản lần thứ 4, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 295 tr. : bìa ; 24 cm. - 186000đ. - 3000b
Thư mục: tr. 281-292 s614626
2594. Phan Bội Châu. Cao đẳng quốc dân / Phan Bội Châu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 96 tr. : ảnh ; 19 cm. - 75000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 89-96 s615733
2595. President Ho Chi Minh's residence and place of work in the Presidential palace area - Hanoi / Transl.: Nguyen Dai Trang. - H. : National Politic, 2025. - 104 p. : ill. ; 20 cm. - 104000đ. - 1500 copies
At head of title: Ho Chi Minh's vestige in the Presidential palace area s613814
2596. Proceedings of international conference: Contribution of persian civilization to humanity / Phung Thi Thao, Nguyen Tran Tien, Quan Minh Phuong... - H. : Hanoi National University, 2025. - 246 p. : phot. ; 24 cm. - 260000đ. - 300 copies
At head of title: University of Social Sciences and Humanities, VNU - Hanoi; Embassy of the Islamic Republic of Iran in Vietnam. - Bibliogr. at the end of the paper s613838
2597. Residencia y lugar de trabajo del Presidente Ho Chi Minh en el Palacio Presidencial - Hanoi / Trad.: Nguyen Thi Thanh Huyen. - H. : Nacional Política, 2025. - 112 p. : ill. ; 20 cm. - 104000đ. - 1500 copies
Encabezando el título: Área de reliquias del Presidente Ho Chi Minh en el Palacio Presidencial s613815
2598. Short, Philip. Pol Pot: Mồ xé một cơn ác mộng : Sách tham khảo / Philip Short ; Minh Thư dịch ; Nguyễn Văn Tuấn h.đ. - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 579 tr. ; 24 cm. - 372000đ. - 1500b
Tên sách tiếng Anh: Pol Pot: The history of a nightmare s614628
2599. Sơn Tùng. Nguyễn Hữu Tiến - Người vẽ cờ Tổ quốc : Dành cho lứa tuổi 13+ / Sơn Tùng. - H. : Kim Đồng, 2025. - 287 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Các nhà cách mạng tiền bối). - 70000đ. - 1500b s614702
2600. Sơn Tùng. Trần Phú / Sơn Tùng. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Kim Đồng, 2025. - 229 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Các nhà cách mạng tiền bối). - 60000đ. - 1500b s614703
2601. Spengler, Oswald. Sự suy tàn của phương Tây = Decline of the West / Oswald Spengler ; Hải Yên dịch. - H. : Thế giới. - 24 cm. - 374000đ. - 500b
T.1: Hình thái và hiện thực = Form and actuality. - 2025. - 546 tr. : bìa s614847
2602. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Hậu Giang lớp 9 / Nguyễn Hoài Thuý Hằng, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hiền (ch.b.)... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 76 tr. : minh họa ; 27 cm. - 14130b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Sở Giáo dục và Đào tạo s613406
2603. Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Hậu Giang lớp 12 / Nguyễn Hoài Thuý Hằng, Trần Thị Kim Nhung (tổng ch.b.), Nguyễn Văn Hiền... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2025. - 92 tr. : minh họa ; 27 cm. - 8530b
ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Sở Giáo dục và Đào tạo s613407
2604. Takenote - Sổ tay Học nhanh Lịch sử 6 : Nhớ lâu, dễ thuộc, học vui / Nguyễn Ngọc Ánh. - H. : Tri thức, 2025. - 50 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 55000đ. - 2800b s614944
2605. Takenote - Sổ tay Học nhanh Lịch sử 9 : Nhớ lâu, dễ thuộc, học vui / Nguyễn Ngọc Ánh. - H. : Tri thức, 2025. - 96 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 75000đ. - 2800b s614945

2606. Trần Huy Liệu. Nguyễn Trãi : Nghiên cứu / Trần Huy Liệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 287 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Phụ lục: tr. 232-284 s615277

2607. Trần Huy Liệu. Nguyễn Trãi - Một nhân vật vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam / Trần Huy Liệu. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2024. - 167 tr. ; 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Thư mục: tr. 163-164 s615278

2608. Trần Văn Trà. Hoà bình hay chiến tranh / Trần Văn Trà. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 288 tr. : ảnh ; 23 cm. - 1000b s614059

2609. Trịnh Nhu. Cách mạng Tháng Tám 1945 - Thắng lợi vĩ đại đầu tiên của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX : Sách chuyên khảo / Trịnh Nhu, Trần Trọng Thơ. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2025. - 442 tr. ; 21 cm. - 220000đ. - 700b s614020

2610. Trường Chinh. Cách mạng tháng Tám / Trường Chinh. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 204 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b s614065

2611. Tuyển tập tư liệu bia Hậu Việt Nam / B.s.: Phạm Văn Ánh (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Vũ Việt Bằng... - H. : Thế giới. - 24 cm. - 290000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Dự án Vietnamica

T.1: Bia Hậu thế kỷ XVII = Anthologie d'inscriptions épigonales du Vietnam: XVIIe siècle = Anthology of Epigonal Inscriptions in Vietnam: The 17th Century. - 2025. - 759 tr. : ảnh s614860

2612. Tuyển tập tư liệu bia Hậu Việt Nam / B.s.: Lê Thị Thu Hương (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Phạm Văn Ánh... - H. : Thế giới. - 24 cm. - 260000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Dự án Vietnamica

T.2: Bia Hậu thế kỷ XVIII = Anthologie d'inscriptions épigonales du Vietnam: XVIIIe siècle = Anthology of Epigonal Inscriptions in Vietnam: The 18th Century. - 2025. - 647 tr. : ảnh s614861

2613. Tuyển tập tư liệu bia Hậu Việt Nam / B.s.: Đỗ Thị Bích Tuyền (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Phạm Văn Ánh... - H. : Thế giới. - 24 cm. - 260000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Dự án Vietnamica

T.3: Bia Hậu thế kỷ XIX = Anthologie d'inscriptions épigonales du Vietnam: XIXe siècle = Anthology of Epigonal Inscriptions in Vietnam: The 19th Century. - 2025. - 615 tr. : ảnh s614862

2614. Tuyển tập tư liệu bia Hậu Việt Nam / B.s.: Nguyễn Kim Măng (ch.b.), Vũ Thị Lan Anh, Phạm Văn Ánh... - H. : Thế giới. - 24 cm. - 260000đ. - 150b

ĐTTS ghi: Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Dự án Vietnamica

T.4: Bia Hậu đầu thế kỷ XX = Anthologie d'inscriptions épigonales du Vietnam : Début du XXe siècle = Anthology of Epigonal Inscriptions in Vietnam: Early 20th Century. - 2025. - 607 tr. : ảnh s614863

2615. Văn Tùng. Lý Tự Trọng - Sống mãi tên anh / Văn Tùng. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Kim Đồng, 2025. - 118 tr. ; 21 cm. - (Những anh hùng trẻ tuổi). - 32000đ. - 2000b s614658

2616. Viết Linh. Cây đào Tô Hiệu : Dành cho lứa tuổi 11+ / Viết Linh. - H. : Kim Đồng, 2025. - 226 tr. ; 21 cm. - (Tủ sách Các nhà cách mạng tiền bối). - 60000đ. - 1500b s614699

2617. Vũ Kỳ. Bác Hồ viết di chúc và di chúc của Bác Hồ : Hồi kí : Dành cho lứa tuổi 11+ / Vũ Kỳ ; Thẻ K ghi. - H. : Kim Đồng, 2025. - 201 tr. : ảnh ; 19 cm. - 55000đ. - 3000b s615572

2618. Vũ Như Khôi. Hồ Chí Minh - Người dẫn dắt dân tộc Việt Nam từ đêm trường nô lệ đến mùa thu độc lập 1945 / B.s.: Vũ Như Khôi (ch.b.), Nguyễn Văn Sáu, Vũ Thành Trung. - H. : Quân đội nhân dân, 2025. - 280 tr. ; 23 cm. - (Bộ sách "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02 - 9"). - 1000b

Thư mục: tr. 274-276 s614066

2619. Wilber, Tom. Dissenting POWs : From Vietnam's Hoa Lo prison to America today / Tom Wilber, Jerry Lembcke. - H. : Thế giới, 2025. - 267 p. : ill. ; 21 cm. - 200000đ. - 300 copies

Bibliogr.: p. 238-245. - Ind.: p. 252-267 s613821

2620. 胡志明主席在河内主席府的居住与工作场所. - H. : 真理国家政治出版社, 2025. - 96 页 : 照片 ; 20 cm. - 104000đ. - 1550 copies s613803

ĐỊA LÝ VÀ DU HÀNH

2621. Ấn Độ : Dành cho lứa tuổi 6+ / Viết: Hoài Nam ; Vẽ: Nguyễn Hào. - Tái bản lần 8. - H. : Kim Đồng, 2025. - 15 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Vòng quanh thế giới). - 12000đ. - 2000b s615599

2622. Báu vật = Treasure / B.s.: Hoàng Sơn Trà, Vũ Thế Hệ, Lê Hồ Minh Phương... ; Đinh Trọng Minh h.đ. - H. : Chính trị quốc gia Sự thật, 2025. - 268 tr. : ảnh màu ; 18 cm. - 145b

ĐTTS ghi: Quận uỷ - Uỷ ban nhân dân - Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận Sơn Trà s613701

2623. Crépon, Sophie. Những cuộc thám hiểm vĩ đại qua truyện tranh / Sophie Crépin, Béatrice Veillon ; Dịch: Trần Hoài Anh, Hồ Thuỷ An. - H. : Thế giới, 2025. - 94 tr. : bản đồ, tranh vẽ ; 29 cm. - 169000đ. - 2500b

Tên sách tiếng Pháp: Les grands explorateurs en BD s613679

2624. Dubai : Dành cho lứa tuổi 6+ / Viết: Tuấn Huỳnh ; Vẽ: Nguyễn Hào. - Tái bản lần 3. - H. : Kim Đồng, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 19 cm. - (Vòng quanh thế giới). - 12000đ. - 2000b s615600

2625. Đặng Hoàng Loan. Sử liệu cổ nhạc Việt Nam : Nghiên cứu / Đặng Hoàng Loan b.s. - H. : Nxb. Hội Nhà văn. - 21 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

T.1, Q.1. - 2025. - 223 tr. s615152

2626. Ferdinand Magellan là ai? : Truyện tranh / Sydelle Kramer, Elizabeth Wolf ; Nguyễn Thị Huyền Trang dịch. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Dân trí, 2025. - 107 tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Bộ sách Chân dung những người thay đổi thế giới). - 59000đ. - 1000b

Tên sách tiếng Anh: Who was Ferdinand Magellan? s615715

2627. Giáo trình Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 : Phần Đại cương / Đặng Duy Lợi (ch.b.), Nguyễn Thị Kim Chương, Đặng Văn Hương, Nguyễn Thục Nhu. - In lần thứ 11. - H. : Đại học Sư phạm, 2025. - 263 tr. : minh hoạ ; 24 cm. - 90000đ. - 500b

Thư mục: tr. 262-263 s614202

2628. Picthall, Chez. Atlas thế giới với hình minh hoạ / Chez Picthall, Christiane Gunzi ; Thanh Tú dịch. - H. : Mỹ thuật, 2025. - 72 tr. : minh hoạ ; 30 cm. - 180000đ. - 2000b

Tên sách tiếng Anh: Illustrated Atlas of the world s613584

2629. Tài liệu học xoá mù chữ Lịch sử và Địa lí - Kì 5 / Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Nguyễn Thị Thu Thủy, Bùi Việt Hùng, Nguyễn Trọng Đức. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Dân trí, 2025. - 82 tr. : minh họa ; 27 cm. - 45000đ. - 1500b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo s615124

2630. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí / Nguyễn Kim Hồng, Đào Ngọc Hùng (ch.b.), Nguyễn Minh Đức... - Tái bản lần 2. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 6000b s613769

2631. Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, chỉnh sửa năm 2025 / Lê Hồng Sơn (ch.b.), Phạm Văn Đức, Trần Minh Hiếu, Nguyễn Đức Hiền. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 36 tr. : minh họa ; 30 cm. - 38000đ. - 3000b s613770

2632. Trung Le. The Hanoi digest / Trung Le. - Tái bản. - H. : Thế giới, 2025. - 147 p. : ill. ; 20 cm. - 120000đ. - 1000 copies s613959

2633. Tůma, Tomáš. Atlas thế giới : Khám phá các châu lục và đại dương qua bảy tấm bản đồ mở rộng : Dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở lên / Tomáš Tůma ; Linh Chi dịch. - In lần thứ 4. - H. : Tri thức, 2025. - 13 tr. : tranh màu ; 26 cm. - (Tủ sách Tương tác). - 199000đ. - 1000b
Tên sách tiếng Anh: World atlas s614990

2634. Vũ Thị Hà. Giáo trình Tiếng Trung Quốc hướng dẫn du lịch / Vũ Thị Hà. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2025. - 216 页 ; 26 cm. - 100000đ. - 500 本

在标题顶部: Trường Đại học Đại Nam. - 书目: 页 215 s613807

2635. 中国国情与文化 = Đất nước và văn hoá Trung Quốc / Đỗ Tiến Quân, Khổng Thị Cúc, Hồ Minh Châu, Hứa Ngọc Bích. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025. - 282 页 : 照片 ; 24 cm. - 128000đ. - 800 本

书目: 页 282 s613806